

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT

NGUYỄN VĂN NAM

**THI HÀNH ÁN PHẠT TÙ Ở VIỆT NAM  
TRƯỚC YÊU CẦU CẢI CÁCH T<sub>Ư</sub> PHÁP**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2016

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**  
**KHOA LUẬT**

**NGUYỄN VĂN NAM**

**THI HÀNH ÁN PHẠT TÙ Ở VIỆT NAM**  
**TRƯỚC YÊU CẦU CẢI CÁCH TỐ PHÁP**

*Chuyên ngành* : Luật hình sự và tố tụng hình sự

*Mã số* : 62 38 01 04

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC**

*Người hướng dẫn khoa học*: PGS.TS Trịnh Quốc Toàn

**PGS.TS Đỗ Thị Phượng**

**HÀ NỘI - 2016**

## LỜI CAM ĐOAN

*Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu nêu trong luận án là trung thực. Những kết luận khoa học của luận án chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.*

**TÁC GIẢ LUẬN ÁN**

**Nguyễn Văn Nam**

# MỤC LỤC

|                                                                    | Trang |
|--------------------------------------------------------------------|-------|
| <b>MỞ ĐẦU</b>                                                      | 1     |
| <b>Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN</b>      | 8     |
| <b>    ĐỀ TÀI LUẬN ÁN</b>                                          |       |
| 1.1. Tình hình nghiên cứu trong nước                               | 8     |
| 1.2. Tình hình nghiên cứu ngoài nước                               | 15    |
| 1.3. Những vấn đề đặt ra cần được tiếp tục nghiên cứu              | 22    |
| <b>Chương 2: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THI HÀNH ÁN PHẠT TÙ</b>       | 25    |
| 2.1. Những khái niệm có liên quan về thi hành án phạt tù           | 25    |
| 2.2. Đặc điểm, nội dung và nguyên tắc thi hành án phạt tù          | 34    |
| 2.3. Quy định về thi hành án phạt tù của một số nước trên thế giới | 48    |
| 2.4. Những yêu cầu của cải cách tư pháp trong thi hành án phạt tù  | 57    |
| <b>Chương 3: QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ THỰC TRẠNG THI HÀNH</b>     | 62    |
| <b>    ÁN PHẠT TÙ</b>                                              |       |
| 3.1. Quy định của pháp luật Việt Nam về thi hành án phạt tù        | 62    |
| 3.2. Thực trạng thi hành án phạt tù                                | 81    |
| <b>Chương 4: CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THI HÀNH ÁN PHẠT</b>  | 109   |
| <b>    TÙ TRƯỚC YÊU CẦU CẢI CÁCH TƯ PHÁP Ở VIỆT NAM</b>            |       |
| 4.1. Những định hướng cải cách tư pháp về thi hành án phạt tù      | 109   |
| 4.2. Các giải pháp về pháp luật trước yêu cầu cải cách tư pháp     | 114   |
| 4.3. Các giải pháp khác                                            | 134   |
| <b>KẾT LUẬN</b>                                                    | 149   |
| <b>DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN</b>          | 151   |
| <b>    ĐẾN LUẬN ÁN</b>                                             |       |
| <b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>                                 | 152   |
| <b>PHỤ LỤC</b>                                                     | 162   |

## **DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

|         |                                  |
|---------|----------------------------------|
| BLHS    | : Bộ luật hình sự                |
| BLTTHS  | : Bộ luật tố tụng hình sự        |
| HTTP    | : Hỗ trợ tư pháp                 |
| TAND    | : Tòa án nhân dân                |
| TANDTC  | : Tòa án nhân dân tối cao        |
| THAHS   | : Thi hành án hình sự            |
| THAPT   | : Thi hành án phạt tù            |
| VKSND   | : Viện kiểm sát nhân dân         |
| VKSNDTC | : Viện kiểm sát nhân dân tối cao |
| UBND    | : Ủy ban nhân dân                |
| XHCN    | : Xã hội chủ nghĩa               |

## **DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ**

| <b>Số hiệu<br/>biểu đồ</b> | <b>Tên biểu đồ</b>                  | <b>Trang</b> |
|----------------------------|-------------------------------------|--------------|
| 3.1                        | Hoãn chấp hành hình phạt tù         | 91           |
| 3.2                        | Tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù | 91           |
| 3.3                        | Số lượng phạm nhân                  | 93           |

## **DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ**

| <b>Số hiệu<br/>sơ đồ</b> | <b>Tên Sơ đồ</b>                           | <b>Trang</b> |
|--------------------------|--------------------------------------------|--------------|
| 4.1                      | Thủ tục xét tha tù có điều kiện            | 132          |
| 4.2                      | Thủ tục hủy quyết định tha tù có điều kiện | 133          |

# MỞ ĐẦU

## 1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Pháp luật Việt Nam có nhiều văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh thi hành án hình sự (THAHS) trong đó có thi hành án phạt tù (THAPT), gồm: Bộ luật hình sự (BLHS) năm 1999 (sửa đổi 2009), Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2003 và Luật THAHS năm 2010... Hệ thống pháp luật này đã tạo cơ sở pháp lý để buộc người bị kết án phải chấp hành hình phạt tù, để cơ quan THAPT thực hiện nhiệm vụ, chức năng của mình trong THAPT, để cơ quan quản lý nhà nước quản lý THAPT. Hệ thống pháp luật về THAPT đã góp phần hoàn thiện thủ tục đưa người bị kết án phạt tù vào trại giam để chấp hành hình phạt, thủ tục tiếp nhận phạm nhân được quy định khá cụ thể và chặt chẽ có tác dụng trong việc thực hiện công tác THAPT đúng đối tượng và thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật [35, tr. 100]. Hệ thống pháp luật THAPT đã điều chỉnh cụ thể hơn một số lĩnh vực như hoãn THAPT, giảm thời hạn chấp hành án phạt tù và tạm đình chỉ THAPT. Bên cạnh đó, hình thành hệ thống bộ máy, tổ chức chuyên trách làm nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác THAPT ở Bộ Công an và Bộ Quốc phòng từ Trung ương đến địa phương. Hệ thống tổ chức hình thành đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện từ việc theo dõi, quản lý người bị kết án tù còn ngoài xã hội và tổ chức quản lý người bị kết án tù đang chấp hành án tại các nhà tạm giữ, tạm giam và các trại giam, tạo bước chuyển biến mới trong công tác THAPT ở nước ta, khắc phục những sơ hở, buông lỏng kéo dài nhiều năm trước đây. Công tác giáo dục, cải tạo phạm nhân có nhiều tiến bộ, hàng năm có hàng vạn người chấp hành xong hình phạt tù trở về xã hội, số đông đã tiến bộ và làm ăn lương thiện, trở thành người có ích cho xã hội. Cơ sở vật chất phục vụ công tác THAPT đã tăng cường đáng kể, bảo đảm yêu cầu THAPT ngày càng tốt hơn, tạo môi trường thuận lợi để phạm nhân cải tạo trở thành người có ích cho xã hội. Đội ngũ cán bộ, chiến sĩ làm công tác THAPT đã được nâng cao một bước về trình độ chính trị, pháp luật, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu quản lý THAPT do lực lượng Công an và Quân đội đảm nhận [16].

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt được, thì công tác THAPT vẫn còn những hạn chế, vướng mắc như:

- Tình trạng quản lý công tác THAPT lỏng lẻo, nhiều đối tượng đã bị kết án bằng bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật nhưng ra quyết định thi hành án còn chậm, bỏ sót.

- Vẫn còn một số không ít người bị kết án bằng hình phạt tù, bản án đã có hiệu lực pháp luật đã có quyết định thi hành án nhưng họ vẫn chưa đi chấp hành hình phạt tù tại trại giam hoặc bỏ trốn khỏi nơi cư trú, lợi dụng các quy định về hoãn THAPT. Việc giải quyết giảm thời hạn, miễn chấp hành hình phạt có sai phạm; số liệu thống kê, báo cáo công tác THAPT thiếu chính xác, không đầy đủ.

- Hệ thống cơ quan THAHS và pháp luật về THAHS về cơ bản chưa có những đổi mới xứng tầm phát triển của xã hội, hiệu quả THAPT vẫn còn hạn chế, bất cập... Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực THAPT còn có những hạn chế trong chỉ đạo, điều hành, kiểm tra. Chính nó đã làm giảm hiệu quả và hiệu lực quản lý [29, tr. 5]. Khi thiếu sự quy định trách nhiệm cụ thể, thiếu sự kiểm tra, đôn đốc thường xuyên của các cơ quan có chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực này thì tình trạng quản lý lỏng lẻo đã khiến nhiều đối tượng bị Tòa án kết án bằng bản án và quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật nhưng không thi hành [16], [29, tr. 6].

- Công tác tái hòa nhập cộng đồng còn kém hiệu quả, tỷ lệ người tái phạm sau khi mãn hạn tù còn cao. Việc xóa án tích của Tòa án còn thụ động chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác tái hòa nhập cộng đồng.

Nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc trên có thể kể đến: Pháp luật thi hành hình phạt tù chưa đảm bảo tính hệ thống, chưa thật phù hợp. Nhiều vướng mắc phát sinh trong hoạt động quản lý và tổ chức thi hành hình phạt tù chưa được điều chỉnh kịp thời hoặc đã được điều chỉnh nhưng không còn phù hợp; Công tác THAPT cần phải được thực hiện nghiêm của các cơ quan có thẩm quyền và sự phối hợp giữa Cơ quan chuyên trách với nhiều cơ quan khác cùng tham gia, thực hiện như Tòa án nhân dân (TAND), Viện kiểm sát nhân dân (VKSND), Cơ quan THAPT, Ủy ban nhân dân (UBND) các cấp, cơ quan, tổ chức nơi người bị kết án cư trú, cơ quan



y tế... Tuy nhiên, việc thực hiện và sự phối hợp giữa các cơ quan này còn lỏng lẻo dẫn đến thi hành hình phạt tù không đạt được kết quả, tác dụng phòng ngừa vi phạm và tội phạm bị hạn chế; trong THAPT thì lĩnh vực hợp tác quốc tế chưa được quan tâm, chú trọng, gần như bỏ ngỏ và mới chỉ dừng lại trong dẫn độ tội phạm [58, tr. 526].

Tư tưởng nổi bật của Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 48-NQ/TW) và Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 49-NQ/TW), là phải tiến hành cải cách và đổi mới mạnh mẽ công tác thi hành án ở Việt Nam trong đó có THAPT, xây dựng hệ thống pháp luật hoàn thiện về THAPT. Điều này được thể hiện thông qua bốn nội dung cơ bản, bao gồm: *một là*, xây dựng Bộ luật thi hành án điều chỉnh tất cả các lĩnh vực về thi hành án; *hai là*, xác định Bộ Tư pháp là cơ quan giúp Chính phủ quản lý nhà nước thống nhất công tác thi hành án; *ba là*, chuẩn bị các điều kiện về cán bộ, cơ sở vật chất để thực hiện việc chuyển giao tổ chức và công tác thi hành án từ Bộ Công an sang Bộ Tư pháp; *bốn là*, từng bước xã hội hóa các hoạt động thi hành án.

Từ những yêu cầu bức thiết cần phải nghiên cứu, tìm hiểu sâu hơn những vấn đề lý luận về THAPT, tiến hành tổng kết một cách đầy đủ hơn nhằm chỉ ra những kinh nghiệm thành công cũng như hạn chế, vướng mắc của thực tiễn công tác THAPT. Đây sẽ là nền tảng để tiếp tục đổi mới công tác THAPT trong giai đoạn hiện nay trước yêu cầu cải cách tư pháp.

Với những lý do trên, tác giả đã chọn đề tài "***Thi hành án phạt tù ở Việt Nam trước yêu cầu cải cách tư pháp***" làm đề tài luận án tiến sĩ Luật học.

## **2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của luận án**

### ***2.1. Mục đích nghiên cứu***

Luận án nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về THAPT, đánh giá chính xác, khách quan công tác THAPT thể hiện trong việc thi hành pháp luật và thực tiễn THAPT ở nước ta hiện nay. Trên cơ sở đó, đề xuất những giải pháp hợp lý về xây dựng, hoàn thiện pháp luật liên quan đến THAPT và các giải pháp

khác nhằm nâng cao hiệu quả THAPT trước yêu cầu cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay.

## **2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Để thực hiện mục đích trên, luận án đặt ra các nhiệm vụ nghiên cứu sau đây:

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận, làm rõ nội dung và ý nghĩa của THAPT, chỉ ra được đặc trưng của THAPT so với thi hành các hình phạt khác. Trên cơ sở đó xây dựng khái niệm THAPT về mặt lập pháp, về mặt lý luận và về mặt thực tiễn.

- Nghiên cứu làm rõ tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến thi hành án phạt tù để khái quát thành những nội dung tiếp tục cần nghiên cứu và làm sáng tỏ trong luận án.

- Làm rõ nội dung, điều kiện, trình tự thủ tục THAPT trong luật tố tụng hình sự và Luật THAHS Việt Nam, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của hệ thống quy phạm pháp luật về THAPT.

- Làm rõ thực trạng tổ chức và hoạt động THAPT; những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động THAPT, đồng thời xác định các nguyên nhân của tình trạng ấy, làm cơ sở đề xuất những giải pháp khắc phục phù hợp.

- Đưa ra các giải pháp xây dựng, hoàn thiện pháp luật về THAPT và các giải pháp nâng cao hiệu quả THAPT trước yêu cầu cải cách tư pháp.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án**

### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Thi hành án phạt tù là đối tượng điều chỉnh của nhiều ngành luật khác nhau như luật hình sự, luật tố tụng hình sự và luật THAHS. Tuy nhiên, luận án chỉ tập trung nghiên cứu THAPT dưới góc độ luật hình sự và tố tụng hình sự, đồng thời có nghiên cứu Luật THAHS dưới góc độ hỗ trợ cho các quy định của luật hình sự và luật tố tụng hình sự, bao gồm những vấn đề phát sinh trong quá trình thi hành án phạt tù (căn cứ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền, điều kiện... thi hành án phạt tù). Luận án còn nghiên cứu các yêu cầu cải cách tư pháp của Việt Nam đối với THAPT.

### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

Trong phạm vi nghiên cứu của luận án, tác giả tập trung nghiên cứu vào những vấn đề sau đây:

- Pháp luật THAPT (bao gồm cả thi hành án tù có thời hạn và tù chung thân) những năm gần đây (khoảng 10 năm từ 2005-2014), dưới góc độ luật hình sự, luật tố tụng hình sự và luật thi hành án hình sự, cụ thể như: Trình tự, thủ tục đưa người phải THAPT vào thi hành và quá trình THAPT tại trại giam, cơ quan, tổ chức liên quan đến công tác THAPT.

- Nghiên cứu công tác THAPT trong phạm vi cả nước.

Luận án không đi vào nghiên cứu các đối tượng khác, như THAPT nhưng cho hưởng án treo. Đồng thời, luận án chỉ tập trung nghiên cứu THAPT trong lực lượng Công an nhân dân.

#### **4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của luận án**

Phương pháp luận của luận án dựa trên *quan điểm duy vật biện chứng* và *chủ nghĩa duy vật lịch sử* của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đây là phương pháp quan trọng nhất của luận án. Nó giúp nghiên cứu lịch sử phát triển pháp luật THAPT và công tác THAPT. Từ đó chỉ ra hướng kế thừa những thành tựu cơ bản của các giai đoạn trước và phát triển hướng đi phù hợp cho giai đoạn hiện nay. Đồng thời, trong khi giải quyết các vấn đề chính, luận án cũng đặt chúng trong cái nhìn biện chứng, trong mối liên hệ, tương tác với các vấn đề khác như công tác điều tra, truy tố, xét xử...

Luận án còn sử dụng một số phương pháp khác để làm sáng tỏ về mặt khoa học từng vấn đề tương ứng, đó là các phương pháp nghiên cứu như:

*Phương pháp xã hội học*: điều tra, phỏng vấn các cán bộ khoa học, các cán bộ thực tiễn, các học viên cao học, các sinh viên đang công tác, học tập và nghiên cứu theo chuyên ngành tư pháp hình sự về THAPT.

*Phương pháp thống kê*: thống kê các số liệu thực tế từ các cơ quan quản lý THAPT ở Việt Nam hiện nay.

*Phương pháp phân tích*: trên cơ sở các quy phạm pháp luật thực định hiện hành trong lĩnh vực tố tụng hình sự và THAHS, phân tích và làm rõ nội dung của THAPT.

*Phương pháp so sánh luật học*: so sánh để chỉ ra những tương đồng và khác biệt về các quy phạm pháp luật tương ứng có liên quan đến THAPT giữa Việt Nam và một số nước trên thế giới.

*Phương pháp tổng hợp:* trên cơ sở phương pháp xã hội học, thống kê, phân tích, so sánh, luận án đi đến những vấn đề khái quát nhất xung quanh các vấn đề về khái niệm, phạm trù, các quy định về THAPT.

## **5. Những đóng góp mới của luận án**

Luận án là công trình khoa học đầu tiên nghiên cứu toàn diện về THAPT ở nước ta trước yêu cầu cải cách tư pháp hiện nay, được thể hiện ở những nội dung cụ thể sau:

- Luận án phân tích một cách có hệ thống những vấn đề lý luận về THAPT, đưa ra khái niệm, đặc điểm, nội dung và ý nghĩa của THAPT thông qua ba bình diện lập pháp, thực tiễn và lý luận.

- Luận án làm rõ cơ sở của THAPT, nguyên tắc của THAPT được quy định trong Hiến pháp, BLHS năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009, BLTTHS năm 2003, Luật THAHS...

- Luận án nghiên cứu một cách có hệ thống về lịch sử THAHS nói chung và THAPT nói riêng từ năm 1945 đến nay, luận án chỉ rõ những sự khác biệt trong hoạt động này ở các thời kỳ, giai đoạn phát triển khác nhau, cho phép chúng ta rút ra được những bài học kinh nghiệm và trên cơ sở đó, có những định hướng, những giải pháp cụ thể thích hợp cho hoạt động THAPT hiện tại cũng như tương lai.

- Luận án phân tích, đánh giá nội dung các quy định của pháp luật về THAPT thông qua các quy định của BLTTHS, Luật THAHS, cụ thể là các quy định về cơ quan, cá nhân có thẩm quyền THAPT, trình tự thủ tục THAPT, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong THAPT; đánh giá hiệu quả công tác THAPT, thực trạng pháp luật, thực trạng về cơ quan có thẩm quyền trong THAPT, về trại giam, trại tạm giam, về đội ngũ cán bộ làm công tác THAPT...

- Luận án nghiên cứu các quy định của một số nước về THAPT, trong đó có so sánh về sự tương đồng với Việt Nam, đánh giá mặt tích cực của một số nước mà chúng ta có thể áp dụng trong THAPT ở Việt Nam.

- Luận án đưa ra những yêu cầu, cơ sở cho việc nâng cao hiệu quả THAPT; phương hướng nâng cao hiệu quả THAPT, đưa ra các giải pháp hoàn thiện về mặt pháp luật và tổ chức bộ máy làm công tác THAPT...

- Luận án đưa giải pháp mang tính đột phá trong tình hình hiện nay là chế định *"tha tù trước thời hạn có điều kiện"* để giảm tình trạng quá tải trong các trại giam và trại tạm giam hiện nay, trong đó có học tập kinh nghiệm của nước ngoài về chế định này cho phù hợp với điều kiện của nước ta hiện nay.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án**

- Đóng góp vào khoa học pháp lý hình sự và khoa học pháp lý tổ tụng hình sự về lĩnh vực THAPT.

- Làm cơ sở cho các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp trong quá trình thi hành, quản lý phạt tù, cũng như định hướng cho việc cải cách tư pháp trong THAPT.

- Góp phần triển khai nghị quyết của Đảng về cải cách tư pháp trong lĩnh vực THAPT.

- Những nội dung và kết quả nghiên cứu của luận án cũng có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy và học tập tại các cơ sở đào tạo Luật, trong các trường Công an nhân dân.

- Những luận điểm và các kiến nghị của luận án có ý nghĩa thiết thực cho việc tiến hành sửa đổi, bổ sung BLTTHS năm 2003 và Luật THAHS cũng như pháp luật về tổ chức, hoạt động của cơ quan có thẩm quyền trong THAPT, đề ra các giải pháp nhằm kiện toàn tổ chức và hoạt động của các cơ quan đó.

## **7. Kết cấu của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung của luận án gồm 4 chương:

*Chương 1:* Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án.

*Chương 2:* Những vấn đề lý luận về thi hành án phạt tù.

*Chương 3:* Quy định của pháp luật và thực trạng thi hành án phạt tù.

*Chương 4:* Các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành án phạt tù trước yêu cầu cải cách tư pháp ở Việt Nam.

## **Chương 1**

# **TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

### **1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU TRONG NƯỚC**

Trong lĩnh vực THAHS đã có một số công trình nghiên cứu về THAPT, có thể kể đến:

Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC) - Công trình nghiên cứu khoa học cấp cơ sở *"Trình tự đưa bản án hình sự ra thi hành - Những vướng mắc và giải pháp hoàn thiện trình tự đưa bản án hình sự ra thi hành"*, của Nguyễn Đức Phổ - Nguyên Phó trưởng Ban thanh tra TANDTC [55].

Kỷ yếu hội thảo khoa học *"Công tác thi hành án phạt tù - Những vấn đề lý luận và thực tiễn"*, của Học viện Cảnh sát nhân dân, là công trình khoa học chuyên sâu về lĩnh vực THAPT [35].

Viện Khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp (2010), *"Dự án điều tra cơ bản thực trạng tổ chức và hoạt động thi hành án dân sự, thi hành án hình sự"*, Chủ nhiệm dự án TS. Dương Thị Thanh Mai [45].

Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, Đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ (2014) *"Bảo vệ quyền con người của phạm nhân tại Việt Nam"*, Chủ trì đề tài TS. Nguyễn Khắc Hải [30].

Học viện Cảnh sát nhân dân - Đề tài khoa học cấp cơ sở (2013) *"Vấn đề giáo dục cải tạo phạm nhân là người nước ngoài trong điều kiện hội nhập quốc tế"*, của Chu Thị Tú [86].

Sách chuyên khảo *"Thi hành án phạt tù từ thực tiễn đến khoa học giáo dục"*, của PGS.TS Nguyễn Hữu Duyệt [18].

Sách chuyên khảo *"Những vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác giáo dục phạm nhân trong giai đoạn hiện nay"*, của PGS.TS Nguyễn Hữu Duyệt [19].

Sách chuyên khảo *"Một số vấn đề về thi hành án hình sự"*, của TS Trần Quang Tiệp, Nhà xuất bản Công an nhân dân, năm 2002 [75].

Sách chuyên khảo *"Pháp luật thi hành án hình sự Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn"*, của GS.TS Võ Khánh Vinh, PGS.TS Nguyễn Mạnh Kháng chủ biên, Nhà xuất bản Tư pháp, năm 2006 [95].

Sách chuyên khảo *"Hoàn thiện quản lý nhà nước trong lĩnh vực thi hành án hình sự ở Việt Nam"*, của TS Vũ Trọng Hách, Nhà xuất bản Tư pháp, năm 2006 [29].

Sách chuyên khảo *"Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh trong công tác quản lý, giáo dục và cải tạo phạm nhân"*, của Trung tướng, TS. Phạm Đức Chấn nguyên Cục trưởng Cục V26 [11].

Sách chuyên khảo *"Lực lượng cảnh sát trại giam 60 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành"*, của Cục quản lý trại giam, cơ sở giáo dục và trường giáo dưỡng - Bộ Công an {nay là Tổng cục Cảnh sát THAHS và hỗ trợ tư pháp (HTTP)} [4].

*"Chuyên đề 9: Giai đoạn thi hành bản án hình sự"*, Đỗ Ngọc Quang (2007), *Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam* (Giáo trình dùng cho hệ cao học luật Chuyên ngành Tội phạm học và điều tra tội phạm), In tại Học viện Cảnh sát nhân dân [58].

Khoa luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, *"Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam"*, của PGS.TS Nguyễn Ngọc Chí chủ biên, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2013 [13].

Luận án tiến sĩ của Nguyễn Đức Phúc về *"Thực hiện pháp luật về quyền con người của phạm nhân trong thi hành án phạt tù ở Việt Nam"*, bảo vệ năm 2012 tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh [57].

*"Thực trạng công tác thi hành án hình sự và những kiến nghị"*, của TS Nguyễn Phong Hòa, đăng trên Tạp chí TAND, số 21/2006 [34, tr. 22-32].

*"Một số ý kiến về thi hành án phạt tù đối với người chưa thành niên"*, của TS Đỗ Thị Phụng, đăng trên Tạp chí TAND, số 8/2015.

*"Thực trạng pháp luật thi hành án phạt tù và phương hướng hoàn thiện"*, của TS Phạm Văn Lợi, đăng trên Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 02/2006 [44].

*"Dạy nghề cho phạm nhân và bảo đảm việc làm cho người mãn hạn tù"*, của Thượng tá ThS. Nguyễn Văn Cừ, đăng trên Tạp chí Nhân quyền, số 01+02/2011.

Và một số bài viết đăng trên Tạp chí Khoa học quản lý và giáo dục tội phạm thuộc Tổng cục Cảnh sát THAHS và HTTP.

Các công trình này đã làm rõ được thực trạng trình tự đưa bản án hình sự ra thi hành từ khi ban hành BLTTHS năm 1988 đến nay, trên cơ sở phân tích nhiệm vụ quyền hạn của cơ quan quản lý, cơ quan THAPT; nêu những việc đã thực hiện tốt, những việc chưa làm tốt, đánh giá đầy đủ những nguyên nhân gây ra những tồn tại, vướng mắc; công trình đề ra trình tự đưa bản án hình sự ra thi hành hoàn thiện nhất để áp dụng trong quá trình THAHS. Bảo đảm tính chính xác cao, chặt chẽ, dễ thực hiện và tiết kiệm cả kinh phí và nhân lực trong quá trình thi hành án; Đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác THAHS cơ sở những căn cứ pháp lý và thực tiễn. Kiến nghị đối với một số quy định về THAHS chưa hợp lý, chưa cụ thể để sửa đổi và bổ sung.

Cụ thể, các công trình trên đã đưa ra được các vấn đề sau:

*Về khái niệm THAPT:* Trong *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam* của Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội do PGS.TS Nguyễn Ngọc Chí chủ biên, cho rằng: "Thi hành bản án và quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án là việc các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và các cá nhân có liên quan đưa bản án và quyết định đó ra thi hành làm cho nó phát huy hiệu lực trên thực tế" [13, tr. 453]; trong *Pháp luật thi hành án hình sự Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn* do PGS.TS Võ Khánh Vinh và PGS.TS Nguyễn Mạnh Kháng chủ biên, cho rằng: "Thi hành án hình sự đó là việc thực hiện công lý, công bằng xã hội trong thực tế" [95, tr. 21], "Thi hành hình phạt tù là buộc người bị kết án phạt tù phải chấp hành hình phạt tại trại giam trong thời hạn được quyết định trong bản án" [95, tr. 230]; trong *Một số vấn đề về thi hành án hình sự* của TS Trần Quang Tiệp cho rằng: "Thi hành hình phạt tù có thời hạn, tù chung thân là buộc người bị kết án tù có thời hạn, tù chung thân chấp hành hình phạt tại trại giam nhằm giáo dục họ trở thành người lương thiện. Trong thời gian chấp hành hình phạt, người bị kết án tù phải bị giam giữ, lao động và học tập theo quy định của pháp luật" [75, tr. 81]; *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam* của Khoa đào tạo sau đại học - Học viện Cảnh sát nhân dân do



GS.TS Đỗ Ngọc Quang chủ biên, cho rằng: "Hình phạt tù giam có thời hạn hoặc chung thân được áp dụng đối với người bị kết án phạt tù nhằm tước bỏ quyền tự do cư trú, đi lại của người bị kết án trong một khoảng thời gian nhất định hoặc vô thời hạn, buộc họ phải sống và làm việc trong trại giam do Nhà nước quy định" [58, tr. 493].

Như vậy, các công trình trên đã đưa ra được khái niệm về THAPT thể hiện bản chất của THAPT và mối quan hệ của nó với nhiệm vụ bảo đảm an ninh trật tự. THAPT là một quá trình hoạt động có mục đích, thể hiện rõ nét ý chí Nhà nước, tính khoa học cao, tính nhân văn sâu sắc, do cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia THAPT thực hiện, bằng hành vi của mình làm cho những quy định pháp luật về THAPT đi vào cuộc sống, trở thành hành vi thực tế, hợp pháp của các chủ thể pháp luật. Tuy nhiên, việc đưa ra các khái niệm trên của các nhà khoa học mới chỉ dựa vào bản chất của THAPT và mục đích của THAPT chưa gắn với chiến lược cải cách tư pháp hiện nay của nước ta.

*Về điều kiện THAPT:* Theo PGS.TS Nguyễn Ngọc Chí cho rằng căn cứ đầu tiên để bản án, quyết định của Tòa án được mang ra thi hành là bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Căn cứ này là sự thể hiện của nguyên tắc không ai có thể bị coi là có tội và phải chịu hình phạt, khi chưa có bản án kết tội có hiệu lực pháp luật của Tòa án [13, tr. 456]. Căn cứ thứ hai của việc thi hành án là phải có quyết định thi hành của Tòa án có thẩm quyền. Việc đưa bản án và quyết định có hiệu lực pháp luật ra thi hành thuộc trách nhiệm của Tòa án [13, tr. 457].

Theo GS.TS Đỗ Ngọc Quang, bản án đưa vào thi hành phải có những điều kiện và theo trình tự, thủ tục về thi hành án do pháp luật tổ tụng hình sự quy định. Những điều kiện và theo đúng trình tự, thủ tục về thi hành án do pháp luật tổ tụng hình sự quy định bao gồm: Bản án hình sự có hiệu lực pháp luật đưa vào thi hành; Chánh án Tòa án đã xét xử sơ thẩm phải ra quyết định thi hành án hoặc ủy thác cho Tòa án khác cùng cấp ra quyết định thi hành án [58, tr. 480].

Theo GS.TS Võ Khánh Vinh và PGS.TS Nguyễn Mạnh Kháng, điều kiện thi hành hình phạt tù có thể được hiểu theo nghĩa rộng là điều kiện pháp lý cần và đủ để thực hiện hình phạt tù trong thực tế. Các điều kiện này được quy định trong

Hiến pháp, BLHS năm 1999, BLTTHS năm 2003, Luật THAHS năm 2010... Việc thi hành hình phạt tù hay nói cách khác, quan hệ pháp luật về thi hành hình phạt tù được phát sinh trên cơ sở các quyết định pháp lý nhất định. Rõ ràng, hiểu theo nghĩa hẹp, điều kiện thi hành hình phạt tù là các quyết định pháp lý cụ thể, nếu thiếu các quyết định này, chưa phát sinh thi hành hình phạt tù. Như vậy, việc thi hành hình phạt tù có thời hạn, tù chung thân phải bảo đảm đầy đủ các điều kiện sau đây: Điều kiện thứ nhất, bản án phạt tù của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; Điều kiện thứ hai, quyết định thi hành hình phạt tù, bản án đã có hiệu lực pháp luật và đang còn thời hiệu thi hành được đưa ra thi hành khi có quyết định thi hành án của Chánh án Tòa án đã xét xử sơ thẩm hoặc của Chánh án Tòa án khác cùng cấp được ủy thác ra quyết định thi hành án [95, tr. 235-241].

Các công trình nghiên cứu trên đã phân tích rõ điều kiện THAPT bao gồm: *Một là*, bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực thi hành; *hai là*, có quyết định thi hành án của Chánh án Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án hoặc ủy thác cho Tòa án khác cùng cấp ra quyết định thi hành án. Như vậy, các công trình này đều nghiên cứu về điều kiện THAPT dưới góc độ hiểu theo nghĩa hẹp, chưa có cái nhìn toàn diện hơn về điều kiện THAPT theo nghĩa rộng là điều kiện pháp lý cần và đủ để thực hiện hình phạt tù trong thực tế.

*Về trình tự thủ tục THAPT:* Các công trình trên đều phân tích về trình tự thủ tục THAPT dưới góc độ luật thực định, thể hiện rõ THAPT diễn ra theo một quá trình gồm nhiều hoạt động kế tiếp nhau, được bắt đầu bằng việc ra quyết định thi hành án, đưa người bị kết án đến trại giam để chấp hành hình phạt, tổ chức thực hiện các biện pháp cải tạo, giáo dục người chấp hành án, trả tự do cho người bị kết án tù. Trong quá trình đó, đối với một số trường hợp cụ thể, thi hành hình phạt tù còn bao gồm cả những hoạt động khác như giải quyết việc hoãn chấp hành hình phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù, miễn chấp hành hình phạt tù. Các hoạt động thi hành hình phạt tù trên đều được thực hiện bằng những thủ tục được quy định trong pháp luật tố tụng hình sự, pháp luật THAHS. Những thủ tục đó, một mặt bảo đảm cho thi hành hình phạt tù diễn ra được nhanh chóng, đúng

theo các nguyên tắc của THAHS, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kết án, mặt khác bảo đảm cho những người chấp hành hình phạt tù những điều kiện cần thiết để nhanh chóng cải tạo, giáo dục, trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội [95, tr. 243].

Các công trình trên, chưa nghiên cứu trình tự, thủ tục THAPT một cách cụ thể đối với từng giai đoạn như: Trình tự, thủ tục đưa bản án phạt tù của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật ra thi hành; trình tự, thủ tục đưa người bị kết án phạt tù đến trại giam, trại tạm giam và tổ chức thực hiện các biện pháp cải tạo, giáo dục; trình tự, thủ tục trả tự do cho người chấp hành xong hình phạt tù. Ngoài ra, còn chưa nghiên cứu đầy đủ các vấn đề về trình tự, thủ tục hoãn chấp hành hình phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù, giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù, miễn chấp hành hình phạt tù.

*Về quản lý nhà nước về THAPT:* Đa số các công trình mới chỉ nghiên cứu chung về cơ quan THAHS như trong sách chuyên khảo *Hoàn thiện quản lý nhà nước trong lĩnh vực thi hành án hình sự ở Việt Nam* của TS Vũ Trọng Hách, Nhà xuất bản Tư pháp, năm 2006 [29]. Tác giả đã làm rõ được những luận điểm khoa học về quản lý nhà nước nói chung, quản lý nhà nước trong lĩnh vực THAHS nói riêng, tìm hiểu quá trình hình thành và phát triển, những thành tựu, kết quả và cả những tồn tại, khiếm khuyết của công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực THAHS ở nước ta trong gần 60 năm qua, cũng như những giải pháp cơ bản nhằm hoàn thiện quản lý nhà nước trong lĩnh vực THAHS trong những năm tới [29, tr. 8]. Công trình là kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn về công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực THAHS trong gần 60 năm hình thành và phát triển ở Việt Nam, có tham khảo kinh nghiệm của các nước trên thế giới về vấn đề này. Sách chuyên khảo *Một số vấn đề về thi hành án hình sự*, của TS Trần Quang Tiệp, Nhà xuất bản Công an nhân dân, năm 2002 [75]; *"Pháp luật thi hành án hình sự Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn"*, của GS.TS Võ Khánh Vinh, PGS.TS Nguyễn Mạnh Kháng chủ biên, Nhà xuất bản Tư pháp, năm 2006 [95], cả hai công trình này đã đưa ra hệ thống các cơ quan THAHS nói chung, mô hình Bộ luật THAHS... Tác giả không chỉ thể hiện những điểm mới về lý luận mà còn phản ánh một cách đánh giá thực

tiền sâu sắc và khách quan, do vậy, rất đáng được lưu ý trong quá trình tìm kiếm những giải pháp tích cực cho nhiệm vụ đổi mới công tác THAHS ở nước ta hiện nay.

Cũng có những công trình nghiên cứu quản lý nhà nước về THAPT cụ thể gồm ba cơ quan: cơ quản lý THAPT, cơ quan THAPT và cơ quan được giao một số nhiệm vụ THAPT như Kỷ yếu hội thảo khoa học *Công tác thi hành án phạt tù - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, của Học viện Cảnh sát nhân dân là công trình khoa học chuyên sâu về lĩnh vực THAPT [35], trong đó đã làm rõ được vấn đề quản lý nhà nước về THAPT, tổ chức THAPT và phương hướng hoàn thiện, quán triệt tư tưởng cải cách tư pháp trong công tác THAPT; vị trí của cơ quan THAPT trong bộ máy Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCN) Việt Nam; công tác THAHS trên thế giới thực tiễn và kinh nghiệm cho Việt Nam. Đây là một công trình của Hội thảo khoa học, có nhiều ý kiến từ những khía cạnh khác nhau về THAPT.

Thi hành án hình sự là chức năng đặc biệt của một số cơ quan nhà nước được giao nhiệm vụ thi hành hình phạt hoặc các biện pháp tư pháp. Cơ quan THAPT là cơ quan chuyên trách do Nhà nước thành lập để chuyên THAHS, hoặc là các cơ quan khác của nhà nước được giao nhiệm vụ THAHS trong những trường hợp cụ thể. Tuy nhiên, những công trình này chưa nghiên cứu về quản lý nhà nước trong THAPT gắn với các hoạt động cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay.

*Về hợp tác quốc tế trong THAPT:* Do ảnh hưởng của quá trình toàn cầu hóa, hội nhập giữa các quốc gia trong khu vực và trên thế giới, tình hình tội phạm nói chung không chỉ xảy ra ở phạm vi một quốc gia mà mang tính quốc tế. Các tổ chức tội phạm xuyên quốc gia đang có xu hướng tăng lên, nhất là các tội phạm cướp biển, tội phạm về ma túy, tội phạm về kinh tế, tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em... Điều này đòi hỏi cộng đồng quốc tế nói chung, các quốc gia trong một khu vực và Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam nói riêng phải phối hợp trong đấu tranh phòng chống các tội phạm này. Tuy nhiên, sự hợp tác quốc tế trong hoạt động tố tụng hình sự vẫn còn hạn chế và đặc biệt trong việc THAPT. Trong các công trình nghiên cứu về THAHS còn bỏ ngỏ lĩnh vực nghiên cứu này, mới chỉ chú ý đến việc dẫn độ tội phạm [58, tr. 534].

Ngoài các nội dung chủ yếu về THAPT nêu trên, các công trình nghiên cứu còn đề cập đến một số lĩnh vực cụ thể trong THAPT như giáo dục phạm nhân, quyền con người trong THAPT, các vấn đề giáo dục phạm nhân là người nước ngoài, có thể kể đến sách chuyên khảo *Thi hành án phạt tù từ thực tiễn đến khoa học giáo dục*, của PGS.TS Nguyễn Hữu Duyệt [18]. Công trình thể hiện tri thức và kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực đào tạo và THAHS của tác giả - một người đã có nhiều năm làm công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và từng là Giám thị trại giam. Vì vậy, nội dung cuốn sách có cái nhìn tổng quan, sâu sắc hơn về thực tiễn, lý luận THAHS, cũng như yêu cầu tổ chức đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác THAHS; sách chuyên khảo *Những vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác giáo dục phạm nhân trong giai đoạn hiện nay*, của PGS.TS Nguyễn Hữu Duyệt [19]. Đây là kết quả nghiên cứu của tác giả về tư duy lý luận, kỹ năng thực hành về nội dung, phương pháp hình thức giáo dục, cải tạo phạm nhân; sách chuyên khảo *Quản trị tư tưởng Hồ Chí Minh trong công tác quản lý, giáo dục và cải tạo phạm nhân*, của Trung tướng, TS. Phạm Đức Chấn nguyên Cục trưởng Cục V26 [12]. Đây là công trình nghiên cứu của tác giả về tư tưởng Hồ Chí Minh với ngành Công an, công trình nghiên cứu đã thể hiện được tư tưởng của Người đối với công tác quản lý, giáo dục và cải tạo phạm nhân.

Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu, các bài viết trực tiếp đề cập đến THAPT còn ít và do vậy những vấn đề lý luận và thực tiễn của THAPT chưa được nghiên cứu đầy đủ, sâu sắc đồng thời cũng chưa có công trình khoa học ở cấp độ một luận án tiến sĩ đề cập đến đề tài này. Đặc biệt chưa có công trình nào nghiên cứu THAPT gắn với yêu cầu cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay theo Nghị quyết số 49-NQ/TW.

## **1.2. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU NGOÀI NƯỚC**

Ra đời từ rất sớm, ngay khi Nhà nước ra đời thì hình phạt tù cũng được thiết lập cùng với Quân đội, Cảnh sát, Tòa án tạo nên hệ thống công cụ trấn áp của giai cấp thống trị đối với các giai cấp, tầng lớp bị trị trong xã hội [35, tr. 9-12]. Thuở sơ khai, hình phạt tù chủ yếu được dùng để giam giữ những người chống đối

lại giai cấp cầm quyền, tức là những kẻ có thể làm ảnh hưởng đến sự tồn tại của giai cấp đó. Về sau cùng với sự phát triển của xã hội, hình phạt tù và THAPT còn được dùng để giam giữ tội phạm, tức những kẻ chống đối, gây hại cho cộng đồng xã hội.

Ở một số quốc gia, cơ quan THAPT gọi là nhà tù (hay còn gọi là trại giam) đơn thuần chỉ được dùng làm nơi giam giữ, quản lý, cách ly tù nhân khỏi đời sống xã hội [35, tr. 12]. Ở một số quốc gia khác THAPT còn có nhiệm vụ giáo dục, cải tạo tù nhân, giúp họ xóa đi những cái xấu, trở thành những công dân có ích cho xã hội [35, tr. 22]. Ở Việt Nam, trại giam còn là một "*trường dạy nghề*" giúp cho những công dân tương lai nhận thức được giá trị của sức lao động, tránh cho họ sự "*nhàn cư vi bất thiện*".

Với ý nghĩa và vai trò như vậy, luật nước ngoài và các học giả ở nước ngoài có một số công trình nghiên cứu liên quan đến vấn đề THAPT, như:

Sách chuyên khảo "*Prisons Today and Tomorrow, Third Edition*" (Nhà tù hôm nay và ngày mai, tái bản lần 3) của Joycelyn M. Pollock [108].

Joycelyn M. Pollock là tiến sĩ về tư pháp hình sự tại Đại học bang New York.

Nhà tù nay và ngày mai là một tài liệu toàn diện để giới thiệu sinh viên và các độc giả khác về thực tế của hệ thống nhà tù. Bắt đầu với một tổng quan về các nhà tù trong lịch sử, tài liệu phân tích về triết lý và công tác thi hành hình phạt tù, mô tả chi tiết cuộc sống ở bên trong nhà tù.

Bản sửa đổi lần ba bao gồm các thông tin cập nhật đầy đủ và chương hoàn toàn mới, bao gồm xem xét cập nhật về các vấn đề hiện đại phải đối mặt với tù nhân và quản lý nhà tù [108].

Tác phẩm đã nêu rõ và phân tích sâu sắc về những nội dung cụ thể sau:

- Định nghĩa về hình phạt tù và hiểu rõ các cơ sở thiết thực để thi hành hình phạt.
- Hiểu được giao ước xã hội và nó hỗ trợ quyền lợi xã hội trong việc xử phạt như thế nào.
- Mô tả các chu kỳ của hình phạt và cải tạo đã tồn tại trong lịch sử.
- Mô tả phân tích kinh tế về nhà tù.
- Hiểu được triết lý phục hồi công lý.

- Những vấn đề về nhà tù Mỹ, cuộc sống xã hội trong tù, quyền của chính quyền đối với phạm nhân và quyền của phạm nhân.

Sách chuyên khảo "*Big House: Life Inside a Supermax Security Prison*" (Ngôi nhà lớn: Cuộc sống bên trong một nhà tù bảo đảm an ninh nhất) của James (Jim) Bruton, do nhà xuất bản Voyageur Press xuất bản tháng 7 năm 2004, cuốn sách gồm 192 trang [107].

Jim Bruton là quản giáo tại Oak Park Heights trong năm năm, từ 1996-2001. Ông đã làm việc tại các cơ sở cải huấn 14 năm và có 35 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực THAPT. Ông là một giảng viên trợ giảng trong Tư pháp hình sự và Xã hội học tại Đại học St Thomas, Đại học Minnesota, Đại học Hamline.

Ngôi nhà lớn: Cuộc sống bên trong một nhà tù bảo đảm an ninh nhất, nhìn vào cuộc sống trong một nhà tù an ninh tối đa nổi tiếng thế giới. Kinh nghiệm thực tế gây sốc làm việc hàng ngày với những kẻ giết người, cướp, hiếp dâm, và kẻ trộm. Kinh nghiệm trong thực tế âm thầm và nguy hiểm trong nhà tù như bạn phải mặt đối mặt với những kẻ quấy rối trẻ em, buôn lậu ma túy và các thành viên băng đảng. Tìm hiểu các kỹ thuật quản lý của kiểm soát, quản lý khó khăn tội phạm bạo lực nhất và cũng như lý do tại sao các phương pháp tiếp cận nhân viên để xử lý các tù nhân trong Oak Park Heights một trong những nhà tù nguy hiểm và an toàn nhất hiện nay [107].

Sách chuyên khảo "*Prison and jail administration: practice and theory*" (Nhà tù và giam giữ hành chính: Lý luận và thực tiễn) của tác giả Peter M Carlson, xuất bản năm 2006 [103].

Peter M. Carlson là một giáo sư tại Khoa Hành chính tại Đại học Christopher Newport, Newport News, Virginia.

Tác giả nghiên cứu về: Giam giữ và trừng phạt; mô hình cải huấn ở Mỹ; nhà tù và quản trị; các vấn đề chức năng, tổ chức, quản lý và nhân viên; tù nhân và các chương trình liên quan; quản lý khẩn cấp cho các tình huống thông thường và đặc biệt; vấn đề pháp lý và xã hội liên quan đến triết học và thực hành cải huấn [103].

Sách chuyên khảo "*Criminal Justice*" (Tư pháp hình sự của James A. Inciardi, do nhà xuất bản McGraw - Hill tái bản lần 8 năm 2007)

Tiến sĩ James A. Inciardi là một sĩ quan tạm tha thành phố New York. Là một nhà nghiên cứu, ông đã xuất bản hơn 500 bài báo, chương, sách, và chuyên khảo và là một thành viên của Hiệp hội các nhà tội phạm học Mỹ.

Tái bản lần thứ tám *Tư pháp hình sự* đã cung cấp cho các giảng viên và sinh viên cập nhật với số liệu thống kê mới và tòa án quyết định lớn, và quan trọng nhất với nhiều thay đổi trong hệ thống tư pháp hình sự.

Cuốn sách đã phân tích các vấn đề liên quan đến THAPT, trong đó thể hiện rõ về hình phạt tù, các loại nhà tù, phân biệt giữa tạm giữ hành chính với thi hành hình phạt tù. Các vấn đề về giới tính, các tù nhân là phụ nữ, trẻ em, cũng như các đối xử đối với các tù nhân cũng được tác giả làm rõ.

Bài viết "*Imprisonment and crime can both be reduced?*" (tù nhân và tội phạm cả hai có thể giảm?) của Steven N. Durlauf; Daniel S. Nagin đăng trên Tạp chí pháp luật hiện hành, chuyên đề Tội phạm học và chính sách công tập 10 số 1 (2/2011), trang 13-54.

Nghiên cứu này đã đưa ra hai kết luận chính: Sự thay đổi trong mức độ nghiêm trọng của sự trừng phạt có tác dụng ngăn chặn đáng kể, và rằng bằng chứng mạnh mẽ cho thấy biến thể tồn tại trong sự chắc chắn của sự trừng phạt có tác dụng răn đe lớn, đặc biệt là với việc sử dụng cụ thể chương trình làm việc của các cảnh sát. Các tác giả của nghiên cứu này đã tiến hành một nghiên cứu tài liệu để đánh giá tuyên bố sau đây: 1) tác dụng răn đe của việc tăng án tù đã được kéo dài là khiêm tốn ở mức tốt nhất; 2) tăng khả năng hiển thị của cảnh sát bằng cách thuê nhiều nhân viên hoặc bố trí cán bộ, theo những cách này làm tăng nguy cơ nhận thức của lo âu đường như có tác dụng răn đe đáng kể; và 3) kinh nghiệm của các nhà tù so với biện pháp trừng phạt không giam giữ dường như không ngăn chặn tái phạm. Các kết quả rà soát cho thấy ít hướng dẫn trong các tài liệu thống kê về cách tăng cảnh sát nên được sử dụng để giảm tỷ lệ tội phạm và phạt tù.

Sách chuyên khảo "*The Oxford History of the Prison: the Practice of Punishment in Western Society*" (Oxford Lịch sử của nhà tù: Thực hiện hình phạt ở xã hội miền tây) của David Rothman và Norval Morris, xuất bản năm 1995, gồm 489 trang [114].



Norval Morris là Giáo sư Luật và Tội phạm học tại Đại học Chicago, Ông có nhiều các công trình nghiên cứu về nhà tù và quản chế. Còn David J. Rothman là Giáo sư Lịch sử, giáo sư y học xã hội.

Oxford Lịch sử của nhà tù là công trình nghiên cứu sự tăng trưởng và phát triển của nhà tù trong xã hội phương Tây, từ thời cổ đại cho đến ngày nay. Norval Morris và David J. Rothman, nghiên cứu về nhà tù khoảng 200 năm trước đây, dưới góc độ nhà tù như là cách chính để đối phó với người phạm tội. Cuốn sách được chia thành hai phần, phần một cung cấp lịch sử Nhà tù, tập trung chủ yếu vào hệ thống nhà tù của Mỹ và Anh kể từ năm 1780. Các chương của phần thứ hai xem xét chi tiết hơn một số chủ đề, chẳng hạn như hệ thống tư pháp địa phương, các trường giáo dưỡng vị thành niên... Các nỗ lực để giải quyết các câu hỏi về các hệ thống nhà tù có thể đã đạt được sự đồng thuận trong xã hội như vậy [114].

David J. Rothman lập luận trong chương của ông về hệ thống nhà tù Mỹ, thập niên 1820 -1830 được đặc trưng bởi những nỗi sợ hãi lan rộng về sự tan rã của xã hội và gia đình. Chính trong bối cảnh này mà các nhà cải cách phát hiện ra nhà tù như là một nơi để dạy trật tự kỷ cương với người phạm tội, người được coi là một mối đe dọa nền tảng cho sự ổn định của xã hội. Ý tưởng cơ bản là để giữ tù nhân trong cô đơn để bảo vệ họ khỏi ảnh hưởng lây nhiễm từ các tù nhân khác. Tù nhân bị bỏ lại trong sự im lặng hoàn toàn chỉ với lương tâm và Kinh thánh là để mang lại sự đổi mới tinh thần của họ. Ngoài ra, một chế độ làm việc và ăn uống nghiêm ngặt, kỷ luật quân đội sẽ giúp đỡ để biến phạm nhân thành những công dân tuân thủ pháp luật.

Xây dựng nhà tù phát triển mạnh mẽ cho đến những năm 1840, nhằm biến nhà tù từ một nơi giam giữ bản thủ vào một cuộc cải cách và hoạt động hợp lý. Các vấn đề lý thuyết thú vị liên quan đến sự xuất hiện của nhà tù, các tác giả giải thích sự phát triển từ hình thức xử phạt tàn bạo chống lại tù nhân. Trong "*Oxford Lịch sử của nhà tù*" mô tả sự xuất hiện của nhà tù không như một nỗ lực nhân đạo, cũng không phải là một dự án độc tài nhằm kiểm soát xã hội. Thay vào đó, trật tự và kỷ luật vẫn được ưu tiên hơn điều trị cá nhân, bạo loạn, băng nhóm và HIV là vấn đề bức xúc [114].

Các vấn đề lớn với *"Oxford Lịch sử của nhà tù"* là quan niệm địa lý quá hẹp. Khảo sát 200 năm qua lịch sử của nhà tù nổi lên như là một chuỗi các giai đoạn của quá trình phóng đại sự lạc quan vào sức mạnh của nhà tù để thay đổi hành vi con người, nhanh chóng theo sau thất bại trong lĩnh vực thực tế. Một lời giải thích cho sự tồn tại của nhà tù có thể là một loạt các luận cứ mâu thuẫn để trừng phạt: nó có thể được nhìn thấy như mất khả năng, báo ứng và như giáo dục; hoặc như cải cách nhân từ.

Sách chuyên khảo *"English Society and the Prison: Time, Culture and Politics in the Development of the Modern Prison, 1850-1920"* (Xã hội Anh và nhà tù: Thời gian, văn hóa và chính trị trong sự phát triển của nhà tù hiện đại, 1850-1920) của Alyson Brown [100].

Tác giả tập trung vào nguồn gốc, nguyên nhân và ảnh hưởng của rối loạn trong nhà tù giữa năm 1850 và năm 1920. Điều quan trọng hơn trong số này thường được gọi là *"cuộc nổi dậy"* miêu tả họ bất phục tùng như phi lý và bạo động chứ không phải là hành vi phản đối hợp pháp. Mối quan tâm của Brown là với vị trí và phản ứng của các tù nhân trong các sự kiện như chống đối tập thể và thách thức [100].

Tác giả đặc biệt quan tâm trong nhận thức của tù nhân và kinh nghiệm của các tù nhân bởi vì họ thường phải chi hai mươi hai giờ một ngày trong sự cô độc và trong điều kiện thiếu thốn và đau khổ. Nghiên cứu của tác giả có giá trị là mô tả Nhà tù trong những sự kiện khác nhau.

Tác giả đã nghiên cứu về các nhà tù trong khoảng thời gian mà các nhà tù bị ảnh hưởng bởi hoàn cảnh xã hội và triết học. Chúng bao gồm các cách thức mà nhà tù đã được sử dụng để đối phó với các bộ phận người nghèo, bất mãn và chính trị của xã hội, và sự thất bại để thành lập trong nhà tù là một phương tiện hợp pháp trừng phạt. Nhà tù Anh đã được các cuộc đấu tranh tiếp tục giao quyền lực, tiến hành giữa các tù nhân, nhân viên nhà tù và trại giam [100]. Cuộc đấu tranh như vậy đã bị ảnh hưởng mạnh bởi bối cảnh xã hội, chính trị và chính sách hình sự.

Ngoài các tài liệu nêu trên có thể kể đến giáo trình của các trường đại học nước ngoài và các tài liệu có liên quan đến THAPT như:

- Luật THAHS Nga. Giáo trình dành cho các trường Đại học gồm 2 tập, Tập thể tác giả do GS.TSKH Luật Zubkov A.I chủ biên, Nhóm xuất bản INFRA-NORMA. Maxcova, 1997 (trích theo Lê Văn Cẩm (2009), *Hệ thống tư pháp hình sự trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội).

- Pavlukhin N.A. Đavudôva I.A, Eerriasvili N.Đ. Sự kiểm tra của Tòa án đối với việc thi hành các hình phạt về hình sự M, 2008 (tiếng Nga). (trích theo Lê Văn Cẩm (2009), *Hệ thống tư pháp hình sự trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội).

- Hàng năm Chính phủ Hoa Kỳ xuất bản "*Bureau of Justice Statistics - Prisoners*" công bố các số lượng tù nhân cấp liên bang và cấp bang. Đây là nguồn chính cho số lượng tù nhân hàng năm là Chương trình quốc gia Tù thống kê (NPS) thu thập dữ liệu, bắt đầu vào năm 1926 dưới sự ủy nhiệm của Quốc hội để thu thập số liệu thống kê từ các tù nhân. Tham khảo tù nhân, số người có thẩm quyền, hoặc cơ quan pháp luật, của bang hoặc liên bang cán bộ cải huấn trên 100.000 người dân Mỹ. Khi số tù nhân được kết hợp với số lượng tù địa phương, họ được gọi là dân số bị giam giữ, và tỷ lệ bị giam giữ là số người trong nhà tù hoặc tù trên 100.000 người dân Mỹ [35].

NPS cũng tập hợp dữ liệu về số lượng tù nhân được nhận vào và ra tù mỗi năm, mức phạt tù cho các tù nhân bị kết án hơn một năm; tỷ lệ chủng tộc và giới tính và số lượng các công dân và các tù nhân ngoài nước Mỹ dưới 18 tuổi bị tạm giữ. BJS sử dụng dữ liệu hành chính người phạm tội cấp từ sửa chữa báo cáo Chương trình Quốc gia (NCRP) và Chương trình Thống kê Tư pháp liên bang (FJSP) để tính toán tuổi và hành vi phạm tội phân phối của các nhà tù tiểu bang và liên bang.

Như vậy, các công trình nghiên cứu về THAPT ở nước ngoài đã thể hiện bản chất, đặc điểm và lịch sử của thi hành án ở các nước. Tuy nhiên, mỗi công trình nghiên cứu đều gắn với điều kiện văn hóa, kinh tế xã hội của nước mình để nói về THAPT. Chủ yếu gắn với sự phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa, do đó, THAPT cần phải có những nghiên cứu tiếp theo ở những nền văn hóa, truyền thống và kinh tế khác nhau, để có thể có một cái nhìn toàn diện hơn về THAPT.

*Những nội dung liên quan đến THAPT chưa được các công trình nghiên cứu đề cập, làm rõ:*

Bên cạnh những kết quả đạt được, từ khía cạnh THAPT, các công trình nghiên cứu nêu trên chưa đề cập, làm rõ những vấn đề sau đây:

- Các công trình đều chưa nghiên cứu trình tự, thủ tục THAPT gắn với yêu cầu cải cách tư pháp.

- Hầu hết các công trình chưa phân tích khái niệm THAPT dưới các góc độ lập pháp, thực tiễn và lý luận, chưa đưa ra được bản chất của giai đoạn THAHS gắn với yêu cầu cải cách tư pháp hiện nay. Do đó, THAPT chưa được nghiên cứu một cách toàn diện, thấu đáo ở các công trình này.

- Việc đánh giá thực trạng THAPT thường đi vào các lĩnh vực cụ thể trong thi hành án. Chưa đánh giá một cách hệ thống, sâu sắc công tác thi hành án.

- Các công trình nghiên cứu được thực hiện theo tinh thần của Nghị quyết số 08-NQ/TW, Nghị quyết số 49-NQ/TW, chưa có những kết quả tổng kết của các Nghị quyết này nên những đề xuất, kiến nghị cũng có phần hạn chế do giới hạn bởi quan niệm của giai đoạn cụ thể này.

### **1.3. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN ĐƯỢC TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU**

Luận án là công trình nghiên cứu toàn diện những vấn đề về THAPT ở Việt Nam trước yêu cầu cải cách tư pháp. Do vậy, luận án cần phải làm rõ về lý luận và thực tiễn những vấn đề sau:

- Làm sáng tỏ những nội dung về trình tự, thủ tục THAHS nói chung và THAPT nói riêng.

- Làm sáng tỏ những nội dung lý luận về khái niệm, ý nghĩa, nội dung của THAPT thông qua ba bình diện lập pháp, thực tiễn và lý luận.

- Phân tích, đánh giá cơ sở của THAPT, nguyên tắc của THAPT được quy định trong Hiến pháp, BLHS năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009, BLTTHS năm 2003, Luật THAHS năm 2010

- Nghiên cứu lịch sử THAHS nói chung và THAPT nói riêng từ năm 1945 đến nay, luận án chỉ rõ những sự khác biệt trong hoạt động này ở các thời kỳ, giai

đoạn phát triển khác nhau, cho phép chúng ta rút ra được những bài học kinh nghiệm và trên cơ sở đó, có những định hướng, những giải pháp cụ thể thích hợp cho hoạt động THAPT hiện tại cũng như tương lai.

- Phân tích, đánh giá nội dung các quy định của pháp luật về THAPT thông qua các quy định của BLHS, BLTTHS, Luật THAHS, cụ thể là các quy định về cơ quan, cá nhân có thẩm quyền THAPT, trình tự thủ tục THAPT, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong THAPT; đánh giá hiệu quả công tác THAPT, thực trạng pháp luật, thực trạng về quản lý nhà nước về THAPT, về trại giam, trại tạm giam, về đội ngũ cán bộ làm công tác THAPT...

- Nghiên cứu các quy định của pháp luật nước ngoài về THAPT, trong đó có so sánh về sự tương đồng với Việt Nam, đánh giá mặt tích cực của nước ngoài mà chúng ta có thể áp dụng trong THAPT ở Việt Nam. Nhằm tăng cường trong việc áp dụng những tiến bộ của nước ngoài trong thi hành án ở Việt Nam, chúng ta cần phải tăng cường hợp tác quốc tế trong THAPT, điều này cần phải có những nghiên cứu về pháp luật và cơ chế hợp tác giữa Việt Nam với các nước trên thế giới. Do vậy, luận án cần phải nghiên cứu một cách toàn diện và sâu sắc lĩnh vực hợp tác quốc tế trong THAPT.

- Nghiên cứu các giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác THAPT ở Việt Nam trước yêu cầu cải cách tư pháp hiện nay, đề ra những yêu cầu, cơ sở cho việc nâng cao hiệu quả THAPT; phương hướng nâng cao hiệu quả, đưa ra các giải pháp hoàn thiện về mặt pháp luật và tổ chức bộ máy làm công tác THAPT...

Nghiên cứu một cách toàn diện về giải pháp mang tính đột phá trong tình hình hiện nay là chế định *"tha tù trước thời hạn có điều kiện"* để giảm tình trạng quá tải trong các trại giam và trại tạm giam hiện nay, trong đó có học tập kinh nghiệm của nước ngoài về chế định này cho phù hợp với điều kiện của nước ta hiện nay.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Quá trình cải cách tư pháp nói chung và đổi mới cơ quan THAHS nói riêng đã và đang diễn ra theo hướng tinh gọn, hiệu quả, tiếp thu những yếu tố tích cực của các nước tiến tiến trên thế giới. Quá trình cải cách đổi mới công tác THAHS có vai

trò quan trọng và đóng góp tích cực của các nhà nghiên cứu, các chuyên gia với một khối lượng các công trình khoa học to lớn và những quan điểm lý luận tiêu biểu.

Ở Việt Nam, các kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn về tổ tụng hình sự và THAHS đã góp phần quan trọng vào việc hình thành quan điểm của Đảng và Nhà nước về cải cách tư pháp, đổi mới và hoàn thiện pháp luật THAHS trong đó có THAPT. Về định hướng, hầu hết các công trình nghiên cứu đều lấy tâm điểm là khắc phục những khiếm khuyết, hạn chế của công tác thi hành án để hình thành mô hình thi hành án bảo đảm quyền con người, tăng cường sự tham gia của xã hội, nâng cao hiệu quả thi hành án.

Tuy nhiên, nếu nhìn nhận một cách cầu thị có thể nói rằng, các công trình nghiên cứu có thể đang ở giai đoạn gợi mở ý tưởng về một sự đổi mới, cải cách sâu rộng hơn cho THAHS nước ta trước yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN. Vì vậy, các đề tài mới chỉ chú ý vào những khía cạnh cụ thể hay từng bộ phận cụ thể của THAPT, chưa vươn tới tầm nhìn hệ thống và đưa ra quan điểm xuyên suốt cho việc cải cách tư pháp hình sự nói chung và THAHS nói riêng.

Qua nghiên cứu các công trình nghiên cứu ở nước ngoài, có thể xác nhận một khối lượng khổng lồ các tư liệu khoa học. Các công trình đã đưa ra các khái niệm, bản chất của THAPT, lịch sử THAPT qua các thời kỳ gắn với điều kiện về chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội của mỗi quốc gia. Nhiều quan điểm khoa học rất đáng được nghiên cứu, tiếp thu trong quá trình tiếp cận các vấn đề tương ứng ở Việt Nam.

## **Chương 2**

# **NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THI HÀNH ÁN PHẠT TÙ**

## **2.1. NHỮNG KHÁI NIỆM CÓ LIÊN QUAN VỀ THI HÀNH ÁN PHẠT TÙ**

### **2.1.1. Khái niệm thi hành án hình sự**

Điều 30 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: *"Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước được quy định trong Bộ luật này, do Tòa án quyết định áp dụng đối với người hoặc pháp nhân thương mại phạm tội nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người, pháp nhân thương mại đó"*.

Thi hành bản án và quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án là việc các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và các cá nhân có liên quan đưa bản án và quyết định đó ra thi hành làm cho nó phát huy hiệu lực trên thực tế.

Thi hành bản án và quyết định của Tòa án nhằm đảm bảo các phán quyết của Tòa án phát huy hiệu lực trên thực tế, các hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử có ý nghĩa hơn khi bản án và các quyết định của Tòa án được mang ra thi hành.

Việc thi hành bản án và quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật là nhiệm vụ chung của các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và mọi công dân, trong đó cơ quan Tòa án giữ vai trò quan trọng. Chánh án Tòa án đã xét xử sơ thẩm có trách nhiệm ra quyết định thi hành bản án và trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật các cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân có liên quan thi hành nghiêm chỉnh quyết định thi hành án của Tòa án [13, tr. 453].

Ở nước ta, về bản chất của THAHS nói chung và thi hành hình phạt tù nói riêng có phải là một trong các giai đoạn tố tụng hình sự hay không đang còn là vấn đề chưa được thống nhất về lý luận trong khoa học tư pháp hình sự [35, tr. 33]. *Có quan điểm cho rằng*, THAHS, trong đó có thi hành hình phạt tù là một trong các giai đoạn tố tụng hình sự độc lập của quá trình tố tụng được xuất phát từ khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và THAHS [75, tr. 12]. Chính thi hành án là giai đoạn tiếp theo của quá trình xét xử nhằm bảo đảm sự khép kín của quá trình tố tụng hình sự. Chính vì vậy, không phải ngẫu nhiên ngay trong Điều 1 BLTTHS (năm 2003) cũng đã chỉ rõ: "Bộ luật tố tụng hình

sự quy định trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự". *Quan điểm khác lại cho rằng*, thi hành bản án hình sự là hoạt động tư pháp [95, tr. 24], nhưng không phải là giai đoạn tố tụng hình sự độc lập vì nó gắn liền với hoạt động xét xử của Tòa án. Sau khi bản án hình sự đã có hiệu lực pháp luật, những công việc tiếp theo đều là công việc của Tòa án vì Chánh án Tòa án ra quyết định thi hành án; Tòa án quyết định việc miễn, giảm thời hạn chấp hành hình phạt; Tòa án quyết định việc xóa án tích cho người bị kết án... Chính từ điều này, những người theo quan điểm này xác định thi hành bản án hình sự, trong đó có thi hành hình phạt tù là hoạt động tư pháp mang tính chất hành chính, hay còn gọi là hành chính tư pháp [75, tr. 13], vì cơ quan tư pháp (Tòa án) ra các quyết định mang tính chất hành chính để cơ quan chấp hành phải thực hiện có tính chất cưỡng chế nhà nước đối với người có bản án hình sự. *Quan điểm thứ ba* thì cho rằng, thi hành bản án hình sự đã có hiệu lực pháp luật không phải là hoạt động tư pháp nói chung và không phải là một giai đoạn của quá trình tố tụng hình sự nói riêng vì nó không chứa đựng các quan hệ tố tụng [58, tr. 478]. Những người đưa ra quan điểm này cho rằng, khi nói đến quan hệ tố tụng hình sự trong hoạt động tư pháp là nói đến quan hệ ngang quyền trong tìm kiếm chứng cứ giữa bên buộc tội và bên bị buộc tội, trong việc tranh tụng tại phiên tòa để tìm ra sự thật khách quan của vụ án hình sự để quyết định việc đó có áp dụng hay không áp dụng loại và mức hình phạt hình sự [35, tr. 34]. Vì vậy, những nguyên tắc cơ bản phải tuân thủ trong hoạt động tư pháp nói chung và tố tụng hình sự nói riêng là nguyên tắc bình đẳng của những người tiến hành và tham gia tố tụng. Giai đoạn thi hành bản án hình sự đã có hiệu lực pháp luật không phải tuân thủ các nguyên tắc này vì ở đây không có sự bình đẳng. Tại giai đoạn này chỉ có quan hệ mệnh lệnh, quyền uy của Nhà nước buộc người có bản án kết tội phải bị thi hành. Hay nói cách khác, THAHS nằm trong quan hệ hành pháp. Khi bản án đã có hiệu lực pháp luật thì cơ quan của Chính phủ phải ra quyết định và đưa bản án đó vào thi hành [35, tr. 35]. Xuất phát từ điều này, không phải ngẫu nhiên, trong các văn bản pháp luật tố tụng nói chung và BLTTHS nói riêng không quy định, những người liên quan đến việc bảo đảm thi hành bản án đã có hiệu lực pháp luật là những người



tiến hành tố tụng, mà chỉ có những người trong cơ quan điều tra, truy tố, xét xử mới là những người tiến hành tố tụng (Điều 33 BLTTHS năm 2003).

Như vậy, nên hiểu như thế nào cho đúng về giai đoạn THAHS nói chung và vị trí của THAPT nói riêng. Có lẽ chúng ta phải xuất phát từ hệ thống pháp luật và tính logic của công việc cụ thể liên quan đến THAHS. Đúng là nếu coi thi hành bản án hình sự, trong đó có THAPT, là một giai đoạn tố tụng hình sự thì phải quy định trong nó có những người tiến hành tố tụng; nếu trong nó có những người tiến hành tố tụng thì hoạt động của những người này phải hướng vào việc thực hiện hoạt động tư pháp, những hoạt động bảo đảm xét xử có căn cứ và hợp pháp. Mặt khác, nếu THAHS là giai đoạn tố tụng hình sự thì những người tiến hành tố tụng hình sự không chỉ những người trong cơ quan thi hành bản án phạt tù, mà còn cả những người trong chính quyền xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi người bị kết án cư trú hoặc làm việc khi đưa bản án cải tạo không giam giữ, án treo, quản chế, cấm cư trú, tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm một công việc nhất định; những người làm việc trong các cơ sở y tế thi hành quyết định về bắt buộc chữa bệnh. Liệu quy định như thế có hợp lý không? [35, tr. 35]. Việc xác định đúng bản chất THAHS có ý nghĩa quan trọng trên nhiều phương diện, đặc biệt là tạo ra cơ chế quản lý, mô hình tổ chức và hoạt động phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả của THAHS.

Từ những phân tích trên và các quan điểm trên, chúng ta có thể hiểu, *thi hành án hình sự là việc các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và các cá nhân có liên quan đưa bản án và quyết định hình sự đó ra thi hành làm cho nó phát huy hiệu lực trên thực tế.*

### **2.1.2. Khái niệm thi hành án phạt tù**

Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: *"Tù có thời hạn là buộc người bị kết án phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định"*. Và Điều 39 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: *"Tù chung thân là hình phạt tù không thời hạn được áp dụng đối với người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, nhưng chưa đến mức bị xử phạt tử hình"*.

Thi hành án phạt tù là hoạt động của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền thực hiện trách nhiệm đưa những người bị kết án tù đi chấp hành hình phạt tại trại giam và tổ chức thực hiện các biện pháp cải tạo giáo dục nhằm giúp họ nhanh chóng trở thành người lương thiện. Cơ quan và cá nhân có thẩm quyền thi hành hình phạt tù được nhân danh Nhà nước, sử dụng quyền lực nhà nước để buộc người bị kết án tù phải chấp hành hình phạt tại trại giam. Đối với người bị kết án tù nếu không chịu chấp hành hình phạt sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 304 BLHS năm 1999, còn đối với người bị kết án tù đang tại ngoại mà không có mặt để đến trại giam chấp hành án sẽ bị áp dụng biện pháp áp giải. Do vậy, thi hành hình phạt tù là hoạt động mang tính quyền lực nhà nước [95, tr. 231].

Thi hành án phạt tù làm cho TNHS đối với người phạm tội được thực thi trong đời sống. Điều này thể hiện THAPT có nhiệm vụ bảo đảm làm sao hình phạt tù mà Tòa án đã tuyên đối với các bị cáo khi đã có hiệu lực pháp luật phải được thực hiện nghiêm chỉnh trên thực tế. Đây là nhiệm vụ hàng đầu và hết sức quan trọng bởi nếu hình phạt tù đã được tuyên trong bản án và bản án đó đã có hiệu lực pháp luật không được thực hiện hay thực hiện không đầy đủ, thì quá trình tố tụng trước đó (khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử) khó mà có ý nghĩa đầy đủ, đồng thời, khó mà giáo dục được công dân ý thức tôn trọng pháp luật và trật tự pháp luật, nâng cao ý thức pháp luật của họ. Cải tạo, giáo dục người bị kết án tù trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội, tạo mọi điều kiện để họ tái hòa nhập cộng đồng, phòng ngừa họ phạm tội mới là một trong những mục đích mà thi hành hình phạt tù cần đạt tới. THAPT diễn ra theo một quá trình gồm nhiều hoạt động kế tiếp nhau, được bắt đầu bằng việc Tòa án ra quyết định thi hành án, đưa người bị kết án đến trại giam để chấp hành hình phạt tù, tổ chức thực hiện các biện pháp cải tạo, giáo dục phạm nhân, trả tự do cho người bị kết án.

Đối với các trường hợp phạm tội, Tòa án nhân danh công lý ra các phán quyết, nhằm lập lại trật tự xã hội đã bị vi phạm, trừng trị, giáo dục cải tạo người phạm tội, phòng ngừa tội phạm, thực hiện công lý, công bằng xã hội. THAPT chính là thực hiện các phán quyết đó và nói một cách khái quát thì THAPT trong đó có THAPT là việc thực hiện công lý, công bằng xã hội trong thực tế. Như vậy, bảo

đảm thi hành các phán quyết của Tòa án trong thực tế là yêu cầu sống còn của Nhà nước, của xã hội, nó liên quan trực tiếp đến tính nghiêm minh của cả hệ thống pháp luật, đến hiệu lực, uy tín của Nhà nước, đến kỷ cương, phép nước [95, tr. 21].

Với những đặc điểm và mục đích trên, các nhà khoa học Việt Nam đã đưa ra những khái niệm về THAPT khác nhau. Có thể kể đến:

Theo PGS. TS Nguyễn Ngọc Chí, cho rằng: "Thi hành bản án và quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án là việc các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và các cá nhân có liên quan đưa bản án và quyết định đó ra thi hành làm cho nó phát huy hiệu lực trên thực tế" [13, tr. 453]; PGS. TS Võ Khánh Vinh và PGS. TS Nguyễn Mạnh Kháng cho rằng: "Thi hành án hình sự đó là việc thực hiện công lý, công bằng xã hội trong thực tế" [95, tr. 21],

Thi hành hình phạt tù là hoạt động áp dụng pháp luật mang tính quyền lực nhà nước, tính thủ tục, tính định hướng mục đích, tính sáng tạo và tính khoa học do cơ quan nhà nước và cá nhân có thẩm quyền thực hiện dựa trên những nguyên tắc nhất định nhằm đưa bản án phạt tù đã có hiệu lực pháp luật ra thi hành trên thực tế nhằm cải tạo giáo dục người bị kết án tù có thời hạn trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội [95, tr. 235].

TS Trần Quang Tiệp cho rằng: Thi hành hình phạt tù có thời hạn, tù chung thân là buộc người bị kết án tù có thời hạn, tù chung thân chấp hành hình phạt tại trại giam nhằm giáo dục họ trở thành người lương thiện. Trong thời gian chấp hành hình phạt, người bị kết án tù phải bị giam giữ, lao động và học tập theo quy định của pháp luật [75, tr. 81].

GS.TS Đỗ Ngọc Quang cho rằng: "Hình phạt tù giam có thời hạn hoặc chung thân được áp dụng đối với người bị kết án phạt tù nhằm tước bỏ quyền tự do cư trú, đi lại của người bị kết án trong một khoảng thời gian nhất định hoặc vô thời hạn, buộc họ phải sống và làm việc trong trại giam do Nhà nước quy định" [58, tr. 493]; PGS.TS Hồ Trọng Ngũ cho rằng: "Thi hành án phạt tù là buộc những người bị kết án phạt tù có thời hạn, tù chung thân chấp hành hình phạt tại trại tạm giam, trại giam nhằm giáo dục họ trở thành người lương thiện" [35, tr. 124].

Các nhà khoa học đã đưa ra được khái niệm về THAHS nói chung và THAPT nói riêng thể hiện bản chất của THAPT và mối quan hệ của nó với nhiệm vụ bảo đảm an ninh trật tự. THAPT là một quá trình hoạt động có mục đích, thể hiện rõ nét ý chí Nhà nước, tính khoa học cao, tính nhân văn sâu sắc, do cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia THAPT thực hiện, bằng hành vi của mình làm cho những quy định pháp luật về THAPT đi vào cuộc sống, trở thành hành vi thực tế, hợp pháp của các chủ thể pháp luật. Tuy nhiên, việc đưa ra các khái niệm trên của các nhà khoa học mới chỉ dựa vào bản chất của THAPT và mục đích của THAPT chưa gắn với chiến lược cải cách tư pháp hiện nay của nước ta.

Để làm sáng tỏ khái niệm THAPT, trước hết cần làm rõ khái niệm thi hành án. Theo Đại Từ điển Tiếng Việt, thi hành là "Thực hiện điều đã chính thức quyết định" [99, tr. 1559].

Trên thế giới việc điều chỉnh quan hệ xã hội trong lĩnh vực THAHS các nước có những cách thức khác nhau [35, tr. 10]. Tuy nhiên, về bản chất, THAPT là việc cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật buộc người bị kết án mà bản án đã có hiệu lực pháp luật phải chịu sự quản lý giam giữ, giáo dục, cải tạo trong trại giam, trại tạm giam trong thời gian nhất định hoặc có thể cho họ ra ngoài xã hội nhưng chịu sự giám sát, quản lý của cơ quan có thẩm quyền để họ trở thành người có ích cho xã hội.

Về mặt lập pháp, khoản 3 Điều 3 Luật THAHS năm 2010 giải thích: "Thi hành án phạt tù là việc cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của Luật này buộc phạm nhân phải chịu sự quản lý giam giữ, giáo dục, cải tạo để họ trở thành người có ích cho xã hội" [64].

Thi hành án phạt tù còn có nhiều cách gọi khác nhau như *thi hành bản án phạt tù*, *THAPT* về bản chất chung đều là buộc người bị kết án tù chấp hành hình phạt tại trại giam, trại tạm giam trong một thời hạn nhất định nhằm giáo dục họ trở thành người lương thiện.

Từ những phân tích trên có thể hiểu: *Thi hành án phạt tù là việc cơ quan, người có thẩm quyền trong THAPT thực hiện nhiệm vụ theo trình tự thủ tục do luật định*

*buộc người bị kết án phạt tù phải chấp hành hình phạt, nhằm tước bỏ quyền tự do cư trú, đi lại của người bị kết án trong một khoảng thời gian nhất định hoặc vô thời hạn, buộc họ phải chịu sự quản lý giam giữ, giáo dục, cải tạo để họ trở thành người có ích cho xã hội, trong đó cơ quan, người có thẩm quyền trong THAPT phải bảo đảm tính đồng bộ, dân chủ, công khai, minh bạch, tôn trọng và bảo vệ quyền con người.*

### **2.1.3. Phân biệt thi hành án phạt tù với thi hành các hình phạt khác**

Hình phạt tù được áp dụng đối với người phạm tội nhằm tước bỏ quyền tự do cư trú, đi lại của người bị kết án trong một khoảng thời gian nhất định (tù có thời hạn) hoặc không thời hạn (tù chung thân), buộc họ phải sống và làm việc trong trại giam, trại tạm giam do Nhà nước quy định.

Điểm giống nhau và khác nhau giữa hình phạt tù chung thân và hình phạt tù có thời hạn: Chúng đều nhằm tước tự do cư trú, đi lại của người bị kết án buộc họ phải sống và làm việc trong trại giam do Nhà nước quy định và điều khác biệt giữa hai hình phạt này là về thời hạn mà họ phải sống và làm việc trong môi trường trại giam, trại tạm giam, đối với hình phạt tù thì họ chỉ bị tước tự do cư trú và đi lại (phải sống và làm việc trong trại giam, trại tạm giam) một thời gian nhất định đã được ghi trong bản án của tòa án, hoặc họ có thể được tự do trước thời hạn trong những trường hợp do pháp luật quy định. Đối với hình phạt tù chung thân thì người bị kết án phải sống và làm việc trong trại giam không thời hạn, trong thời gian chấp hành hình phạt tù chung thân họ có thể được xét giảm xuống 30 năm tù nếu có đầy đủ các điều kiện do pháp luật quy định. Về trình tự thủ tục, cơ quan thi hành án tù chung thân và tù có thời hạn đều giống nhau.

Hình phạt tử hình là hình phạt nghiêm khắc nhất, tước bỏ quyền sống của một con người khi người đó phạm vào một tội thuộc loại đặc biệt nghiêm trọng có mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là tử hình, họ đã hết khả năng giáo dục, cải tạo (nếu để họ sống thì họ sẽ tiếp tục gây nguy hại cho xã hội). Sự khác biệt giữa thi hành hình phạt tù với hình phạt tử hình thể hiện rõ nhất là trong hình phạt tử hình sẽ không có giáo dục đối với người phạm tội [95, tr. 203]. Ngoài ra, giữa hình phạt tù và hình phạt tử hình cũng có mối liên hệ với nhau trong trường hợp người bị kết án là phụ nữ thì trước khi ra quyết định thi hành án, Chánh án Tòa án đã xét xử sơ thẩm

phải tổ chức kiểm tra các điều kiện không áp dụng hình phạt tử hình được quy định tại Điều 35 của BLHS (không áp dụng hình phạt tử hình đối với phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi khi phạm tội hoặc khi bị xét xử). Nếu có căn cứ người bị kết án có điều kiện quy định tại Điều 35 của BLHS thì Chánh án tòa án đã ra xét xử sơ thẩm không ra quyết định thi hành án và báo cáo Chánh án TANDTC để xem xét chuyển hình phạt tử hình thành tù chung thân cho người bị kết án.

Trước khi thi hành án đối với người bị kết án là phụ nữ thì Hội đồng thi hành án ngoài việc kiểm tra căn cước, phải kiểm tra các tài liệu liên quan đến điều kiện không thi hành án tử hình được quy định tại Điều 35 của BLHS. Trong trường hợp Hội đồng thi hành án phát hiện người bị kết án có điều kiện quy định tại Điều 35 của BLHS thì Hội đồng thi hành án hoãn thi hành án và báo cáo Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án để báo cáo Chánh án TANDTC xem xét chuyển hình phạt tử hình thành tù chung thân cho người bị kết án.

Ngoài các điều kiện nêu trên, khi tiến hành thủ tục thi hành án tử hình mà có tình tiết đặc biệt, Hội đồng thi hành án tử hình ra quyết định hoãn thi hành án và báo cáo Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án để báo cáo Chánh án TANDTC. Những tình tiết đặc biệt đó có thể được xem xét như căn cứ để quyết định kháng nghị giám đốc thẩm hoặc tái thẩm hoặc như căn cứ để giảm án cho người bị kết án từ tử hình xuống chung thân.

Đối với các hình phạt không phải tù giam (cảnh cáo, phạt tiền, hình phạt tù cho hưởng án treo, cải tạo không giam giữ, trục xuất, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm những công việc nhất định, quản chế, cấm cư trú, tước một số quyền công dân...).

- Người bị phạt tù được hưởng án treo và người bị phạt cải tạo không giam giữ được giao cho chính quyền xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi họ cư trú hoặc làm việc để giám sát, giáo dục. Hình phạt tù có thể được cho hưởng án treo nếu thỏa mãn các điều kiện được quy định tại Điều 60 BLHS:

1. Khi xử phạt tù không quá ba năm, căn cứ vào nhân thân của người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, nếu xét thấy không cần phải bắt

chấp hành hình phạt tù, thì Tòa án cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách từ một năm đến năm năm.

2. Trong thời gian thử thách, Tòa án giao người được hưởng án treo cho cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi người đó thường trú để giám sát và giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó... [61].

Như vậy, án treo là biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện, được Tòa án áp dụng đối với người phạm tội bị phạt tù không quá 3 năm, căn cứ vào nhân thân của người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, xét thấy không cần buộc phải chấp hành hình phạt tù. Việc giáo dục người bị phạt tù nhưng cho hưởng án treo được giao cho cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi người đó thường trú để giám sát và giáo dục, mà không phải chấp hành án tại trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ.

- Người bị phạt trục xuất phải rời khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam trong thời gian chậm nhất là mười lăm ngày, kể từ ngày có quyết định thi hành án. Trong trường hợp người bị phạt trục xuất phải chấp hành các hình phạt khác hoặc phải thực hiện các nghĩa vụ khác thì thời hạn họ rời khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam do pháp luật quy định.

- Đối với người bị phạt quản chế thì sau khi chấp hành xong hình phạt tù, người bị kết án được giao cho chính quyền xã, phường, thị trấn nơi họ cư trú để thi hành hình phạt quản chế. Người bị phạt cấm cư trú thì không được tạm trú, thường trú ở những địa phương bị cấm cư trú.

- Quyết định đưa bản án phạt tiền hoặc tịch thu tài sản ra thi hành phải được gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp, chấp hành viên, người bị kết án và chính quyền xã, phường, thị trấn nơi người bị kết án cư trú. Việc tịch thu tài sản được tiến hành theo quy định tại Điều 40 BLHS (khi tịch thu toàn bộ tài sản vẫn để lại cho người bị kết án và gia đình họ có điều kiện sinh sống).

Phân biệt THAPT với thi hành các hình phạt nêu trên thể hiện ở những khía cạnh khác nhau như trình tự thủ tục thi hành các hình phạt, cơ quan thi hành hình

phạt, sự nghiêm khắc của hình phạt. Bên cạnh sự khác nhau thì giữa các hình phạt cũng có mối liên hệ với nhau như các hình phạt khác có thể chuyển thành hình phạt tù khi tổng hợp hình phạt để thi hành như trường hợp các hình phạt đã tuyên là cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn, thì hình phạt cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành hình phạt tù theo tỷ lệ cứ ba ngày cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành một ngày tù để tổng hợp thành hình phạt chung hoặc trường hợp các hình phạt tiền hoặc hình phạt trục xuất có thể là hình phạt bổ sung đi kèm cùng hình phạt tù khi Tòa án quyết định hình phạt hoặc hình phạt tù là do có được sự chuyển biến trong quá trình thi hành án tử hình.

## **2.2. ĐẶC ĐIỂM, NỘI DUNG VÀ NGUYÊN TẮC THI HÀNH ÁN PHẠT TÙ**

### **2.2.1. Đặc điểm thi hành án phạt tù**

Khoản 1 Điều 256 BLTTHS năm 2003 quy định:

Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày bản án, quyết định sơ thẩm có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày nhận được bản án, quyết định phúc thẩm, quyết định giám đốc thẩm, quyết định tái thẩm, Chánh án Tòa án đã xử sơ thẩm phải ra quyết định thi hành án hoặc ủy thác cho Tòa án khác cùng cấp ra quyết định thi hành án [62].

Khoản 1 Điều 257 BLTTHS năm 2003 quy định: "Cơ quan Công an thi hành hình phạt trục xuất, tù có thời hạn, tù chung thân và tham gia Hội đồng thi hành hình phạt tử hình theo quy định tại Điều 259 của Bộ luật này" [62].

Từ những quy định trên, có thể thấy THAPT có những đặc điểm sau đây:

*Thứ nhất*, THAPT là hoạt động của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền thực hiện trách nhiệm đưa những người bị kết án tù đi chấp hành hình phạt tại trại giam và tổ chức thực hiện các biện pháp cải tạo giáo dục nhằm giúp họ nhanh chóng trở thành người lương thiện. Cơ quan và cá nhân có thẩm quyền thi hành hình phạt tù được nhân danh Nhà nước, sử dụng quyền lực nhà nước để buộc người bị kết án tù phải chấp hành hình phạt tại trại giam. Đối với người bị kết án tù nếu không chịu chấp hành hình phạt sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 304 BLHS năm 1999, còn đối với người bị kết án tù đang tại ngoại mà không có mặt để



đến trại giam chấp hành án sẽ bị áp dụng biện pháp áp giải. Do vậy, thi hành hình phạt tù là hoạt động mang tính quyền lực nhà nước [95, tr. 231].

*Thứ hai*, một trong những đặc điểm của bộ máy nhà nước nói chung và cơ quan thi hành hình phạt tù nói riêng là hoạt động theo trật tự pháp lý, tức pháp luật quy định thẩm quyền và trình tự thực hiện thẩm quyền THAHS. Như vậy, hoạt động thi hành án hình phạt tù không những mang tính quyền lực nhà nước mà còn mang tính thủ tục pháp lý, tức là được tiến hành theo trình tự thủ tục được quy định trong pháp luật về thi hành hình phạt (BLTTHS, Luật THAHS...) [95, tr. 231].

Những điều kiện và theo đúng trình tự, thủ tục về thi hành án do pháp luật tổ tụng hình sự và THAHS quy định bao gồm:

Bản án phạt tù có hiệu lực pháp luật đưa vào thi hành. Những bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật bao gồm: Những bản án của Tòa án cấp sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo trình tự phúc thẩm; Những bản án và quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm; Những quyết định của Tòa án giám đốc thẩm hoặc tái thẩm [13, tr. 456].

Chánh án Tòa án đã xử sơ thẩm phải ra quyết định thi hành án hoặc ủy thác cho Tòa án khác cùng cấp ra quyết định thi hành án.

Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm thi hành án đưa bản án vào thi hành và phải báo cáo Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án về việc bản án hoặc quyết định đã được thi hành [58, tr. 480].

Các cơ quan, tổ chức có tên trong quyết định thi hành án của Chánh án Tòa án đã xử sơ thẩm phải có trách nhiệm đưa bản án phạt tù đã có hiệu lực vào thi hành. Trong đó, cơ quan Công an thi hành hình phạt tù có thời hạn và tù chung thân, cơ quan Công an phải báo cáo cho Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án về việc bản án hoặc quyết định đã được thi hành; nếu chưa thi hành được thì phải nêu rõ lý do [13, tr. 476], [64].

*Thứ ba*, là hoạt động của các cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền nhằm đưa người bị kết án tù có thời hạn đến chấp hành hình phạt tại trại giam và tổ chức thực hiện các biện pháp cải tạo, giáo dục nhằm giúp họ nhanh chóng trở thành

người lương thiện, không phạm tội mới, đồng thời nhằm giáo dục người khác tôn trọng pháp luật và trật tự pháp luật, ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật nói chung và tội phạm nói riêng. Vì vậy, hoạt động THAPT là hoạt động mang tính định hướng, tính mục đích [95, tr. 232].

Với bản chất là đưa bản án phạt tù đã có hiệu lực pháp luật ra thi hành trên thực tế, THAPT có ý nghĩa:

*Thứ nhất*, bảo đảm bản án, quyết định hình sự đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án phải được thực hiện đúng đắn trong thực tế [13, tr. 454], [95, tr. 38].

Đây là nhiệm vụ trọng tâm nhất của THAHS, trong đó có THAPT. Bởi lẽ, điều này xuất phát trực tiếp từ chức năng cơ bản của pháp luật THAHS, và việc thực hiện mọi nhiệm vụ đều được thực hiện thông qua việc thực hiện chức năng này. Nếu bản án hoặc quyết định của Tòa án không được thực hiện hoặc thực hiện không đúng, thì chẳng những các nhiệm vụ của luật hình sự không được thực hiện, mà ngay cả các kết quả tổ tụng trước đó cũng không có ý nghĩa.

Nhà nước ban hành pháp luật là nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội theo hướng đáp ứng nhu cầu, lợi ích của giai cấp cầm quyền và ở danh nghĩa chính thức, đáp ứng nhu cầu, lợi ích của toàn xã hội. Trật tự pháp luật được xác lập và trở thành điều kiện bảo đảm duy trì một trật tự ổn định của toàn xã hội. Trật tự ổn định này đồng thời cũng là điều kiện tồn tại của các thành viên trong xã hội. Pháp luật trong xã hội có giai cấp, là công cụ sắc bén không thể thay thế được để điều hành, quản lý xã hội, bảo vệ trật tự, an ninh của toàn xã hội. Nhưng bản thân sự tồn tại của pháp luật cũng như trật tự xã hội mà pháp luật xác lập luôn tạo ra nguy cơ bị xâm phạm. Điều này được lý giải bởi sự khác nhau, hoặc ít nhất là không hoàn toàn giống nhau của các lợi ích trong xã hội. Do vậy, bảo vệ pháp luật trở thành một nhu cầu thường xuyên mà các nhà nước đều phải quan tâm đến chừng nào còn tồn tại pháp luật. Như vậy, có thể nói, bảo vệ pháp luật là một chức năng tồn tại một cách thường trực, có tính độc lập tương đối, bên cạnh chức năng lập pháp, hành pháp. Pháp luật có được bảo vệ thì mới có được một trật tự cần thiết cho mọi hoạt động của Nhà nước cũng như xã hội.

Nhiệm vụ bảo vệ pháp luật đòi hỏi phải phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh mọi vi phạm pháp luật, đặc biệt là các hành vi phạm tội. Đối với các trường

hợp phạm tội, Tòa án nhân danh công lý ra các phán quyết, nhằm lập lại trật tự xã hội đã bị vi phạm, trừng trị, giáo dục cải tạo người phạm tội, phòng ngừa tội phạm, thực hiện công lý, công bằng xã hội. THAHS chính là thực hiện các phán quyết đó và nói một cách khái quát thì THAHS trong đó có THAPT là việc thực hiện công lý, công bằng xã hội trong thực tế. Như vậy, bảo đảm thi hành các phán quyết của Tòa án trong thực tế là yêu cầu sống còn của Nhà nước, của xã hội, nó liên quan trực tiếp đến tính nghiêm minh của cả hệ thống pháp luật, đến hiệu lực, uy tín của Nhà nước, đến kỷ cương, phép nước. Vì vậy, các bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật phải được cả xã hội tôn trọng, các cá nhân, tổ chức hữu quan phải chấp hành nghiêm chỉnh trở thành nguyên tắc có tính chất hiến định.

Tổ tụng hình sự là việc giải quyết các vụ án hình sự, một vụ án chỉ có thể được coi là được giải quyết xong khi phán quyết của Tòa án được thi hành xong trong thực tế. Như vậy, bản án, quyết định của Tòa án mới chỉ xác định chân lý sự việc, xác định hành vi có tội hay không có tội; ai là người phạm tội và cần áp dụng hình phạt gì trên văn bản. Và phán quyết đó sẽ vô nghĩa và do vậy, vụ án vẫn chưa được giải quyết chừng nào bản án, quyết định của Tòa án chưa được thực hiện trên thực tế [13, tr. 455].

*Thứ hai*, cải tạo, giáo dục người bị kết án tù để họ không phạm tội mới và trở thành người có ích cho xã hội, tạo các điều kiện cần thiết để họ tái hòa nhập cộng đồng và bằng cách đó thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa tội phạm [95, tr. 38].

Chính sách của Nhà nước Việt Nam đối với những người phạm tội là nghiêm trị kết hợp với khoan hồng, trừng trị kết hợp với cải tạo. Hình phạt mà Nhà nước Việt Nam áp dụng không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn nhằm cải tạo họ trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật và quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới [13, tr. 455].

Để thực hiện nhiệm vụ trên, Đảng, Nhà nước Việt Nam trong công tác quản lý, giáo dục cải tạo phạm nhân, những năm qua các trại giam đã thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, bảo đảm tốt các quyền và lợi ích hợp pháp của phạm nhân trên thực tế [16].

Theo quy định, phạm nhân được ở buồng tập thể, chỗ nằm tối thiểu của mỗi phạm nhân là 2m<sup>2</sup>. Nhà nước cung cấp tiêu chuẩn ăn, mặc, ở và các đồ dùng thiết yếu khác, phương tiện bảo hộ lao động. Nhà nước quan tâm đầu tư xây dựng các trại giam nhằm từng bước cải thiện điều kiện chỗ ở cho phạm nhân. Tại các trại giam đều có bệnh xá và đội ngũ thầy thuốc khám, chữa bệnh, khi phạm nhân vào trại được kiểm tra, có sổ y bạ theo dõi sức khỏe, nếu mắc bệnh hiểm nghèo được điều trị tại bệnh xá của trại giam hoặc đưa đến các bệnh viện Nhà nước chữa trị. Việc bảo đảm các chế độ ăn, mặc, ở và phòng chữa bệnh cho phạm nhân ở các trại giam hiện nay là sự quan tâm và cố gắng rất lớn của Nhà nước ta, thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước luôn luôn quan tâm đến con người, vì con người [49, tr. 59-62].

Trong thời gian chấp hành án phạt tù phạm nhân lao động kết hợp với học nghề để họ có thể tìm kiếm việc sau khi chấp hành xong án phạt tù. Tại các trại giam đã thành lập các trung tâm xúc tiến việc làm để hướng nghiệp, dạy nghề cho phạm nhân và tổ chức kiểm tra, sát hạch và cấp chứng chỉ, tạo điều kiện cho họ tìm kiếm việc làm, tái hòa nhập cộng đồng, ổn định cuộc sống sau khi chấp hành xong hình phạt tù [18, tr. 54-59].

Các trại giam đã tổ chức các lớp xóa mù chữ cho phạm nhân chưa biết chữ, phổ cập tiểu học cho phạm nhân là người chưa thành niên. Tất cả phạm nhân ở trại giam được tổ chức học tập, phổ biến thông tin thời sự, đường lối, chính sách của Đảng, được giáo dục đạo đức, pháp luật. Các buồng ở của phạm nhân đều được trang bị vô tuyến truyền hình để phạm nhân xem nâng cao nhận thức, tiếp thu những thông tin có lợi cho sự phát triển tinh thần, đạo đức của họ. Ở nhiều trại giam đã tổ chức thư viện, phòng đọc cho phạm nhân nghiên cứu, học tập, giải trí. Ngoài thông tin thời sự, chính sách, phạm nhân còn được giáo dục pháp luật, giáo dục truyền thống, nếp sống đạo đức, các trại giam thường xuyên tổ chức hoạt động vui chơi, giải trí, nâng cao thể lực và trí tuệ cho phạm nhân. Hoạt động thể thao như bóng đá, bóng chuyền và các môn thể thao khác. Hoạt động văn hóa, văn nghệ như phạm nhân viết báo tường dưới dạng văn, thơ, hò, vè, truyện ngắn, phạm nhân được thành lập các đội văn nghệ để phục vụ tại trại giam [16]. Tổng cục VIII đã nhiều lần tổ chức các hội thi của phạm nhân giữa các trại với nhau trong khu vực

như hội thi tay nghề phạm nhân, hội thao phạm nhân, hội thi tiếng hát tình đời của phạm nhân. Tất cả các hoạt động đó đều nhằm mục đích cải thiện và khích lệ tinh thần lành mạnh cho phạm nhân, giảm đến mức thấp nhất những khác biệt giữa cuộc sống trong tù và cuộc sống tự do vốn có của con người, đồng thời thể hiện sự tôn trọng giá trị của họ với tư cách là con người. Đây là những hoạt động mang ý nghĩa nhân văn, nhân đạo sâu sắc, được dư luận xã hội đồng tình ủng hộ.

Trong quá trình thi hành án, các cơ quan thi hành án tác động trực tiếp tới đối tượng phải thi hành án để họ tự giác thi hành hoặc áp dụng các biện pháp buộc họ phải thi hành nghĩa vụ đã được xác định trong bản án, quyết định của Tòa án; giáo dục họ ý thức tôn trọng pháp luật, tôn trọng lợi ích của cá nhân, của Nhà nước và xã hội, giáo dục họ trở thành công dân có ích cho xã hội. Phương pháp ở đây là thuyết phục giáo dục và mệnh lệnh hành chính [19, tr. 140].

Điều 27 BLHS năm 1999 quy định mục đích của hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống XHCN, ngăn ngừa họ phạm tội mới. Hình phạt còn nhằm giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm [61].

*Thứ ba*, giáo dục ý thức tôn trọng pháp luật, thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa tội phạm nói chung, động viên, khuyến khích sự tham gia của xã hội và công dân vào cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm [13, tr. 455], [95, tr. 39].

Thi hành hình phạt tù không chỉ nhằm trừng trị mà còn giáo dục người phạm tội trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống XHCN, ngăn ngừa họ phạm tội mới. Đây là mục đích chính và là nội dung cơ bản của bản chất hình phạt trong luật hình sự nước ta. Mục đích này không chỉ được thể hiện ngay trong nội dung các loại hình phạt mà nó còn được thể hiện ở nhiều chế định khác trong BLHS, đặc biệt là các chế định về quyết định hình phạt, các chế định về miễn, giảm thời hạn chấp hành hình phạt, về đặc xá, về xóa án tích và các quy định về THAPT trong các trại cải tạo... [61]. Tất cả các quy định cũng chỉ nhằm một mục đích là cải tạo, giáo dục người phạm tội trở thành người có ích cho xã hội.

Mục đích của thi hành hình phạt tù còn nhằm giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm. Nội dung của mục đích này không nhằm vào người phạm tội mà nhằm vào cộng đồng xã hội, có tính chất răn đe phòng ngừa. Mọi người nhìn vào hình phạt để có những xử sự đúng đắn, tôn trọng pháp luật, nếu không họ cũng có thể bị xử phạt như những người phạm tội, đồng thời nhắc nhở mọi người trong cộng đồng xã hội chớ có phạm tội, nếu đã có ý định phạm tội thì phải dừng lại, nếu không dừng lại ắt phải chịu hậu quả. Đặt ra mục đích này vừa có tính chất răn đe, vừa có tính chất giáo dục để mọi người tránh xa nó.

*Tóm lại,* Các ý nghĩa này của THAPT có mối quan hệ khăng khít, bổ trợ cho nhau và cùng phục vụ việc thực hiện nhiệm vụ chung của tư pháp hình sự [95, tr. 39].

Có thể thấy được ý nghĩa của việc THAPT nhằm giáo dục, cải tạo người bị kết án tù trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội. Ngoài ra, việc THAPT có ý nghĩa làm cho bản án của Tòa án đã được thi hành trên thực tế, bảo đảm cho các giai đoạn tố tụng trước có ý nghĩa. Bên cạnh đó, việc THAPT không chỉ có ý nghĩa phòng ngừa riêng đối với người phạm tội mà còn giáo dục người khác có ý thức tôn trọng pháp luật, thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa tội phạm nói chung, động viên, khuyến khích sự tham gia của xã hội và công dân vào cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm.

### **2.2.2. Nội dung thi hành án phạt tù**

Hình phạt tù giam có thời hạn hoặc chung thân được áp dụng đối với người bị kết án phạt tù nhằm tước bỏ quyền tự do cư trú, đi lại của người bị kết án trong một khoảng thời gian nhất định hoặc vô thời hạn, buộc họ phải sống và làm việc trong trại giam do Nhà nước quy định. Do vậy, việc thi hành hình phạt tù giam hay nói cách khác là THAPT có những nội dung sau đây:

*Thứ nhất,* thủ tục THAPT phải theo trình tự nhất định, đảm bảo người bị kết án phải chấp hành hình phạt tù [58, tr. 492].

Bản án phạt tù được thi hành sau khi có quyết định thi hành án của Chánh án Tòa án đã xét xử sơ thẩm. Trong trường hợp người bị kết án đang bị tạm giam thì theo yêu cầu của người thân thích người bị kết án, cơ quan Công an phải cho phép người bị kết án gặp người thân thích trước khi thi hành án. Ban giám thị trại giam phải thông báo cho gia đình người bị kết án biết nơi người đó chấp hành hình phạt.

Trong trường hợp người bị kết án đang tại ngoại, nếu quá thời hạn mà không có mặt tại cơ quan Công an để chấp hành án thì người bị kết án sẽ bị áp giải. Trong trường hợp người đang chấp hành án hình phạt tù mà trốn khỏi trại giam thì cơ quan Công an ra quyết định truy nã, tổ chức bắt theo lệnh truy nã. Người đang THAPT mà trốn có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội trốn khỏi nơi giam giữ [62].

Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án phải theo dõi việc thi hành án. Cơ quan Công an phải thông báo bằng văn bản cho Tòa án về việc bắt người bị kết án để thi hành án hoặc lý do chưa bắt được và biện pháp cần áp dụng để bảo đảm việc thi hành án [62], [64].

*Thứ hai*, người bị kết án phạt tù có thể được hoãn chấp hành hoặc tạm đình chỉ chấp hành khi có những điều kiện nhất định [13, tr. 476-479], [58, tr. 493].

Đối với người bị xử phạt tù đang được tại ngoại, Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án có thể tự mình hoặc theo đề nghị của Viện kiểm sát, cơ quan Công an cùng cấp hoặc người bị kết án cho hoãn chấp hành hình phạt tù trong trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 61 BLHS năm 1999 (Bị bệnh nặng được hoãn cho đến khi sức khỏe được hồi phục; phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, thì được hoãn cho đến khi con đủ 36 tháng tuổi; là người lao động duy nhất trong gia đình, nếu phải chấp hành hình phạt tù thì gia đình sẽ gặp khó khăn đặc biệt, được hoãn đến một năm, trừ trường hợp người đó bị kết án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc các tội khác là tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng; bị kết án về tội ít nghiêm trọng, do nhu cầu công vụ, thì được hoãn đến một năm) [13, tr. 477] [61].

Chậm nhất là bảy ngày trước khi hết thời hạn hoãn chấp hành hình phạt tù, Chánh án Tòa án đã cho hoãn chấp hành hình phạt tù phải ra quyết định thi hành án và phải gửi ngay quyết định thi hành án cùng bản án, quyết định phạt tù đã có hiệu lực pháp luật cho cơ quan Công an cùng cấp và người bị kết án trước khi hết thời hạn hoãn chấp hành hình phạt tù. Nếu quá thời hạn bảy ngày, kể từ ngày hết thời hạn hoãn chấp hành hình phạt tù, người bị kết án không có mặt tại cơ quan Công an để đi chấp hành hình phạt tù mà không có lý do chính đáng, thì cơ quan Công an phải áp giải người bị kết án đi chấp hành hình phạt tù.

Đối với người đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam có thể được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù khi họ, hoặc là bị bệnh nặng cần phải chữa bệnh; hoặc là phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi; hoặc là người lao động duy nhất trong gia đình, nếu phải tiếp tục thi hành hình phạt tù thì gia đình sẽ gặp khó khăn đặc biệt; hoặc là do nhu cầu công vụ. Tuy nhiên, việc tạm đình chỉ thi hành hình phạt tù phải theo đề nghị của Viện kiểm sát hoặc của Ban giám thị trại giam nơi người bị kết án đang chấp hành hình phạt tù. Chánh án Tòa án cấp tỉnh nơi người đang chấp hành hình phạt tù, hoặc Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án có thể cho người đó được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù trong từng trường hợp cụ thể [13, tr. 479], [62].

Người được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù được giao cho chính quyền xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi họ cư trú hoặc làm việc quản lý. Họ không được tự ý đi nơi khác, nếu không được phép của chính quyền xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức quản lý họ. Nếu trong thời gian được hoãn hoặc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù mà người bị kết án có hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc có căn cứ cho rằng người đó bỏ trốn thì Chánh án Tòa án đã cho hoãn hoặc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù hủy bỏ quyết định đó và ra quyết định thi hành án để bắt họ đi chấp hành hình phạt tù. Quyết định thi hành án được gửi cho cơ quan Công an cùng cấp nơi Tòa án đã ra quyết định. Ngay sau khi nhận được quyết định thi hành án, cơ quan Công an phải tổ chức bắt, áp giải người bị kết án đi chấp hành hình phạt tù.

Chậm nhất là bảy ngày trước khi hết thời hạn tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù, Chánh án Tòa án đã cho tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù phải ra quyết định thi hành án đối với phần hình phạt còn lại và phải gửi ngay quyết định đó cho cơ quan Công an cùng cấp nơi Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ và người bị kết án. Nếu quá thời hạn bảy ngày, kể từ ngày hết thời hạn tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù, người bị kết án không có mặt tại cơ quan Công an để đi chấp hành hình phạt tù mà không có lý do chính đáng, thì cơ quan Công an phải áp giải người bị kết án đi chấp hành hình phạt tù [13, tr. 480], [64].



Việc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù để xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm phải do người đã kháng nghị hoặc do Tòa án cấp giám đốc thẩm hoặc tái thẩm quyết định [62], [64].

### **2.2.3. Nguyên tắc của thi hành án phạt tù**

Các nguyên tắc cơ bản của THAPT là những phương châm, định hướng chi phối toàn bộ giai đoạn THAPT trong quá trình xây dựng và áp dụng pháp luật THAPT [75, tr. 21]. Những nguyên tắc này thể hiện chính sách hình sự, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta là kết hợp trừng trị và giáo dục cải tạo trong việc thi hành án. Vì vậy, trong quá trình xây dựng pháp luật và áp dụng pháp luật về THAPT, những nguyên tắc cơ bản của Luật tổ tụng hình sự và Luật THAHS cần được quán triệt và thực hiện nghiêm chỉnh.

Luật tổ tụng hình sự năm 2003 quy định:

Bộ luật tổ tụng hình sự quy định trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng; nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của những người tiến hành tố tụng; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng, của các cơ quan, tổ chức và công dân; hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự, nhằm chủ động phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm, phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội [62].

Như vậy, những nguyên tắc cơ bản của THAHS nói chung và THAPT nói riêng được quy định cụ thể trong Chương 2 "*Những nguyên tắc cơ bản*" của BLTTHS năm 2003 và Điều 4 "*Nguyên tắc thi hành án hình sự*" của Luật THAHS năm 2010 [62], [64].

Xuất phát từ nội dung của các nguyên tắc cơ bản trong tố tụng hình sự và THAHS, là sự thể hiện quan điểm, đường lối và chính sách của Nhà nước ta trong xây dựng và áp dụng pháp luật THAHS nhằm hoàn thiện quá trình THAHS được vận hành một cách thống nhất, đồng bộ trong phạm vi toàn quốc, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế, giữ vững bản chất Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền XHCN, ngăn ngừa có hiệu quả và xử lý kịp thời, nghiêm minh các loại tội phạm,

bảo vệ trật tự kỷ cương, đảm bảo và tôn trọng các quyền dân chủ, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức và công dân [58, tr. 66]... Cách nghiên cứu các nguyên tắc của THAPT trong luận án này theo các nhóm sau đây:

*Nhóm những nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN trong THAPT:*

Pháp chế XHCN đòi hỏi pháp luật được ban hành và áp dụng trong thực tế cuộc sống phải được thực thi nghiêm ngặt, kiên quyết đấu tranh chống tình trạng vi phạm pháp luật. Thực tế áp dụng pháp luật chỉ ra, không phải tất cả mọi công dân, mọi cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước đều tự giác tuân thủ pháp luật, mặc dù họ đề biết đó là vi phạm pháp luật. Chính điều này đặt ra yêu cầu tối cao của pháp chế XHCN là phải phát hiện và xử lý nghiêm túc những trường hợp vi phạm pháp luật, không kể vi phạm đó là nhỏ hay lớn, nghiêm trọng hay không nghiêm trọng và người vi phạm có hay không có vị trí, chức vụ nào trong xã hội [58, tr. 67].

Nội dung của nhóm nguyên tắc này thể hiện ở việc các quy định của pháp luật về thi hành bản án phạt tù phải được tuân thủ, chấp hành nghiêm chỉnh, nhất quán [75, tr. 23], [95, tr. 48]. Yêu cầu đó, trước hết phải được quán triệt trong toàn bộ công tác tổ chức và trong hoạt động tác nghiệp của các cơ quan, cán bộ, chiến sĩ thi hành bản án phạt tù. Các cơ quan thi hành án có trách nhiệm tổ chức thi hành nghiêm chỉnh các bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, loại bỏ sự tùy tiện, vô tổ chức, thiếu kỷ luật trong lĩnh vực thi hành bản án và xử lý nghiêm minh mọi biểu hiện vi phạm pháp luật khi thi hành bản án, bao gồm những vi phạm pháp luật từ phía những người có nghĩa vụ chấp hành bản án và những người có trách nhiệm tổ chức việc thi hành án.

Bản án, Quyết định của Tòa án khi đã có hiệu lực phải được thi hành trên thực tế. Đối với bản án phạt tù đã có hiệu lực thì Chánh án Tòa án đã xét xử sơ thẩm phải ra quyết định thi hành án hoặc ủy quyền cho Tòa án khác ra quyết định thi hành án trong một thời hạn nhất định. Khi nhận được quyết định thi hành án, cơ quan THAPT và người phải chấp hành án phải nghiêm chỉnh chấp hành. Mọi cá nhân, cơ quan, tổ chức phải tạo điều kiện cho cơ quan thi hành án thực hiện đúng thẩm quyền của mình, nghiêm cấm mọi hành vi cản trở việc thi hành án.

*Nhóm các nguyên tắc bảo đảm quyền con người, các quyền cơ bản của công dân trong THAPT:*

Khoản 1 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 quy định: "Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật" [65]. Trong biểu hiện cụ thể, nhóm các nguyên tắc bảo đảm quyền con người thể hiện ở việc pháp luật nghiêm cấm các hành vi đầy đoạ, hành hạ về thể xác, các hành vi xâm phạm nhân phẩm, danh dự đối với phạm nhân. Nhóm các nguyên tắc này cũng thể hiện ở quy chế giảm, miễn, hoặc tạm đình chỉ THAPT, ở việc quy định rõ chế độ sinh hoạt, ăn, ở, học tập, lao động nghề nghiệp trong thời gian thi hành án [35, tr. 165], [49, tr. 59-62].

Với mục tiêu hướng tới bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của phạm nhân, nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác THAHS. Đồng thời chủ động góp phần tích cực ngăn chặn đấu tranh chống những âm mưu và hoạt động sử dụng vấn đề nhân quyền để xuyên tạc, vu cáo vi phạm nhân quyền trong lĩnh vực THAPT. Đảng ủy Tổng cục VIII quán triệt, thực hiện chỉ thị của Ban Bí thư về công tác nhân quyền trong tình hình mới với một số yêu cầu sau [49, tr. 59-62]:

Tiếp tục tuyên truyền, giáo dục cán bộ chiến sĩ nhận thức sâu sắc quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quyền con người, nâng cao nhận thức ý nghĩa tầm quan trọng của công tác bảo vệ nhân quyền và đấu tranh với những luận điệu sai trái về nhân quyền trong tình hình mới.

Tiếp tục nghiên cứu tổng kết thực tiễn, tham gia xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về quyền con người đặc biệt là trong lĩnh vực THAHS và HTTP cho phù hợp với điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội và các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.

Tổ chức quán triệt và thực hiện nghiêm Luật THAHS; tạo bước chuyển biến quan trọng và nâng cao chất lượng công tác THAPT. Tăng cường công tác quản lý can phạm, phạm nhân, trại viên bảo đảm quản chế, giám sát nghiêm ngặt, chặt chẽ. Đồng thời bảo đảm tính nhân đạo, không thể xảy ra đột xuất, bất ngờ và nảy sinh tình trạng khiếu kiện phức tạp, ảnh hưởng chất lượng hiệu quả công tác THAHS.

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng, thường xuyên trao đổi thông tin liên quan nhằm phục vụ tốt cho công tác giám giữ các loại đối tượng nhất là số được tổ chức, nước ngoài quan tâm, không để sơ hở cho phạm nhân lợi dụng thông tin trái phép ra bên ngoài và ngược lại. Chủ động cung cấp thông tin, trao đổi thông tin đúng quy định, phục vụ đắc lực cho hoạt động tuyên truyền của các kênh thông tin hợp pháp về thành tựu nhân quyền trong công tác THAHS.

Thực hiện tốt chế độ chính sách pháp luật đối với phạm nhân về ăn, ở, mặc, khám chữa bệnh, học tập, lao động, thăm gặp thân nhân gia đình, khiếu nại, tố cáo... làm tốt công tác giáo dục, tuyên truyền cho phạm nhân về các chủ trương chính sách nhân đạo, pháp luật của Đảng, Nhà nước và thành tựu về bảo đảm quyền con người ở Việt Nam.

Chỉ đạo theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn các đơn vị tiến hành tự kiểm tra, thanh tra phát hiện, khắc phục kịp thời các thiếu sót, vi phạm, xử lý cán bộ chiến sĩ sai phạm theo quy định. Đồng thời thực hiện công tác thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật, nhiệm vụ công tác của các đơn vị và cán bộ, chiến sĩ thuộc Tổng cục. Tiếp nhận, xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến vấn đề nhân quyền và đề xuất các biện pháp phòng ngừa sai phạm theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của Bộ Công an [49, tr. 59-62].

Như vậy, trong những năm vừa qua, quyền con người nói chung và quyền con người trong THAPT nói riêng ở Việt Nam nhìn chung được thực hiện tốt. Điều đó được thể hiện thông qua những thành tựu đã đạt được về pháp luật và hoạt động THAPT nhằm bảo đảm quyền con người. Các quy định của pháp luật bảo đảm quyền con người trong THAPT ngày càng đầy đủ, phù hợp với thực tiễn hơn. Hoạt động THAPT cũng ngày càng tiến bộ qua các năm, bảo đảm được mục đích của THAPT là cải tạo giáo dục phạm nhân trở thành người lương thiện có ích cho xã hội. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế mà chúng ta cần phải khắc phục như chế độ ăn, ở, lao động của phạm nhân để khắc phục điều này chúng ta phải có những bước đột phá trong THAPT, cụ thể như là để giải quyết vấn đề quá tải trong các trại giam thì việc nghiên cứu chế định *tha tù trước thời hạn có điều kiện* là điều cần thiết và tăng cường hợp tác quốc tế trong THAPT để có thể hội nhập quốc tế trong lĩnh vực

THAPT, giải quyết các vấn đề bức xúc về nhân quyền trong đó có quyền của phạm nhân cho phù hợp với quốc tế.

*Nhóm các nguyên tắc riêng (đặc thù) trong THAPT:*

- Kết hợp trừng trị và giáo dục cải tạo trong việc thi hành án; áp dụng biện pháp giáo dục cải tạo phải trên cơ sở tính chất và mức độ phạm tội, độ tuổi, giới tính, trình độ văn hóa và các đặc điểm nhân thân khác của người chấp hành án. Xuất phát từ mục đích của thi hành bản án hình sự của Tòa án và từ yêu cầu bảo đảm hiệu quả của hoạt động THAHS nói chung, sự tự nguyện trong THAPT là một trong những yếu tố quan trọng tạo điều kiện cho hoạt động thi hành bản án phạt tù của Tòa án được diễn ra thuận lợi, có hiệu quả, tránh được những chi phí không cần thiết. Do vậy, pháp luật THAHS có các quy định khuyến khích phạm nhân tự nguyện thực hiện các nghĩa vụ mà bản án của Tòa án yêu cầu và tạo ra thủ tục cần thiết để họ thực hiện sự tự nguyện đó. Trong trường hợp người phải thi hành bản án phạt tù không tự nguyện thi hành, việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế đối với họ là cần thiết để hoạt động thi hành bản án đạt được mục đích đề ra. Biện pháp cưỡng chế bắt buộc phải thi hành xem như là biện pháp cuối cùng để bảo đảm hiệu lực, tính nghiêm minh của pháp luật và của bản án. Khi thực hiện các biện pháp giáo dục, cưỡng chế, nhằm bảo đảm được hiệu quả cao trong công tác thi hành bản án phạt tù thì cần phải tính đến các yếu tố về tính chất và mức độ phạm tội, độ tuổi, giới tính, trình độ văn hóa và các đặc điểm nhân thân của người chấp hành án [95, tr. 58].

- Thi hành án phạt tù đối với người chưa thành niên chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành người có ích cho xã hội bởi vì sự nhận thức về hành vi của họ còn hạn chế. Nội dung của nguyên tắc này thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước ta đối với người chưa thành niên phạm tội. Hình phạt tù chỉ áp dụng với người chưa thành niên trong trường hợp thật cần thiết. Do vậy, khi họ thực hiện hành vi phạm tội và bị kết án hình phạt tù thì mục đích của hình phạt tù chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ người chưa thành niên phát triển lành mạnh về thể chất, tinh thần, trở thành những công dân có ích cho xã hội [13, tr. 525].

- Khuyến khích người chấp hành án phạt tù ăn năn hối cải, tích cực học tập, lao động cải tạo, tự nguyện bồi thường thiệt hại. Trong quá trình thi hành hình phạt tù, cán

bộ trại giam phải tích cực khuyến khích phạm nhân cải tạo tốt, tích cực học tập lao động, bồi thường thiệt hại, giúp họ nhận được chính sách khoan hồng của Nhà nước ta. Đồng thời, chỉ ra mục đích của việc cải tạo tại trại giam đối với họ [75, tr. 33], [95, tr. 57]. Đây là nguyên tắc được thực hiện trong quá trình cải tạo của phạm nhân trong trại giam.

- Bảo đảm sự tham gia của cơ quan, tổ chức, cá nhân và gia đình vào việc giáo dục cải tạo người chấp hành án phạt tù. Thi hành bản án phạt tù không chỉ phụ thuộc nhiều vào sự nỗ lực của các cơ quan thi hành án chuyên trách mà còn phụ thuộc vào sự tham gia của chính quyền địa phương, của các cơ quan nhà nước khác, các tổ chức xã hội và của mọi công dân. Các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội là những đơn vị phối hợp bảo đảm hiệu quả của việc THAPT, đặc biệt khi người bị phạt tù chấp hành xong hình phạt được trở về địa phương thì vai trò của chính quyền địa phương, các tổ chức xã hội được thể hiện rõ, tạo điều kiện để người đã chấp hành xong hình phạt tù có thể tái hòa nhập cộng đồng, ngăn ngừa việc tái phạm. Công dân có trách nhiệm tạo điều kiện cho cơ quan thi hành bản án phạt tù (cơ quan Công an, các tổ chức trong Quân đội) thực hiện nhiệm vụ của mình. Công dân có quyền khiếu nại và tố cáo những việc làm trái pháp luật của cơ quan thi hành bản án phạt tù.

## **2.3. QUY ĐỊNH VỀ THI HÀNH ÁN PHẠT TÙ CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI**

### **2.3.1. Pháp luật thi hành án phạt tù một số nước Châu Âu**

Hầu như mọi quốc gia trên thế giới đều áp dụng hình phạt tù như một biện pháp cưỡng chế hình sự của nhà nước và là một trong những hình phạt chính của hệ thống hình phạt trong luật hình sự. Xuất phát từ điều kiện cụ thể về kinh tế, văn hóa xã hội của mỗi nước nên đã có sự khác nhau trong quá trình vận dụng và có nhiều kinh nghiệm tốt trong quá trình tổ chức và thực hiện. Trong mối liên hệ đó, việc nghiên cứu tiếp thu một cách có chọn lọc những kinh nghiệm hay của các nước trên thế giới trong lĩnh vực hoạt động này đối với chúng ta là hết sức cần thiết và đó cũng là yêu cầu khách quan của quá trình cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay.

#### ***Liên bang Nga***

Bộ luật THAHS của Liên bang Nga (sửa đổi năm 1998) chia làm hai phần:

Phần chung quy định mục đích, nhiệm vụ của pháp luật THAHS, cơ cấu và nội dung của pháp luật THAHS, pháp luật THAHS và các văn bản quốc tế; các văn bản quy phạm pháp luật về thi hành hình phạt, hiệu lực của pháp luật THAHS đối với người bị kết án là quân nhân; hiệu lực của pháp luật THAHS theo thời gian và không gian; căn cứ thi hành hình phạt và các biện pháp có tính chất pháp lý hình sự khác; các nguyên tắc; cải tạo người bị kết án và các phương tiện cải tạo chủ yếu; vị trí pháp lý của người bị kết án; cơ quan, tổ chức thi hành hình phạt và kiểm soát hoạt động của chúng.

Phần riêng có 7 mục quy định về các hình phạt. Trong đó tại Mục III quy định về thi hành hình phạt giam - quy định trình tự và điều kiện thi hành hình phạt giam [75, tr. 175].

Hình phạt tù có thời hạn ở Liên bang Nga được quy định từ 6 tháng đến 20 năm, trong trường hợp tổng hợp bản án có thể lên đến 25 năm. Các trại giam cùng thực hiện chức năng giam giữ, quản chế để trừng phạt, đồng thời tổ chức lao động cải tạo đối với phạm nhân và sản xuất vật chất để đáp ứng nhu cầu của trại và thực hiện các chỉ tiêu pháp lệnh về sản xuất.

Cơ quan THAPT ở nước này được bố trí trong hệ thống cơ quan nội vụ. Quan điểm của nước Nga trước khi chuyển hệ thống THAHS là việc định hướng quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước theo hướng bảo vệ quyền công dân và quyền tự do của mỗi con người cũng như của mỗi công dân. Trên cơ sở được sự ủy nhiệm của Tổng thống Liên bang Nga ngày 31/8/1995 và sự ủy nhiệm của Chính phủ Liên bang Nga ngày 01/9/1995. Bộ Nội vụ Liên bang Nga với sự tham gia phối hợp của các cơ quan liên quan khác đã xây dựng Đề án cải cách hệ thống THAPT thuộc Bộ Nội vụ Liên bang (trong thời gian kéo dài đến năm 2005). Đề án này đã đưa ra kế hoạch về các biện pháp trước mắt, trong đó có việc bảo đảm cho hệ thống THAPT của Liên bang Nga phải tuân thủ các quy định của pháp luật quốc tế và các chuẩn mực quốc tế trong việc đối xử với người bị kết án, bởi vì một trong những tiền đề thúc đẩy nhanh chóng việc chuyển giao quyền quản lý hệ thống THAPT sang bộ quản lý các vấn đề dân sự chính là sự gia nhập của nước Nga vào Liên minh Châu Âu vào năm 1996.

Ngày 23/02/1996, Liên bang Nga ban hành Luật Liên bang *"về việc nước Nga gia nhập Liên minh Châu Âu"*. Do đó, Nga đã nhận về mình hàng loạt những nghĩa vụ, trách nhiệm, mà một trong những số đó là việc phải đưa những quy định của pháp luật trong nước sao cho phù hợp với các quy định và chuẩn mực quốc tế. Vì vậy, ngày 28/7/1998, Tổng thống Liên bang Nga đã ký Sắc lệnh số 904 *"Về việc chuyển giao hệ thống thi hành án phạt tù từ Bộ Nội vụ sang thẩm quyền của Bộ Tư pháp Liên bang Nga"*. Bởi vì, toàn bộ việc chuyển giao hệ thống phải được tiến hành trong vòng một tháng, bao gồm:

- Chuyển giao về mặt tổ chức ở cơ quan trung ương và các cơ quan quản lý ở cấp tỉnh;

- Chuyển giao các trại cải tạo, trường giáo dưỡng cho tội phạm là trẻ vị thành niên, các nhà tạm giữ, các trại tạm giam và trại giam, cũng như các nhà máy quốc doanh, các cơ sở chữa bệnh, trường học, dự án cùng toàn bộ cơ sở vật chất như nhà xưởng, trang thiết bị, phương tiện...

Về bản chất, công cuộc cải cách hệ thống THAHS ở Nga là một quá trình lâu dài và phải trải qua nhiều giai đoạn. Quá trình này đòi hỏi phải tiến hành hàng loạt các biện pháp nhằm bảo đảm trước hết là sự ổn định của hệ thống THAHS và sự thiết lập nền tảng vững chắc về cơ sở pháp lý và cơ sở vật chất để bảo đảm hoàn thành một cách trọn vẹn tất cả các chức năng, nhiệm vụ quyền hạn đã giao cho hệ thống này. Trong đó phải kể đến việc xây dựng các Luật:

- Về việc phục vụ trong hệ thống THAHS;
- Về các doanh nghiệp và các cơ quan thuộc hệ thống THAPT;
- Về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định pháp luật của Liên bang Nga về các vấn đề THAHS.

Kết quả của sự thay đổi thẩm quyền quản lý về mặt tổ chức, hệ thống THAPT đã được công khai, cởi mở đối với các tầng lớp khác nhau của một xã hội công dân. Điều này đã được các chuyên gia của Cộng đồng Châu Âu và các thành viên của các cơ quan bảo vệ pháp luật của quốc tế và của Liên bang Nga khẳng định khi đến thăm nơi người bị kết án chấp hành hình phạt tù [45, tr. 211].



### ***Vương quốc Anh***

Ở Vương quốc Anh pháp luật thi hành hình phạt tù được điều chỉnh bởi án lệ và các đạo luật [75, tr. 177]. Thế kỷ XIX, ở Vương quốc Anh đã bắt đầu thực thi việc thi hành hình phạt tước tự do tương đối tiến bộ, người bị tước tự do đầu tiên bị biệt giam trong một thời gian, sau đó được chuyển sang giam chung với những người khác và kết thúc ở giai đoạn này có thể được tha tù trước thời hạn. Thời gian của từng giai đoạn phụ thuộc vào thái độ của người bị kết án.

Trước tháng 5/2007, nước Anh là một trong những quốc gia duy nhất trong số 47 quốc gia thành viên của Hội đồng Châu Âu mà chức năng giám sát công tác quản lý, điều hành nhà tù không thuộc về Bộ Tư pháp. Đến ngày 09/5/2007, Bộ Tư pháp mới được thành lập tiếp nhận trách nhiệm quản lý hệ thống nhà tù tại Anh. Sự thay đổi này đã xếp Anh cùng hàng với hầu hết các nước trên thế giới có Bộ Tư pháp đảm nhiệm chức năng giám sát công tác quản lý, điều hành các nhà tù.

Việc quản lý các hoạt động liên quan tới tù giam và tù treo là trách nhiệm của cơ quan quản lý phạm nhân quốc gia, một cơ quan thừa hành của Bộ Tư pháp. Nhiệm vụ của cơ quan quản lý phạm nhân quốc gia là thực thi các bản án và quyết định từ các Tòa án của Anh thông qua việc ủy thác các dịch vụ liên quan tới phạm nhân là người đang bị giam giữ trong nhà tù hay quản thúc ở ngoài cộng đồng cho các tổ chức nhà nước, tư nhân và bên thứ ba; cung cấp các dịch vụ công liên quan tới tù giam và giám sát các Ban và Cơ quan ủy thác có chức năng cung cấp các dịch vụ công liên quan tới tù treo [45, tr. 209].

Ở Anh, việc chuyển giao chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà tù từ Bộ Nội vụ sang Bộ Tư pháp rất đơn giản, bởi vì ngày 09/5/2007, Bộ Tư pháp mới được thành lập cho nên Chính phủ quyết định chuyển giao chức năng, nhiệm vụ quản lý hệ thống nhà tù từ Bộ Nội vụ sang Bộ Tư pháp.

### ***Cộng hòa Pháp***

Khác với Vương quốc Anh, pháp luật THAHS Cộng hòa Pháp không có án lệ, mà chỉ bao gồm các đạo luật. Trong BLTTHS của Cộng hòa Pháp hiện hành quy định "Theo yêu cầu của Viện Công tố, bản án được thi hành sau khi có hiệu lực pháp luật". Như vậy, khác với quy định của pháp luật nước ta, bản án của Tòa án Pháp đã có hiệu

lực pháp luật được thi hành ngay, mà không cần phải có quyết định thi hành án của Chánh án Tòa án đã xét xử sơ thẩm hoặc Chánh án Tòa án được ủy thác như nước ta [75, tr. 183].

Về cơ quan THAHS được quy định Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh Tòa sơ thẩm và Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh Tòa phúc thẩm có quyền trực tiếp yêu cầu lực lượng công quyền hỗ trợ để bảo đảm việc thi hành án. Trong mỗi Tòa sơ thẩm có một hoặc nhiều thẩm phán đảm nhiệm chức năng thẩm phán thi hành hình phạt. Các Ủy ban giám sát và giúp đỡ những người tha tù được lập ra tại các Tòa án theo danh sách của Chính phủ quy định bằng Nghị định [75, tr. 184].

Quy định về giam giữ: Một ngày phạt tù được tính là hai mươi tư giờ, một tháng phạt tù được tính là ba mươi ngày. Thời hạn phạt tù được tính từ ngày người bị kết án bị giam theo một bản án có hiệu lực pháp luật.

Việc giáo dục phạm nhân được quy định: Kết quả lao động và học nghề là những tiêu chuẩn đánh giá để bảo đảm việc tái hòa nhập xã hội và đạo đức của phạm nhân. Trong các trại giam, phải tiến hành công tác chuẩn bị cần thiết để bảo đảm hoạt động nghề nghiệp cho người bị giam, nếu họ muốn. Quan hệ lao động của phạm nhân không phải là đối tượng của hợp đồng lao động, trừ những hoạt động tiến hành ở bên ngoài trại giam.

Ở mỗi trại giam, thẩm phán phụ trách thi hành án xác định những thể thức chính của chế độ giam giữ, cải tạo đối với mỗi phạm nhân. Trong phạm vi và điều kiện do pháp luật quy định, thẩm phán phụ trách thi hành án cho phép phạm nhân được hưởng chế độ làm việc bên ngoài trại giam, chế độ bán tự do, được giảm thời hạn chấp hành hình phạt, được tạm đình chỉ thi hành hình phạt, được ra ngoài trại giam có người dẫn giải, được cấp giấy phép ra ngoài trại giam, được phóng thích có điều kiện [75, tr. 185].

### **2.3.2. Pháp luật thi hành án phạt tù một số nước Châu Á**

#### ***Nhật Bản***

Theo pháp luật Nhật Bản quy định về THAPT:

Quyết định của Tòa án phải được thi hành sau khi có hiệu lực cuối cùng. Việc thi hành quyết định phải theo sự chỉ đạo của Công tố viên của Viện công tố bên cạnh Tòa án ban hành quyết định này: Với điều kiện là điều này không áp dụng trong những trường hợp với điều kiện của Điều 70 đoạn 1, Điều 108 đoạn 1

BLTTHS Nhật Bản, hoặc theo sự chỉ đạo của Tòa án hoặc thẩm phán phù hợp với bản chất của quyết định.

Trường hợp quyết định đối với kháng cáo hoặc quyết định của Tòa án cấp thấp hơn phải được thi hành do việc rút lại kháng cáo, công tố viên của viện công tố bên cạnh tòa phúc thẩm phải chỉ đạo thi hành việc này: Với điều kiện là hồ sơ tố tụng nằm ở Tòa án cấp dưới hoặc Viện công tố bên cạnh tòa án này, Công tố viên của Viện công tố bên cạnh Tòa án này phải chỉ đạo việc thi hành quyết định.

Việc chỉ đạo thi hành quyết định phải được làm thành văn bản kèm với bản sao hoặc bản sao tóm tắt quyết định hoặc văn bản tuyên bố quyết định: Với điều kiện là trừ việc chỉ đạo thi hành hình phạt, phải đóng dấu vào bản gốc, bản sao hoặc bản sao tóm tắt quyết định, hoặc bản sao hoặc bản sao tóm tắt văn bản tuyên bố quyết định.

Trường hợp bất kì ai bị phạt tù khổ sai, tù hoặc tạm giam hình sự bị tâm thần, việc thi hành bị hoãn theo chỉ thị của Công tố viên của Viện công tố bên cạnh Tòa án tuyên hình phạt hoặc Viện công tố cấp quận có thẩm quyền tại nơi cư trú của người phải chịu hình phạt cho đến khi những điều kiện này được khôi phục.

Trường hợp việc thi hành hình phạt bị hoãn theo các quy định, Công tố viên phải giao người phải chịu hình phạt cho người giám sát và chăm sóc hoặc người đứng đầu chính quyền địa phương và phải đưa người này vào bệnh viện hoặc bất kì nơi nào khác phù hợp.

Bất kì ai bị hoãn thi hành hình phạt phải bị giam trong một thiết chế hình sự cho đến khi tiến hành biện pháp đề cập tại đoạn trên, và thời hạn này phải được tính vào hình phạt.

Trường hợp tồn tại những nguyên nhân sau liên quan đến người bị phạt tù khổ sai, tù có thời hạn, hoặc tạm giam hình sự, việc thi hành phải bị hoãn theo chỉ đạo của Công tố viên của Viện công tố bên cạnh Tòa án tuyên hình phạt hoặc Viện công tố có thẩm quyền tại nơi cư trú của người chịu hình phạt: Khi có nguy hại lớn đến sức khỏe của người này, hoặc sợ rằng tính mạng không thể được duy trì khi thi hành hình phạt; khi người này mười bảy tuổi hoặc nhiều hơn; khi đã qua một trăm năm mươi ngày sau khi mang thai; khi chưa hết sáu mươi ngày sau khi sinh nở; khi

sợ rằng sẽ phải chịu bất lợi không thể khôi phục được do việc thi hành hình phạt; khi cha mẹ hoặc ông bà của người này từ bảy mươi tuổi trở lên bị ốm nặng hoặc tàn phế; và không có họ hàng chăm sóc; khi con hoặc cháu của người này còn sơ sinh và không có họ hàng chăm sóc; khi tồn tại những nguyên nhân quan trọng khác.

Khi người bị tù có thời hạn hoặc tạm giam hình sự không bị tạm giam, công tố viên phải triệu tập họ để thi hành án. Trường hợp người bị tù khổ sai, tù có thời hạn hoặc tạm giam hình sự bỏ trốn hoặc sợ là người này có thể bỏ trốn, Công tố viên phải ngay lập tức ban hành lệnh tạm giữ, hoặc có thể yêu cầu cảnh sát làm điều này. Trường hợp không biết nơi ở của người bị tù khổ sai, tù có thời hạn, hoặc tạm giam hình sự, Công tố viên có thể yêu cầu Công tố viên cấp trên bắt giữ người này tại thiết chế hình sự. Sau khi nhận được yêu cầu, Công tố viên cấp trên ra lệnh cho Công tố viên thuộc quyền ban hành lệnh tạm giữ. Tên, tuổi, địa chỉ của người bị kết án, tên hình phạt, thời hạn tù, và các vấn đề khác cần thiết cho việc tạm giữ phải được nêu trong lệnh tạm giữ, lệnh phải có tên và dấu của công tố viên hoặc sĩ quan cảnh sát.

### *Úc*

*Về cơ cấu trại giam ở Úc:* Cộng hòa Úc là một quốc gia gồm 6 bang và 2 địa phận lãnh thổ, các bang và địa phận này đều có cơ quan quản lý trại giam. Một số trại giam trung tâm của Úc hoạt động dưới các hình thức tư nhân, nhưng toàn bộ khâu quản lý và cơ sở luật pháp thuộc trách nhiệm của chính quyền riêng của từng bang và từng địa phận. Các bang gồm: Bang Nam Úc, Bang Tây Úc, Bang Victoria, Bang Queensland, Bang New South Wales, Bang Tasmania; hai địa phận là địa phận thủ đô và địa phận bắc Úc [96, tr. 77].

Quan chức điều hành Chính phủ các bang là Thủ tướng, trong khi địa phận phía bắc Úc đứng đầu là các Bộ trưởng. Theo thể chế chính trị của nước Úc, Thủ tướng và Bộ trưởng được phân công phụ trách các lĩnh vực như quản lý trại giam đại diện cho các bang - địa phận trong Quốc hội. Người được phân công phụ trách lĩnh vực trại giam thường là Thứ trưởng.

Khác với một số nước khác, ở Úc không có trại giam quốc gia hoặc liên bang. Theo luật pháp của Cộng hòa Úc, phạm nhân phải thi hành án trong các trại giam

ở những nơi mà đối tượng phạm tội, trừ một ngoại lệ hiện nay là địa phận thủ đô nước Úc (ACT) không có trại giam. Phạm nhân khi có quyết định thi hành án ở ACT sẽ phải THAPT ở bang New South Wales (NSW) theo thỏa thuận của Chính phủ bang NSW. Tuy nhiên, hiện nay Chính phủ ACT đang triển khai xây dựng các trại giam [96, tr. 77].

*Các biện pháp quản lý:* Hệ thống tư pháp của Úc chủ yếu áp dụng một trong bốn biện pháp trừng phạt sau đây đối với người phạm tội: Phạt tiền bồi thường; giam giữ 24/24 giờ ở các mức độ nghiêm ngặt khác nhau; giam giữ định kỳ; chịu sự quản lý cộng đồng, chẳng hạn như tù tại gia, tạm tha có bảo lãnh và lao động cộng đồng.

Việc áp dụng các biện pháp thi hành án này là một trong những điểm khác nhau cơ bản của hệ thống trại giam các bang ở Úc. Mỗi trại giam có thể linh hoạt áp dụng các quyết định thi hành án mà các đối tượng phạm tội giống nhau phải chịu mức án cao như nhau. Do tính chất độc lập của các hệ thống trại giam, những mức án này không cần thiết phải thay đổi trong phạm vi trại giam.

Điểm khác nhau thứ hai giữa các hệ thống trại giam của Úc là ở mức độ quản lý cộng đồng hay tư nhân. Trại giam do tư nhân quản lý đầu tiên ở Úc bắt đầu áp dụng từ ngày 01/01/1990. Lý do chủ yếu để tư nhân hóa trại giam là do tình trạng quá tải và chi phí ngày càng cao của biện pháp quản lý cộng đồng. Từ đó đến nay, việc áp dụng một phần tư nhân hóa trại giam luôn là chuyên đề nghị sự đối với toàn bộ hệ thống trại giam trên nước Úc.

Bên cạnh những điểm khác nhau trên, những điểm giống nhau điển hình đối với phạm nhân ở Úc là: Không được làm việc trong thời gian bắt giữ hoặc xét xử; hầu hết là những đối tượng có thu nhập thấp; trình độ văn hóa thấp; phần lớn là nam giới; phạm nhân người bản xứ chiếm số đông ở tất cả các trại giam.

Đặc biệt, biện pháp quản lý cộng đồng được coi trọng, là một khái niệm có hàm ý rộng áp dụng với các chương trình quản lý không giam giữ theo quyết định của Tòa án đối với những người bị kết án và coi như một sự trừng phạt đối với hành vi của họ. Những biện pháp trừng phạt này có thể là bị hạn chế đi lại, phải lao động và chịu sự giám sát của cộng đồng. Những quy định của quản lý cộng đồng do Tòa án áp dụng đã đưa ra số lượng công việc cụ thể hoặc sự phát triển cá nhân (như dịch

vụ tư vấn hoặc cai nghiện ma túy) và chịu sự giám sát của cơ quan quản lý trại giam cộng đồng [96, tr. 77].

Việc áp dụng mô hình quản lý cộng đồng giữa các trại giam có sự khác nhau đáng kể. Chẳng hạn Tòa án các cấp ở mỗi bang đưa ra các phán quyết khác nhau về mức án không giam giữ đối với các đối tượng vi phạm nhỏ về giao thông, chưa trả nợ đúng hạn hoặc phạm tội lần đầu. Ngoài ra, tất cả các hệ thống trại giam của Úc đã bắt đầu áp dụng chế độ giam giữ định kỳ theo giống mô hình của Newzealand. Đây là một biện pháp quản lý cộng đồng, việc giam giữ định kỳ góp phần ngăn ngừa đối tượng phạm tội trong khi vẫn được phép làm việc và sinh hoạt trong những ngày nghỉ cuối tuần [96, tr. 78].

### **2.3.3. Đánh giá chung**

Qua nghiên cứu về pháp luật THAPT tại các nước điển hình trên, chúng tôi rút ra những nét sau:

*Thứ nhất*, việc THAPT ở các nước tuy có khác nhau nhưng chung quy đều do một hệ thống cơ quan thi hành án thực hiện. Có nước việc quản lý THAPT giao cho Bộ Công an, Bộ Nội vụ, cơ quan Công an, Cảnh sát quản lý các nhà tù, trại giam như Ấn Độ, Indonesia, Malaysia, Myanma, Campuchia, Lào, Anh, ... [35, tr. 16]; có nước việc quản lý THAPT lại giao cho Bộ Tư pháp như Úc, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc... Tuy nhiên, những nước này thì Bộ Tư pháp lại có chức năng giống như Bộ Công an ở Việt Nam như Hoa Kỳ là một điển hình [35, tr. 17]. Ngoài ra, ở nhiều nước như Hoa Kỳ, Anh, Úc để đỡ gánh nặng cho Nhà nước, Chính phủ cho phép công dân thành lập và xây dựng các nhà tù tư nhân theo Luật doanh nghiệp.

*Thứ hai*, dù ở bất cứ nước nào thì THAPT cũng mang tính hai mặt: Vừa mang tính chất tư pháp hình sự vừa có ý nghĩa của quản lý hành chính nhà nước. Chính vì vậy, việc quản lý hệ thống này về mặt nhà nước có khác nhau song tổng quát chung hiện nay đối với các nước trên thế giới về tổ chức bộ máy THAPT thuộc bộ máy công, do Nhà nước đảm nhiệm. Tất cả các nước trên thế giới đều thành lập các nhà tù riêng để giam giữ, cải tạo người chưa thành phạm tội. Sở dĩ phải thành lập các nhà tù riêng này là để có thể áp dụng những chế độ cải tạo, giam giữ riêng phù hợp với lứa tuổi người chưa thành niên. Nhiều nước còn sử dụng biện pháp tạm

tha hay nói cách khác là tù tại gia nhưng có giám sát của cơ quan quản lý THAPT bằng các hình thức khác nhau như phạm nhân phải đeo công điện tử có định vị toàn cầu GPS hay phải lên trình mặt cơ quan quản lý theo lịch hàng tuần, hàng tháng.

*Thứ ba*, các quốc gia trên thế giới đều áp dụng hình phạt tù như một biện pháp cưỡng chế hình sự của nhà nước và là một trong những hình phạt chính của hệ thống hình phạt trong luật hình sự. Việc sử dụng phổ biến nhất của các nhà tù là như một phần của hệ thống tư pháp hình sự, trong đó cá nhân chính thức bị buộc tội hoặc bị kết án về tội phạm được giới hạn trong một nhà tù hoặc đưa ra xét xử để xác định tội lỗi của họ hoặc hoàn thành giai đoạn giam giữ họ đã bị kết án tới sau khi bị kết tội tại phiên tòa của họ.

*Thứ tư*, nhiều nước trên thế giới đã có những đạo luật riêng về THAHS. Mỗi nhà nước đều có những quy định riêng về chế độ giam giữ. Quy chế giam giữ phản ánh khả năng bảo đảm tính nhân đạo và bảo đảm quyền con người trong trại giam. Tùy theo trình độ phát triển kinh tế xã hội của mỗi nước mà mức độ bảo đảm thực hiện các quyền và lợi ích của người tù có khác nhau. Chế độ giam giữ phản ánh rõ nét chính sách hình sự của nhà nước trong việc xử lý vấn đề tội phạm, đặc biệt thể hiện rõ mục đích trừng trị và giáo dục cải tạo đối với người phạm tội.

## **2.4. NHỮNG YÊU CẦU CỦA CẢI CÁCH TƯ PHÁP TRONG THI HÀNH ÁN PHẠT TÙ**

Trong những năm qua, thực hiện các nghị quyết của Đảng, nhất là Nghị quyết 08-NQ/TW, ngày 02-01-2002 của Bộ Chính trị *"về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới"*, công cuộc cải cách tư pháp đã được các cấp ủy, tổ chức đảng lãnh đạo và tổ chức thực hiện với quyết tâm cao, đạt được nhiều kết quả. Nhận thức và sự quan tâm đối với công tác tư pháp có nhiều thay đổi theo hướng tích cực; chất lượng hoạt động tư pháp đã được nâng lên một bước, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định cho sự phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tuy nhiên, những kết quả đó mới là bước đầu và mới tập trung vào giải quyết những vấn đề bức xúc nhất. Công tác tư pháp trong đó có công tác THAHS

còn bộc lộ nhiều hạn chế. Chính sách hình sự và pháp luật về tố tụng tư pháp còn nhiều bất cập, chậm được sửa đổi, bổ sung. Tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, cơ chế hoạt động của các cơ quan tư pháp, cơ quan THAHS còn bất hợp lý. Đội ngũ cán bộ tư pháp, cán bộ THAHS; trình độ nghiệp vụ và bản lĩnh chính trị của một bộ phận cán bộ còn yếu, thậm chí có một số cán bộ sa sút về phẩm chất, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp. Vẫn còn tình trạng oan, sai trong điều tra, bắt, giam giữ, truy tố, xét xử, thi hành án. Cơ sở vật chất, phương tiện làm việc của cơ quan tư pháp còn thiếu thốn, lạc hậu.

Cùng với những mặt hạn chế nêu trên, nhiệm vụ cải cách tư pháp đang đứng trước nhiều thách thức. Tình hình phạm tội diễn biến phức tạp, với tính chất và hậu quả ngày càng nghiêm trọng. Đòi hỏi của công dân và xã hội đối với các cơ quan tư pháp ngày càng cao; các cơ quan tư pháp phải thật sự là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, quyền con người, đồng thời phải là công cụ hữu hiệu bảo vệ pháp luật và pháp chế XHCN, đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm và vi phạm.

Nhiệm vụ phát triển và bảo vệ đất nước, yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN đòi hỏi phải ban hành và thực hiện chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 phù hợp với quá trình đổi mới công tác lập pháp và chương trình cải cách hành chính [24].

Từ những lý do trên, việc cải cách cơ quan THAPT đòi phải được thực hiện đồng bộ với chiến lược cải cách tư pháp nói chung, nhằm xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Mục tiêu của cải cách tư pháp nói chung là xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam XHCN; hoạt động tư pháp được tiến hành có hiệu quả và hiệu lực cao. Để thực hiện được mục tiêu trên thì:

- Cải cách tư pháp phải đặt dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng, bảo đảm sự ổn định chính trị, bản chất Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.



- Cải cách tư pháp phải xuất phát từ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ vững chắc Tổ quốc; gắn với đổi mới công tác lập pháp, cải cách hành chính.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội trong quá trình cải cách tư pháp. Các cơ quan tư pháp, cơ quan hỗ trợ tư pháp phải đặt dưới sự giám sát của các cơ quan dân cử và nhân dân.

- Cải cách tư pháp phải kế thừa truyền thống pháp lý dân tộc, những thành tựu đã đạt được của nền tư pháp XHCN Việt Nam: tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm của nước ngoài phù hợp với hoàn cảnh nước ta và yêu cầu chủ động hội nhập quốc tế; đáp ứng được xu thế phát triển của xã hội trong tương lai.

- Cải cách tư pháp phải được tiến hành khẩn trương, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm với những bước đi vững chắc.

Về chính sách hình sự là một bộ phận chính sách nhằm giải quyết vấn đề hình sự, là chính sách nhằm hạn chế những yếu tố tiêu cực, bất lợi cho sự an toàn trật tự của xã hội liên quan đến tội phạm như một hiện tượng tiêu cực của xã hội có giai cấp và tăng cường hiệu quả đấu tranh của Nhà nước và xã hội đối với hiện tượng đó. Cho nên, chính sách hình sự tác động lên các quá trình xây dựng các hệ thống quy phạm pháp luật hình sự nhằm đấu tranh phòng, chống tội phạm. THAHS là một trong những đối tượng quan trọng của chính sách hình sự. Đặc biệt, chính sách hình sự đối với lĩnh vực THAPT có một vị trí cực kỳ quan trọng trong toàn bộ những nội dung của chính sách hình sự.

Chúng ta đều biết rằng, đổi mới và không ngừng hoàn thiện chính sách hình sự là yêu cầu khách quan do sự biến đổi của tình hình tội phạm và những nghiệp vụ đấu tranh phòng chống tội phạm để bảo đảm điều kiện an toàn cho sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước được tiến triển tốt đẹp. Tất nhiên, để đổi mới và hoàn thiện chính sách hình sự mà không chệch hướng mục tiêu, bảo đảm không chệch định hướng chính trị mà Đảng đã đề ra đòi hỏi phải xác định những tư tưởng và quan điểm cơ bản để đổi mới, hoàn thiện.

Vì thế, việc giải quyết những vấn đề vĩ mô của chính sách hình sự trên lĩnh vực THAPT hiện nay, đòi hỏi phải [35, tr. 130]:

- Giải quyết đồng bộ cùng với vấn đề xác lập các lĩnh vực quản lý nhà nước đối với an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội; xác định đúng đắn tính chất vũ trang

của lực lượng Cảnh sát, xác định đúng đắn tính chất bạo lực trấn áp của nhà tù trong điều kiện đấu tranh giai cấp đang diễn ra gay gắt như hiện nay;

- Bảo đảm phù hợp với điều kiện mới của quan hệ quốc tế và đáp ứng chính sách đổi mới, mở cửa hòa nhập, đáp ứng các yêu cầu về bảo đảm quyền con người và phục vụ tốt cho cuộc đấu tranh nhân quyền của Đảng và Nhà nước, không để địch lợi dụng chống phá ta;

- Bảo đảm trình tự thủ tục thi hành án phạt tù được hiệu quả; bảo đảm giam giữ, quản chế tốt phạm nhân; khẳng định và nâng cao hiệu quả giáo dục lại, nhằm hoàn lương cho những người lầm lỗi, phạm tội, phục vụ tốt yêu cầu bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội.

- Ngày 28/11/2014, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 83/2014/QH13 về việc phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người. Do vậy, việc cải cách tư pháp trong thi hành án phạt tù cần phải xây dựng, hoàn thiện pháp luật để phù hợp với các quy định của Công ước.

Tóm lại, về quan điểm tổng thể, chúng tôi cho rằng, cải cách hệ thống THAPT thực chất là vấn đề cải cách pháp luật thi hành án phạt tù, một vấn đề cực kỳ hệ trọng trong việc xây dựng nhà nước. Việc cải cách hệ thống THAPT phải bảo đảm phù hợp với hệ thống pháp luật thực định cả về tinh thần, bản chất, hệ thống quy phạm và hệ thống phát triển. Bất luận việc tiến hành đổi mới, cải cách trên lĩnh vực nào của hoạt động nhà nước cũng phải tuân thủ chiến lược xây dựng pháp luật, chiến lược cải cách hành chính và cải cách tư pháp mà Đảng và Nhà nước đã đề ra. Việc xây dựng, hoàn thiện chính sách hình sự trong đó có lĩnh vực THAPT cũng không thể đặt ngoài chiến lược cải cách hành chính, chiến lược cải cách tư pháp, chiến lược hoàn thiện hệ thống pháp luật cho đến năm 2020. Vì thế, phải có cách nhìn và xác định chỗ đứng hợp lý cho việc tính toán các bước đi để hoàn thiện chính sách hình sự trên lĩnh vực THAHS nói chung, án phạt tù nói riêng, sao cho những bước đi đó vừa hợp quy luật, vừa thực hiện có hiệu quả nhất, phản ánh đúng đắn nhất những nguyên lý, nguyên tắc tư tưởng đã xác định.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Từ những phân tích về khái niệm, ý nghĩa, bản chất của THAPT, chúng tôi có những đánh giá cơ bản sau:

Thi hành án phạt tù là việc đưa bản án phạt tù đã có hiệu lực pháp luật ra thi hành trên thực tế, tức là buộc người bị kết án phạt tù phải chấp hành hình phạt tại trại giam, trại tạm giam trong thời hạn nhất định được quy định trong bản án.

Về bản chất THAPT là buộc người bị kết án tù chấp hành hình phạt tại trại giam, trại tạm giam nhằm giáo dục họ trở thành người lương thiện. Trong thời gian chấp hành hình phạt, người bị kết án phạt tù phải bị giam giữ, lao động và học tập theo quy định của pháp luật. Hình phạt tù về thực chất là tước một số quyền tự do, giam giữ người bị kết án phạt tù tại trại giam, cách ly người đó khỏi môi trường xã hội bình thường một khoảng thời gian nhất định để thực hiện các mục đích của hình phạt là bảo đảm công lý, công bằng xã hội, cải tạo, giáo dục người phạm tội và phòng ngừa tội phạm.

Căn cứ vào lịch sử phát triển của nước ta, có thể thấy từ khi thành lập nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (1945) đến nay, quy định của pháp luật về thi hành hình phạt tù có những thay đổi cơ bản. Sau khi có Pháp lệnh THAPT năm 1993 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2007), Luật tổ tụng hình sự năm 1988 và Luật tổ tụng hình sự năm 2003 hoạt động THAPT đã có những chuyển biến rõ rệt. Đặc biệt ngày 17/6/2010, Quốc hội thông qua Luật THAHS. Với sự ra đời của Luật THAHS sẽ góp phần nâng cao hiệu quả THAHS, tháo gỡ được các vướng mắc trong lĩnh vực THAHS nói chung và THAPT nói riêng.

Việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật THAPT phải dựa trên những nguyên tắc cơ bản trong THAHS nói chung và THAPT nói riêng, nhằm bảo đảm THAPT đạt hiệu quả cao nhất, bảo đảm các quyền cơ bản của con người trong THAPT.

Học tập kinh nghiệm của nước ngoài, tiếp thu những tiến bộ của các nước phát triển, vận dụng những kinh nghiệm của họ đòi hỏi phải được nghiên cứu vận dụng dựa trên những điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của nước ta. Nghiên cứu xây dựng cơ chế tha tù trước thời hạn có điều kiện của nước ngoài để áp dụng vào điều kiện của nước ta hiện nay có thể giải quyết các vấn đề còn hạn chế trong THAPT hiện nay như vấn đề quá tải, vấn đề bảo đảm quyền con người trong THAPT...

*Chương 3*  
**QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT  
VÀ THỰC TRẠNG THI HÀNH ÁN PHẠT TÙ**

**3.1. QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ THI HÀNH ÁN PHẠT TÙ**

**3.1.1. Quy định của pháp luật Việt Nam về thi hành án phạt tù trước  
khi có Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003**

Từ sau Cách mạng tháng 8/1945 đã mở ra thời kỳ mới cho đất nước Việt Nam, xóa bỏ hoàn toàn chế độ nửa thuộc địa phong kiến, lập nên Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Nhà nước của nhân dân lao động do Đảng lãnh đạo. Cùng với việc củng cố, bảo vệ chính quyền non trẻ, Đảng và Nhà nước ta đã quan tâm đặc biệt đến việc xây dựng và áp dụng pháp luật để bảo vệ Tổ quốc. Do chưa thể có ngay các văn bản pháp luật để điều chỉnh các quan hệ xã hội ở đất nước mới được giải phóng, Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã ban hành Sắc lệnh số 47/SL ngày 10 tháng 10 năm 1945 về việc tạm thời sử dụng luật lệ cũ với điều kiện không được trái với nguyên tắc độc lập của nước Việt Nam và chính thể dân chủ cộng hòa. Sắc lệnh này là biện pháp hết sức kịp thời nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những xáo trộn trong cuộc sống của nhân dân, đồng thời bảo đảm duy trì trật tự xã hội, không phương hại đến nền độc lập và nền dân chủ cộng hòa của đất nước mới giành được chính quyền [4], [53, tr. 13-17].

Ngày 03/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 33B/SL cho phép Ty Liêm phóng (Công an ngày nay) bắt những đối tượng nguy hiểm cho nền dân chủ cộng hòa Việt Nam đưa đi an trí và thành lập các trại giam trực tiếp làm nhiệm vụ trừng trị và giáo hóa phạm nhân là bọn tay sai cho thực dân Pháp và phát xít Nhật, bọn cầm đầu các tổ chức phản động chống phá cách mạng và các bọn tội phạm khác, góp phần bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền cách mạng và an ninh trật tự. Và để thống nhất quản lý các trại giam và thực hiện đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong công tác giam giữ, giáo dục các loại tội phạm. Từ khi thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, văn bản pháp lý có giá trị và tiêu biểu

nhất cho thời kỳ này về tổ chức THAPT, về công tác trại giam được quy định trong Sắc lệnh số 150/SL ngày 7/11/1950 của Chủ tịch nước về tổ chức các trại giam:

Điều 1: Phạm nhân phải giam giữ trong các trại giam để trừng trị và giáo dục.

Điều 2: Bộ Nội vụ có nhiệm vụ và kiểm soát các trại giam trong phạm vi toàn quốc. Bộ Nội vụ có thể ủy quyền cho Ủy ban kháng chiến hành chính liên khu quyền thiết lập và cho Ủy ban kháng chiến hành chính liên khu hoặc tỉnh quyền quản trị.

Điều 3: Bộ trưởng Bộ Tư pháp có nhiệm vụ kiểm soát các trại giam về phương diện giam giữ.

Điều 4: Một Nghị định liên bộ Nội vụ - Tư pháp sẽ ấn định chi tiết thi hành Sắc lệnh này.

Điều 5: Các ông Bộ trưởng Nội vụ, Bộ Tư pháp chiếu Sắc lệnh thi hành [15].

Như vậy, Sắc lệnh đã thể hiện rõ mục đích và ý nghĩa của thi hành hình phạt tù. Vai trò của các nhân, tổ chức trong THAPT, cụ thể là trại giam, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp đã được quy định chức năng nhiệm vụ trong THAPT. Sau này, lực lượng Cảnh sát quản lý trại giam đã lấy ngày 07/11, ngày ban hành Sắc lệnh này là ngày truyền thống của lực lượng cảnh sát quản lý trại giam theo Quyết định số 133/2000/QĐ-BCA(X11) ngày 11/02/2000 của Bộ trưởng Bộ Công an về ngày truyền thống của lực lượng Cảnh sát quản lý trại giam và hiện nay chính là ngày truyền thống của lực lượng Cảnh sát THAHS và HTTP theo Quyết định số 4197/QĐ-BCA-X11 ngày 21/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Công an về ngày truyền thống của lực lượng Cảnh sát THAHS và HTTP.

Những ngày đầu mới thành lập, các trại giam đã tăng cường công tác giáo dục, cảm hóa các đối tượng chủ yếu là địa chủ, cường hào, gián điệp làm tay sai cho thực dân Pháp, tù binh là người nước ngoài, bọn đội lốt tôn giáo phản động, phạm tội hình sự khác... làm cho họ thấy rõ chính sách nhân đạo của Nhà nước ta và tính chất phi nghĩa của cuộc chiến tranh do thực dân Pháp gây ra để ăn năn, hối cải. Nhờ

đó, hàng ngàn phạm nhân đã trở thành người có ích cho cách mạng, góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược [53, tr. 13].

Sau hiệp định Giơ-ne-vơ (ngày 21/7/1954), đế quốc Mỹ trực tiếp nhảy vào thể chân thực dân Pháp xâm lược miền Nam, áp dụng chiến lược chiến tranh thực dân kiểu mới, ngày 14/12/1960, Bộ Công an ra Chỉ thị số 69/VP-P4 về chuẩn bị đối phó với âm mưu gây chiến của Mỹ nguy và về công tác trại giam. Chỉ thị nêu rõ: "Tăng cường công tác bảo vệ trại giam, trại lao cải. Những trại giam khó bảo vệ cần có kế hoạch di chuyển đến nơi an toàn". Thực hiện chỉ thị trên, các trại giam đã khẩn trương chuyển hướng tổ chức quản lý và giáo dục cải tạo cho phù hợp với tình hình thời chiến. Ở miền Bắc, công tác trại giam đã hoàn thành tốt nhiệm vụ giáo dục cải tạo hàng chục vạn phạm nhân thành người lương thiện, trong đó có nhiều đối tượng là tình báo, gián điệp, biệt kích và các loại đối tượng phạm tội hình sự khác, khai thác được nhiều thông tin phục vụ cho công tác phản gián, đánh địch và đấu tranh bảo vệ an ninh trật tự. Ở miền Nam, trong điều kiện chiến tranh hết sức ác liệt, các trại giam trong các khu căn cứ cách mạng đã được hình thành, nhiệm vụ giáo dục cải tạo chủ yếu là giáo dục chính trị, tư tưởng cho số phạm nhân là gián điệp, tình báo, phản động nguy hiểm làm tay sai cho giặc... làm cho họ hiểu được rõ cuộc chiến tranh chính nghĩa của nhân dân ta từ đó yên tâm học tập cải tạo, thay đổi nhận thức, thái độ từ chống đối sang ủng hộ cách mạng. Công tác giáo dục cải tạo phạm nhân trong giai đoạn này, đã góp phần quan trọng vào sự nghiệp cách mạng của dân tộc, đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, bước vào công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc, lực lượng Cảnh sát THAHS ngày càng trưởng thành, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới. Trong thời gian này, công tác giáo dục cải tạo phạm nhân đã làm chuyển hóa tư tưởng gần 10.000 nguy quân, nguy quyền của chế độ cũ, trong đó, có gần 100 tên cấp tướng, Bộ trưởng, Thứ trưởng, Tỉnh trưởng... làm cho họ tin tưởng vào chế độ mới, khai báo nhiều thông tin quan trọng về tổ chức, hoạt động của bộ máy nguy quân, nguy quyền, các tổ chức, đảng phái phản động, tố giác những tên còn lẩn trốn giúp

Bộ Công an có kế hoạch đấu tranh phát hiện những tên nội gián, làm trong sạch nội bộ, phát hiện, đấu tranh làm tan rã kế hoạch hậu chiến của Mỹ và các thế lực phản động.

Thực hiện đường lối mới của Đảng, công tác giáo dục cải tạo phạm nhân đã có chuyển biến, tiến bộ trên nhiều mặt, có tác dụng thúc đẩy phạm nhân tích cực cải tạo tiến bộ. Ngày 28/6/1988, Quốc hội thông qua BLTTHS quy định về thủ tục THAPT, ngày 27/4/1989, Bộ Công an có Chi thị số 123/BNV(C24) về việc tăng cường công tác cải tạo phạm nhân trong tình hình mới. Nhiều trại giam đã chủ động triển khai đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ, đổi mới công tác giáo dục, tạo chuyển biến tích cực, làm cho phạm nhân yên tâm cải tạo tiến bộ, số trốn trại giam đã giảm nhiều và số chết trong trại giam cũng giảm đáng kể. Đầu những năm 1990, sự tan rã của các nước XHCN ở Đông Âu và Liên Xô đã có ảnh hưởng đến tình hình chính trị Việt Nam và công tác THAPT. Trước tình hình đó, Bộ Công an đã có các giải pháp, đổi sách cụ thể để giáo dục cải tạo từng loại đối tượng, nhằm dần dần phân hóa, giáo dục thuyết phục phạm nhân thấy rõ hơn đường lối, chính sách nhân đạo của Đảng, Nhà nước ta.

Ngày 08/3/1993, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua Pháp lệnh THAPT. Ngày 16/9/1993, Chính phủ đã ra Nghị định số 60/CP ban hành Quy chế trại giam. Bộ Công an đã phối hợp với các bộ, ban, ngành ban hành nhiều thông tư hướng dẫn thực hiện về công tác giáo dục cải tạo phạm nhân như: Thông tư số 11/TTLB ngày 20/12/1993, Thông tư số 12/TTLB ngày 20/12/1993... Để tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, phù hợp với thực tiễn, ngày 26/11/2003, Quốc hội thông qua BLTTHS và ngày 19/10/2007, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh THAPT. Tiếp đó, ngày 28/10/2008, Chính phủ ban hành Nghị định số 113/2008/NĐ-CP ban hành Quy chế trại giam thay thế Nghị định số 60/CP. Các văn bản trên là cơ sở pháp lý quan trọng, giải quyết những khó khăn, vướng mắc cho công tác giáo dục cải tạo phạm nhân đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự và an toàn xã hội.

Như vậy, sự phát triển và hoàn thiện về các chế tài hình sự, hành chính, dân sự, công tác thi hành án đã tất yếu dẫn đến hình thành các tổ chức THAHS, dân sự, kinh tế, lao động. Những tổ chức thi hành án chuyên trách được thiết lập trong đó có cơ quan THAPT nói chung và hệ thống thi hành án từ trung ương đến địa phương

được hình thành với cơ cấu tổ chức rõ ràng, cơ chế thi hành án được luật định, đội ngũ cán bộ thi hành án ngày càng được phát triển cả về số lượng và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Có thể thấy, việc thi hành bản án của Tòa án nói chung và THAPT của Tòa án nói riêng được xác định nhằm mục đích không chỉ trừng trị người có tội mà còn giáo dục, cải tạo họ trở thành công dân có ích cho xã hội. Hơn nữa, ngay cả khi trừng trị người phạm tội thì hoạt động THAPT cũng nhằm tới mục đích giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung. Do vậy, hình phạt tù cũng như hình thức thi hành hình phạt này không nhằm mục đích gây đau đớn, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người phạm tội mà chủ yếu tập trung vào việc giáo dục, cải tạo, cảm hóa người phạm tội [19, tr. 37].

Hoạt động THAPT trước khi có Pháp lệnh THAPT năm 1993, mặc dù hoạt động thi hành án nói chung và THAPT nói riêng đã thể hiện được rõ quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước ta đối với người phạm tội nhưng pháp luật về THAPT giai đoạn này chưa có tính hệ thống, chưa đồng bộ và còn giản đơn, thậm chí còn chưa đầy đủ và nhất quán về nguyên tắc, thiếu cụ thể về quyền và nghĩa vụ dẫn đến tồn tại nhiều mâu thuẫn. Trong quá trình thực thi pháp luật, nhiều cán bộ thi hành án chưa quán triệt hết đường lối nghiêm minh nhưng nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta, dẫn đến việc quá lạm dụng các biện pháp cứng rắn, đôi khi là hà khắc, khiến cho người bị THAPT không nhận thức mục đích giáo dục, cải tạo của việc THAPT đối với họ nên không có tâm lý ổn định, thiếu yên tâm cải tạo, làm giảm hiệu quả THAPT [19, tr. 125-128]. Ngoài ra, cũng phải kể đến những bất cập, yếu kém trong công tác quản lý, cải tạo phạm nhân, nhất là sự phối hợp giữa trại giam với các cơ quan, tổ chức, với gia đình phạm nhân cũng như sự phối hợp giữa các trại giam chưa đạt hiệu quả cao. Sau khi có Pháp lệnh THAPT năm 1993 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2007) hoạt động THAPT đã có những chuyển biến rõ rệt.

### **3.1.2. Quy định của pháp luật Việt Nam về thi hành án phạt tù sau khi có Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003**

#### *Về trình tự, thủ tục THAPT*

Theo Điều 256 BLTTHS năm 2003, thủ tục đưa ra thi hành bản án và quyết định của Tòa án: Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày bản án, quyết định sơ thẩm có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày nhận được bản án, quyết định phúc thẩm, quyết định



giám đốc thẩm, quyết định tái thẩm, Chánh án Tòa án đã xử sơ thẩm phải ra quyết định thi hành án hoặc ủy thác cho Tòa án khác cùng cấp ra quyết định thi hành án. Như vậy, thẩm quyền ra quyết định THAPT của Tòa án thuộc về Chánh án Tòa án đã xử sơ thẩm vụ án đó hoặc có thể do Chánh án Tòa án khác cùng cấp được Chánh án Tòa án đã xử sơ thẩm vụ án đó ủy thác trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật [62]. Để Chánh án Tòa án đã xử sơ thẩm ra quyết định thi hành án hoặc ủy thác cho Tòa án khác cùng cấp ra quyết định thi hành đúng thời hạn luật định, thì sau khi kết thúc phiên tòa phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm phải gửi ngay bản sao bản án, quyết định phúc thẩm cho tòa án đã xử sơ thẩm vụ án đó [62], [64].

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định THAPT và hình phạt bổ sung, Tòa án đã ra quyết định phải gửi quyết định thi hành án cho cá nhân, cơ quan sau đây: Người chấp hành án; Viện kiểm sát cùng cấp; Cơ quan THAHS Công an cấp tỉnh, cơ quan THAHS cấp quân khu; Trại tạm giam nơi người phải chấp hành án đang bị tạm giam; Cơ quan THAHS Công an cấp huyện nơi người phải chấp hành án đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ hoặc đang tại ngoại; Sở Tư pháp nơi Tòa án đã ra quyết định thi hành án có trụ sở [13, tr. 473], [64].

Theo Điều 256 BLTTHS năm 2003, Điều 25 Luật THAHS năm 2010 thì khi đưa người bị kết án tù vào trại giam để chấp hành hình phạt, cơ quan THAPT phải bảo đảm có bản án đã có hiệu lực pháp luật; trường hợp xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm thì phải có bản án sơ thẩm kèm theo; quyết định THAPT; quyết định của cơ quan quản lý THAHS đưa người chấp hành án phạt tù đến trại giam, trại tạm giam, cơ quan THAHS Công an cấp huyện; danh bản của người chấp hành án phạt tù; bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng minh quốc tịch đối với người chấp hành án phạt tù là người nước ngoài; phiếu khám sức khỏe và các tài liệu khác có liên quan đến sức khỏe của người chấp hành án phạt tù; bản nhận xét việc chấp hành nội quy, quy chế tạm giam đối với người chấp hành án đang bị tạm giam; các tài liệu khác có liên quan đến việc THAPT [62], [64].

Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày tiếp nhận người bị kết án tù vào trại giam, Giám thị trại giam phải thông báo bằng văn bản cho Tòa án ra quyết định thi

hành án, cơ quan quản lý thi hành án và thân nhân người bị kết án biết. Khi người bị kết án đang bị tạm giam thì theo yêu cầu của người thân thích người bị kết án, cơ quan Công an phải cho phép người bị kết án gặp người thân thích trước khi thi hành án. Khi đã nhận người bị kết án vào chấp hành án tại trại giam, Ban giám thị trại giam phải thông báo cho gia đình người bị kết án biết nơi người đó chấp hành hình phạt. Người bị kết án tù chấp hành hình phạt tại trại giam (còn gọi là phạm nhân) phải được cải tạo, giáo dục tại trại giam tại các khu giam giữ khác nhau phụ thuộc vào tính chất tội phạm, mức án, độ tuổi phạm tội của người đó [64].

Trình tự, thủ tục trả tự do cho người chấp hành xong hình phạt tù theo Điều 40 Luật THAHS năm 2010 quy định: Hai tháng trước khi phạm nhân hết hạn chấp hành án phạt tù, trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, cơ quan THAHS Công an cấp tỉnh, cơ quan THAHS cấp quân khu thông báo cho cơ quan THAHS Công an cấp huyện, UBND cấp xã, cơ quan, tổ chức nơi người chấp hành xong án phạt tù về cư trú, làm việc, cơ quan nhận phạm nhân trích xuất. Nội dung thông báo gồm kết quả chấp hành án phạt tù, hình phạt bổ sung mà phạm nhân còn phải chấp hành và thông tin cần thiết khác có liên quan để xem xét, sắp xếp, tạo lập cuộc sống bình thường cho người đó. Trường hợp không xác định được nơi người chấp hành xong án phạt tù về cư trú thì trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, cơ quan THAHS Công an cấp tỉnh đề nghị với UBND cấp xã nơi phạm nhân chấp hành án hoặc cơ quan, tổ chức khác để tiếp nhận người chấp hành xong án phạt tù về cư trú [95, tr. 250], [64].

Vào ngày cuối cùng của thời hạn chấp hành án phạt tù, trại giam, trại tạm giam, cơ quan THAHS Công an cấp tỉnh hoàn chỉnh thủ tục theo quy định của pháp luật để trả tự do cho phạm nhân; cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt tù cho người đã chấp hành xong án phạt tù, cấp khoản tiền từ quỹ hỗ trợ hòa nhập cộng đồng, cấp tiền tàu xe, tiền ăn trong thời gian đi đường trở về nơi cư trú hoặc nơi làm việc; trả lại đầy đủ giấy tờ, đồ vật, tiền, tài sản khác mà phạm nhân đã gửi tại nơi chấp hành án phạt tù quản lý. Trường hợp người đó không có quần áo thì được cấp một bộ quần áo để về nơi cư trú [64].

Trong thời gian trích xuất phạm nhân ra khỏi nơi chấp hành án để phục vụ điều tra, truy tố, xét xử mà thời hạn chấp hành phần án phạt tù đã hết thì cơ quan có thẩm quyền nêu trên cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù cho người được trích xuất và thông báo cho cơ quan nhận người được trích xuất, cơ quan có liên quan. Cơ quan nhận người được trích xuất có trách nhiệm trả tự do ngay cho người đó; chi trả chi phí đi lại, ăn, ở của người được trích xuất để về nơi chấp hành án giải quyết các thủ tục có liên quan. Cơ quan cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù có trách nhiệm giải quyết các thủ tục, nghĩa vụ, quyền, lợi ích có liên quan của người được trích xuất [64].

Cơ quan đã cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù, giấy chứng nhận đặc xá có trách nhiệm gửi giấy chứng nhận đó cho Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia, Tòa án đã ra quyết định thi hành án, cơ quan chịu trách nhiệm thi hành các hình phạt bổ sung, cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này và thông báo bằng văn bản cho cơ quan thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự [64].

Quy định trên đã thể hiện rõ thẩm quyền và nghĩa vụ của cơ quan thi hành án bản án phạt tù khi phạm nhân chuẩn bị chấp hành xong và chấp hành xong bản án. Đồng thời quy định sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, và chính quyền địa phương, gia đình trong việc giúp đỡ người đã thi hành xong bản án phạt tù của Tòa án để giúp họ có thể tái hòa nhập cộng đồng và sớm trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội.

#### *Quyền và nghĩa vụ của người bị kết án trước khi thi hành án trong trại giam*

Những người bị áp dụng hình phạt tù, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật họ vẫn có quyền làm đơn khiếu nại lên Chánh án Tòa án hoặc Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền kháng nghị để xem xét lại vụ án theo trình tự giám đốc thẩm hoặc tái thẩm. Tuy nhiên, trong thời gian chờ kết quả đơn khiếu nại được chấp nhận hay không được chấp nhận, người bị kết án vẫn phải thực hiện các quyết định của Tòa án nêu trong bản án đã có hiệu lực pháp luật. Người bị xử phạt tù có thể được hoãn chấp hành hình phạt trong các trường hợp khi có đủ các điều kiện theo quy định của BLHS năm 1999 và BLTTHS năm 2003 [61], [62]. Người được hoãn

chấp hành hình phạt tù được Tòa án giao cho chính quyền xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi họ cư trú hoặc làm việc quản lý. Trong thời gian được hoãn chấp hành hình phạt tù, người bị kết án phải tuân thủ pháp luật, chịu sự giám sát của cơ quan, tổ chức hoặc chính quyền địa phương được Tòa án giao nhiệm vụ quản lý người bị kết án. Nếu trong thời gian được hoãn chấp hành hình phạt tù mà người bị kết án có hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc có ý định bỏ trốn thì Chánh án Tòa án đã cho hoãn thi hành hủy quyết định đó và ra lệnh bắt người bị kết án hình phạt tù [13, tr. 478], [64].

Trước khi thi hành án, nếu người bị kết án đang bị tạm giam, theo yêu cầu của người thân thích, người bị kết án có thể gặp gia đình và thân nhân. Người bị kết án dù đang bị tạm giam hay tại ngoại cũng nhưng gia đình của họ được Ban giám thị trại tạm giam thông báo về nơi người đó sẽ chấp hành hình phạt. Đối với người bị kết án đang tại ngoại, trong thời hạn 7 ngày sau khi nhận được quyết định thi hành án, phải có mặt tại cơ quan Công an để đi chấp hành hình phạt tù trong trại giam, nếu vắng mặt sẽ bị áp giải. Tương tự, người bị kết án được hoãn chấp hành hình phạt tù cũng phải có mặt ở cơ quan Công an chậm nhất là 7 ngày trước khi hết thời hạn hoãn chấp hành hình phạt tù để đi chấp hành hình phạt tù, nếu không có mặt thì cơ quan Công an áp giải người đó đi chấp hành hình phạt tù [64], [95, tr. 90].

#### *Chế độ của người bị kết án khi cải tạo tại trại giam, trại tạm giam*

Trong thời gian chấp hành hình phạt tù, người bị kết án có quyền và nghĩa vụ theo Luật THAHS năm 2010 [64]. Người bị kết án khi vào trại giam được gọi là phạm nhân [95, tr. 90].

Chế độ học tập, học nghề và được thông tin của phạm nhân: Phạm nhân phải học pháp luật, giáo dục công dân và được học văn hóa, học nghề. Phạm nhân chưa biết chữ phải học văn hóa để xóa mù chữ. Phạm nhân là người nước ngoài được khuyến khích học tiếng Việt. Phạm nhân được cung cấp thông tin về thời sự, chính sách, pháp luật của Nhà nước [64].

Chế độ lao động của phạm nhân: Phạm nhân được tổ chức lao động phù hợp với độ tuổi, sức khỏe và đáp ứng yêu cầu quản lý giáo dục, hòa nhập cộng đồng [64].

Chế độ ăn, ở đối với phạm nhân: Phạm nhân được bảo đảm tiêu chuẩn định lượng về gạo, rau xanh, thịt, cá, đường, muối, nước mắm, bột ngọt, chất đốt. Đối với phạm nhân lao động nặng nhọc, độc hại theo quy định của pháp luật, thì định lượng ăn được tăng thêm. Ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật, phạm nhân được ăn thêm nhưng mức ăn không quá năm lần tiêu chuẩn ăn ngày thường. Phạm nhân được ở theo buồng giam tập thể, trừ phạm nhân đang bị giam riêng theo quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 27 của Luật THAHS. Chỗ nằm tối thiểu của mỗi phạm nhân là 02 mét vuông ( $m^2$ ). Đối với phạm nhân có con nhỏ ở cùng thì được bố trí chỗ nằm tối thiểu là 03 mét vuông ( $m^2$ ) [64].

Chế độ mặc và tư trang của phạm nhân: Phạm nhân được cấp quần áo theo mẫu thống nhất, khăn mặt, chăn, chiếu, màn, dép, mũ hoặc nón, xà phòng; phạm nhân nữ được cấp thêm đồ dùng cần thiết cho vệ sinh của phụ nữ. Phạm nhân tham gia lao động được cấp quần áo bảo hộ lao động và căn cứ vào điều kiện công việc cụ thể được cấp thêm dụng cụ bảo hộ lao động cần thiết [64].

Chế độ hoạt động thể dục, thể thao, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ đối với phạm nhân: Phạm nhân được hoạt động thể dục, thể thao, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, đọc sách, báo, nghe đài, xem truyền hình phù hợp với điều kiện của nơi chấp hành án [64].

Chế độ đối với phạm nhân nữ có thai, nuôi con dưới 36 tháng tuổi: Phạm nhân nữ có thai nếu không được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù thì được bố trí nơi ở hợp lý, được khám thai định kỳ hoặc đột xuất, được chăm sóc y tế trong trường hợp cần thiết; được giảm thời gian lao động, được hưởng chế độ ăn, uống bảo đảm sức khỏe. Phạm nhân nữ nuôi con dưới 36 tháng tuổi được bố trí thời gian phù hợp để chăm sóc, nuôi dưỡng con. Phạm nhân nữ có con từ 36 tháng tuổi trở lên phải gửi con về cho thân nhân nuôi dưỡng. Trường hợp con của phạm nhân không có thân nhân nhận nuôi dưỡng, thì trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Công an, trại tạm giam thuộc Bộ Quốc phòng, cơ quan THAHS Công an cấp tỉnh, phải đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi phạm nhân chấp hành án chỉ định cơ sở bảo trợ xã hội tiếp nhận, nuôi dưỡng [64].

Chế độ gặp thân nhân, nhận quà của phạm nhân: Phạm nhân được gặp thân nhân một lần trong 01 tháng, mỗi lần gặp không quá 01 giờ, trường hợp đặc biệt thì được kéo dài thời gian nhưng không quá 03 giờ. Phạm nhân được khen thưởng thì được gặp thân nhân thêm một lần trong 01 tháng. Phạm nhân chấp hành nghiêm chỉnh nội quy, quy chế trại giam hoặc lập công thì được gặp vợ hoặc chồng ở phòng riêng không quá 24 giờ [64].

Chế độ liên lạc của phạm nhân: Phạm nhân được gửi mỗi tháng hai lá thư; trường hợp cấp bách thì được gửi điện tín. Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan THAHS Công an cấp huyện phải kiểm tra, kiểm duyệt thư, điện tín mà phạm nhân gửi và nhận. Phạm nhân được liên lạc điện thoại trong nước với thân nhân mỗi tháng một lần, mỗi lần không quá 05 phút [64].

Chế độ chăm sóc y tế đối với phạm nhân: Phạm nhân được hưởng chế độ phòng, chống dịch bệnh. Trại giam, trại tạm giam, cơ quan THAHS Công an cấp huyện phối hợp với trung tâm y tế cấp huyện hoặc bệnh viện quân đội nơi trại giam, trại tạm giam, cơ quan THAHS Công an cấp huyện đóng tổ chức khám sức khỏe cho phạm nhân [64].

#### *Thẩm quyền THAPT của TAND*

Khoản 6 Điều 5 Luật tổ chức TAND năm 2014 quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của TAND:

Ra quyết định thi hành bản án hình sự, hoãn chấp hành hình phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù, giảm hoặc miễn chấp hành hình phạt, xóa án tích, miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước; thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của Bộ luật hình sự, Luật thi hành án hình sự, Luật thi hành án dân sự [66].

Như vậy, Tòa án không phải là cơ quan trực tiếp THAHS nhưng có vai trò quan trọng trong việc THAPT.

Cơ cấu tổ chức của TAND gồm: TANDTC; TAND cấp cao; TAND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; TAND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương; Tòa án quân sự [66].

### *Thẩm quyền THAPT của cơ quan Công an các cấp*

Theo quy định của Luật THAHS năm 2010 thì hệ thống tổ chức cơ quan THAHS gồm cơ quan quản lý THAHS, cơ quan THAHS và cơ quan được giao một số nhiệm vụ THAHS [64], cụ thể:

Cơ quan quản lý THAHS thuộc Bộ Công an có nhiệm vụ, quyền hạn sau: Giúp Bộ trưởng Bộ Công an thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: Tổ chức triển khai thi hành pháp luật về THAHS; chỉ đạo nghiệp vụ, hướng dẫn việc áp dụng thống nhất các quy định của pháp luật về THAHS; tổng kết công tác THAHS; Kiểm tra công tác THAHS; quyết định đưa người chấp hành án phạt tù đến nơi chấp hành án; trực tiếp quản lý các trại giam thuộc Bộ Công an; thực hiện chế độ thống kê, báo cáo; giải quyết khiếu nại, tố cáo về THAHS theo quy định của Luật THAHS; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác do Bộ trưởng Bộ Công an giao [13, tr. 459], [64].

Cơ quan THAHS trong Công an nhân dân gồm:

*Thứ nhất*, trại giam thuộc Bộ Công an. Trại giam có phân trại, khu giam giữ, nhà giam, các công trình phục vụ việc quản lý giam giữ, phục vụ sinh hoạt, chăm sóc y tế, giáo dục cải tạo phạm nhân; các công trình phục vụ làm việc, sinh hoạt của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân, viên chức công tác tại trại giam [13, tr. 460], [64].

*Thứ hai*, Cơ quan THAHS Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là cơ quan THAHS Công an cấp tỉnh) [13, tr. 461], [64].

*Thứ ba*, Cơ quan THAHS Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là cơ quan THAHS Công an cấp huyện) [13, tr. 461], [64].

Cơ quan được giao một số nhiệm vụ THAHS:

*Thứ nhất*, trại tạm giam thuộc Bộ Công an, trại tạm giam thuộc Công an cấp tỉnh [64].

*Thứ hai*, UBND xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là UBND cấp xã) [13, tr. 465].

Như vậy, hệ thống tổ chức THAPT chính là một bộ phận trong cơ cấu tổ chức cơ quan THAHS nói chung. THAPT là chức năng đặc biệt của cơ quan thuộc Bộ Công an được giao nhiệm vụ thi hành hình phạt tù. Cơ quan THAPT là cơ quan chuyên trách (trại giam; trại tạm giam; Cơ quan THAHS Công an cấp tỉnh, cấp

huyện) được nhà nước giao nhiệm vụ thi hành bản án phạt tù của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Về Cơ quan quản lý THAPT ở Bộ Công an là Tổng cục Cảnh sát THAHS và HTTP (Tổng cục VIII).

Nhiệm vụ cơ bản nhất của cơ quan thi hành bản án phạt tù là bảo đảm việc thi hành các bản án phạt tù của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật trong thực tế theo đúng quy định của pháp luật. Tách người phạm tội khỏi môi trường ngoài xã hội trong một thời hạn nhất định nhằm cải tạo, giáo dục người phạm tội, ngăn ngừa họ phạm tội mới đồng thời tạo các điều kiện cần thiết giúp những người chấp hành hình phạt tù tái hòa nhập cộng đồng sau khi chấp hành xong hình phạt tù. Thông qua việc thi hành án giáo dục ý thức pháp luật đối với xã hội nói chung, ngăn ngừa tội phạm, động viên và tạo điều kiện để quần chúng nhân dân tham gia vào công tác thi hành bản án phạt tù, giáo dục người phạm tội, đấu tranh phòng chống tội phạm. Các nhiệm vụ nói trên tuy có tính độc lập tương đối, nhưng có mối quan hệ biện chứng, bổ sung, hỗ trợ cho nhau trong quá trình thi hành bản án phạt tù.

#### *Thẩm quyền THAPT của VKSND*

Hệ thống VKSND gồm: VKSNDTC; VKSND cấp cao; VKSND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là VKSND cấp tỉnh); VKSND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương (sau đây gọi là VKSND cấp huyện); Viện kiểm sát quân sự các cấp [66].

Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam [65], [66]. VKSND kiểm sát hoạt động tư pháp nhằm bảo đảm việc bắt, tạm giữ, tạm giam, THAPT, chế độ tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù theo đúng quy định của pháp luật; quyền con người và các quyền, lợi ích hợp pháp khác của người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, người chấp hành án phạt tù không bị luật hạn chế phải được tôn trọng và bảo vệ; Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật phải được thi hành nghiêm chỉnh.

Như vậy, trong công tác kiểm sát THAPT, VKSND có những nhiệm vụ, quyền hạn chủ yếu sau:



- Kiểm sát việc Tòa án đã xét xử sơ thẩm ra quyết định thi hành án: Điều 256 của BLTTHS quy định về thủ tục đưa ra thi hành bản án và quyết định của Tòa án. Theo đó, trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày bản án, quyết định sơ thẩm có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày nhận được bản án, quyết định phúc thẩm, quyết định giám đốc thẩm, quyết định tái thẩm, Chánh án Tòa án đã xét xử sơ thẩm phải ra quyết định thi hành án hoặc ủy thác cho Tòa án khác cùng cấp và ra quyết định thi hành án [62]. Viện kiểm sát cần xác định Tòa án đã xét xử sơ thẩm ra quyết định thi hành án trong thời hạn 7 ngày theo quy định trên không?

- Kiểm sát việc cơ quan Công an áp giải người bị kết án tù tại ngoại: Viện kiểm sát các địa phương phải theo dõi chặt chẽ, cụ thể đối với từng người bị kết án đang tại ngoại, phối hợp với Tòa án, Cơ quan Công an cùng cấp để quản lý theo dõi, đôn đốc việc thi hành án theo định kỳ tuần hoặc tháng và bản biện pháp giải quyết. Về THAPT, Viện kiểm sát các địa phương cần chủ động phối hợp với cơ quan Công an, Tòa án trong công tác THAPT, bảo đảm nắm chắc các đối tượng bị kết án đang ở ngoài xã hội thuộc phạm vi trách nhiệm bao gồm: những người bị kết án đang tại ngoại, những người bị kết án tù đang được hoãn hoặc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù; những đối tượng trốn trại giam trong khi đang cải tạo, những người đang chấp hành hình phạt tù trong trại giam để theo dõi, yêu cầu cơ quan Công an tổ chức việc áp giải, bắt người bị kết án THAPT, truy nã đối với người bị kết án trốn tránh [62], [64], [66].

- Kiểm sát việc Tòa án ra quyết định hoãn chấp hành hình phạt tù: Các quy định tại Điều 61 của BLHS về điều kiện hoãn chấp hành hình phạt tù là những căn cứ quan trọng để áp dụng trong quá trình kiểm sát thi hành án. Viện kiểm sát nhận đơn của các đương sự hoặc đề nghị của chính quyền, Viện kiểm sát có thể đề nghị Tòa án xét quyết định cho họ được hoãn chấp hành hình phạt tù theo quy định tại khoản 1 Điều 261 của BLTTHS [62], [64], [66].

Viện kiểm sát phải theo dõi chặt chẽ thời hạn người bị kết án tù được hoãn chấp hành hình phạt trước khi hết thời hạn hoãn chậm nhất là 7 ngày, Chánh án Tòa án đã cho hoãn chấp hành hình phạt tù phải ra quyết định thi hành án. Viện kiểm sát

thực hiện kiểm sát việc Tòa án ra quyết định thi hành án và việc cơ quan Công an phải áp giải.

- Kiểm sát quyết định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù: Viện kiểm sát các địa phương trong tổ chức thi hành án chịu trách nhiệm quản lý, theo dõi, đôn đốc việc Tòa án ra quyết định đúng pháp luật; yêu cầu cơ quan Công an truy nã đối với người bị kết án tù được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù bỏ trốn.

- Kiểm sát miễn chấp hành hình phạt: Việc miễn chấp hành hình phạt tù nhất thiết phải có đề nghị của Viện kiểm sát. Theo quy định tại khoản 1 Điều 269 BLTTHS thẩm quyền xét miễn chấp hành hình phạt tù là TAND cấp tỉnh. Khi Tòa án cấp tỉnh xét miễn chấp hành hình phạt tù, đại diện Viện kiểm sát cùng cấp phải tham gia phát biểu quan điểm của mình, đồng thời kiểm sát việc Tòa án xét miễn. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị yêu cầu Tòa án hủy bỏ các quyết định hoãn, xét miễn, tạm đình chỉ hình phạt tù nếu không có căn cứ và trái pháp luật [62], [64], [66].

#### *Thủ tục hoãn chấp hành án phạt tù*

Đối với người bị kết án phạt tù đang được tại ngoại, Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án có thể tự mình hoặc theo đơn đề nghị của người bị kết án, văn bản đề nghị của Viện kiểm sát cùng cấp, cơ quan THAHS Công an cấp huyện nơi người phải chấp hành án cư trú, cơ quan THAHS cấp quân khu nơi người phải chấp hành án làm việc ra quyết định hoãn chấp hành án phạt tù. Đơn đề nghị hoặc văn bản đề nghị phải được gửi cho Tòa án đã ra quyết định thi hành án kèm theo các giấy tờ có liên quan [61], [62], [64].

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được đơn hoặc văn bản đề nghị hoãn chấp hành án phạt tù, Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án phải xem xét, quyết định.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định hoãn chấp hành án phạt tù, Tòa án đã ra quyết định hoãn phải gửi quyết định đó cho cá nhân, cơ quan sau: Người chấp hành án; Viện kiểm sát cùng cấp; cơ quan THAHS Công an cấp tỉnh, cơ quan THAHS cấp quân khu; cơ quan THAHS Công an cấp huyện nơi người được hoãn thi hành án đang cư trú; Sở Tư pháp nơi Tòa án đã ra quyết định thi hành án có trụ sở [13, tr. 476], [61], [62], [64].

Khi nhận được quyết định hoãn chấp hành án của Tòa án, cơ quan THAHS Công an cấp huyện, cơ quan THAHS cấp quân khu phải ngừng việc làm thủ tục đưa người chấp hành án phạt tù đi chấp hành án.

Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc đơn vị quân đội có nhiệm vụ quản lý người được hoãn chấp hành án. Người được hoãn chấp hành án không được đi khỏi nơi cư trú, nếu không được sự đồng ý của UBND cấp xã hoặc đơn vị quân đội đang quản lý người đó.

Cơ quan, đơn vị quân đội quy định trên cứ 03 tháng một lần phải báo cáo việc quản lý người được hoãn chấp hành án với cơ quan THAHS Công an cấp huyện, cơ quan THAHS cấp quân khu để thông báo cho Tòa án đã ra quyết định hoãn chấp hành án.

Trong thời gian được hoãn chấp hành án mà người bị kết án có hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc có căn cứ cho rằng người đó bỏ trốn thì cơ quan quy định trên báo cáo cơ quan THAHS Công an cấp huyện, cơ quan THAHS cấp quân khu để đề nghị Chánh án Tòa án đã ra quyết định hoãn hủy bỏ quyết định đó. Ngay sau khi có quyết định hủy quyết định hoãn chấp hành án, Cảnh sát HTTP hoặc Cảnh vệ tư pháp thực hiện áp giải người chấp hành án để thi hành án. Trường hợp người được hoãn chấp hành án bỏ trốn thì cơ quan THAHS Công an cấp tỉnh ra quyết định truy nã và phối hợp tổ chức truy bắt.

Trong thời gian được hoãn chấp hành án phạt tù mà người được hoãn chấp hành án chết thì thân nhân của người đó hoặc Công an cấp xã, cơ quan được giao quản lý phải báo cáo cho cơ quan THAHS Công an cấp huyện, cơ quan THAHS cấp quân khu để thông báo cho Tòa án đã ra quyết định hoãn chấp hành án phạt tù ra quyết định đình chỉ thi hành án và giải quyết các thủ tục có liên quan.

Chậm nhất là 07 ngày trước khi hết thời hạn hoãn chấp hành án phạt tù, Chánh án Tòa án đã quyết định hoãn chấp hành án phạt tù phải thông báo bằng văn bản và gửi ngay thông báo đó cho người chấp hành án, cơ quan có thẩm quyền thi hành án [13, tr. 478], [61], [62], [64].

#### *Thủ tục tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù*

Trại giam; trại tạm giam thuộc Bộ Công an; trại tạm giam thuộc Bộ Quốc phòng; Cơ quan THAHS Công an cấp tỉnh, cơ quan THAHS cấp quân khu;

VKSND cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu có thẩm quyền đề nghị tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù.

Cơ quan có thẩm quyền nơi phạm nhân đang chấp hành án quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật THAHS năm 2010 có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù và chuyển cho Tòa án có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, Chánh án Tòa án cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu nơi phạm nhân đang chấp hành án phải xem xét, quyết định.

Việc tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù để xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm phải do người đã kháng nghị hoặc do Tòa án cấp giám đốc thẩm hoặc tái thẩm quyết định.

#### *Thủ tục giảm thời hạn chấp hành án phạt tù*

Cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 31 của Luật THAHS có quyền đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù.

Cơ quan có thẩm quyền đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù có trách nhiệm lập hồ sơ và chuyển cho TAND cấp tỉnh, Tòa án quân sự quân khu nơi phạm nhân đang chấp hành án xem xét, quyết định. Hồ sơ đề nghị gồm có: Bản sao bản án; trường hợp xét giảm án từ lần hai thì bản sao bản án được thay bằng bản sao quyết định thi hành án; văn bản của cơ quan có thẩm quyền đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù; kết quả xếp loại chấp hành án phạt tù hàng tháng, quý, 06 tháng, năm; quyết định khen thưởng hoặc giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc phạm nhân lập công; kết luận của bệnh viện cấp tỉnh, bệnh viện cấp quân khu trở lên về tình trạng bệnh tật đối với trường hợp phạm nhân mắc bệnh hiểm nghèo; bản sao quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù đối với trường hợp đã được giảm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, TAND cấp tỉnh, Tòa án quân sự quân khu nơi phạm nhân đang chấp hành án phải mở phiên họp xét giảm và thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát cùng cấp và Viện kiểm sát phải cử Kiểm sát viên tham gia phiên họp. Trường hợp hồ sơ phải bổ sung thì thời hạn mở phiên họp được tính từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, Tòa án phải gửi quyết định đó cho người được giảm thời hạn chấp hành án, cơ quan đề nghị giảm thời hạn chấp hành án, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, Tòa án đã ra quyết định thi hành án, Sở Tư pháp nơi Tòa án ra quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù có trụ sở [13, tr. 486].

#### *Thủ tục miễn chấp hành án phạt tù*

Viện kiểm sát có thẩm quyền nơi người chấp hành án phạt tù đang cư trú hoặc làm việc lập hồ sơ đề nghị TAND cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu xét miễn chấp hành án phạt tù. Hồ sơ gồm có: Bản sao bản án có hiệu lực pháp luật; văn bản đề nghị của Viện kiểm sát có thẩm quyền; đơn xin miễn chấp hành án phạt tù của người bị kết án; bản tường trình của người bị kết án về việc lập công hoặc lập công lớn có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền đối với người bị kết án đã lập công, lập công lớn hoặc kết luận của bệnh viện cấp tỉnh, bệnh viện cấp quân khu trở lên về tình trạng bệnh tật của người bị kết án đối với người bị kết án mắc bệnh hiểm nghèo.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Tòa án có thẩm quyền phải mở phiên họp xét miễn và thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát cùng cấp và Viện kiểm sát phải cử Kiểm sát viên tham gia phiên họp. Trường hợp hồ sơ cần được bổ sung theo yêu cầu của Tòa án thì thời hạn mở phiên họp được tính từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định miễn chấp hành án phạt tù, Tòa án đã ra quyết định miễn chấp hành án phạt tù có trách nhiệm gửi quyết định này cho người được miễn chấp hành án, Viện kiểm sát đề nghị, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, cơ quan THAHS cùng cấp, Tòa án đã ra quyết định thi hành án, UBND cấp xã nơi người đó cư trú, đơn vị quân đội quản lý người đó, Sở Tư pháp nơi Tòa án đã ra quyết định có trụ sở.

Ngay sau khi nhận được quyết định miễn chấp hành án phạt tù, trại giam, trại tạm giam, cơ quan THAHS Công an cấp huyện phải làm thủ tục trả tự do cho người được miễn chấp hành án phạt tù và báo cáo kết quả cho cơ quan quản lý THAHS hoặc cơ quan THAHS cấp trên [13, tr. 487].

*Thi hành án phạt tù đối với người chưa thành niên*

Phạm nhân là người chưa thành niên được giam giữ theo chế độ riêng phù hợp với sức khỏe, giới tính và đặc điểm nhân thân.

Trại giam có trách nhiệm giáo dục phạm nhân là người chưa thành niên về văn hóa, pháp luật và dạy nghề phù hợp với độ tuổi, trình độ văn hóa, giới tính và sức khỏe, chuẩn bị điều kiện để họ hòa nhập cộng đồng sau khi chấp hành xong án phạt tù. Thực hiện bắt buộc học chương trình tiểu học, phổ cập trung học cơ sở và học nghề.

Phạm nhân là người chưa thành niên được lao động ở khu vực riêng và phù hợp với độ tuổi; không phải làm công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại.

Phạm nhân là người chưa thành niên được bảo đảm tiêu chuẩn định lượng ăn như phạm nhân là người thành niên và được tăng thêm về thịt, cá nhưng không quá 20% so với định lượng.

Ngoài tiêu chuẩn mặc và tư trang như phạm nhân thành niên, mỗi năm phạm nhân là người chưa thành niên được cấp thêm quần áo theo mẫu thống nhất và đồ dùng cá nhân khác theo quy chế trại giam.

Thời gian và hình thức tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, nghe đài, đọc sách, báo, xem truyền hình và các hình thức vui chơi giải trí khác phù hợp với đặc điểm của người chưa thành niên.

Phạm nhân là người chưa thành niên được gặp thân nhân không quá ba lần trong 01 tháng, mỗi lần gặp không quá 03 giờ, trường hợp đặc biệt được gặp không quá 24 giờ. Phạm nhân được liên lạc với thân nhân qua điện thoại mỗi tháng không quá bốn lần, mỗi lần không quá 10 phút, có sự giám sát của cán bộ trại giam và tự chịu chi phí.

Nhà nước khuyến khích thân nhân của phạm nhân là người chưa thành niên quan tâm thăm gặp, gửi sách vở, đồ dùng học tập, dụng cụ thể dục thể thao, vui chơi giải trí cho phạm nhân [13, tr. 525-538], [64].

### **3.2. THỰC TRẠNG THI HÀNH ÁN PHẠT TÙ**

#### **3.2.1. Thực trạng về cơ quan có thẩm quyền trong thi hành án phạt tù**

##### *Thực trạng về thực hiện thẩm quyền THAPT của TAND*

Hiện nay, việc THAPT đòi hỏi phải có sự tham gia của nhiều cơ quan tiến hành tố tụng. Trước tiên, việc THAPT đòi hỏi phải có quyết định THAPT của Chánh án TAND đã xét xử sơ thẩm, do vậy, yêu cầu đầu tiên là Tòa án phải có quyết định thi hành án kịp thời để đưa bản án đã có hiệu lực ra thi hành. Theo thống kê của TANDTC hàng năm có rất nhiều số lượng bị cáo bị xét xử sơ thẩm án phạt tù ở các mức khác nhau [78]. (Xem phụ lục 1).

Theo quy định tại Điều 256 BLTTHS năm 2003, thời hạn ra quyết định thi hành án là bảy ngày kể từ ngày bản án, quyết định sơ thẩm có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày nhận được bản án, quyết định phúc thẩm, quyết định giám đốc thẩm, quyết định tái thẩm. Vì vậy, việc ra quyết định thi hành án có đúng thời hạn hay chậm phụ thuộc rất nhiều vào thời gian chuyển giao bản án giữa các bộ phận của Tòa án [55, tr. 44]. Việc chuyển giao bản án hình sự sang bộ phận THAHS hiện nay tại các Tòa án địa phương áp dụng khác nhau, có Tòa án các bản án hình sự sơ thẩm sau khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị bản án có hiệu lực pháp luật Tòa hình sự (hoặc bộ phận xét xử) chuyển các bản án này cho bộ phận thi hành án để ra quyết định, nhưng có Tòa án lại do bộ phận quản lý hồ sơ sau xét xử thuộc Văn phòng Tòa án chuyển và có Tòa án sau khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị chuyển toàn bộ các bản án đã xét xử sơ thẩm cho bộ phận thi hành án vào sổ theo dõi thi hành án và ra quyết định thi hành án. Song, lại có Tòa án chỉ chuyển cho bộ phận thi hành án những bản án hình sự đã có hiệu lực pháp luật và trong trường hợp này bộ phận thi hành án chỉ theo dõi được những bản án được giao còn có bỏ sót, bỏ lọt bản án nào hay không thì không thể biết được [55, tr. 29].

Việc ra quyết định THAHS trong đó có THAPT, phần lớn các Tòa án cấp sơ thẩm đều ra quyết định thi hành án đúng quy định đối với hình phạt chính. Tuy nhiên, còn một số Tòa án địa phương; nơi không có trại giam, đối với những vụ án có nhiều bị cáo, nếu có một bị cáo hoặc một số bị cáo trong vụ án có kháng cáo

hoặc bị kháng cáo, kháng nghị thì bản án đó bị để lại chờ kết quả xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo không có kháng cáo hoặc không bị kháng cáo, kháng nghị với lý do là theo yêu cầu của cơ quan Công an; nếu Tòa án ra quyết định thi hành án đối với các bị cáo không có kháng cáo, kháng nghị thì cơ quan Công an phải chuyển bị án đó đến trại giam để chấp hành hình phạt, việc trích xuất để xét xử phúc thẩm sẽ rất phức tạp về thủ tục và điều kiện thực hiện. Việc không ra quyết định thi hành án nói trên là vi phạm quy định tại Điều 256 BLTTHS năm 2003, nhưng nếu ra quyết định thi hành án thì gây khó khăn cho việc xét xử phúc thẩm [55, tr. 31].

#### *Thực trạng về thực hiện thẩm quyền THAPT của VKSND*

Viện kiểm sát là cơ quan thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp - cơ quan truy tố và buộc tội thì phải có trách nhiệm theo dõi việc thi hành bản án hình sự [35, tr. 116]. Mục đích của công tác kiểm sát là nhằm đảm bảo cho việc giam giữ được thực hiện đúng các quy định của pháp luật, các chế độ đối với người bị giam giữ được chấp hành nghiêm chỉnh. Tính mạng, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người bị giam giữ và các quyền khác của họ không bị pháp luật tước bỏ được tôn trọng; việc thi hành bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và những bản án, quyết định được thi hành ngay theo quy định của pháp luật, nhằm đảm bảo các bản án, quyết định đó được thi hành đúng pháp luật, đầy đủ, kịp thời.

Căn cứ pháp lý của VKSND thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam và THAHS theo quy định của Luật tổ chức VKSND năm 2014 và Luật THAHS năm 2010 [64], [66].

Thực hiện các quy định của pháp luật về việc tạm giữ, tạm giam và THAHS, thời gian qua, các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan quản lý giam giữ, cơ quan THAHS cơ bản thực hiện nghiêm túc các quy định của BLHS năm 1999, BLTTHS năm 2003, Luật THAHS năm 2010, Quy chế về tạm giữ tạm giam, góp phần tích cực trong việc đấu tranh có hiệu quả với các loại vi phạm, tội phạm; góp phần giữ vững trật tự trị an, an toàn xã hội trên cả nước. Phạm nhân chấp hành án phạt tù đều đảm bảo tương đối tốt về trình tự, thủ tục thi hành án và theo quy định của pháp luật; các quyền và lợi ích của người THAHS được đảm bảo và giải quyết kịp thời theo đúng



quy định. Công tác quản lý người bị tạm giữ tại các nhà tạm giữ, trại tạm giam trên cả nước được tăng cường và quan tâm hơn trước; có nhiều tiến bộ, cơ sở vật chất, một số nơi đã được đầu tư, phần nào giảm bớt áp lực cho công tác quản lý giam giữ.

Mặc dù vậy, còn một số tồn tại trong công tác này như: Người bị tạm giam thiếu thủ tục chuyển đi chấp hành án tại các trại giam thuộc trách nhiệm của cơ quan Công an. Một số trại tạm giam chưa kịp thời lập danh sách báo cáo Cơ quan THAHS Công an cấp tỉnh đề nghị đưa người bị kết án phạt tù (đang bị tạm giam đã đủ thủ tục thi hành án) đi chấp hành án; còn đề thiếu thủ tục như: Hồ sơ thiếu lý lịch bị can, thiếu danh chỉ bản, thiếu quyết định truy nã, biên bản bàn giao hồ sơ và không xác định tình trạng sức khỏe... Chậm làm thủ tục chuyển đi thi hành án, chậm áp giải và chậm truy nã còn xảy ra ở nhiều nơi, cho thấy biện pháp tác động và cơ chế phối hợp giữa các khâu công tác nghiệp vụ và các cơ quan hữu quan chưa đủ mạnh, chưa đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa nên hiệu quả của khâu công tác này còn hạn chế.

Đối với cơ quan được giao một số nhiệm vụ THAHS: Vi phạm xảy ra chủ yếu trong công tác quản lý và tổ chức giam giữ, trong thực hiện chế độ, chính sách cơ quan tiến hành tố tụng như: chưa chấp hành đúng thời hạn tạm giam; chậm ra quyết định tạm giam để đảm bảo thi hành án, chậm ra quyết định thi hành án và chậm gửi các quyết định... Như vậy, công tác kiểm sát THAPT của Viện kiểm sát vẫn còn lỏng lẻo, chưa thực hiện hết chức năng nhiệm vụ của mình.

#### *Thực trạng về tổ chức cơ quan THAPT trong Công an nhân dân*

Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công tác THAPT trong phạm vi cả nước [29, tr. 60]. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng giúp Chính phủ quản lý công tác THAPT và tổ chức công tác THAPT. Hệ thống trại giam, trại tạm giam được đặt dưới sự quản lý trực tiếp của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng.

Tuy nhiên, trong thực tế hiện nay, các cơ quan chức năng vẫn còn nhận thức chưa thống nhất những nội dung cơ bản của quản lý nhà nước về công tác THAPT, cho nên việc tổ chức, triển khai thực hiện còn nhiều bất cập, thiếu sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, thậm chí còn tạo nên những sơ hở, lỏng lẻo làm cho hiệu lực quản lý nhà nước về công tác THAPT bị hạn chế và kém hiệu quả. Cụ thể, công tác quản lý THAPT và cơ quan THAPT vẫn còn một số hạn chế sau đây:

*Thứ nhất*, quản lý nhà nước về công tác THAPT là một bộ phận của quản lý nhà nước [29, tr. 49], có nội dung phong phú, liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của bộ máy nhà nước nói chung và bộ máy hành chính nói riêng, cả bộ máy nhà nước ở Trung ương và địa phương. Chủ thể quản lý nhà nước về công tác THAPT bao gồm: Chính phủ - Cơ quan quản lý nhà nước cao nhất; Bộ Công an - Cơ quan của Chính phủ trực tiếp quản lý và tổ chức công tác THAPT, tử hình và trục xuất; Bộ tư pháp - Cơ quan của Chính phủ trực tiếp quản lý và tổ chức công tác thi hành án dân sự; Bộ Quốc phòng tổ chức thi hành các bản án, quyết định của Tòa án quân sự; Chính quyền xã, phường, thị trấn tham gia quản lý nhà nước về công tác THAHS tại cơ sở. Việc xác định các chủ thể quản lý này nhìn chung đều xuất phát từ yêu cầu thực tiễn. Điểm mạnh của nó là mỗi đơn vị đều tham gia quản lý các phần việc liên quan đến chuyên môn và lĩnh vực hoạt động của mình, song cũng xuất hiện những hạn chế dẫn đến tình trạng thiếu tập trung, đồng bộ trong quy trình quản lý và thực hiện nên ảnh hưởng đến hiệu quả công việc. Trong Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị có hướng giao chức năng chỉ đạo thực hiện công tác quản lý nhà nước về THAHS từ Bộ Công an sang cho Bộ Tư pháp [24]. Theo hướng này thì toàn bộ các lực lượng thực hiện nhiệm vụ THAPT của Bộ Công an gồm: Cảnh sát quản lý trại giam, một bộ phận của Cảnh sát bảo vệ và HTTP, quản lý xuất nhập cảnh sẽ được chuyển sang Bộ Tư pháp. Đây là một giải pháp nhằm đưa công tác quản lý nhà nước về THAPT thống nhất về một đầu mối là Bộ Tư pháp nhưng điều này vẫn còn một số vướng mắc vì công việc của các lực lượng của Bộ Công an trong công tác quản lý nhà nước về THAPT mang tính đặc thù của một lực lượng vũ trang trong khi đó Bộ Tư pháp lại hoạt động theo công chức Nhà nước [35, tr. 59].

*Thứ hai*, là vấn đề cần một cơ chế hoạt động phù hợp giữa các chủ thể THAPT. Có thể coi đây là một vấn đề cốt lõi bảo đảm quản lý có hiệu quả trong thực tiễn. Khoa học quản lý ngày nay đã chỉ ra rằng cơ chế là chìa khóa sức mạnh của quản lý. Cơ chế đúng, hợp lý và tuân theo quy luật khách quan thì mọi hoạt động sẽ diễn ra suôn sẻ theo chiều hướng phát triển, ngược lại cơ chế không phù hợp sẽ dẫn đến sự trì trệ, lạc hậu và thụt lùi. Điều này đã được chứng minh rất rõ

trong thực tiễn quản lý xã hội của Nhà nước ta trong các giai đoạn trước đổi mới còn lúng túng trong việc xác định cơ chế. Hiện nay, tình trạng chia cắt, không đồng bộ, thiếu sự phối hợp thống nhất giữa các cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ trên và các cấp, các ngành có liên quan [35, tr. 58]. Như vậy, đòi hỏi Chính phủ - Cơ quan quản lý hành chính cao nhất cần xây dựng một cơ chế và các quy tắc điều hành quản lý, phối hợp thực hiện với các cơ quan quản lý nhà nước có nhiệm vụ quản lý và tổ chức thi hành án nói chung và THAPT nói riêng. Tạo mọi điều kiện như đào tạo, tăng cường đội ngũ cán bộ, sắp xếp tổ chức bộ máy hợp lý, bảo đảm các điều kiện về vật chất, tinh thần cho hoạt động quản lý và tổ chức THAPT. Với một cơ chế quản lý khoa học, dân chủ, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật theo nguyên tắc pháp chế XHCN và tôn trọng sự giám sát của quần chúng nhân dân thì công tác quản lý nhà nước về THAPT mới bảo đảm hiệu quả.

*Thứ ba*, là vấn đề về phẩm chất đạo đức, tinh thần, thái độ làm việc của đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác quản lý THAPT. Đây có thể được coi là yếu tố đạo đức công chức mà hiện nay chúng ta vẫn thường đề cập. Nếu đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về thi hành án luôn luôn công tâm, sẵn sàng cống hiến vì mục tiêu hiệu quả của công việc, không để tình trạng tiêu cực xuất hiện sẽ góp phần củng cố niềm tin của quần chúng nhân dân đối với đội ngũ cán bộ công chức Nhà nước cũng như việc thúc đẩy tinh thần tự giác của chính các phạm nhân có trách nhiệm THAPT.

*Thứ tư*, là để đổi mới và hoàn thiện hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về THAPT nhằm thực hiện mục tiêu cải cách tư pháp và tiến tới xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN thì vấn đề cần điều chỉnh trước nhất phải là khắc phục tình trạng tồn tại nhiều hình thức văn bản khác nhau mang tính riêng rẽ, thiếu thống nhất, cân đối và đồng bộ, không còn phù hợp và khó áp dụng vào thực tiễn [35, tr. 23].

*Tóm lại*, những khó khăn và vướng mắc trong công tác quản lý THAPT là những vấn đề cần được khắc phục trong quá trình cải cách tư pháp, cải cách hành chính và mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền. Vấn đề quản lý nhà nước về THAPT và tổ chức công tác THAPT có mối quan hệ tác động qua lại chặt chẽ với nhau. Tổ chức tốt công tác THAPT là môi trường, điều kiện để thực hiện các chức

năng quản lý nhà nước. Ngược lại, thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về công tác THAPT sẽ tạo tiềm lực vật chất và tinh thần để tiến hành các hoạt động THAPT, nhằm cải tạo xã hội ngày một tốt hơn và không ngừng nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân.

### **3.2.2. Thực trạng thi hành án phạt tù đối với người bị kết án phạt tù**

#### *Thực trạng đưa người có bản án phạt tù đi THAPT*

Hiện nay, số lượng người bị kết án tù có xu hướng tăng, hàng ngàn người bị kết án tù nhưng với nhiều lý do đã không đi chấp hành án phạt tù ở trại giam. Theo báo cáo của Chính phủ năm 2012 có 7.527 người, bản án đã có hiệu lực pháp luật đang giam giữ tại các trại tạm giam, nhà tạm giữ chờ hoàn tất các thủ tục đưa người đi chấp hành án; 6.534 người có án phạt tù còn ngoài xã hội. Năm 2013, về tổ chức đưa người bị kết án tù đi chấp hành án, công an các địa phương đã nhận được 65.422 quyết định THAPT do tòa án các cấp chuyển đến; đã làm thủ tục, tổ chức đưa 55.261 người đi chấp hành hình phạt; còn lại 10.161 người đang chờ hoàn tất thủ tục để đưa đi chấp hành án. Năm 2014, có 2.080 người mới xét xử chưa nhận được bản án, quyết định thi hành án, 4.911 trường hợp người bị kết án tù được tại ngoại, hoãn, tạm đình chỉ thi hành án và 1.419 trường hợp trốn thi hành án từ trước đến nay [16].

Số lượng người bị kết án tù sau khi Tòa tuyên án chưa bị bắt giam hoặc được hoãn, tạm đình chỉ thi hành án nhiều nhưng cũng chưa được quản lý và theo dõi chặt chẽ, nên nhiều đối tượng sau khi có quyết định thi hành án đã bỏ trốn hoặc đi cư trú ở địa phương khác, có đối tượng tiếp tục phạm tội. Hoặc ở các trại tạm giam của cả nước thường xuyên có từ 5.000 đến 6.000 người bị kết án tù nhưng Tòa án vẫn chưa có đủ văn bản chuyển án văn hoặc quyết định thi hành án cho cơ quan Công an để đưa họ đến trại giam chấp hành án, dẫn đến tình trạng tồn đọng quá tải ở các trại tạm giam [16].

Pháp luật Nhà nước quy định mức tối thiểu của hình phạt tù là 03 tháng, dựa trên cơ sở cho rằng phạt tù là hình phạt nghiêm khắc, nên việc tước tự do thân thể của một người ở mức độ đó là đủ nghiêm khắc để người phạm tội phải "trả giá" cho hành vi của mình. Tuy nhiên, từ góc độ tổ chức thi hành án và mục đích hình

phạt thì thời hạn đó là khó hợp lý, vì mục đích quan trọng hơn của hình phạt là cải tạo, giáo dục người phạm tội trở thành người có ích cho xã hội, phòng ngừa chung, thì với thời hạn chấp hành hình phạt tù ngắn ngủi như vậy sẽ rất khó đạt được và việc tổ chức thi hành hình phạt tù đòi hỏi phải có thời gian vì thủ tục rất phức tạp, kéo dài. Vì vậy, sẽ là thiếu hợp lý khi cơ quan tiến hành tố tụng bỏ ra một thời gian tương đối dài chỉ để thi hành một quyết định mà hiệu quả không cao.

Tòa các cấp còn chậm chuyển giao bản án và quyết định thi hành án cho Viện kiểm sát cùng cấp, người bị kết án, nhà tạm giữ, trại tạm giam quản lý người bị kết án, cơ quan THAHS và chính quyền địa phương nơi cư trú của người bị kết án [78]. Tòa còn chậm tổng hợp hình phạt cho người bị kết án có nhiều bản án đã có hiệu lực pháp luật; có những trường hợp hết thời gian hoãn thi hành án nhưng tòa chậm ra quyết định thi hành án. Chưa kể nhiều bản án, quyết định thi hành án có sai sót cần phải đính chính; quyết định THAHS không nêu căn cứ của Luật THAHS...

Bên cạnh đó, nhiều trường hợp người chấp hành án tại địa phương đi khỏi nơi cư trú hoặc bỏ trốn nhưng UBND không thông báo kịp thời đến công an cùng cấp. Có trường hợp hết thời gian thử thách nhưng UBND chậm thông báo đề nghị cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt hoặc không có biện pháp giáo dục, hướng dẫn người chấp hành án. Có trường hợp UBND giao cho cảnh sát khu vực trực tiếp giám sát người chấp hành án tại địa phương, trong khi theo luật, công an chỉ có trách nhiệm tham mưu, còn UBND phải phân công cán bộ chuyên trách thực hiện việc giám sát, giáo dục người chấp hành án...

*Thực trạng hoãn chấp hành án phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, miễn chấp hành án phạt tù*

- Thực trạng thực hiện các quy định về giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù, bắt buộc chữa bệnh của BLHS:

Do quy định người bị kết án được xét giảm lần đầu là phải chấp hành được ít nhất 1/3 mức án, nên rất ít phạm nhân chấp hành được giảm 1/2 mức án đã tuyên như quy định. Qua khảo sát 101.027 phạm nhân được trả tự do thì chỉ có 13 phạm nhân có thời gian chấp hành được 1/2 mức án, chiếm 0,01%; 4.045 phạm nhân chấp

hành được từ trên 1/2 -3/4 mức án, chiếm 4% và 96.969 phạm nhân chấp hành hình phạt từ trên 3/4 mức án, chiếm 95%. Đây là một trong những lý do dẫn đến phạm nhân tồn đọng nhiều ở các trại giam [12, tr. 169].

- Về thực hiện các quy định hoãn, tạm đình chỉ, miễn chấp hành hình phạt tù: Các quy định về hoãn THAPT tại Điều 61 BLHS; tạm đình chỉ THAPT tại Điều 62 BLHS; miễn chấp hành án phạt tù tại Điều 57 BLHS đã thể hiện chính sách nhân đạo để những người bị kết án lập công lớn hoặc có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo được hưởng chính sách ân huệ đặc biệt nhằm giúp họ và gia đình vượt qua khó khăn và có điều kiện để chữa bệnh tốt hơn. Trong thực tiễn vẫn có tình trạng lợi dụng quy định này để hoãn chấp, tạm đình chỉ, miễn chấp hành hình phạt tù không đúng quy định.

Theo báo cáo của Chính phủ: Năm 2012 các trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Công an đã đề nghị TAND cấp tỉnh nơi tạm giam đóng ra quyết định giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù cho 38.474 phạm nhân cải tạo tiến bộ (gồm 4.259 phạm nhân được giảm hết thời hạn phạt tù còn lại; 43 phạm nhân được giảm tù chung thân xuống 20 năm và 34.172 phạm nhân giảm có thời hạn); làm thủ tục đề nghị Tòa án có thẩm quyền ra quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù cho 501 phạm nhân (gồm 414 phạm nhân nhiễm HIV chuyển sang giai đoạn AIDS; 83 phạm nhân mắc bệnh hiểm nghèo; 4 nữ phạm nhân có thai, nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi). Năm 2013 các trại giam, trại tạm giam đã đề nghị TAND cấp tỉnh nơi trại giam đóng ra quyết định giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù cho 60.197 phạm nhân cải tạo tiến bộ (trong số 60.197 phạm nhân được giảm thời hạn chấp hành án phạt tù có 59.837 trường hợp đang chấp hành án tại các trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Công an và 360 trường hợp đang chấp hành án tại các trại giam, trại tạm giam trong Quân đội); tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù cho 623 phạm nhân (gồm: 446 phạm nhân nhiễm HIV chuyển sang giai đoạn AIDS; 126 phạm nhân mắc bệnh hiểm nghèo; 13 nữ phạm nhân nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi hoặc đang có thai; 38 phạm nhân hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn); trả tự do cho 47.576 phạm nhân chấp hành xong án phạt tù và được giảm hết thời hạn chấp hành án phạt tù còn

lại. Năm 2014, các trại giam, trại tạm giam đã đề nghị TAND cấp tỉnh ra quyết định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù cho 76.922 phạm nhân (gồm 70.532 phạm nhân các trại giam; 6.288 phạm nhân ở các trại tạm giam thuộc Bộ Công an quản lý và 102 phạm nhân ở các trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Quốc phòng quản lý); tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù cho 350 phạm nhân (gồm: 246 phạm nhân nhiễm HIV chuyển sang giai đoạn AIDS; 78 phạm nhân mắc bệnh hiểm nghèo; 11 nữ phạm nhân nuôi con dưới 36 tháng tuổi hoặc đang có thai; 15 phạm nhân hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn) [16].

Việc xét giảm án đều được bảo đảm đúng điều kiện, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và thực hiện theo nguyên tắc bình đẳng, công khai trong phạm nhân nên không có khiếu nại, tố cáo sai phạm trong công tác này. Tuy nhiên, về trình tự thủ tục giảm, miễn, tạm đình chỉ thời hạn chấp hành án phạt tù vẫn còn một số bất cập như:

- Luật THAHS chưa quy định Tòa án có trách nhiệm gửi quyết định hoãn THAPT cho UBND xã, phường, thị trấn để quản lý người bị kết án được hoãn thi hành án, chính vì vậy đã dẫn đến tình trạng UBND xã, phường, thị trấn không quản lý được các đối tượng hoãn thi hành án; một số đối tượng phải chấp hành án về cư trú tại địa phương phần lớn đi làm ăn nơi khác do vậy khi triệu tập đến cơ quan thi hành án để nhận bản án, quyết định thi hành án gặp khó khăn và thường chậm theo quy định của pháp luật [55, tr. 15], [78].

- Quyết định áp giải người được tạm đình chỉ đi thi hành án thường quá thời hạn luật định [16]. Việc trưng cầu giám định pháp y sau khi hết thời hạn tạm đình chỉ thi hành án do bệnh nặng cũng như việc ra quyết định truy nã các trường hợp được hoãn, được tạm đình chỉ thi hành án mà bỏ trốn còn chậm trễ. Theo VKSND, những tồn tại này có nguyên nhân là do Công an đã thành lập cơ quan THAHS nhưng chưa phân định rõ nhiệm vụ, thẩm quyền nên chưa đáp ứng hiệu quả các yêu cầu của TAND.

Bộ luật tố tụng hình sự và Luật THAHS quy định về thủ tục để xét hoãn chấp hành hình phạt tù chưa cụ thể, thời gian chờ kết quả giám định pháp y và kết

quả xác minh tại địa phương thường kéo dài, dẫn tới việc giải quyết án của các tòa không bảo đảm đúng thời hạn quy định.

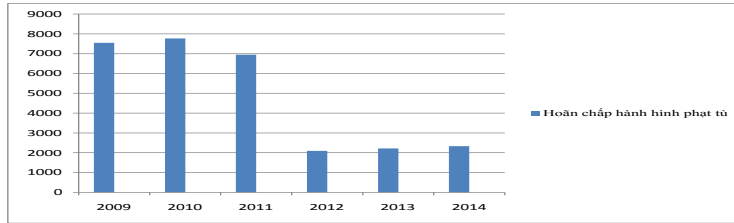
Theo Thông tư liên tịch số 02/2006 của TANDTC, VKSNDTC, Bộ Quốc phòng, Bộ Y tế và Nghị quyết số 01/2007 ngày 2-10-2007 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng Điều 61, Điều 62 BLHS về hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù đối với người bị phạt tù bị bệnh nặng như sau: "... *phải có kết luận của bệnh viện cấp tỉnh trở lên...*". Hai văn bản nói trên lại không nêu rõ "*kết luận*" là nội dung kết luận trong bệnh án điều trị hay bằng một văn bản kết luận riêng của bệnh viện cấp tỉnh trở lên nên đã tạo ra sự thiếu thống nhất trong nhận thức, dẫn đến việc áp dụng một cách tùy tiện [95, tr. 253].

Hiện nay hầu hết các trường hợp xin hoãn, tạm đình chỉ thi hành án đều sử dụng kết luận trong bệnh án điều trị tại bệnh viện cấp tỉnh trở lên vì không có quy định nào bắt buộc bệnh viện cấp tỉnh trở lên phải cung cấp văn bản kết luận riêng cho bệnh nhân điều trị. Do quy định, hướng dẫn về căn cứ để xét hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án đối với trường hợp bệnh nặng không cụ thể, rõ ràng, dẫn đến có tình trạng hợp thức hóa căn cứ để xin hoãn, tạm đình chỉ THAPT.

Mặt khác, hiện Luật THAHS có quy định khi tiếp nhận hồ sơ thi hành án do Tòa án giao, Công an triệu tập đối tượng đến viết cam kết. Tuy nhiên, trường hợp đối tượng không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu, sau khi hết thời gian chấp hành án, đối tượng trở về sinh sống thì không biết giải quyết sao vì vẫn chưa có hướng dẫn. Ngoài ra, hiện cũng chưa có quy định thống nhất về việc cơ quan, đơn vị nào chịu trách nhiệm xác nhận đơn xin hoãn chấp hành án phạt tù...

Theo thống kê của TANDTC, năm 2009 hoãn chấp hành hình phạt tù cho 7.547 người bị kết án, năm 2010 hoãn chấp hành hình phạt tù cho 7.772 người bị kết án, năm 2011 hoãn chấp hành hình phạt tù cho 6.951 người bị kết án, năm 2012 hoãn chấp hành hình phạt tù cho 2.094 người bị kết án, năm 2013 hoãn chấp hành hình phạt tù cho 2.216 người bị kết án, năm 2014 hoãn chấp hành hình phạt tù cho 2.333 người bị kết án [78]. Có thể minh họa bằng biểu đồ sau:

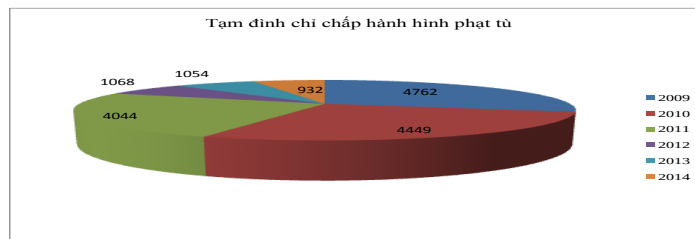




**Biểu đồ 3.1: Hoãn chấp hành hình phạt tù**

*Nguồn: Vụ Thống kê tổng hợp - TANDTC.*

Theo thống kê của TANDTC, năm 2009 tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù 4.762 phạm nhân; năm 2010 tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù 4.449 phạm nhân; năm 2011 tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù 4.044 phạm nhân; năm 2012 tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù 1.068 phạm nhân; năm 2013 tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù 1.054 phạm nhân; năm 2014 tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù 932 phạm nhân [78]. Có thể minh họa bằng biểu đồ sau:



**Biểu đồ 3.2: Tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù**

*Nguồn: Vụ Thống kê tổng hợp - TANDTC.*

- Về quy định bắt buộc chữa bệnh đối với người đang chấp hành hình phạt tù bị bệnh tới mức mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình là cần thiết và hoàn toàn nhân đạo. Những năm gần đây, số phạm nhân có dấu hiệu mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi, các trại giam đều báo cáo và đề nghị Chánh án TAND cấp tỉnh nơi trại giam đóng ra quyết định trưng cầu giám định pháp y, trên cơ sở kết luận của Hội đồng giám định pháp y, trại giam tiếp tục đề nghị Tòa án xem xét ra quyết định đưa đến cơ sở chuyên khoa để chữa bệnh bắt buộc. Về thủ tục, trình tự, thẩm quyền quy định tại Điều 43 BLHS, trên

thực tế mang tính hình thức và dễ dẫn đến tình trạng chậm trễ trong quyết định đưa phạm nhân đi chữa bệnh bắt buộc.

Trong khi đó, các trường hợp người đang chấp hành hình phạt tù mắc các bệnh nếu vượt quá khả năng điều trị của y tế trại giam, Giám thị trại giam xem xét, quyết định đưa đến chữa bệnh tại cơ sở y tế của nhà nước. Do đó, nên xem xét sửa chữa đổi lại thẩm quyền giao cho Giám thị trại giam xem xét, quyết định bắt buộc chữa bệnh đối với người đang chấp hành án, còn các trường hợp quyết định chữa bệnh bắt buộc đối với bị can, bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử thì áp dụng như quy định hiện hành.

*Thực trạng về thời hiệu thi hành bản án, xóa án tích:*

Khó khăn lớn nhất là hàng năm có nhiều số đối tượng được tại ngoại trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử nhiều (năm 2013 là 1.408) trường hợp, nhưng không có bảo lãnh và chưa có cơ chế phối hợp chặt chẽ, kịp thời giữa các cơ quan tố tụng với chính quyền cơ sở, cơ quan THAHS nên nhiều trường hợp khi nhận được quyết định THAPT tiến hành xác minh, áp giải đối tượng đã bỏ đi khỏi nơi cư trú hoặc trốn thi hành án phải truy bắt, truy nã rất khó khăn và đây là một trong các nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình hình đối tượng trốn thi hành án tồn đọng từ trước đến nay còn nhiều ở nước ta [16].

Trong số đối tượng bị truy nã, có nhiều trường hợp phạm nhân thuộc loại ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng và thời gian trốn trại đã qua trên 20 năm, đến nay tuổi đã cao, không còn nguy hiểm cho xã hội, nhưng không giải quyết xóa án hoặc hưởng thời hiệu thi hành án được. Vì vậy, nên xem xét bổ sung điều quy định về miễn chấp hành hình phạt đối với người trốn thi hành án hoặc miễn chấp hành hình phạt còn lại, cho người trốn khỏi nơi giam giữ, mà thời gian trốn đã lâu, đến nay cuộc sống đang ổn định, không còn nguy hiểm cho xã hội. Đây cũng là thể hiện tư tưởng nhân đạo, tạo điều kiện cho họ có cuộc sống công khai, hợp pháp, ổn định [12, tr. 175]. Tuy nhiên, với quy định này việc áp dụng và quy định như thế nào thì cũng phải rất cẩn thận vì có thể dẫn đến tình trạng khuyến khích phạm nhân trốn trại, rồi để sau một thời gian ở ngoài thì được miễn chấp hành hình phạt còn lại.

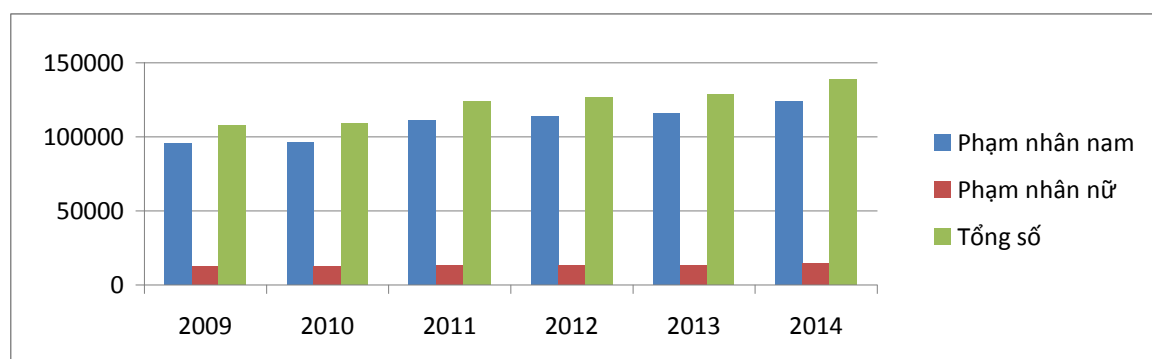
Về quy định xóa án tích: Tuy chưa có số liệu khảo sát cụ thể, nhưng thực tiễn số người được Tòa án cấp giấy chứng nhận xóa án tích là rất ít.

Việc xóa án tích đương nhiên lại phải được chứng minh trực tiếp bằng Giấy chứng nhận xóa án tích của Tòa án. Điều đó đã làm giảm đi ý nghĩa nhân văn của việc xóa án tích. Bởi dẫu sao thì các cơ quan, tổ chức cũng như cộng đồng biết rằng về thực chất đương sự vẫn là người có án.

Những vướng mắc trên, đã cản trở trong quá trình THAPT nói chung và THAHS nói riêng, giảm hiệu quả trong quá trình thi hành án. Do vậy, để nâng cao hiệu quả trong công tác thi hành án, chúng ta phải có những biện pháp khắc phục những khó khăn vướng mắc nêu trên. Từ việc sửa đổi các quy định hiện hành và hướng dẫn chi tiết những vướng mắc cho phù hợp với điều kiện thực tế trong công tác THAPT.

#### *Thực trạng về chế độ giam giữ người bị kết án phạt tù*

Trước tình hình phạm nhân tăng, tính chất tội phạm nguy hiểm và có diễn biến phức tạp mới. Theo báo cáo của Chính phủ năm 2009 tổng số phạm nhân là 107.963 trong đó phạm nhân nam là 95.366, phạm nhân nữ là 12.597; năm 2010 tổng số phạm nhân là 109.392, trong đó phạm nhân nam là 96.587, phạm nhân nữ là 12.805; Năm 2011 tổng số phạm nhân là 124.307, trong đó phạm nhân nam là 111.284, phạm nhân nữ là 13.023; Năm 2012 tổng số phạm nhân là 126.810, trong đó phạm nhân nam là 113.565, phạm nhân nữ là 13.245; Năm 2013 tổng số phạm nhân là 128.712, trong đó phạm nhân nam là 115.805, phạm nhân nữ là 12.907; Năm 2014 tổng số phạm nhân là 138.750, trong đó phạm nhân nam là 124.091, phạm nhân nữ là 14.659 [16]. Có thể minh họa theo biểu đồ dưới đây:



**Biểu đồ 3.3: Số lượng phạm nhân**

*Nguồn: Báo cáo của Chính phủ về công tác THAPT.*

Để thực hiện mục tiêu bảo đảm an toàn trong giam giữ và hạn chế các vụ phạm nhân chống đối, gây rối, vi phạm pháp luật, tự sát, trốn trại, theo nghị quyết của Quốc hội, từ cuối năm 2012, Bộ Công an đã thành lập các đoàn kiểm tra, thanh tra toàn diện về việc chấp hành chế độ, chính sách, pháp luật trong giam giữ, cải tạo phạm nhân ở 49 trại giam. Sau kiểm tra, thanh tra, Bộ Công an đã chỉ đạo quyết liệt các trại giam chấn chỉnh, khắc phục ngay những thiết sót, khuyết điểm, sơ hở trong công tác tổ chức giam giữ, thực hiện đúng các quy định của Luật THAHS về chế độ giam, giữ (giam giữ theo khu, tiến hành phân loại để tập trung giam giữ nghiêm ngặt số phạm nhân nguy hiểm về hình sự, ma túy, mức án cao, nhiều tiền án, hoạt động tội phạm có vũ khí, tội phạm có tổ chức...) và triển khai các biện pháp nghiệp vụ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thực thi các quy định về quản lý, dẫn giải, canh gác bảo vệ, kiểm tra, kiểm soát trại giam. Do chỉ đạo quyết liệt của Bộ Công an và quyết tâm thực hiện của lực lượng Cảnh sát THAHS, năm 2013 các trại giam đã bảo đảm tuyệt đối an toàn. Tuy nhiên, vẫn có 02 phạm nhân thuộc loại nghiêm trọng trốn, chưa bắt lại; 153 phạm tội mới phải truy tố (giảm 12 trường hợp so với năm 2012); số phạm nhân đánh nhau chết còn 03 trường hợp; đã phát hiện xử lý 03 vụ phạm nhân không chịu cải tạo, gây rối trật tự (giảm 50% số vụ so với năm 2012), trong đó đã kịp thời phát hiện ngăn chặn 02 vụ, còn 01 vụ gây rối ở trại giam Xuân Lộc do một số phạm nhân hình sự loại nguy hiểm chống đối, đập phá tài sản, đã kịp thời xử lý ổn định tình hình (đã khởi tố vụ án và khởi tố bị can đối với 14 phạm nhân). Bộ Công an đã chỉ đạo các đơn vị tổ chức kiểm điểm và chấn chỉnh lại công tác nắm tình hình, công tác quản lý phạm nhân, tổ chức các hoạt động cho phạm nhân vào các ngày nghỉ và thông báo đến tất cả các trại giam, trại tạm giam biết để tăng cường các biện pháp quản lý, để hạn chế xảy ra các tình huống tương tự hoặc đột xuất, bất ngờ khác [16].

Về công tác giáo dục phạm nhân: Bộ Công an đã chỉ đạo cải tiến các nội dung, chương trình giáo dục, cải tạo phạm nhân cho phù hợp thực tiễn hiện nay. Các trại giam đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức, đoàn thể của địa phương nơi trại giam đóng, triển khai chương trình giáo dục pháp luật, giáo dục

công dân và dạy văn hóa cho phạm nhân; tổ chức tập huấn chế độ quản giáo đến tất cả các cán bộ, chiến sĩ làm công tác này; mở rộng hội nghị gia đình phạm nhân để phối hợp trong công tác giáo dục, nhiều nội dung chương trình giáo dục mới đã đưa vào triển khai trong các trại giam; 100% các phân trại giam của các trại giam đã có hệ thống truyền thanh, truyền hình, thư viện để tổ chức cho phạm nhân nghe đài, đọc báo, xem tivi; phát động nhiều đợt thi đua cải tạo; tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao. Năm 2013, các trại giam đã tổ chức 974 lớp học thời sự, chính trị; 1.624 lớp học tập pháp luật; 1.324 lớp giáo dục công dân; 297 lớp học văn hóa phổ cập tiểu học và xóa mù chữ cho 1.146 phạm nhân; tổ chức dạy và khuyến khích phạm nhân là người nước ngoài học tiếng Việt. Tỷ lệ phạm nhân xếp loại cải tạo tốt đạt 9,98%, khá đạt 66,60%, số cải tạo trung bình 13,26%, chỉ có 10,16% phạm nhân cải tạo kém. Các trại giam, trại tạm giam trong Quân đội cũng đã thực hiện nghiêm kế hoạch giáo dục chính trị, pháp luật, giáo dục công dân, dạy nghề sát với tình hình thực tế; xây dựng kế hoạch và hóa, đồng thời phân công phạm nhân có trình độ kèm cặp hướng dẫn ngoài giờ đối với các phạm nhân không biết chữ. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau như trình độ khoa học, kiến thức tâm lý, kỹ năng sư phạm, nghệ thuật ứng xử làm việc với con người (phạm nhân) của đội ngũ cán bộ quản giáo, giáo dục đang công tác trong các trại giam còn nhiều hạn chế. Đây chính là những nhân tố làm ảnh hưởng đến kết quả công tác THAPT, làm giảm niềm tin của một bộ phận nhân dân, thân nhân phạm nhân về hiệu quả giáo dục của cơ quan THAPT [16].

Về công tác tổ chức lao động, dạy nghề cho phạm nhân: Đến nay đã có 44/49 trại giam thành lập Trung tâm dạy nghề và các trại giam đã phối hợp với các cơ quan lao động - thương binh và xã hội của địa phương nơi trại giam đóng, liên kết với các trường dạy nghề, các trung tâm khuyến nông, các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế để tổ chức lao động và đào tạo dạy nghề, truyền nghề cho 18.424 lượt phạm nhân (năm 2013). Phần thu từ kết quả lao động của phạm nhân đã chi bổ sung mức ăn cho phạm nhân, bổ sung vào quỹ phúc lợi, khen thưởng và chi thưởng cho các phạm nhân có thành tích trong việc cải tạo, chi đầu tư trở lại cho trại giam phục vụ việc tổ

chức cải tạo các công trình giáo dục, dạy nghề, tái hòa nhập cộng đồng cho phạm nhân. Tuy nhiên, chất lượng công tác giáo dục, dạy nghề cho phạm nhân vẫn còn rất nhiều khó khăn do trong hoàn cảnh suy thoái kinh tế và đặc điểm đối tượng giáo dục là phạm nhân khác nhau về mức án, tính chất phạm tội, trình độ văn hóa, giới tính, lứa tuổi, nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình, địa bàn cư trú, nhất là xây dựng các chương trình, nội dung giáo dục, dạy nghề phù hợp với từng loại phạm nhân. Hiện nay, việc tổ chức giáo dục dạy nghề cho phạm nhân vẫn chủ yếu là các trại giam thực hiện, ngân sách đầu tư cho công tác hướng nghiệp, dạy nghề cho phạm nhân còn rất hạn chế [16].

Về thực hiện các chế độ, chính sách đối với phạm nhân: Các trại giam đều thực hiện đúng, đầy đủ các tiêu chuẩn quy định về ăn, mặc cho phạm nhân và đã đẩy mạnh tăng gia sản xuất, cải thiện đời sống, sinh hoạt cho phạm nhân; tổ chức tốt hệ thống dịch vụ căng tin phục vụ phạm nhân mua hàng thiết yếu, giá cả được niêm yết công khai; các chế độ thăm gặp; nhận quà; nhận, gửi thư; gọi điện thoại cho thân nhân được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Công tác phòng, chữa bệnh cho phạm nhân được đặc biệt quan tâm, tất cả bệnh xá trại giam được cải tạo, nâng cấp và đầu tư phương tiện, bổ sung đội ngũ y, bác sĩ để theo dõi sức khỏe, khám chữa bệnh cho phạm nhân (có 190.899 lượt phạm nhân được khám bệnh, phát thuốc và gần 6.000 lượt phạm nhân được điều trị tại bệnh xá trại giam và bệnh viện). Công tác vệ sinh môi trường, phòng dịch được tiến hành thường xuyên, không để xảy ra dịch bệnh. Tuy nhiên, do số phạm nhân mắc bệnh truyền nhiễm từ ngoài xã hội vào trại không giảm (Theo Báo cáo năm 2013, còn 11.680 phạm nhân nhiễm HIV, chiếm 8,9% tổng số phạm nhân giam giữ, trong đó có 1.741 trường hợp chuyển giai đoạn AIDS và 1.536 phạm nhân lao phổi), nên mặc dù các trại giam đã thực hiện tốt các chế độ, chính sách và quan tâm chữa bệnh cho phạm nhân, nhưng năm 2013 vẫn còn 955 phạm nhân chết (633 phạm nhân chết vì HIV/AIDS; 92 phạm nhân chết vì bệnh lao, phổi; 83 phạm nhân chết vì tim mạch, não; 13 phạm nhân chết vì bệnh gan; 104 phạm nhân chết do các bệnh hiểm nghèo khác) và 18 phạm nhân tự tử (giảm 02 trường hợp so với năm 2012). Theo thống kê bị cáo xét xử sơ thẩm của Tòa án qua các năm: Năm 2009 có 5.858 bị cáo nghiện ma túy; năm 2010 có

5.419 bị cáo nghiện ma túy bị tòa án đưa ra xét xử, năm 2011 có 6.602 bị cáo nghiện ma túy; năm 2012 có 7.194 bị cáo nghiện ma túy; năm 2013 có 6.831 bị cáo nghiện ma túy; năm 2014 có 5.660 bị cáo nghiện ma túy [16] [78].

Chính sách mở cửa, giao lưu văn hóa, kinh tế nước ngoài đã thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế nhưng đồng thời cũng kéo theo sự xuất hiện của các tội phạm có yếu tố nước ngoài hoặc xuyên quốc gia. Mặc dù con số phạm nhân là người nước ngoài ở Việt Nam không nhiều. Tuy nhiên, mấy năm trở lại đây, tình hình phạm nhân là người nước ngoài gia tăng đáng kể, điều này gây áp lực và khó khăn cho công tác quản lý, giáo dục người nước ngoài ở trong các trại giam của nước ta. Theo Báo cáo của Chính phủ năm 2009 có 276 phạm nhân là người nước ngoài, năm 2010 có 257 phạm nhân, năm 2011 có 307 phạm nhân, năm 2012 có 315 phạm nhân, năm 2013 có 375 phạm nhân, năm 2014 có 397 phạm nhân. Hiện nay, Tổng cục Cảnh sát THAHS và HTTP đã chỉ đạo việc quản lý, giáo dục số phạm nhân là người nước ngoài chỉ tập trung ở hai trại giam (Trại giam Thanh Xuân, trại giam Thủ Đức), và từ tháng 6/2011 đến nay đã bổ sung 02 trại giam là trại giam Phú Sơn (Thái Nguyên) và trại giam Hoàng Tiên (Hải Dương) [86, tr. 35].

Ngoài ra, còn có các yếu tố khác ảnh hưởng đến việc thực hiện chế độ chính sách đối với người bị kết án phạt tù như:

Trong cơ cấu riêng của tội phạm do người chưa thành niên gây ra cũng thể hiện tính chất phức tạp, năm 2009 có 729 bị cáo có độ tuổi từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi, 5.697 bị cáo từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi; năm 2010 có 372 bị cáo có độ tuổi từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi, 4.209 bị cáo từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi; năm 2011 có 376 bị cáo có độ tuổi từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi, 4.196 bị cáo từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi; năm 2012 có 288 bị cáo có độ tuổi từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi, 4.768 bị cáo từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi; năm 2013 có 231 bị cáo có độ tuổi từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi, 3.981 bị cáo từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi; năm 2014 có 180 bị cáo có độ tuổi từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi, 3.304 bị cáo từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi. Như vậy, số Bị cáo bị Tòa án xét xử là người chưa thành niên chiếm một tỉ lệ lớn [78].

Sự gia tăng số lượng phạm nhân, sự thay đổi về cơ cấu, tính chất tội phạm đặt ra cho các lực lượng làm công tác quản lý, giáo dục phạm nhân những nhiệm vụ cực kỳ quan trọng và cấp bách. Đòi hỏi phải huy động mọi khả năng đổi mới nội dung, hình thức, phương thức giáo dục làm chuyển biến tư tưởng, nhận thức và hành động của phạm nhân. Đây thực sự là một cuộc đấu tranh tư tưởng gay go, quyết liệt và phải được đặt ở vị trí trọng tâm của công tác trại giam nếu xét trên ý nghĩa chiến lược phòng chống tội phạm và tham gia của lực lượng cảnh sát trại giam vào cuộc đấu tranh chung về phòng chống tội phạm. Năm 2009 có 3.967 bị cáo tái phạm; năm 2010 có 3.334 bị cáo tái phạm; năm 2011 có 3.650 bị cáo; năm 2012 có 4.214 bị cáo; năm 2013 có 3.801 bị cáo; năm 2014 có 3.233 bị cáo tái phạm [16], [78].

Về cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trại giam, trại tạm giam: Mặc dù hàng năm Nhà nước đã quan tâm cấp đầu tư kinh phí cho xây dựng cơ bản, cộng với sự cố gắng của cán bộ chiến sĩ sử dụng sức lao động của phạm nhân để xây dựng các công trình ăn, ở làm việc của cán bộ chiến sĩ và nơi giam giữ phạm nhân, nhưng do hầu hết các trại giam, trại tạm giam đều được thành lập từ trước năm 1980, các công trình giam giữ thời kỳ này chủ yếu vẫn là nhà cấp 4, nhà tạm nên việc xây dựng chưa thể đáp ứng kịp thời và vẫn được sử dụng kéo dài trong nhiều năm. Đến năm 2002, tình hình tội phạm có những diễn biến phức tạp mới, số lượng phạm nhân đưa vào trại giam tăng nhanh dẫn đến tình trạng quá tải nặng nề, diện tích sàn nằm bình quân chỉ còn từ  $0,8-1\text{m}^2/1\text{PN}$ , có nơi chỉ đạt  $0,6\text{m}^2/1\text{PN}$  [16].

Theo báo cáo của Chính phủ năm 2013, nguồn vốn đầu tư xây dựng các trại giam, trại tạm giam là 395,947 tỷ đồng và 147,5 tỷ đồng đầu tư trang thiết bị lắp đặt thiết bị kiểm soát an ninh. Đến nay, mới có 60 phân trại đã được xây dựng cơ bản; 31 phân trại đang trong quá trình đầu tư và còn 65 phân trại chưa được đầu tư xây dựng, cải tạo, nên các trại giam đều thiếu cơ sở giam giữ. Tổng diện tích nhà giam của các trại giam hiện nay mới có  $335.010\text{ m}^2$ , với diện tích sàn nằm là  $192.654\text{ m}^2$ , đủ điều kiện giam giữ 96.322 phạm nhân theo quy định  $2\text{m}^2/1$  phạm nhân. Với số lượng phạm nhân hiện có bình quân diện tích sàn nằm mới chỉ đạt  $1,54\text{ m}^2/1$  phạm



nhân. Các cơ quan THAHS các địa phương mới thành lập nên chưa được đầu tư xây dựng cơ sở vật chất [16].

Ngoài ra, các trại giam cũng sử dụng lao động của phạm nhân và nguồn sản xuất hỗ trợ để xây dựng nhà giam giữ riêng số phạm nhân thường xuyên chống phá, nên giảm được một phần khó khăn trong công tác giam giữ phạm nhân.

Tuy nhiên, cơ sở vật chất, phương tiện, kinh phí tuy đã được quan tâm đầu tư, nhưng vẫn chưa bảo đảm cho công tác tổ chức THAHS, nhất là tình hình thiếu cơ sở giam giữ.

Về thực hiện các quy định quản lý, giáo dục phạm nhân tại các trại tạm giam, nhà tạm giữ: Để thực hiện chỉ tiêu chấm dứt tình trạng để lại phạm nhân chấp hành án ở các trại tạm giam, nhà tạm giữ không đúng số lượng và mức án theo quy định của Luật THAHS. Từ cuối năm 2012, Bộ Công an đã chỉ đạo Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành thanh tra toàn diện công tác quản lý, giáo dục phạm nhân chấp hành án tại các trại tạm giam, nhà tạm giữ và khắc phục ngay tình trạng để phạm nhân vượt quá số lượng và mức án theo quy định của Luật THAHS. Công an một số địa phương có số phạm nhân vượt quá số lượng và mức án ở trại tạm giam đã lập danh sách đề nghị điều chuyển 261 phạm nhân đến chấp hành án tại các trại giam. Các trại tạm giam, nhà tạm giữ trong Quân đội cũng đã thực hiện nghiêm việc để lại phạm nhân chấp hành án ở các trại tạm giam, nhà tạm giữ, bảo đảm đúng số lượng và mức án theo quy định của Luật THAHS. Đến nay, không còn để xảy ra tình trạng để lại số lượng phạm nhân tại trại tạm giam, nhà tạm giữ vượt số lượng và mức án theo quy định.

Công tác tổ chức giam giữ, quản lý, giáo dục, thực hiện chế độ, chính sách về ăn, ở, mặc, học tập, sinh hoạt, khám chữa bệnh, thăm gặp thân nhân, xếp loại cải tạo, tạm đình chỉ chấp hành án, xét giảm thời hạn chấp hành án, đặc xá đối với phạm nhân chấp hành án phạt tù tại trại tạm giam, nhà tạm giữ được thực hiện như phạm nhân chấp hành án phạt tù tại trại giam. Tuy nhiên, do phạm nhân phục vụ ở các nhà tạm giữ và một số trại tạm giam không nhiều nên công tác tổ chức giáo dục, dạy nghề khó khăn. Công tác quản lý phạm nhân ở các trại tạm giam, nhà tạm giữ

tuy không xảy ra tình trạng đánh chết nhau, nhưng có 01 phạm nhân trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ trốn đã bắt lại [16].

Về công tác theo dõi, quản lý người bị kết án tù ngoài xã hội: Số người bị kết án tù ngoài xã hội còn đến ngày 30/9/2012 chuyển sang là 6.609 người; từ ngày 01/10/2012 đến ngày 30/9/2013, số tăng là 9.225 người, số giảm là 9.463 trường hợp; đến ngày 30/9/2013 còn 6.371 trường hợp (bao gồm: 3.452 người đang được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án theo Điều 61, 62 của BLHS; 114 người hết thời hạn hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án và 348 người bản án đã có hiệu lực pháp luật đang được tại ngoại, cơ quan Công an chưa nhận được quyết định thi hành án của Tòa án; 24 người đang chờ giải quyết thời hiệu; 1.249 người đã có quyết định thi hành án, Công an các địa phương đang xác minh và hoàn tất thủ tục hồ sơ để áp giải đi chấp hành án; 1.532 người trốn thi hành án từ nhiều năm trước đến nay) [16].

Năm 2013, thực hiện mục tiêu giảm mạnh số trốn thi hành án theo Nghị quyết của Quốc hội, Bộ Công an đã chỉ đạo Công an các địa phương chủ động phối hợp với cơ quan Tòa án, Kiểm sát hướng dẫn Công an cấp xã giúp chính quyền cơ sở tăng cường theo dõi, quản lý người bị kết án tù đang tại ngoại, hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù. Công an các địa phương đã tổ chức áp giải 4.185 trường hợp có quyết định THAPT đưa đi chấp hành án tại các trại giam, trại tạm giam và bắt lại 460 trường hợp trốn thi hành án từ các năm trước. Khó khăn lớn nhất là hàng năm có nhiều số đối tượng được tại ngoại trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử, nhưng không có bảo lãnh và chưa có cơ chế phối hợp chặt chẽ, kịp thời giữa các cơ quan tố tụng với chính quyền cơ sở, cơ quan THAHS dẫn đến nhiều trường hợp khi nhận được quyết định THAPT, cơ quan THAHS tiến hành xác minh, áp giải thì đối tượng đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, trốn thi hành án phải truy bắt, truy nã rất khó khăn [16].

Trước tình hình đối tượng trốn thi hành án tồn đọng từ trước đến nay còn nhiều, Bộ Công an đã phối hợp với VKSNDTC, TANDTC rà soát, thống kê các trường hợp bị xử mức án dưới 5 năm, xử từ năm 1995 trở về trước, nhưng do hồ sơ, tài liệu không đầy đủ và chưa có căn cứ pháp lý để xem xét miễn hoặc thanh loại

đưa ra khỏi danh sách đối tượng trốn thi hành án, hàng năm vẫn đưa vào báo cáo người bị kết án còn ngoài xã hội.

Về công tác xét đặc xá: thực hiện Quyết định số 1251/2013/QĐ-CTN về đặc xá năm 2013 của Chủ tịch nước và Hướng dẫn số 164/HĐTVĐX ngày 23/7/2013 của Hội đồng tư vấn đặc xá, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng đã kịp thời chỉ đạo các trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ phổ biến đến cán bộ, chiến sĩ và phạm nhân về các điều kiện, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét đặc xá và yêu cầu nghiêm ýt công khai quyết định đặc xá của Chủ tịch nước tại các buồng giam; tổ chức cho các đội phạm nhân họp thảo luận, bình xét và bỏ phiếu giới thiệu đề nghị đặc xá cho những phạm nhân có đủ điều kiện, tiêu chuẩn; công tác xét đặc xá chặt chẽ, công khai, dân chủ đúng pháp luật.

Hội đồng tư vấn đặc xá đã trình Chủ tịch nước quyết định đặc xá đợt 02/9/2013 cho 15.446 phạm nhân đang chấp hành án tại các trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ và 77 trường hợp đang được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù. Trong quá trình triển khai, Hội đồng tư vấn đặc xá và Ban chỉ đạo đặc xá Bộ Công an, Bộ Quốc phòng đã kiểm tra các trại giam, các đơn vị và địa phương đều thực hiện đúng, chưa phát hiện trường hợp nào đề nghị không đúng điều kiện, tiêu chuẩn hoặc có hiện tượng tiêu cực trong công tác xét đặc xá năm 2013. Hội đồng tư vấn đặc xá và Bộ Công an cũng đã chỉ đạo các địa phương chuẩn bị tổ chức tốt việc tiếp nhận, quản lý, giúp đỡ người được đặc xá sớm ổn định cuộc sống, hạn chế tái phạm tội, trước hết giải quyết các giấy tờ, thủ tục hành chính cần thiết cho người được đặc xá để họ nhanh chóng hòa nhập cộng đồng [16].

Về công tác tái hòa nhập cộng đồng: Triển khai Nghị định số 80/2011/NĐ-CP ngày 16/9/2011 của Chính phủ về quy định các biện pháp bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong hình phạt tù, đến nay UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đều có kế hoạch triển khai, chỉ thị về việc thực hiện công tác tái hòa nhập cộng đồng, địa phương cũng đẩy mạnh công tác tuyên truyền và đề ra nhiều biện pháp, hình thức vận động các tổ chức xã hội, kinh tế, cộng đồng dân cư tham gia vào phong trào giúp đỡ cảm hóa người lầm lỗi bước đầu

đã tạo sự chuyển biến nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, tổ chức xã hội, cộng đồng dân cư. Bộ Công an đã chỉ đạo Công an các địa phương tham mưu cho cấp ủy, UBND các địa phương chỉ đạo các cấp, các ngành của địa phương tiến hành tổng điều tra, khảo sát người chấp hành xong án phạt tù 10 năm (2002-2012) trên phạm vi toàn quốc; kết quả đợt khảo sát đầu tiên cho thấy: trong tổng số 424.878 người chấp hành xong án phạt tù có 14,21% không về địa phương cư trú, không rõ đi đâu, có 25,64% vi phạm pháp luật (trong đó 18,86% bị xử lý hình sự, 6,78% bị xử lý hành chính), 3,02% số người đặc xá tái phạm; về tình trạng việc làm, số người chấp hành xong hình phạt tù có việc làm là 226.434 người, tỷ lệ 82,26% (số người được giúp việc làm, cho vay vốn sản xuất, kinh doanh chiếm tỷ lệ 8,3%; số tự bản thân hoặc gia đình giúp đỡ chiếm tỷ lệ 89,67%); số người chưa có việc làm là 48.8400 người, tỷ lệ là 17,74% [16].

Tuy nhiên, đối với vấn đề tái hòa nhập cộng đồng người đã chấp hành xong hình phạt tù, cần thừa nhận một thực tế rằng, ngoài những khó khăn chung về kinh tế - xã hội, người đã chấp hành xong hình phạt tù tại trại giam còn phải chịu những khó khăn về mặt khách quan và chủ quan. Đây chính là những nguyên nhân, điều kiện dẫn họ trở lại con đường tái phạm tội với ý thức chống đối xã hội sâu sắc hơn trước.

### **3.2.3. Nguyên nhân tồn tại, vướng mắc trong thi hành án phạt tù**

Từ những phân tích thực trạng THAPT trên, có thể rút ra những hạn chế và bất cập như sau:

*Thứ nhất*, quan niệm về hệ thống nhà tù (hay còn gọi là trại giam, trại cải tạo) cho đến nay vẫn chưa thực sự thống nhất. Nhà tù là công cụ bạo lực của Nhà nước (dưới chế độ ta là công cụ chuyên chính dân chủ nhân dân) hay nhà tù là nơi giam giữ phạm nhân và là môi trường cải tạo của người phạm tội; nhà tù được tổ chức theo nguyên tắc quản lý tập trung thống nhất hay phân cấp theo đơn vị hành chính; nhà tù thuộc hệ thống tư pháp hay hệ thống hành chính...là vấn đề cần phải được nghiên cứu để đi đến thống nhất cả về lý luận lẫn thực tiễn. Không làm rõ quan niệm này sẽ dẫn đến nhiều bất cập, tùy tiện trong công tác thi hành án [35, tr. 142].

*Thứ hai*, công tác quản lý nhà nước về THAPT còn có những sơ hở, thiết sót, số đối tượng có án phạt tù ở xã hội còn nhiều, số trốn thi hành án, trốn trại từ trước đến nay chưa được giải quyết, thanh loại, truy nã triệt để [35, tr. 143], thủ tục THAPT còn chậm trễ, bỏ quên. Tính đến ngày 30/9/2013 còn 6.371 trường hợp chưa chấp hành hình phạt trong trại giam (bao gồm: 3.452 người đang được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án theo Điều 61, 62 của BLHS; 114 người hết thời hạn hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án và 348 người bản án đã có hiệu lực pháp luật đang được tại ngoại, cơ quan Công an chưa nhận được quyết định thi hành án của Tòa án; 24 người đang chờ giải quyết thời hiệu; 1.249 người đã có quyết định thi hành án, Công an các địa phương đang xác minh và hoàn tất thủ tục hồ sơ để áp giải đi chấp hành án; 1.532 người trốn thi hành án từ nhiều năm trước đến nay).

*Thứ ba*, chất lượng công tác giáo dục, cải tạo phạm nhân còn thấp [35, tr. 143], trong đó tồn tại lớn nhất hiện nay là nội dung, chương trình giáo dục, cải tạo phạm nhân còn bất cập; công tác hướng nghiệp dạy nghề cho phạm nhân chưa đầu tư đúng mức, hiệu quả dạy nghề chưa thích hợp với nhu cầu lao động xã hội, nhiều phạm nhân ra trại về cư trú ở thành phố, thị xã không sử dụng nghề được dạy để tự lao động sinh sống. Sự phối hợp giữa trại giam với Công an, chính quyền, các tổ chức xã hội của địa phương trong việc giáo dục, cải tạo phạm nhân, giúp đỡ phạm nhân ổn định cuộc sống, tái hòa nhập cộng đồng sau khi ra trại thiếu đồng bộ và thực tế mới chỉ dừng lại ở mức độ trao đổi, thông báo trên giấy tờ, chưa có biện pháp giải quyết tổng thể, liên hoàn dẫn đến tình trạng phạm nhân sau khi mãn hạn tù vẫn còn tái phạm nhiều.

*Thứ tư*, cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ công tác THAPT đã được quan tâm đầu tư nhưng do số lượng phạm nhân tăng lên rất nhanh nên hầu hết các trại giam thuộc quản lý của Bộ Công an đều nằm trong tình trạng quá tải, có trại vượt gấp hai lần quy mô giam giữ [35, tr. 143]. Diện tích bình quân sàn nằm của phạm nhân không được  $2m^2$ /phạm nhân theo như quy định của pháp luật.

*Thứ năm*, công tác tổ chức cán bộ đã được củng cố, tăng cường nhưng do số lượng phạm nhân tăng nhanh nên biên chế vẫn còn thiếu nhiều [35, tr. 143].

Theo báo của Chính phủ năm 2013, Công an các địa phương đã biên chế 15.638 cán bộ, chiến sĩ làm công tác THAHS và HTTP; các trại giam có 21.835 cán bộ, chiến sĩ (15.260 sĩ quan và hạ sĩ quan nghiệp vụ; 690 sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, 39 công nhân viên, 101 tạm tuyển, 1.048 hợp đồng lao động, 4.488 chiến sĩ phục vụ có thời hạn, 209 nghỉ chờ hưu).

*Thứ sáu*, tình trạng phạm nhân trốn, đánh chết nhau hoặc vi phạm nội quy, quy chế trại giam tuy đã giảm nhưng vẫn còn ở mức đáng lo ngại [35, tr. 144].

*Thứ bảy*, một số thủ tục sau khi xét xử được tiến hành quá chậm [35, tr. 144]. Thông thường thời gian chờ đủ thủ tục để đi chấp hành án là từ 3 đến 6 tháng, thậm chí có trường hợp kéo dài đến 1 năm.

*Thứ tám*, quy định về thi hành hình phạt tù đối với người nước ngoài chưa đầy đủ [35, tr. 145]. Năm 2013, ở trong các trại giam do lực lượng Công an quản lý có 375 phạm nhân là người nước ngoài mang quốc tịch của 21 nước khác nhau đang chấp hành án. Do có sự bất đồng về ngôn ngữ, khác nhau về phong tục, tập quán, thói quen sinh hoạt và thường xuyên được các sứ quán, các cơ quan đại diện nước ngoài, thân nhân là người nước ngoài đến thăm, nên trong thực tiễn THAPT đối với người nước ngoài vẫn có những bất cập cần phải có quy định rõ ràng và cụ thể. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau, cho tới nay các văn bản pháp luật của Nhà nước ta về lĩnh vực THAPT như: Pháp lệnh sửa đổi bổ sung một số điều pháp lệnh THAPT có hiệu lực thi hành từ 01/01/2008 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Quy chế trại giam ban hành theo Nghị định 113/2008/NĐ-CP ngày 28/10/2008 của Chính phủ cũng đã đề cập đến công tác giáo dục cho phạm nhân người nước ngoài, hay mới đây nhất là Luật THAHS và Nghị định số 117/2011/NĐ-CP ngày 15/12/2011 của Chính phủ, nhưng các chế độ về ăn, mặc, ở, sinh hoạt, chăm sóc y tế đối với phạm nhân là người nước ngoài được thực hiện như quy định đối với phạm nhân là người Việt Nam.

*Thứ chín*, việc phòng, chống HIV/AIDS trong trại giam còn nhiều bất cập [35, tr. 145]. Tình trạng phạm nhân bị nhiễm HIV/AIDS trong các trại giam, nhất là các trại giam do lực lượng Công an quản lý diễn biến hết sức phức tạp. Số

phạm nhân nghiện hút, mắc các bệnh xã hội như lao, giang mai, HIV, vào chấp hành án trong các trại giam ngày càng nhiều.

*Nguyên nhân của tình trạng trên:*

*Về pháp luật:* Mặc dù trong thời gian gần đây, chúng ta đã đạt được một số thành tựu trong việc hoàn thiện tổ chức và hoạt động công tác THAHS nói chung và THAPT nói riêng, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế. Riêng về lĩnh vực thi hành hình phạt tù chưa đảm bảo tính hệ thống, chưa thật phù hợp. Nhiều vướng mắc phát sinh trong hoạt động quản lý và tổ chức thi hành hình phạt tù chưa được điều chỉnh kịp thời hoặc đã được điều chỉnh nhưng không còn phù hợp. Luật THAHS thì rất cần những văn bản hướng dẫn cụ thể [13, tr. 456] và kịp thời để nâng cao hiệu quả THAHS nói chung, thi hành bản án phạt tù nói riêng.

*Về công tác THAPT:* Công tác THAHS bị phân tán ở nhiều cơ quan chức năng khác nhau, làm cho công tác quản lý nhà nước về thi hành án không tập trung [29, tr. 6]; hiệu lực của các bản án, quyết định của Tòa án tác dụng trong thực tế không cao. Thi hành bản án phạt tù kết hợp được với các hình phạt bổ sung khác, do đó làm hạn chế đến hiệu quả của công tác thi hành án và tính nghiêm minh của hình phạt. Theo quy định của Luật THAHS năm 2010 thì Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công tác thi hành án trong phạm vi cả nước. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng giúp Chính phủ quản lý công tác THAPT và tổ chức công tác THAPT [64]. Tuy vậy, trong thực tế công tác THAPT cần phải được phối hợp giữa cơ quan chuyên trách với nhiều cơ quan khác nữa cùng tham gia, thực hiện như TAND, UBND các cấp, cơ quan, tổ chức nơi người bị kết án cư trú, cơ quan y tế... Vì vậy, nếu sự phối hợp giữa các cơ quan này còn lỏng lẻo thì mục đích của thi hành hình phạt tù và các biện pháp tư pháp khác không đạt được kết quả, tác dụng phòng ngừa vi phạm và tội phạm bị hạn chế.

- Các cơ quan nhà nước hoạt động trong lĩnh vực tư pháp, HTTP vẫn chưa xem trọng chất lượng, hiệu quả của giai đoạn thi hành hình phạt. Thực tế chỉ mới chú trọng các khâu phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử, còn khâu thi hành án chưa được quan tâm, nhận thức, tổ chức thực hiện đúng với vai trò, vị trí quan trọng của nó.

- Trong cơ chế tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp trong đó có cơ quan thi hành án còn nặng về bao cấp. Nhiều vấn đề mới như sự phát triển nhanh, mạnh của nền kinh tế thị trường, sự phân hóa trong xã hội, sự gia tăng của tình hình tội phạm và vi phạm pháp luật; vấn đề xã hội hóa hoạt động thi hành án, vấn đề tái hòa nhập cộng đồng đã và đang đặt ra cho công tác thi hành án cần phải đổi mới tổ chức và hoạt động.

- Tình trạng quá tải trong công tác giam giữ, cải tạo phạm nhân do điều kiện trại giam còn nhiều hạn chế, điều kiện kinh phí, cơ sở vật chất đối với chế độ cải tạo giáo dục đối với phạm nhân trong THAHS là những tồn tại hết sức bức xúc trong thi hành án hiện nay. Cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ công tác THAPT đã vượt quá quy mô giam giữ được duyệt  $2m^2$ /người, nhiều trại giam đã quá tải [16].

- Công tác THAPT ngày nay bị chi phối nhiều hơn bởi diễn biến phức tạp về tâm lý của người bị kết án phạt tù, bởi sự tác động của các lối sống, quan niệm mới của đạo đức, tâm lý xã hội. Công tác này đang đứng trước khó khăn, thách thức. Chúng ta cần tổng kết đúc rút ra các phương pháp giáo dục mới cho phù hợp với thực tại để thay thế các phương pháp truyền thống trước đây [19, tr. 268]. Chúng ta đang rất cần một chiến lược mới để công tác giáo dục xen kẽ, hòa đồng, phù hợp với công tác quản lý, thực hiện chế độ chính sách nhằm tạo ra sự chuyển biến thực sự về nhân cách phạm nhân; những chiến lược cải thiện cơ sở, vật chất phục vụ cho việc giáo dục pháp luật, văn hóa, chính trị tư tưởng, đạo đức và một chiến lược đào tạo, củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ quản giáo, giáo dục.

- Công tác THAPT ngày nay gặp phải nhiều khó khăn hơn từ phía phạm nhân [19, tr. 168-175]. Các đối tượng phạm nhân xâm phạm an ninh quốc gia tuy không nhiều về số lượng nhưng do tác động của tình hình chính trị thế giới đã trở nên chống đối mãnh liệt hơn. Các đối tượng phạm tội xâm phạm trật tự xã hội thì phần lớn trong tình trạng xuống cấp nhân cách, mắc nhiều thói hư tật xấu và tệ nạn xã hội. Các mối quan hệ với gia đình của phạm nhân đang lỏng lẻo dần với sự tấn công của tội phạm, tệ nạn, thiếu việc làm và ảnh hưởng của sách báo, phim ảnh, lối sống phương Tây.



- Đã bộc lộ sự không cân đối giữa công tác giáo dục với các hoạt động khác của trại giam, đặc biệt là lao động sản xuất. Để giải quyết những khó khăn, cân đối những chi phí mà ngân sách hành chính của Nhà nước đã không còn phù hợp, các trại giam buộc phải đẩy mạnh sản xuất. Trong khi đó chúng ta chưa có nội dung chương trình giáo dục mang tính bắt buộc và thiếu tiêu chí để kiểm định chất lượng giáo dục cải tạo để cơ quan cấp trên có thể kiểm tra được như kiểm tra mức ăn, điều kiện tiêu chuẩn giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù, đặc xá...

- Tổ chức biên chế và quyền hạn của cơ quan làm công tác THAPT trong lực lượng Công an nhân dân chưa tương xứng với trách nhiệm, phạm vi quản lý được giao, thẩm quyền pháp lý quy định. Đội ngũ cán bộ giáo dục, quản giáo đang thiếu cả về số lượng và chất lượng. Nhiều cán bộ quản giáo, giáo dục chưa qua đào tạo, chưa được bồi dưỡng về khoa học giáo dục, chưa nắm được những nguyên tắc lý luận cơ bản về công tác giáo dục. Một số cán bộ quản giáo chưa say mê với công việc được giao, chưa chủ động sáng tạo trong công việc [19, tr. 160-161].

- Nội dung giáo dục, rèn luyện phạm nhân còn đơn điệu, nghèo nàn, có lúc rập khuôn, máy móc, chưa vận động kịp thời với sự phát triển của xã hội, phương pháp giáo dục còn hành chính hoặc cứng nhắc đơn điệu, không hấp dẫn phạm nhân [18], [19]. Phạm nhân còn nhiều thời gian rỗi, nhưng không có các hình thức hoạt động, sinh hoạt hấp dẫn, bổ ích. Đến nay Bộ Công an vẫn chưa ban hành nội dung, chương trình giáo dục.

*Về hợp tác quốc tế:* Trong THAPT thì lĩnh vực hợp tác quốc tế chưa được quan tâm, chú trọng, gần như bỏ ngỏ và mới chỉ dừng lại trong dẫn độ tội phạm [58, tr. 526]. Việc học hỏi kinh nghiệm trong THAPT giữa nước ta với các nước tiên tiến gần như không có, tiêu biểu cho điều này là các nước áp dụng chế độ tạm tha đối với người THAPT nhưng ở nước ta hiện nay chưa có quy định này.

Sự hoàn thiện trong lĩnh vực THAHS, THAPT bắt nguồn từ sự đòi hỏi của sự nghiệp đổi mới, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN. Sự nghiệp đổi mới ở nước ta do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo từ Đại hội VI đến nay đã giành được những thắng lợi to lớn và quan trọng, giữ vững sự ổn

định, tiếp tục phát triển kinh tế- văn hóa- xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Để xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN đòi hỏi phải tiến hành đồng bộ nhiều biện pháp, trong đó cần phải xóa bỏ những tồn tại, hạn chế bất cập trong công tác THAPT.

### **KẾT LUẬN CHƯƠNG 3**

Nghiên cứu những quy định của pháp luật hiện hành về THAPT và thực tiễn thi hành, chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

Pháp luật Việt Nam đưa ra được những khái niệm, những cơ sở và căn cứ cơ bản trong THAPT, các chế độ của phạm nhân trong THAPT. Pháp luật còn quy định rõ về trình tự thủ tục THAPT, cơ quan tổ chức có thẩm quyền trong THAPT.

Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về THAHS cơ bản đã hoàn chỉnh, đáp ứng và phù hợp với yêu cầu thực tiễn của công tác THAHS và quản lý nhà nước về THAHS, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, toàn diện, đồng bộ cho công tác THAHS, góp phần thiết thực vào công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật THAHS nói chung và THAPT nói riêng ở nước ta hiện nay cũng bộc lộ những hạn chế, vướng mắc.

Hiện nay tình hình người bị kết án tù giam giữ tại các trại giam tiếp tục tăng, tính chất và thành phần tội phạm phức tạp hơn; số phạm các tội hình sự loại nguy hiểm, mức án cao, nhiều tiền án, nghiện ma túy, nhiễm HIV/AIDS tiếp tục có những diễn biến phức tạp; một số đối tượng chống đối quyết liệt, không chịu lao động, cải tạo, thường xuyên vi phạm nội quy, tìm mọi cách trốn khỏi nơi giam, thậm chí gây rối trật tự, đánh chém nhau, tấn công lại cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ. Vì vậy, đặt ra cho lực lượng THAHS và HTTP nhiệm vụ rất nặng nề, đòi hỏi không ngừng nỗ lực phấn đấu, tăng cường các biện pháp nghiệp vụ; chủ động khắc phục khó khăn, kịp thời sơ kết, đánh giá các mặt công tác để tham mưu, hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Luật THAHS ngày càng nghiêm minh, hiệu lực, hiệu quả.

## ***Chương 4***

# **CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THI HÀNH ÁN PHẠT TÙ TRƯỚC YÊU CẦU CẢI CÁCH TƯ PHÁP Ở VIỆT NAM**

## **4.1. NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG CẢI CÁCH TƯ PHÁP VỀ THI HÀNH ÁN PHẠT TÙ**

Nghị quyết số 48-NQ/TW và Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị đã đề ra những định hướng trong chiến lược cải cách tư pháp của nước ta hiện nay gồm:

- Hoàn thiện chính sách, pháp luật hình sự và dân sự phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; hoàn thiện các thủ tục tố tụng tư pháp, bảo đảm tính đồng bộ, dân chủ, công khai, minh bạch, tôn trọng và bảo vệ quyền con người.

- Tổ chức các cơ quan tư pháp và các chế định hỗ trợ tư pháp hợp lý, khoa học và hiện đại về cơ cấu tổ chức và điều kiện, phương tiện làm việc; trong đó, xác định tòa án có vị trí trung tâm và xét xử là hoạt động trọng tâm; xã hội hóa mạnh mẽ hoạt động hỗ trợ tư pháp.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp, hỗ trợ tư pháp, nhất là cán bộ có chức danh tư pháp, theo hướng đề cao quyền hạn, trách nhiệm pháp lý, nâng cao và cụ thể hóa tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất, đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm, kiến thức xã hội đối với từng loại cán bộ; tiến tới thực hiện chế độ thi tuyển đối với một số chức danh.

- Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò giám sát của các cơ quan dân cử, của công luận và của nhân dân đối với hoạt động tư pháp.

Về THAPT phải dựa trên những định hướng trên trong quá trình cải cách nhằm nâng cao hiệu quả của công tác này, giải quyết những vấn đề THAPT hiện nay, đòi hỏi phải:

- Xuất phát từ những quan điểm về bản chất, mục đích của việc THAPT mà định ra chiến lược cơ bản cho việc tổ chức thực hành hệ thống thi hành hình phạt tù và những nguyên tắc tổ chức, vận hành bộ máy; những nhiệm vụ cụ thể của hệ thống thi hành hình phạt tù. Trong hoàn cảnh thực tế của nước ta hiện nay, vấn đề

thực hành hệ thống thi hành hình phạt tù phải được xem xét tổng thể những vấn đề của bộ máy nhà nước và những nhiệm vụ của cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, phải quán triệt những tư tưởng cơ bản của chiến lược cải cách tư pháp, chiến lược xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật của Đảng và Nhà nước. Cần xác định rõ vị thế của hệ thống thi hành hình phạt tù trong hệ thống các cơ quan chuyên chính, bạo lực trấn áp của Nhà nước. Chúng ta cần một chiến lược cơ bản cho việc tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống THAPT phù hợp với giai đoạn, trình độ phát triển của Nhà nước và của xã hội, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ lịch sử của Nhà nước trong giai đoạn chiến lược này [35, tr. 127].

- Chính sách hình sự đối với lĩnh vực THAPT cũng phải hướng tới việc xác định những giải pháp để bảo đảm thực hiện một cách tối ưu nhất các mục tiêu chiến lược và nhiệm vụ của hệ thống đã được đề ra. Chính sách hình sự trên lĩnh vực THAPT phải hướng tới việc bảo đảm những giải pháp chính trị, tư tưởng, tổ chức và vật chất, kỹ thuật nhằm tạo ra một tổ chức tốt nhất, thực hiện một cách tối ưu nhất mục đích của hình phạt tù phục vụ lợi ích giai cấp của Nhà nước [35, tr. 127].

Trong chính sách hình sự trên lĩnh vực thi hành hình phạt tù phải tính toán nhằm bảo đảm những giải pháp chính trị, tư tưởng, tổ chức và vật chất, kỹ thuật để tạo ra một bộ máy tốt nhất, với ý nghĩa là bộ máy thực hiện đúng đắn nhất, tối ưu nhất mục đích của hình phạt tù. Các giải pháp thi hành hình phạt tù trước mắt cũng như trong tương lai vẫn phải bảo đảm để các trại giam thực hiện tốt nhất chức năng tư tưởng, trấn áp bảo đảm an toàn xã hội và đồng thời còn là tổ chức đời sống cho bộ phận dân cư đặc thù trong những điều kiện đặc thù [35, tr. 128].

Hệ thống THAPT của chúng ta trong nhiều thập kỷ qua đã không ngừng được củng cố và hoàn thiện. Vấn đề hôm nay của THAPT là phải đổi mới và tiếp tục hoàn thiện để đáp ứng những yêu cầu, nhiệm vụ chiến lược được đặt ra trong chiến lược tổng thể cải cách Tư pháp, cải cách hành chính.

Hiến pháp năm 2013 quy định tại Điều 106: "Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân có hiệu lực pháp luật phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành" [65].

Quy định này đã trở thành nguyên tắc cơ bản được ghi nhận xuyên suốt trong các Hiến pháp của Việt Nam (Điều 136 Hiến pháp năm 1992 và Điều 137 Hiến pháp năm 1980). Đây cũng chính là nguyên tắc cho mọi hoạt động của các cơ quan nhà nước, bảo đảm tính thượng tôn của pháp luật, đặc biệt là trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Thực hiện quy định này của Hiến pháp năm 2013, Quốc hội Khóa XIII (kỳ họp thứ 8) đã thông qua Luật Tổ chức TAND, Luật tổ chức VKSND nhằm tiếp tục cải cách công tác tư pháp, quy định rõ hơn thẩm quyền, nhiệm vụ của các cơ quan tư pháp [66], đảm bảo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ để các cơ quan Tư pháp thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao. Quyền luôn đi liền với nghĩa vụ và việc chấp hành pháp luật cũng chính là quyền và nghĩa vụ của mọi tổ chức và cá nhân, điều đó đã được Hiến pháp năm 2013 quy định rất cụ thể, mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân phải tôn trọng và chấp hành đầy đủ các bản án, quyết định của Tòa án. Chấp hành các bản án, quyết định của Tòa án không chỉ bảo đảm hiệu lực pháp luật của bản án, quyết định trên thực tế mà còn bảo đảm tính thượng tôn của pháp luật, duy trì trật tự xã hội, tăng cường pháp chế XHCN, tạo được lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, công lý và cả chế độ, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nâng cao ý thức, trách nhiệm chấp hành pháp luật của nhân dân trong mọi mặt của đời sống xã hội. Ngược lại, nếu bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật nhưng không được nghiêm chỉnh thi hành, thì hiệu lực pháp luật của bản án, quyết định cũng như hiệu lực quản lý của Nhà nước, tính nghiêm minh của pháp luật bị xem thường, lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ bị giảm sút. Thực tiễn chúng ta thấy, nhà nước ta luôn thể chế hóa bằng nhiều qui định pháp luật để bảo đảm các bản án, quyết định của Tòa án đều được thi hành nghiêm chỉnh trên thực tế, đảm bảo hiệu lực quản lý của nhà nước, tính nghiêm minh của pháp luật, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức và mọi công dân, duy trì trật tự xã hội, giữ vững kỷ cương, phép nước, tăng cường pháp chế XHCN, bảo đảm cho sự ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng giai đoạn cụ thể.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, thực tế vẫn còn bản án, quyết định của Tòa án chưa được các tổ chức, cá nhân có liên quan nghiêm chỉnh chấp hành, trật tự xã hội có lúc có nơi chưa được bảo đảm, kỷ cương chưa nghiêm, quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, các tổ chức và công dân bị xâm phạm, gây bức xúc, làm ảnh hưởng đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Trong vấn đề này, ngoài việc tổ chức, cá nhân cố ý không chấp hành, còn có nhiều nguyên nhân, như: Có bản án, quyết định của Tòa án xét xử thiếu công tâm, không khách quan, xâm phạm quyền, lợi ích chính đáng của người dân; sự can thiệp trái pháp luật của một số cá nhân có chức, có quyền trong quá trình tố tụng và thi hành án; ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu lực pháp luật của bản án, quyết định, hiệu lực quản lý nhà nước, ảnh hưởng đến an ninh, chính trị, trật tự xã hội, niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước [78].

Để bảo đảm các bản án, quyết định của TAND được nghiêm chỉnh chấp hành trên thực tế cần phải có nhiều giải pháp thống nhất, đồng bộ đó là:

*Một là*, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan Tư pháp; tiếp tục triển khai và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 49/NQ/TW, ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

*Hai là*, cần sớm hoàn thiện hệ thống pháp luật (theo Hiến pháp năm 2013) đảm bảo đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, tránh tình trạng pháp luật ở lĩnh vực này mâu thuẫn, chồng chéo với lĩnh vực khác, nhằm áp dụng thống nhất trong quá trình giải quyết vụ việc, bảo đảm bản án, quyết định của Tòa án ban hành mang tính khả thi trên thực tế. Ngoài ra, việc hoàn thiện pháp luật còn để thực thi các công ước mà Việt Nam là thành viên như Công ước của Liên hợp quốc về chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người.

*Ba là*, kiện toàn tổ chức, bộ máy các cơ quan nhà nước nói chung và hệ thống các cơ quan bảo vệ pháp luật nói riêng, bảo đảm phù hợp với yêu cầu cải cách tư pháp; nâng cao phẩm chất đạo đức, ý thức, trách nhiệm nghề nghiệp, năng lực, trình độ, đặc biệt là sự công tâm, khách quan trong việc thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức các cơ quan bảo vệ pháp luật, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới; đồng thời đảm bảo kinh phí, cơ sở vật chất kỹ thuật cho các cơ quan tư pháp thực hiện nhiệm vụ.

*Bốn là*, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong mọi tầng lớp nhân dân, nâng cao ý thức, trách nhiệm của mỗi người trong việc thực hiện và chấp hành kỷ cương, pháp luật của nhà nước.

*Năm là*, tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước có liên quan với các cơ quan tư pháp, nhất là trong quá trình xét xử và tổ chức thi hành án.

Trước những định hướng trên, Ban cải cách Tư pháp trung ương đã có một số định hướng về công tác THAPT trong việc sửa đổi, bổ sung BLHS, việc sửa đổi, bổ sung BLTTHS; Đề án tạm tha có điều kiện trong THAPT.

Liên quan đến những nội dung cơ bản đề xuất sửa đổi, bổ sung BLTTHS, Ban chỉ đạo cải cách Tư pháp Trung ương đã thể hiện sự cần thiết của việc xây dựng chế định "*Thực hiện cơ chế tạm tha có điều kiện trong thi hành án phạt tù*", việc xây dựng Đề án đã thể chế hóa chủ trương nêu trong Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị. Qua đó, góp phần khắc phục tình trạng trại giam liên tục quá tải, không đủ diện tích sàn bình quân cho phạm nhân, thiếu các điều kiện phục vụ việc tổ chức học tập, hướng nghiệp, dạy nghề...cho phạm nhân. Đề án này đáp ứng được lộ trình xây dựng hệ thống pháp luật sau khi Hiến pháp năm 2013 có hiệu lực. Qua đó, đáp ứng được yêu cầu và quy định Quốc hội đề ra, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp theo tinh thần Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Tóm lại, về quan điểm tổng thể, chúng tôi cho rằng, cải cách hệ thống THAPT thực chất là vấn đề cải cách pháp luật THAPT, một vấn đề cực kỳ hệ trọng trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền. Việc cải cách hệ thống THAPT phải bảo đảm phù hợp với hệ thống pháp luật thực định cả về tinh thần, bản chất, hệ thống quy phạm và hệ thống phát triển. Bất luận việc tiến hành đổi mới, cải cách trên lĩnh vực nào của hoạt động nhà nước cũng phải tuân thủ chiến lược xây dựng pháp luật, chiến lược cải cách hành chính và cải cách tư pháp mà Đảng và Nhà nước đã đề ra. Việc xây dựng, hoàn thiện chính sách hình sự trong đó có lĩnh vực THAPT cũng không thể đặt ngoài chiến lược cải cách hành chính, chiến lược cải cách tư pháp, chiến lược hoàn thiện hệ thống pháp luật cho đến năm 2020. Vì thế, phải có cách nhìn và xác định chỗ đứng hợp lý cho việc tính toán các bước đi để hoàn thiện chính

sách hình sự trên lĩnh vực THAHS nói chung, án phạt tù nói riêng, sao cho những bước đi đó vừa hợp quy luật, vừa thực hiện có hiệu quả nhất, phản ánh đúng đắn nhất những nguyên lý, nguyên tắc tư tưởng đã xác định.

## **4.2. CÁC GIẢI PHÁP VỀ PHÁP LUẬT TRƯỚC YÊU CẦU CẢI CÁCH TƯ PHÁP**

### **4.2.1. Hoàn thiện pháp luật có liên quan đến thi hành án phạt tù**

Trên thực tế việc chuyển đổi bổ sung các quy định của BLHS, tổ tụng hình sự, THAHS, nói chung trong đó có THAPT trong những năm vừa qua cho thấy sự bức xúc của những lần sửa đổi, bổ sung chính lý là do tình hình tội phạm và do đó những vấn đề của cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm để bảo đảm các điều kiện khách quan an toàn cho việc thực hiện những nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ đất nước quy định. Thực tế, hệ thống THAPT của chúng ta đã đáp ứng tốt vai trò nhiệm vụ của nó trong suốt các thời kỳ lịch sử đã qua. Tuy nhiên, để đáp ứng trước yêu cầu của cải cách Tư pháp chúng ta phải có sự thay đổi cho phù hợp, đặc biệt là đường lối chính sách và pháp luật.

*Sửa đổi, bổ sung pháp luật hình sự:*

Từ thực trạng THAPT, chúng tôi đưa ra một số định hướng cơ bản trong việc sửa đổi BLHS, có liên quan đến hình phạt tù như sau:

- Thề chế hóa về mặt hình sự chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc bảo vệ và thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN: Nghiên cứu để phi hình sự hóa đối với một số hành vi phạm tội được quy định trong BLHS nhưng không còn phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN, đồng thời, hình sự hóa một số hành vi vi phạm có tính nguy hiểm cao cho xã hội gây cản trở hoặc ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển lành mạnh, ổn định và bền vững của nền kinh tế.

- Hoàn thiện chính sách hình sự theo hướng đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội; tôn trọng và bảo đảm thực thi đầy đủ các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013



Nghiên cứu giảm khả năng áp dụng hình phạt tù, đồng thời mở rộng phạm vi áp dụng các hình phạt không mang tính giam giữ như: phạt tiền, cải tạo không giam giữ. Hạn chế phạm vi áp dụng hình phạt tử hình.

Hoàn thiện các chế định về miễn trách nhiệm hình sự; miễn, giảm hình phạt; xóa án tích nhằm tạo điều kiện cho người bị kết án, nhất là người phạm tội bị kết án phạt tù có điều kiện tái hòa nhập cộng đồng. Trước hết, cần quy định cụ thể, rõ ràng hơn các điều kiện được miễn trách nhiệm hình sự, đồng thời nghiên cứu mở rộng hơn nữa các trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự. Bên cạnh đó, đối với chế định miễn, giảm hình phạt, cần nghiên cứu qui định cụ thể hơn điều kiện được miễn hình phạt (ví dụ như: chỉ áp dụng khi phạm tội ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng nhằm tránh việc lạm dụng); sửa đổi, bổ sung qui định về miễn chấp hành toàn bộ hình phạt (*khoản 1 Điều 57 BLHS*) theo hướng mở rộng áp dụng đối với người đang được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt mà lập công lớn hoặc mắc bệnh hiểm nghèo; sửa đổi một số quy định về miễn chấp hành hình phạt, giảm thời hạn chấp hành hình phạt theo hướng quy định cụ thể trường hợp thời hạn được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù bằng hoặc dài hơn thời hiệu thi hành án, việc hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù chung thân, tử hình. Ngoài ra, cần nghiên cứu, đề xuất bổ sung chế định chế định tha tù trước thời hạn có điều kiện nhằm tạo cho phạm nhân có cơ hội được trở về với cộng đồng sớm hơn nhưng phải chịu sự giám sát của chính quyền cơ sở khi về sinh sống tại cộng đồng, điều này góp phần hạn chế khả năng tái phạm của họ. Ngoài ra, cần nghiên cứu bổ sung thêm qui định về xóa án tích đối với trường hợp phạm nhiều tội, trong đó có cả tội thuộc nhóm đương nhiên được xóa án tích và có cả tội thuộc nhóm xóa án tích theo quyết định của Tòa án; xóa án tích đối với người bị kết án tù chung thân, tử hình khi được ân giảm;...

Nghiên cứu hoàn thiện chính sách hình sự liên quan đến người chưa thành niên phù hợp với tinh thần Công ước liên hợp quốc về quyền trẻ em. Nghiên cứu hạn chế khả năng áp dụng hình phạt tù trên cơ sở qui định chặt chẽ hơn điều kiện áp dụng hình phạt này đối với người chưa thành niên; tăng cường áp dụng các hình phạt không tước tự do đối với người chưa thành niên từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi

phạm tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng; người chưa thành niên từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng. Bổ sung quy định về tha tù trước thời hạn có điều kiện áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội để đưa người chưa thành niên bị kết án phạt tù sớm trở về với cộng đồng.

- Đổi mới tư duy về tội phạm và hình phạt, về cơ sở của trách nhiệm hình sự, đồng thời khắc phục những bất cập, hạn chế trong thực tiễn, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, góp phần bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

- Nghiên cứu nội luật hóa những qui định có liên quan của điều ước quốc tế mà nước ta là thành viên, góp phần tăng cường hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm.

- Sửa đổi các quy định của BLHS liên quan đến các tội phạm tham nhũng nhằm đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tham nhũng và yêu cầu thực thi Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng.

- Hoàn thiện kỹ thuật lập pháp hình sự theo hướng nâng cao tính minh bạch, khả thi và tính dự báo trong các quy định của BLHS; bảo đảm tính thống nhất về mặt kỹ thuật giữa Phần chung và Phần các tội phạm cụ thể của BLHS và giữa BLHS với các Luật khác.

Về cụ thể, chúng tôi có một số kiến nghị về việc sửa đổi một số điều của BLHS, cụ thể như sau:

Thi hành án phạt tù đòi hỏi phải có trình tự, thủ tục chặt chẽ nên việc thi hành đối với bản án phạt tù đòi hỏi phải dài, và mục đích của hình phạt tù là cải tạo, giáo dục người phạm tội thành người có ích cho xã hội nên việc quy định mức phạt tù thấp nhất là 3 tháng không bảo đảm các yêu cầu trên. Chúng tôi kiến nghị sửa đổi Điều 33 BLHS như sau:

*"Tù có thời hạn là việc buộc người bị kết án phải chấp hành hình phạt tại trại giam trong một thời hạn nhất định. Tù có thời hạn đối với người phạm một tội có mức tối thiểu là **sáu tháng**, mức tối đa là hai mươi năm".*

Về giảm mức hình phạt tù, như đã phân tích ở phần thực trạng THAPT, việc quy định mức giảm và điều kiện để được xét giảm lần đầu như hiện nay là chưa phù hợp.

Chúng tôi kiến nghị sửa đổi khoản 1 Điều 58 BLHS như sau:

*"Giảm mức hình phạt đã tuyên*

*1. Người bị kết án cải tạo không giam giữ, nếu đã chấp hành hình phạt được một thời gian nhất định và có nhiều tiến bộ, thì theo đề nghị của cơ quan, tổ chức hoặc chính quyền địa phương được giao trách nhiệm trực tiếp giám sát, giáo dục, Tòa án có thể quyết định giảm thời hạn chấp hành hình phạt.*

*Người bị kết án phạt tù, nếu đã chấp hành hình phạt được một thời gian nhất định và có nhiều tiến bộ, thì theo đề nghị của cơ quan thi hành án phạt tù, Tòa án có thể quyết định giảm thời hạn chấp hành hình phạt.*

*Thời gian đã chấp hành hình phạt để được xét giảm lần đầu là **một phần tư** thời hạn đối với hình phạt cải tạo không giam giữ, hình phạt tù từ ba mươi năm trở xuống, mười hai năm đối với tù chung thân".*

Bổ sung Điều 76 BLHS như sau:

*"Giảm mức hình phạt đã tuyên*

*1. Người chưa thành niên bị phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù, nếu có nhiều tiến bộ và đã chấp hành được một phần tư thời hạn, thì được Tòa án xét giảm; riêng đối với hình phạt tù, mỗi lần có thể giảm đến bốn năm nhưng phải bảo đảm đã chấp hành ít nhất là hai phần năm mức hình phạt đã tuyên.*

***Việc miễn giảm hình phạt đối với người chưa thành niên nêu trên chỉ được áp dụng đối với người đang chấp hành án là người chưa thành niên".***

*Sửa đổi, bổ sung pháp luật về tổ tụng hình sự:*

Đề xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, Đảng ta đã đề ra nhiều chủ trương cải cách tư pháp như: Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002, Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 26/5/2005, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005, Kết luận số 79-KL/TW ngày 28/7/2010, Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị; Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần X, XI của Đảng. Các nghị quyết của Đảng nhấn mạnh: Cải cách mạnh mẽ thủ tục tố tụng tư pháp theo hướng dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch, chặt chẽ nhưng thuận tiện, bảo đảm sự tham gia và giám sát của nhân dân đối với hoạt động tư pháp; bảo đảm chất lượng

tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, lấy kết quả tranh tụng tại tòa làm căn cứ quan trọng để phán quyết bản án, coi đây là khâu đột phá để nâng cao chất lượng hoạt động tư pháp; đồng thời, yêu cầu cải cách nhiều nội dung cụ thể khác của tố tụng hình sự, trong đó có thủ tục thi hành án. Đây là những định hướng quan trọng, chỉ đạo việc nghiên cứu, hoàn thiện các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS).

Hiến pháp năm 2013 được Quốc hội khóa XIII thông qua tại kỳ họp thứ 6 đã thể hiện sâu sắc quan điểm của Đảng ta về tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, bổ sung nhiều nguyên tắc tư pháp tiến bộ, bổ sung và làm rõ hơn nhiệm vụ của Tòa án và Viện kiểm sát khi thực hiện chức năng Hiến định. Những sửa đổi, bổ sung này đòi hỏi phải được cụ thể hóa trong BLTTHS (sửa đổi).

Tổng kết thực tiễn hơn 10 năm thi hành đã khẳng định vai trò quan trọng của BLTTHS năm 2003 trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ cuộc sống bình yên của nhân dân, tạo môi trường ổn định cho sự phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN. Mặc dù vậy, thực tiễn thi hành BLTTHS năm 2003 cũng bộc lộ những vướng mắc, bất cập.

Thời gian qua, Quốc hội đã ban hành nhiều đạo luật liên quan đến tố tụng hình sự như: Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Luật tổ chức Tòa án nhân dân, Luật thi hành án hình sự v.v... Quá trình xây dựng Dự án BLTTHS phải quán triệt đầy đủ nội dung mới trong các đạo luật nêu trên để đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

Chủ động hội nhập quốc tế đã trở thành nhu cầu nội tại của Việt Nam. Việt Nam đã tham gia nhiều tổ chức quốc tế và trở thành thành viên của nhiều điều ước quốc tế trong lĩnh vực đấu tranh phòng, chống tội phạm. Đồng thời, trong quan hệ hợp tác song phương với các quốc gia, đã đàm phán và ký kết nhiều Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự, dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù với các nước trên thế giới. Trong khi đó, nhiều quy định của BLTTHS hiện hành mới dừng ở những quy định chung; chưa quy định rõ về giá trị của các nguồn tư liệu có được thông qua hoạt động tương trợ tư pháp hình sự; thiếu các quy định cụ

thể về trình tự, thủ tục, mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng nhằm thực hiện tốt các cam kết quốc tế.

Bộ luật Tố tụng hình sự 2003 và Luật THAHS năm 2010 đã quy định khá cụ thể về trình tự và thủ tục THAPT. Những quy định đó đã tạo rất nhiều điều kiện thuận lợi cho hoạt động THAPT khi mà thực tiễn thi hành án nói chung và THAPT nói riêng gặp nhiều khó khăn. Thủ tục đưa người bị kết án phạt tù vào trại giam để chấp hành hình phạt tù, thủ tục tiếp nhận phạm nhân được quy định khá cụ thể và chặt chẽ có tác dụng trong việc thực hiện công tác THAPT đúng đối tượng và thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, điều chưa thấy ở các văn bản pháp luật trước đây. Tuy nhiên, BLTTHS quy định thủ tục THAHS nói chung và THAPT nói riêng vẫn cần phải có một số sửa đổi các điều luật về thi hành án cho phù hợp với điều kiện thực tiễn, cụ thể như sau:

- Đề nghị chuyển nội dung của khoản 2 Điều 255 BLTTHS sang phần quy định về hủy bỏ biện pháp tạm giam trong giai đoạn xét xử.

- Đề nghị bổ sung quy định bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật phải được gửi cho cơ quan Thi hành án.

- Điều luật không quy định cụ thể thời hạn gửi quyết định thi hành án cho Viện kiểm sát dẫn đến nhiều trường hợp các quyết định gửi đến Viện kiểm sát chậm. Đề nghị quy định cụ thể thời hạn gửi quyết định thi hành án cho Viện kiểm sát.

- Khoản 4 Điều 256 không phù hợp với Điều 15 Luật THAHS. Đề nghị sửa khoản 4 Điều 256 cho phù hợp với Luật THAHS, theo đó cần quy định như sau: *"Trong trường hợp người bị kết án phạt tù đang tại ngoại mà bỏ trốn, thì Chánh án đã ra quyết định thi hành án yêu cầu cơ quan công an có thẩm quyền ra quyết định truy nã"*.

- Điều luật không quy định thời hạn để Tòa án nhận ủy thác ra quyết định thi hành án. Đề nghị bổ sung thời hạn nêu trên (thể chế hóa từ điểm e tiểu mục 2 phần I Nghị quyết số 02/2007 ngày 2/10/2007 của Hội đồng thẩm phán TANDTC) *"Chánh án Tòa án được ủy thác phải ra quyết định thi hành án trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày nhận được quyết định ủy thác thi hành án"*.

- Chế định về ủy thác còn sơ sài, dẫn đến nhiều khó khăn cho công tác kiểm sát THAHS như: nơi ủy thác không nhận được quyết định ủy thác, hoặc đùn đẩy

trách nhiệm, hoặc không biết bị án đang ở đâu... Đề nghị quy định cụ thể vấn đề này trong điều luật.

- Điều luật không quy định trường hợp bị cáo được hưởng án treo, trong khi chờ bản án có hiệu lực pháp luật lại phạm tội mới, bị bắt giam. Trường hợp này nếu không ra quyết định thi hành án thì vi phạm Điều 256, nếu ra quyết định thi hành án thì không giao được họ cho chính quyền địa phương. Đề nghị bổ sung trường hợp trên vào điều luật để giải quyết vướng mắc.

Điều 257. Cơ quan, tổ chức có nhiệm vụ thi hành bản án và quyết định của Tòa án

- Điều luật không quy định việc cơ quan thi hành án phải thông báo cho Viện kiểm sát về kết quả thi hành bản án quyết định của Tòa án, gây khó khăn cho công tác kiểm sát thi hành án. Đề nghị bổ sung quy định trên.

- Đề nghị quy định thời gian cơ quan công an phải chuyển người bị kết án tới trại giam để thi hành án.

Điều 260. Thi hành hình phạt tù

Điều luật không quy định cơ quan Công an phải gửi thông báo kết quả THAPT cho Viện kiểm sát, gây khó khăn cho công tác kiểm sát. Đề nghị bổ sung nội dung trên.

Điều 261. Hoãn chấp hành hình phạt tù

- Trong thực tế, có nhiều bị án đã lợi dụng quy định này để liên tục có thai nhằm trốn tránh thi hành án. Đề nghị sửa đổi, bổ sung theo hướng chỉ hoãn 2 lần cho 1 bị án có thai liên tiếp.

- Đề nghị sửa đổi khoản 2 Điều 261 cho phù hợp với khoản 6 Điều 24 Luật THAHS.

Điều 262. Tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù

Đề nghị sửa đổi về thẩm quyền của cơ quan ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án là Chánh án cấp tỉnh.

Điều 263. Quản lý người được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù

Đề nghị quy định chế tài đối với những người được hoãn hoặc tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù tự ý đi nơi khác gây khó khăn cho việc tiếp tục thi hành bản án.

Đề nghị những vấn đề đã được quy định trong Luật THAHS thì không quy định trong Bộ luật này, chỉ quy định 01 điều luật dẫn chiếu áp dụng quy định của Luật THAHS.

- Đối với quyết định phúc thẩm, giám đốc thẩm thì nên giao cho Hội đồng xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm ra quyết định THAPT ngay sau khi tuyên án. Hoặc hình thành cơ chế mới về việc ra quyết định thi hành án theo hướng giao cho cơ quan THAHS được quyền ra quyết định THAHS (giống như trong thi hành án dân sự).

*Sửa đổi, bổ sung pháp luật THAHS:*

Xét cả trên phương diện lý luận và thực tiễn chúng ta đều cho thấy vai trò hết sức quan trọng của hình phạt tù đối với công cuộc đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm. Tuy nhiên, vai trò của hình phạt tù có được phát huy trên thực tế hay không, điều đó phụ thuộc chủ yếu vào quan điểm chính trị của mỗi Nhà nước, phụ thuộc vào cách thức áp dụng hình phạt tù và tổ chức thi hành hình phạt tù, phụ thuộc vào năng lực, kinh nghiệm của các lực lượng chức năng. Để nâng cao tác dụng của việc áp dụng hình phạt tù, pháp luật THAHS phải giải quyết một số vấn đề sau:

- Thể hiện được tính nghiêm minh và bản chất nhân đạo, khoan hồng trong chính sách hình sự của Đảng, Nhà nước ta đối với người phạm tội, đó là trừng trị kết hợp với khoan hồng, quản lý nghiêm ngặt kết hợp với giáo dục, cải tạo người phạm tội trở thành người có ích cho xã hội. Hình thức và biện pháp trừng trị đối với người bị kết án có ý nghĩa hết sức quan trọng, trực tiếp tác động đến hiệu quả giáo dục, cải tạo người phạm tội, do đó phải xem xét trong mối quan hệ đối xử với người phạm tội, nếu chỉ nhấn mạnh yếu tố trừng trị sẽ làm tang ý thức phản kháng, chống đối của người phạm tội, nảy sinh tiêu cực trong thi hành án; nhưng nếu chỉ nhấn mạnh yếu tố nhân đạo, khoan hồng dẫn đến tính nghiêm minh của pháp luật không được tôn trọng làm mất tác dụng ngăn ngừa, răn đe tội phạm.

- Phải thể hiện được các nguyên tắc của pháp luật THAHS: Pháp chế, công minh, nhân đạo, dân chủ, bình đẳng, nghiêm minh, cá thể hóa hình phạt, hạn chế

các biện pháp trấn áp, kết hợp thuyết phục, giáo dục với cưỡng chế và lao động cải tạo, bảo đảm tôn trọng quyền con người theo chuẩn mực quốc tế đối với tội phạm.

- Thừa kế được kinh nghiệm của thực tiễn pháp luật và công tác THAHS ở nước ta từ trước đến nay. Trải qua hơn 70 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng và Nhà nước luôn luôn quan tâm đến công tác xây dựng pháp luật THAHS đã có nhiều chỉ thị, nghị quyết chỉ đạo và tổng kết công tác THAHS. Đó là nguyên nhân cơ bản bảo đảm được sự thi hành nghiêm túc các bản án hình sự, vì vậy cần phải dựa trên các tổng kết những kinh nghiệm thành công cũng như bất cập, thiếu sót để xây dựng pháp luật THAHS mang tính khả thi và phù hợp với đặc điểm thực tiễn ở nước ta.

- Tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm pháp luật THAHS tiên tiến của các nước trên thế giới để vận dụng vào xây dựng, hoàn thiện pháp luật THAHS ở Việt Nam cho phù hợp với tình hình thực tiễn và sự phát triển của THAHS các nước.

- Bảo đảm tính truyền thống và sự nghiêm minh trong thi hành pháp luật và ổn định ANTT xã hội để xây dựng bộ máy tổ chức làm nhiệm vụ THAHS theo hướng tập trung thống nhất, chuyên sâu từ Trung ương đến địa phương.

- Về tổ chức bộ máy làm nhiệm vụ THAPT, có ý kiến cho rằng, về cơ quan THAHS, công tác THAHS không chỉ thuần túy là thi hành pháp luật, mà thực tế liên quan trực tiếp đến quản lý các loại tội phạm, là cuộc đấu tranh rất quyết liệt, gay go, phức tạp, nguy hiểm, nó là công cụ quan trọng để trấn áp chống tội phạm của Nhà nước ta nhằm bảo vệ an ninh, trật tự, giữ gìn cuộc sống của nhân dân được bình yên, do đó phải giao cho lực lượng vũ trang thuộc Bộ Công an và Bộ Quốc phòng đảm nhận, không được dân sự hóa lực lượng tổ chức THAPT, thi hành án tử hình, còn chức năng quản lý nhà nước về THAHS có thể giao cho một bộ khác giúp Chính phủ thống nhất quản lý [35, tr. 20].

Điều này thực tiễn đã có những nhận định tại cuộc họp ngày 9/11/2013, Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương đã họp Phiên thứ 11 dưới sự chủ trì của Chủ tịch Nước Trương Tấn Sang (Trưởng Ban chỉ đạo) để thảo luận, cho ý kiến Đề án "*về thực hiện việc quản lý công tác thi hành án*".



Trong các nguyên nhân dẫn đến những vướng mắc, bất cập trong công tác thi hành án hiện nay, Thường trực Ban chỉ đạo cải cách tư pháp cho rằng, trước hết là do nhận thức của một số cán bộ, đảng viên các cấp, nhất là trong các cơ quan tư pháp về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của công tác thi hành án chưa đầy đủ, còn khác nhau, còn hiện tượng coi nhẹ hoạt động thi hành án.

Bên cạnh đó, một số cơ quan, tổ chức, cá nhân chấp hành pháp luật thi hành án không nghiêm, những trường hợp chống đối nhưng ít bị xử lý đã tăng tính chây ỳ trong việc chấp hành án, làm giảm tính nghiêm minh của pháp luật; pháp luật về thi hành án còn chưa đồng bộ, lại đang trong quá trình hoàn thiện đã dẫn đến khó khăn cho cơ quan thi hành án; các vụ án hình sự, dân sự, hành chính ngày càng phức tạp về tính chất và tăng nhanh về số lượng, gây quá tải cho các cơ quan thi hành án, nhất là ở các thành phố lớn và các trại giam của công an.

Đồng thời, với tình hình và nhiệm vụ có một số thay đổi, Ban chỉ đạo thấy cần nghiên cứu và hoàn thiện cơ chế, đổi mới tổ chức, quản lý công tác thi hành án theo hướng khi có điều kiện thích hợp sẽ tiếp tục tổ chức nghiên cứu triển khai thực hiện nhiệm vụ *"Chuẩn bị điều kiện về cán bộ, cơ sở vật chất để giao cho Bộ Tư pháp giúp Chính phủ thống nhất quản lý công tác thi hành án"* (như đã được đề ra trong Nghị quyết số 49-NQ/TW).

Trong thời gian đó, tiếp tục duy trì hệ thống tổ chức, quản lý thi hành án như mô hình hiện nay, đồng thời cho phép thực hiện đổi mới một số điểm trong tổ chức và hoạt động thi hành án, khắc phục những vướng mắc, bất cập và cụ thể hóa một số nhiệm vụ mới để mô hình thi hành án hoàn thiện hơn, đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu quả hoạt động thi hành án, cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN và hội nhập quốc tế.

Theo Chủ tịch Nước Trương Tấn Sang - Trưởng Ban chỉ đạo CCTP trung ương: Trong điều kiện hiện nay, với nhiều vấn đề phát sinh chưa thể giải quyết nên có thể tạm dừng việc thực hiện chủ trương chuyển giao công tác THAHS sang Bộ Tư pháp, chờ đến thời điểm thích hợp sẽ tiếp tục. Đối với những vấn đề về vai trò của TAND trong việc thi hành các bản án quyết định do mình ban hành sẽ là định

hướng, thể hiện khi sửa đổi các luật thi hành án trong thời gian tới; đồng thời cần tính toán kỹ nội dung phối hợp của chính quyền địa phương với các cơ quan thi hành án trong công tác thi hành án chứ địa phương không thể đứng ngoài; bảo đảm tính độc lập của hoạt động thi hành án và hiệu quả của hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm sát trong công tác thi hành án... Điều này được thể hiện rõ tại Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 2/6/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, trong đó về quản lý công tác thi hành án: Dừng việc thực hiện chủ trương "chuẩn bị điều kiện về cán bộ, cơ sở vật chất để giao cho Bộ Tư pháp giúp Chính phủ thống nhất quản lý công tác thi hành án" nêu trong Nghị quyết số 49-NQ/TW. Tiếp tục thực hiện mô hình tổ chức các cơ quan thi hành án như hiện nay. Tăng cường trách nhiệm, quyền hạn của tòa án nhân dân và ủy ban nhân dân địa phương trong công tác thi hành án.

Từ những vấn đề nêu trên, cho thấy THAPT là một lĩnh vực mang tính đặc thù và phức tạp trong THAHS, cần phải có những quy định mang tính cụ thể, giá trị pháp lý cao. Do vậy, để bảo đảm nâng cao hiệu quả chất lượng THAPT thì cần có văn bản pháp lý chuyên biệt, đó là Luật THAPT, xây dựng những chế định mới như *"Tha tù trước thời hạn có điều kiện"*, chế định về *"Hợp tác quốc tế trong thi hành án phạt tù"*.

Dựa vào những hạn chế được nêu trong thực trạng THAPT, chúng tôi có một số kiến nghị sửa đổi, bổ sung điều luật trong Luật THAHS.

Hiện nay, người bị kết án tù được tại ngoại, được hoãn, tạm đình chỉ được giao cho UBND cấp xã quản lý nhưng nhiều trường hợp người chấp hành án tại địa phương đi khỏi nơi cư trú hoặc bỏ trốn nhưng UBND không thông báo kịp thời đến Cơ quan Công an. Chúng tôi, kiến nghị bổ sung khoản 10 Điều 15 Luật THAHS như sau:

*"Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện*

...

*10. Quản lý, giám sát người bị kết án tù nhưng đang được tại ngoại, được hoãn, tạm đình chỉ thi hành án".*

Từ việc giao cho Cơ quan Công an cấp huyện và UBND cấp xã quản lý người bị kết án phạt tù đang tại ngoại, được hoãn hoặc tạm đình chỉ thi hành án. Do vậy, cần phải có sự phối hợp giữa hai cơ quan này trong quản lý đối tượng nêu trên. Chúng tôi kiến nghị bổ sung khoản 2 Điều 18 Luật THAHS như sau:

*"Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã trong thi hành án hình sự*

...

*2. Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với cơ quan thi hành án hình sự cấp huyện hoặc cơ quan thi hành án cấp quân khu thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn giám sát, quản lý người bị kết án phạt tù đang tại ngoại, được hoãn hoặc tạm đình chỉ thi hành án".*

Trong Điều 21 Luật THAHS chưa quy định rõ quyết định thi hành án là của cơ quan nào, do vậy cần phải sửa đổi như sau:

*"Quyết định thi hành án phạt tù*

*Quyết định thi hành án của Tòa án phải ghi rõ họ tên, chức vụ người ra quyết định; bản án, quyết định được thi hành; tên cơ quan có nhiệm vụ thi hành quyết định thi hành án; họ tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của người bị kết án; thời hạn chấp hành án phạt tù, thời hạn chấp hành hình phạt bổ sung. Trường hợp người bị kết án đang tại ngoại, quyết định thi hành án phải ghi rõ trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định, người bị kết án phải có mặt tại cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người đó cư trú, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nơi người đó làm việc".*

Một vấn đề trong lao động của phạm nhân là sử dụng kết quả lao động của phạm nhân sau khi đã trừ đi các chi phí. Chúng tôi thấy rằng, cần phải sử dụng vào việc bồi thường lỗi lầm mà người bị kết án gây ra, tức là phải bồi thường cho nạn nhân bằng tiền lao động của phạm nhân ở trại giam, trại tạm giam. Chúng tôi kiến nghị bổ sung Điều 30 Luật THAHS như sau:

*"Sử dụng kết quả lao động của phạm nhân*

*1. Kết quả lao động của phạm nhân sau khi trừ chi phí vật tư, nguyên liệu, tiền công thuê lao động bên ngoài; chi phí điện, nước; tiền ăn thêm do lao động*

*nặng nhọc, độc hại theo ngành, nghề ngoài tiền ăn của phạm nhân theo tiêu chuẩn do ngân sách nhà nước cấp; tiền bồi dưỡng cho phạm nhân làm thêm giờ hoặc làm ngày nghỉ; khấu hao tài sản, chi phí quản lý trực tiếp cho hoạt động lao động của phạm nhân, được sử dụng như sau:*

- a) Bồi thường cho nạn nhân do tội phạm gây ra;*
- b) Bổ sung mức ăn cho phạm nhân;*
- c) Lập quỹ hòa nhập cộng đồng để chi hỗ trợ cho phạm nhân khi chấp hành xong án phạt tù;*
- d) Bổ sung vào quỹ phúc lợi, khen thưởng của trại giam;*
- đ) Chi thưởng cho phạm nhân có thành tích trong lao động;*
- e) Chi hỗ trợ đầu tư trở lại cho trại giam phục vụ việc tổ chức lao động, giáo dục, dạy nghề đối với phạm nhân".*

#### **4.2.2. Xây dựng pháp luật có liên quan đến thi hành án phạt tù**

Để giảm tình trạng quá tải trong các trại giam hiện nay, việc xây dựng các chế định mới có học hỏi kinh nghiệm của nước ngoài trong THAPT ở nước ta cần được quan tâm hơn nữa. Một trong những chế định mà chúng ta có thể xây dựng và áp dụng là chế định *"tha tù trước thời hạn có điều kiện"*.

Hiện nay, Việt Nam chưa có chế định này, do vậy những nghiên cứu về chế định này góp phần hoàn thiện các quy định của pháp luật, giảm tình trạng quá tải trong các trại giam, tình trạng tái phạm và tạo điều kiện, cơ hội tốt cho công tác tái hòa nhập cộng đồng, huy động sức mạnh của cộng đồng trong công tác giáo dục phạm nhân. Từ những thuận lợi trên, luận án đưa ra những vấn đề cơ bản trong xây dựng chế định tạm tha tù có điều kiện ở Việt Nam hiện nay.

*Sự cần thiết của việc thực hiện cơ chế tạm tha có điều kiện trong THAPT:*

- Xuất phát từ chính sách hình sự nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước ta trong thời kỳ đổi mới và truyền thống nhân đạo của dân tộc Việt Nam: Từ trước đến nay, Đảng, Nhà nước ta luôn thực hiện nhất quán chính sách hình sự khoan hồng đối với người phạm tội, thể hiện rất rõ trong BLHS, đó là *hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội, có ý*

*thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, ngăn ngừa họ phạm tội mới. Hình phạt còn nhằm giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm. Trong Nghị quyết số 49-NQ/TW nêu rõ:*

Cải cách tư pháp phải kế thừa truyền thống pháp lý dân tộc, những thành tựu đã đạt được của nền tư pháp xã hội chủ nghĩa Việt Nam; tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm của nước ngoài phù hợp với hoàn cảnh nước ta và yêu cầu chủ động hội nhập quốc tế; đáp ứng được xu thế phát triển của xã hội trong tương lai; Coi trọng việc hoàn thiện chính sách hình sự và thủ tục tố tụng tư pháp, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội. Giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ đối với một số loại tội phạm; Từng bước thực hiện việc xã hội hóa và quy định những hình thức, thủ tục để giao cho tổ chức không phải là cơ quan nhà nước thực hiện một số công việc thi hành án [24].

Để thực hiện chủ trương trong cải cách tư pháp năm 2020, cần phải tiến hành nghiên cứu đổi mới để thực hiện chủ trương xã hội hóa công tác THAPT theo hướng áp dụng hình thức tạm tha tù trước thời hạn có điều kiện.

- Xuất phát từ yêu cầu triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013: Trong Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN và đề cao quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân [65]. Trong kế hoạch tổ chức triển khai thi hành Hiến pháp, đã đưa vào chương trình sửa đổi BLHS và BLTTHS, đây là những văn bản quy phạm pháp luật có liên quan trực tiếp đến công tác THAPT. Do đó, cần thiết phải nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định tạm tha tù có điều kiện trong hệ thống pháp luật hình sự nước ta cho phù hợp với quy định của Hiến pháp và chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội.

- Xuất phát từ thực tiễn công tác THAPT ở Việt Nam [16]:

Hiện tại, BLHS hiện hành cũng đã quy định một số giải pháp rút ngắn thời hạn chấp hành hình phạt đối với người chưa hoặc đang chấp hành hình phạt tù trong

trại giam, đó là những quy định về miễn, giảm hình phạt, quy định về đặc xá. Theo đó, người bị kết án phạt tù có thời hạn nếu có đủ điều kiện luật định thì tùy trường hợp có thể được miễn chấp hành toàn bộ hình phạt, miễn chấp hành phần hình phạt còn lại hoặc giảm thời hạn chấp hành hình phạt. Điều kiện về miễn chấp hành hình phạt tù đối với người phạm tội nhìn chung dựa trên ba tiêu chí là thời gian thực sự chấp hành hình phạt, thái độ cải tạo phục hồi (lập công lớn, có nhiều tiến bộ, chấp hành tốt nội quy, quy chế trại giam, xếp loại cải tạo) và lý do nhân đạo (mắc bệnh hiểm nghèo). Tuy nhiên, những quy định trên vẫn còn một số khiếm khuyết nhất định [1, tr. 24].

- Xuất phát từ kinh nghiệm của một số nước trên thế giới về tạm tha: Ở các nước trên thế giới đã áp dụng chế định tạm tha tù có điều kiện kể cả những nước phát triển và các nước đang phát triển (Trung Quốc, Thái Lan, Malaysia...) với nhiều hình thức và các điều kiện cụ thể khác nhau của mỗi nước. Hiện nay ở Châu Âu đã lập Hiệp hội tạm tha và hình thành Hiệp hội tạm tha thế giới với sự tham gia của nhiều quốc gia. Các nước đã thực hiện cơ chế tạm tha đều cho rằng thực hiện biện pháp tạm tha có tính răn đe xã hội cao, tạo động lực thúc đẩy phạm nhân cải tạo tiến bộ và cơ hội tái hòa nhập cộng đồng sớm hơn, hiệu quả hơn cho người bị kết án phạt tù, đồng thời nâng cao trách nhiệm của cộng đồng trong việc phối hợp với các cơ quan nhà nước trong quản lý, giáo dục, giám sát người bị kết án phạt tù, góp phần giảm tỷ lệ tái phạm và vi phạm pháp luật. Mặt khác, thực hiện cơ chế tạm tha còn góp phần giảm tải cho các trại giam, giảm chi phí cho việc ăn, mặc, ở, phòng chữa bệnh, chế độ sinh hoạt của phạm nhân, xây dựng cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng công tác quản lý, giam giữ, giáo dục cải tạo và giảm số lượng cán bộ các cơ sở giam giữ.

Tóm lại, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của các nước, việc nghiên cứu, xây dựng chế định "*Tạm tha tù trước thời hạn có điều kiện*" là cần thiết và có ý nghĩa tích cực xét cả về mặt chính trị, kinh tế, xã hội, đối ngoại, nhằm tạo điều kiện cho những người phạm tội lần đầu, phạm tội do vô ý, phạm tội ít nghiêm trọng, nghiêm trọng đã chấp hành được một phần của bản án, biết ăn năn, hối cải, có thái độ và kết quả cải tạo tốt, xét thấy không cần thiết phải áp dụng biện pháp chấp hành án phạt tù tại các cơ sở giam giữ thì có thể cho họ được tạm tha về nơi cư trú để tiếp tục

chấp hành hết thời hạn phạt tù còn lại, tạo điều kiện cho họ có cơ hội sớm tái hòa nhập cộng đồng.

Sau khi nghiên cứu chế định tạm tha tù trước thời hạn có điều kiện của một số nước trên thế giới và thực trạng trong THAPT ở nước ta hiện nay, luận án đưa ra một số vấn đề liên quan đến tạm tha tù trước thời hạn có điều kiện để định hướng cho việc xây dựng và áp dụng chế định này ở nước ta hiện nay, như sau:

*Nguyên tắc của chế định tạm tha tù có điều kiện:* Việc xây dựng chế định này phải quán triệt và cụ thể hóa chính sách hình sự trong thời kỳ đổi mới và chủ trương cải cách tư pháp của Đảng, Nhà nước, đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, coi trọng và đề cao quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và bảo đảm sự thống nhất, kết hợp chặt chẽ giữa trừng trị với nhân đạo, khoan hồng; có tham khảo chọn lọc kinh nghiệm tạm tha có điều kiện trong THAPT của một số nước trong khu vực và trên thế giới phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam, pháp luật, thông lệ và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

*Mục tiêu của chế định tạm tha tù có điều kiện* là hoàn thiện pháp luật, cơ chế, chính sách và các điều kiện bảo đảm để áp dụng việc tạm tha có điều kiện đối với người đang chấp hành án phạt tù trong các trại giam, trại tạm giam. Giải quyết được tình trạng quá tải trong các trại giam, trại tạm giam hiện nay nhưng vẫn bảo đảm được mục đích của hình phạt và bảo đảm được an ninh trật tự xã hội.

*Về đối tượng áp dụng* là những người bị kết án phạt tù đang chấp hành án phạt tù tại trại giam, trại tạm giam, Cơ quan THAHS Công an cấp huyện, cấp quân khu (sau đây gọi là phạm nhân).

*Điều kiện tạm tha*, theo chúng tôi đề đạt được mục tiêu nêu trên thì phạm nhân được áp dụng tạm tha tù trước thời hạn có điều kiện, phải bảo đảm các yêu cầu sau: Phạm tội lần đầu; đã chấp hành được ít nhất  $\frac{1}{2}$  hình phạt tù đã tuyên; đã thực sự ăn năn hối cải, chấp hành tốt nội quy trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ, tích cực học tập, lao động cải tạo, liên tục được xếp loại chấp hành án phạt tù từ loại khá trở lên; đã chấp hành xong hình phạt bổ sung là phạt tiền, bồi thường thiệt hại, tiền

truy thu, án phí hoặc các nghĩa vụ dân sự khác; có nơi cư trú nhất định; khi được tạm tha không làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Ngoài ra, cũng cần phải nêu rõ một số phạm nhân đã phạm một số tội có tính chất đặc biệt nguy hiểm thì không được áp dụng chế độ này như tội xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm về ma túy, tội giết người, hiếp dâm, cướp tài sản...[1, tr. 26].

*Về thời gian thử thách đối với người được tạm tha*, vấn đề này một số nước quy định thời gian thử thách có thể ngắn hơn, bằng hoặc dài hơn thời hạn còn lại của hình phạt tù [1, tr. 27].

Theo chúng tôi, thời gian thử thách bằng với thời gian còn lại chưa chấp hành án phạt tù, tính từ ngày công bố quyết định tạm tha là hợp lý.

*Về điều kiện thử thách*, theo kinh nghiệm của các nước, nhìn chung điều kiện thử thách là những điều kiện do cơ quan có quyền quyết định việc trả tự do sớm đặt ra nhằm tạo ra một sự ràng buộc đối với người được trả tự do, giúp người đó quyết tâm sửa chữa lỗi lầm, tuân thủ pháp luật và khắc phục những nguyên nhân, điều kiện phạm tội. Trên cơ sở kinh nghiệm của nước ngoài, chúng ta có thể quy định về điều kiện thử thách đối với người được tạm tha tù trước thời hạn có điều kiện như sau: Tuân thủ pháp luật và các quy định của địa phương nơi họ cư trú và làm việc; chấp hành nghiêm các quy định về quản lý, giám sát và giáo dục người được tạm tha; chịu sự giám sát, quản lý, giáo dục của UBND cấp xã nơi được giao quản lý, giám sát; có thể giám sát thông qua hệ thống thiết bị điện tử định vị toàn cầu như đeo vòng điện tử hoặc điện thoại; phải trình diện khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu; định kỳ báo cáo hàng tháng về việc chấp hành các quy định với UBND cấp xã; tăng cường tham gia các hoạt động xã hội của địa phương và chủ động tìm kiếm việc làm.

*Về cơ quan có thẩm quyền áp dụng* chế độ tạm tha đối với người đang chấp hành án phạt tù, ở nhiều quốc gia, cơ quan có thẩm quyền quyết định cho phép hoặc hủy bỏ biện pháp trả tự do sớm có điều kiện có thể là Ủy ban phóng thích hoặc là một cơ quan tư pháp.

Theo chúng tôi nên giao quyền này cho TAND cấp tỉnh nơi có trại giam quyết định, phương án này có ưu điểm được không cần có bộ máy mới, phù hợp với



công cuộc cải cách hành chính và cải cách tư pháp hiện nay, bản án Tòa án đã tuyên phải do chính Tòa án sửa đổi mà không phải được sửa đổi bởi một cơ quan khác. Hoặc chúng ta, có thể thành lập Hội đồng tạm tha tù trước thời hạn để xét và quyết định việc tạm tha tù trước thời hạn có điều kiện trong phạm vi cả nước, ưu điểm của phương án này là có một cơ quan chuyên môn giải quyết công việc và giám sát người quản lý người được giao nhiệm vụ giám sát người tạm tha ở ngoài xã hội và giám sát người được tạm tha tù trước thời hạn, còn về nhược điểm của phương án này là sinh ra một cơ quan mới điều đó là gánh nặng cho ngân sách nhà nước.

#### *Về cơ quan giám sát*

Để theo dõi, hỗ trợ người được thả tự do sớm có điều kiện cũng như người phạm tội được xử lý bằng chế tài giáo dục tại cộng đồng, nhiều quốc gia trên thế giới thành lập ra cơ quan giám quản. Những cơ quan này sẽ phối hợp với các tổ chức phi Chính phủ và các tình nguyện viên để giám sát và hỗ trợ người đang chịu sự thử thách.

Theo chúng tôi, Tòa án nên giao người bị kết án được tha tù trước thời hạn có điều kiện cho UBND cấp xã nơi người đó cư trú để theo dõi, giám sát người đó trong thời gian thử thách. Cơ quan THAHS Công an cấp huyện có trách nhiệm theo dõi, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện việc quản lý, giám sát, giáo dục người được tạm tha. UBND cấp xã sẽ phân công một cán bộ công an hoặc tổ chức đoàn thể trực tiếp theo dõi, giám sát người đó (giống như án treo hiện nay của chúng ta). Tuy nhiên, cần phải có quy định rõ ràng về quyền và nghĩa vụ của những cá nhân, tổ chức có chức năng giám sát.

#### *Về trình tự thủ tục xét, đề nghị, quyết định tạm tha*

Trại giam, trại tạm giam lập hồ sơ đề nghị Hội đồng thẩm định nêu trên thẩm định hồ sơ trước khi chuyển cho Tòa án.

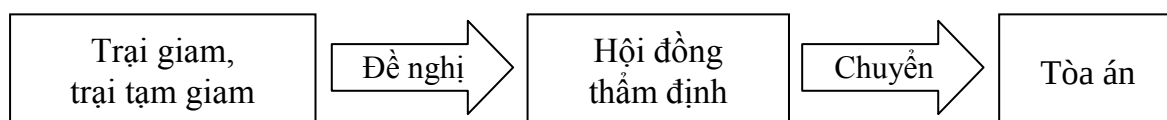
Hồ sơ đề nghị tạm tha phải có: Bản sao bản án, văn bản của cơ quan có thẩm quyền đề nghị tạm tha, kết quả xếp loại chấp hành án phạt tù, bản cam kết của phạm nhân sẽ chấp hành tốt khi được tạm tha, và các văn bản có liên quan.

Tuy nhiên, trước khi đưa ra Tòa án thì cần phải có một cơ quan thẩm định đối với người đang THAPT. Thành phần Hội đồng thẩm định theo chúng tôi phải đảm bảo những người sau: Đại diện trại giam nơi phạm nhân đang chấp hành án,

đại diện VKS, đại diện chính quyền địa phương (cấp xã) nơi người chấp hành án cư trú khi được tạm tha, đại diện cơ quan tổ chức nơi người đó trở về làm việc (nếu có). Theo chúng tôi một điều kiện quan trọng nữa để được tạm tha là phải có ý kiến đồng ý của những người dân nơi cư trú mà phạm nhân về cư trú khi được tạm tha, điều này là rất quan trọng, thể hiện rất cao sự giám sát của cộng đồng đối với người được tạm tha, và cũng thể hiện trách nhiệm của người được tạm tha đối với cộng đồng, trong trường hợp này người được tạm tha sẽ phải có trách nhiệm đối với cộng đồng trong sinh hoạt và lối sống tại cộng đồng.

Khi họp Hội đồng để xét, đề nghị tạm tha của các trại giam, trại tạm giam xong thì hồ sơ đủ điều kiện được chuyển cho Tòa án để Tòa án quyết định. Tòa án khi nhận được hồ sơ đề nghị tạm tha tù trước điều kiện thì Tòa án phải thành lập Hội đồng quyết định việc tạm tha.

Theo chúng tôi, thủ tục của Tòa án quyết định tạm tha của Tòa án được tiến hành giống như thủ tục tố tụng bình thường và gọi là phiên họp giải quyết tạm tha, cụ thể là gồm 3 Thẩm phán, trong đó có một thẩm phán làm chủ tọa và quyết định theo đa số dựa vào việc nghiên cứu hồ sơ đề nghị tạm tha của Hội đồng thẩm định.



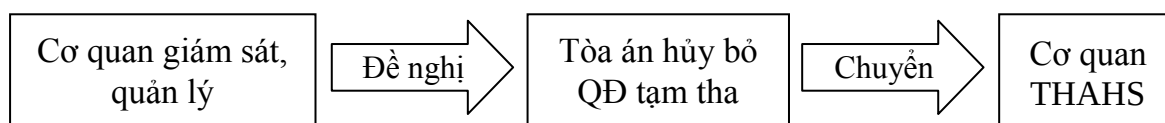
**Sơ đồ 4.1: Thủ tục xét tha tù có điều kiện**

*Nguồn: Tác giả luận án đề xuất.*

Trong thời gian thử thách tại cộng đồng, người bị kết án được tha tù trước thời hạn phải tuân thủ các điều kiện mà cơ quan có thẩm quyền đặt ra, các điều kiện này có thể là: Trình diện trước cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu; định kỳ báo cáo hoạt động của mình với cán bộ được giao giám sát; không được đi khỏi nơi cư trú khi chưa được phép; bắt buộc cai nghiện rượu, cai nghiện ma túy, không được làm một số công việc nhất định.

Hậu quả pháp lý của việc vi phạm chế độ thử thách hoặc phạm tội mới, trong thời gian thử thách mà người này vi phạm nghĩa vụ thử thách hoặc phạm tội mới thì Tòa án buộc họ phải chấp hành hình phạt tù còn lại đã được miễn chấp hành

phạt tù có điều kiện và hình phạt của tội mới theo nguyên tắc chung như người được hưởng án treo phạm tội mới.



**Sơ đồ 4.2: Thủ tục hủy quyết định tha tù có điều kiện**

*Nguồn: Tác giả luận án đề xuất.*

*Quyền và nghĩa vụ của người được tạm tha tù trước thời hạn có điều kiện*, người được tạm tha được hưởng các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân (trừ những quyền mà Tòa án đã hạn chế hoặc tước bỏ trong bản án đã tuyên đối với từng người và các nội dung trong quy định bắt buộc đối với người được tạm tha). Người được tạm tha phải tuân thủ các điều kiện về thử thách.

Tóm lại, biện pháp tha tù trước thời hạn có điều kiện của hình phạt tù chính là một giải pháp cho phép sớm đưa người phạm tội bị xử phạt tù quay trở về với cộng đồng để phục thiện, sửa chữa lỗi lầm với sự giúp đỡ và giám sát của gia đình, các cơ quan, đoàn thể xã hội. Đây là một biện pháp được áp dụng tại nhiều nước trên thế giới dưới các tên gọi như phóng thích có điều kiện hay trả tự do có điều kiện. Chế định tạm tha tù trước thời hạn có điều kiện trong THAPT được thực hiện phù hợp với chủ trương cải cách tư pháp, chính sách hình sự của Đảng, pháp luật tiến bộ của Nhà nước, yêu cầu bảo đảm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo quy định của Hiến pháp năm 2013, góp phần giảm chi phí ngân sách nhà nước cho công tác THAHS nói chung và THAPT nói riêng, phù hợp với xu hướng phát triển chung của Việt Nam và các chuẩn mực quốc tế.

Ngày 27 tháng 11 năm 2015, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua Bộ luật hình sự và Bộ luật Tố tụng hình sự, đã sửa đổi và bổ sung một số quy định về thi hành hình phạt tù, trong đó có quy định về tha tù trước thời hạn có điều kiện, tuy nhiên để đánh giá hiệu quả của quy định này cần phải có tổng kết thực tiễn sau khi luật đi vào thực tiễn và những kiến nghị nêu trên về mặt lý luận vẫn có thể tham khảo để chế định này có thể đem lại hiệu quả cao nhất, nhằm nâng cao hiệu quả công tác thi hành án hình sự nói chung và thi hành án phạt tù nói riêng.

### **4.3. CÁC GIẢI PHÁP KHÁC**

#### **4.3.1. Hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao năng lực cán bộ thi hành án phạt tù**

##### *Nâng cao vai trò của TAND trong THAPT*

Với chức năng xét xử thì Tòa án là đại diện cho quyền lực tư pháp. Tòa án không phải là cơ quan quản lý nhà nước về THAHS, không phải cơ quan tổ chức thi hành án, nhưng lại nắm giữ những khâu then chốt quyết định hiệu quả của quản lý nhà nước về THAPT. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả công tác THAPT thì Tòa án cũng cần phải được hoàn thiện trước yêu cầu cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền. Tòa án cần phải thực hiện nghiêm chỉnh BLHS, BLTTHS về trình tự THAPT. Đồng thời, Tòa án cần phải chủ động hơn nữa trong công tác xóa án tích cho người chấp hành xong án phạt tù để họ có thể được cấp Phiếu lý lịch tư pháp một cách dễ dàng.

##### *Nâng cao hiệu quả công tác kiểm sát THAPT của VKSND*

Trước thực trạng nêu trên, VKSNDTC đã thực hiện quyết liệt một số biện pháp trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình như tăng cường công tác kiểm sát đột xuất; phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp thường kỳ và đột xuất kiểm tra toàn diện hoặc một số mặt hoạt động của Nhà tạm giữ, Trại tạm giam, Trại giam, đưa công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và THAHS những năm gần đây đạt nhiều kết quả đáng khích lệ, chất lượng ngày một nâng cao. Tuy nhiên, về bộ máy làm công tác kiểm sát THAPT vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc cần phải khắc phục, cụ thể:

- Viện kiểm sát nhân dân các cấp cần được bố trí đủ số lượng biên chế cho công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và THAHS; tăng cường Kiểm sát viên, cán bộ có năng lực để thực hiện chức năng, nhiệm vụ kiểm sát các hoạt động tư pháp trong đó xây dựng đội ngũ cán bộ, kiểm sát viên phải coi trọng cả về số lượng, chất lượng để đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp [74, tr. 62].

- Nâng cao nhận thức về công tác kiểm sát các hoạt động tư pháp, trong đó có kiểm sát thi hành án hình sự. Nhằm bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật trong việc thi hành các hình phạt, cũng như bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp

của người bị kết án không bị pháp luật tước bỏ, được tôn trọng. Do đó, cần khuynh hướng một chiều trong thực hiện chức năng nhiệm vụ như kiểm sát chủ yếu đấu tranh chống vi phạm ở phía cơ quan chức năng hay chỉ bảo vệ quyền, lợi ích của người bị kết án, hoặc khi kiểm sát chức thực hiện các quyền hạn luật định, mà không áp dụng các biện pháp pháp lý luật định cho Viện kiểm sát để chế ước, khắc phục vi phạm trong toàn bộ hoạt động tư pháp [74, tr. 62].

- Tăng cường bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và THAHS cho Kiểm sát viên, cán bộ VKSND cấp tỉnh và cấp huyện, nhất là về kiến thức thực tiễn trong công tác kiểm sát.

- Quan tâm thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ có vai trò quan trọng trong công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, kiểm sát viên ở bất cứ khâu công tác nào. Tuy nhiên trong điều kiện tác nghiệp hầu hết ở các đơn vị trại giam, trại tạm giam,... xa xôi, hẻo lánh, môi trường làm việc vất vả, nguy hiểm, độc hại, do vậy chế độ đãi ngộ đối với cán bộ thực hiện kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và THAHS cần thiết phải có sự quan tâm, tạo điều kiện hơn nữa của lãnh đạo các cấp và các cấp bộ, ngành liên quan. Do vậy, đề nghị các cấp bộ, ngành tiếp tục quan tâm cho hưởng chính sách phụ cấp đặc thù (phụ cấp độc hại) cho cán bộ, công chức làm nhiệm vụ kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và THAHS.

#### *Đối với mô hình cơ quan THAPT trước yêu cầu cải cách tư pháp*

Việc tìm ra mô hình tổ chức hợp lý để tăng cường hiệu quả của công tác THAHS nói chung và THAPT nói riêng, theo yêu cầu Nghị quyết của Đảng đã đề ra. Đây là một vấn đề mới và do đó có thể có nhiều phương án khác nhau, nhưng dù là theo phương án nào thì mô hình tổ chức cơ quan thi hành án cũng nên theo hướng:

- Bảo đảm yêu cầu của công tác quản lý nhà nước về thi hành án.
- Bảo đảm sự tập trung, thống nhất, giảm bớt tầng nấc và các khâu trung gian.
- Bảo đảm nguyên tắc mọi phán quyết của Tòa án có hiệu lực pháp luật đều được tôn trọng và thi hành nghiêm chỉnh.

Như vậy, từ thực trạng về THAHS nói chung và THAPT nói riêng, chúng ta cần phải có nhận thức khoa học để từ đó có những phân tích, lý giải và luận chứng

những vấn đề về THAHS sao cho bảo đảm tính thuyết phục, đồng thời đáp ứng kịp thời các nhu cầu cấp bách của thực tiễn xã hội và phù hợp với những điều kiện kinh tế - xã hội, chính trị, văn hóa - pháp lý, lịch sử truyền thống...của đất nước trong giai đoạn phát triển hiện nay để góp phần thực hiện thành công chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 ở Việt Nam.

Chúng tôi xin đưa ra một số phương án có tham khảo của các nhà khoa học trong lĩnh vực tư pháp hình sự về đổi mới cơ quan THAHS [8, tr. 325-333], trong đó có cơ quan THAPT và có sự đánh giá những ưu điểm, nhược điểm của từng phương án.

*Phương án thứ nhất:* Cơ quan THAHS do Bộ Tư pháp quản lý, tức là theo phương án này thì hệ thống các Cơ quan THAHS (trong đó có Cơ quan THAPT) hiện nay được chuyển về Bộ Tư pháp [8, tr. 331].

Mô hình cơ quan thi hành án thuộc Bộ Tư pháp có thể được tổ chức thành Tổng cục thi hành án, trong đó phân chia thành các cục chuyên trách tương ứng với hệ thống Tòa chuyên trách, cụ thể: Cục THAHS, Cục thi hành án dân sự, Cục thi hành án hành chính, Cục thi hành án kinh tế, Cục thi hành án lao động; tương ứng như vậy ở cấp tỉnh là Phòng thi hành án thuộc Sở Tư pháp, với các Ban tương ứng như với các Cục [8, tr. 331-332]. Các phòng thi hành án này sẽ đảm nhiệm việc thi hành các bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án trong phạm vi địa giới hành chính của tỉnh. Hoặc cũng theo mô hình này, nhưng chúng ta tổ chức thành Cơ quan thi hành án cấp tỉnh không trực thuộc Sở Tư pháp tỉnh mà tổ chức độc lập ở địa phương, cơ quan thi hành án cấp tỉnh được phân chia thành các Phòng chuyên trách tương ứng với các Cục ở Bộ Tư pháp, cụ thể: Phòng THAHS, Phòng thi hành án dân sự, Phòng thi hành án hành chính, Phòng thi hành án kinh tế, Phòng thi hành án lao động. Theo mô hình này, trong quá trình cải cách tư pháp hiện nay, hệ thống TAND, VKSND, cơ quan điều tra được tổ chức theo "*khu vực*" không phụ thuộc vào địa giới hành chính thì cơ quan thi hành án cũng có thể tổ chức đồng bộ tương ứng với các hệ thống các cơ quan tư pháp này.

*Ưu điểm của phương án này:*

- Thực hiện đúng định hướng của Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác tổ chức quản lý cơ quan thi hành án tức là giao cho Bộ Tư pháp giúp Chính phủ thống nhất quản lý công tác thi hành án;

- Bộ Tư pháp quản lý về công tác THAPT, sẽ có những thay đổi trong cách nhìn nhận của xã hội đối với người đã chấp hành xong hình phạt tù, tạo điều kiện thuận lợi cho họ tái hòa nhập cộng đồng hiệu quả hơn.

- Thực hiện phương án này sẽ tiến tới từng bước thực hiện việc xã hội hóa một số lĩnh vực trong THAHS được cụ thể hóa và quy định những hình thức, thủ tục để giao cho tổ chức không phải là cơ quan nhà nước thực hiện một số công việc thi hành án được thuận lợi hơn.

*Nhược điểm của phương án này:*

- Khi đưa ra phương án này một số nhà khoa học cũng đã nêu ra những câu hỏi: Nếu theo phương án này thì liệu việc quản lý công tác thi hành án có khả thi không? khi mà toàn bộ hệ thống các cơ quan THAHS theo truyền thống hàng chục năm qua là thuộc Bộ Công an, còn từ nay sẽ được chuyển sang Bộ Tư pháp [35, tr. 39] (đây là vấn đề mà nên chăng các cấp có thẩm quyền của Nhà nước cần phải suy ngẫm chín chắn và kỹ càng trước khi đưa ra quyết định chính thức).

- Liệu Bộ Tư pháp có khả năng quản lý tất cả các phạm nhân đang thi hành hình phạt tù tại các trại giam của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng hay không? Theo GS.TS. Đỗ Ngọc Quang đã đặt ra câu hỏi: *Bộ Tư pháp có đủ khả năng quản lý 100.000 phạm nhân đang thi hành án phạt tù tại hơn 50 trại giam trong cả nước hay không? Trong khi để làm việc này, Bộ Công an phải cần đến 16.000 cán bộ, chiến sĩ từng trải, có kinh nghiệm.*

- Ngoài ra, có thể nói nếu giao cho Bộ Tư pháp quản lý công tác THAHS thì chúng ta không bảo đảm tính thống nhất giữa quản lý THAHS với lĩnh vực phòng chống tội phạm [35, tr. 18-19].

*Phương án thứ hai:* Thành lập cơ quan thi hành án độc lập giống với mô hình TAND và VKSND.

*Ưu điểm của phương án này:* Việc tổ chức cơ quan thi hành án theo ngành dọc tương ứng với Tòa án và Viện kiểm sát, sẽ thống nhất được công tác quản lý thi hành án. Công tác thi hành án sẽ có tính độc lập về tổ chức, sẽ nâng cao hiệu quả trong phối hợp giữa các giai đoạn trong tố tụng hình sự: Khởi tố, điều tra, xét xử và

thi hành án. Ngoài ra, theo phương án này, việc cải cách cơ quan thi hành án về tổ chức có thể gắn với mô hình Tòa án, Viện kiểm sát khu vực.

*Nhược điểm của phương án này:* Chúng ta sẽ phải thay đổi toàn bộ hệ thống pháp luật về thi hành án; Chính phủ không còn quản lý về công tác thi hành án.

*Phương án thứ ba:* Các cơ quan THAHS do Bộ Công an tiếp tục quản lý [8, tr. 332].

- *Ưu điểm của phương án này* là với truyền thống và kinh nghiệm của mình Bộ Công an vẫn tiếp tục quản lý lĩnh vực THAPT, chế độ vũ trang không thay đổi, bảo đảm sự thống nhất trong lĩnh vực phòng chống tội phạm và lĩnh vực quản lý thống nhất thi hành án.

- *Nhược điểm của phương án này* là chưa giao được cho Bộ Tư pháp giúp Chính phủ thống nhất quản lý công tác thi hành án theo tinh thần của Nghị quyết số 49-NQ/TW.

*Ngoài những phương án nêu trên*, cũng có một số nhà khoa học cho rằng có thể thành lập Tổng cục Thi hành án độc lập thuộc nhánh hành pháp và đặt dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch nước [8, tr. 333].

Theo quan điểm của chúng tôi, việc áp dụng mô hình như hiện nay là phù hợp tuy nhiên cần phải có những đổi mới cho phù hợp với xu hướng của thế giới, đó là chuyển một số trại giam mà phạm nhân phạm tội ít nghiêm trọng, nghiêm trọng cho Bộ Tư pháp quản lý, còn Bộ Công an sẽ tiếp tục quản lý đối với những trại giam mà phạm nhân phạm tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng. Hoặc Bộ Công an chỉ quản lý đối với các trại giam mà phạm nhân đã phạm các tội về xâm phạm an ninh quốc gia, tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh, các tội có tính chất nguy hiểm đặc biệt nghiêm trọng cho xã hội như tội giết người, tội phạm về ma túy, hiếp dâm, cướp..

Tóm lại, hoàn thiện mô hình cơ quan THAPT nhằm nâng cao hiệu quả THAPT bắt nguồn từ những đòi hỏi của sự nghiệp đổi mới, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN, là một nhiệm vụ của cải cách hành chính, cải cách và đổi mới hoạt động tư pháp ở nước ta. Dù theo mô hình nào thì việc cải cách cơ quan



THAPT cũng phải dựa trên những nghiên cứu, tổng kết, rút ra các bài học kinh nghiệm từ thực tiễn trong lĩnh vực THAHS, tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế về tổ chức và hoạt động thi hành án sẽ góp phần quan trọng trong việc hoàn thiện cải cách cơ quan THAHS ở nước ta hiện nay.

*Tăng cường giáo dục trình độ, bồi dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống cho các cán bộ quản giáo, giáo dục*

Có thể nói, mặt bằng trình độ chuyên môn nghiệp vụ lực lượng cảnh sát trại giam còn rất thấp [12, tr. 256]. Yêu cầu chất lượng công tác giáo dục, mục tiêu làm cho phạm nhân trở thành công dân lương thiện không thể cho phép hạ thấp chất lượng của cán bộ giáo dục, chúng ta cần phải thực hiện những chính sách sau:

- Rà soát lại đội ngũ cán bộ hiện có, bổ sung các cán bộ quản giáo, giáo dục đã trải qua công tác thực tế, có kinh nghiệm công tác hoặc đã được đào tạo cho các trại giam còn thiếu nghiêm trọng cán bộ. Đây là cách làm phù hợp với việc luân chuyển cán bộ.

- Rà soát lại và có kế hoạch về đào tạo đại học cho đội ngũ cán bộ quản giáo, giáo dục theo hai hệ chính quy và tại chức.

- Hàng năm cần tập huấn, bồi dưỡng thêm về nghiệp vụ giáo dục cho các Giám thị, Phó Giám thị những thông tin mới nhất trong nước và thế giới về đặc điểm tâm lý các loại phạm nhân và về các phương pháp giáo dục.

- Các trường Công an như Học viện Cảnh sát nhân dân, Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân VI cần nâng cao chất lượng hơn nữa trong công tác giảng dạy đối với lực lượng cảnh sát trại giam cho phù hợp với thực tiễn để có thể áp dụng tốt khi học viên tốt nghiệp về làm việc tại các trại giam.

- Nâng cao nghiệp vụ sư phạm cho đội ngũ cán bộ quản giáo, nhất là các kỹ năng giao tiếp, ứng xử sư phạm cho họ.

- Bên cạnh đó, lãnh đạo các trại giam phải thường xuyên chú ý bồi dưỡng và bản thân những người cán bộ quản giáo, giáo dục phải chú ý rèn luyện nâng cao khả năng nắm bắt tâm lý phạm nhân, nghệ thuật thuyết phục người khác. Thực tiễn nhiều cán bộ có phẩm chất đạo đức tốt, có tư duy lý luận, có hiểu biết pháp luật

nhưng trong giáo dục chung và giáo dục cá biệt không có sức cuốn hút, không có sức thuyết phục phạm nhân.

#### **4.3.2. Đổi mới hệ thống trại giam**

Hiện nay các trại giam Việt Nam đang phải giải quyết nhiều vấn đề khó khăn mới nảy sinh, nhất là hệ thống pháp luật về THAPT hiện hành còn nhiều quy định chưa phù hợp với sự phát triển của tình hình kinh tế - xã hội, nhưng chưa được bổ sung, sửa đổi, đây là những trở ngại cho công tác THAPT ở các trại giam Việt Nam. Để giải quyết những khó khăn mới nảy sinh, Cơ quan quản lý THAPT cần tiến hành một số giải pháp để nâng cao hiệu quả của trại giam, trại tạm giam.

*Thứ nhất, đầu tư xây dựng trại giam, cơ sở chữa bệnh cho phạm nhân nhằm cải thiện điều kiện giam giữ, giáo dục phạm nhân.*

Để giải quyết tình trạng thiếu cơ sở giam giữ và cơ sở chữa bệnh cho phạm nhân trong các trại giam cần quy hoạch lại các trại giam và đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các trại giam. Các trại giam xây mới phải được thay đổi thiết kế theo hướng chắc chắn, bảo đảm thoáng mát, vệ sinh, gắn công trình nhà giam với các công trình phục vụ học tập, vui chơi giải trí và môi trường xanh, sạch, đẹp.

Để giải quyết những khó khăn về công tác phòng, chữa bệnh cho phạm nhân ở các trại giam, Bộ Công an cần phải phối hợp với Bộ Y tế xây dựng các bệnh xá tại các trại giam, đầu tư các trang thiết bị, phương tiện y tế phục vụ khám, chữa bệnh và bổ sung đội ngũ cán bộ y, bác sĩ cho các trại giam. Đồng thời, xây dựng các cơ sở chữa bệnh riêng cho phạm nhân tại các bệnh viện của các địa phương nhằm tạo thuận lợi cho quản lý phạm nhân trong thời gian chữa bệnh. Ngoài ra, cần phải làm tốt công tác phòng bệnh và nâng cao khả năng chữa bệnh của bệnh xá các trại giam để giảm bớt số phạm nhân phải đưa đến chữa bệnh tại các bệnh viện, những trường hợp hiểm nghèo thì tùy trường hợp đề nghị Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án cho về gia đình có điều kiện chăm sóc và chữa bệnh cho phạm nhân.

*Thứ hai, cải cách các chương trình, nội dung giáo dục, dạy nghề cho phạm nhân các trại giam.*

Thực hiện chương trình cải cách công tác giáo dục, dạy nghề phạm nhân trong các trại giam, cần phải tích cực phối hợp với các cấp, các ngành, các cơ quan

chuyên môn nghiên cứu, chỉnh lý, biên soạn lại chương trình, nội dung dạy văn hóa chủ yếu là thực hiện mục tiêu xóa mù chữ, giáo dục tuyên truyền pháp luật, giáo dục công dân, giáo dục truyền thống và đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, tăng cường đầu tư các công trình hạ tầng cơ sở phục vụ công tác giáo dục phạm nhân và xây dựng dự án nâng cao năng lực dạy nghề cho các phạm nhân phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động Việt Nam trong thời kỳ hội nhập kinh tế. Ngoài ra, cần phải tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động toàn xã hội tham gia vào các hoạt động quản lý, giáo dục, giúp đỡ phạm nhân ra trại tái hòa nhập cộng đồng và nghiên cứu cơ chế tái hòa nhập cộng đồng, trong đó cơ bản là đề cao trách nhiệm các cấp chính quyền, đoàn thể trong công tác tiếp nhận, quản lý, giáo dục, giúp đỡ phạm nhân ra trại. Những phương hướng nêu trên nếu được thực hiện sẽ nâng cao hiệu quả công tác giáo dục phạm nhân trong các trại giam.

#### **4.3.3. Tăng cường mối quan hệ giữa cơ quan thi hành án phạt tù với cơ quan tiến hành tố tụng và các cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan**

Trong hoạt động THAPT, mối quan hệ phối hợp giữa ba cơ quan: Cơ quan THAPT, Tòa án, Viện kiểm sát giữ vai trò đặc biệt quan trọng và có mối quan hệ hữu cơ với nhau. Hoạt động có hiệu quả của từng loại cơ quan là tiền đề quan trọng cho hoạt động của các cơ quan khác trong thi hành bản án phạt tù.

- Nhằm khắc phục cơ chế quản lý phân tán như hiện nay, cần xây dựng quy chế phối hợp giữa các cơ quan có trách nhiệm trong việc thực hiện THAPT, đặc biệt là Tòa án ra quyết định THAPT đối với các cơ quan thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng thực hiện việc lập danh sách đưa phạm nhân đi cải tạo tại các trại giam, trại tạm giam. Giữa các cơ quan này phải có sự phối hợp chặt chẽ, giao ban thường xuyên để theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện đạt kết quả cao.

- Cần kiện toàn bộ máy tổ chức làm nhiệm vụ THAPT ở Bộ Công an, Công an các địa phương, các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng nhằm đáp ứng nhiệm vụ trong tình hình mới, sớm nghiên cứu, đề xuất, bổ sung chế độ phụ cấp ưu đãi cho cán bộ, chiến sĩ làm công tác quản lý, cải tạo phạm nhân, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành Luật THAHS.

- Bộ Công an, Bộ Quốc phòng cần tăng cường hơn nữa công tác quản lý nhà nước về THAPT; thường xuyên giám sát, kiểm tra việc thực hiện THAPT ở các trại giam, trại tạm giam do mình quản lý, hướng dẫn Giám thị trại giam thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, giam giữ, giáo dục, lao động và học tập đối với người bị kết án tù; rà soát, đánh giá thực trạng cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật, công cụ hỗ trợ của lực lượng bảo vệ và quản lý giam giữ, điều kiện giam giữ, ăn, ở, sinh hoạt của phạm nhân. Bộ Công an cần phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan hữu quan khác xây dựng đề án, trạng bị phương tiện, cải tạo, nâng cấp các nhà giam giữ, trại tạm giam và trại giam.

- Bộ Công an cần xây dựng kế hoạch thường xuyên kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật trong việc bắt và THAHS, rà soát lại các vụ trốn khỏi nơi giam giữ, làm rõ nguyên nhân và trách nhiệm để giải quyết dứt điểm, đề phòng tái diễn.

- Bộ Công an cần phối hợp với Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế và các cơ quan hữu quan khác khảo sát, đánh giá hiệu quả hoạt động cải tạo phạm nhân, sớm xây dựng đề án đổi mới hoạt động giam giữ, cải tạo phạm nhân, tạo điều kiện thuận lợi để sau khi mãn hạn tù, phạm nhân có thể tái hòa nhập cộng đồng, nâng cao hiệu quả công tác THAPT.

Sự liên quan, ràng buộc lẫn nhau giữa các cơ quan, cá nhân này đòi hỏi một cơ chế phối hợp đồng bộ mới có thể tạo thành hoạt động nhịp nhàng ăn khớp, bảo đảm hiệu quả của thi hành bản án phạt tù.

#### **4.3.4. Nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của nước ngoài trong thi hành án phạt tù tại Việt Nam**

Qua nghiên cứu, việc THAPT một số nước trên thế giới, chúng ta cần phải nghiên cứu và vận dụng kinh nghiệm của một số nước trong lĩnh vực này về một số lĩnh vực cụ thể sau đây:

*Thứ nhất, về pháp luật hệ thống THAPT.*

Có thể nói hệ thống pháp luật THAPT nói riêng và THAHS nói chung của nhiều nước trên thế giới tương đối hoàn chỉnh [35, tr. 24], ngoài ra, hiện nay các nước đang tiếp tục nghiên cứu để xây dựng một hệ thống quy phạm pháp luật nhằm

điều chỉnh mọi quan hệ xã hội nảy sinh trong quá trình hoạt động thi hành án để bảo đảm tính cụ thể và đồng bộ như Luật quản lý trại giam (Trung Quốc), Bộ Luật THAHS (Ba Lan), Bộ luật lao động cải tạo (Cộng hòa liên bang Nga); Luật cấm nhân viên trại giam tổ chức bãi công và tham gia bãi công; Luật về xử lý những trường hợp tái phạm hình sự (Cộng hòa Pháp); Luật cải tạo tội phạm, Luật giám sát quản chế những người phạm tội được miễn chấp hành hình phạt có giám sát, Luật về các cơ sở cải tạo tội phạm, Luật cán bộ quản chế tình nguyện, Luật ân xá (Nhật Bản).

Do đó, việc nghiên cứu, tiếp thu kinh nghiệm của các nước trên thế giới trong việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về THAHS nói chung và THAPT nói riêng đối với chúng ta hiện nay là hết sức cần thiết, nhằm sớm hoàn thiện một cách cơ bản hệ thống pháp luật về THAPT. Tạo sự đồng bộ về mặt pháp lý, trực tiếp góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động THAPT, khắc phục một cách hiệu quả những yếu kém bất cập hiện nay của chúng ta trong lĩnh vực THAHS.

#### *Thứ hai, về cơ quan quản lý nhà nước THAPT.*

Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về THAPT có một vai trò hết sức quan trọng trong việc bảo đảm tính hiệu quả của việc áp dụng hình phạt tù đối với người phạm tội. Trong mối liên hệ đó, các nước trên thế giới đã giành sự quan tâm thích đáng cho việc xây dựng hoàn thiện đồng bộ hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về THAPT. Tuy nhiên, xuất phát từ điều kiện chính trị, xã hội và mô hình tổ chức bộ máy nhà nước có sự khác nhau, do đó, hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước về thi hành án nói chung và THAPT nói riêng cũng có sự khác nhau nhất định song tổng quát chung hiện nay đối với các nước trên thế giới về tổ chức bộ máy THAPT được tổ chức theo hai phương thức chính sau:

- Giao cho Bộ Công an, Bộ Nội vụ quản lý các nhà tù, trại giam như Indonesia, Malaysia, Myanma, Campuchia, Lào, Việt Nam, Vương quốc Anh, Ấn Độ... Tại các nước này cơ quan quản lý trại giam thường được gọi là Cảnh sát trại giam, Cảnh sát tư pháp. Theo thống kê của Liên hợp quốc trong số 200 nước thành viên thì có khoảng 150 nước tổ chức quản lý theo phương thức này; giao cơ quan cảnh sát quản lý cơ quan điều tra và nhà tù, trại giam [35, tr. 16].

- Giao Bộ Tư pháp quản lý các nhà tù, trại giam: Khoảng 50 nước như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ostraylia, ... do Chính phủ không thành lập Bộ Công an và quan niệm Bộ Nội vụ chỉ đảm nhận các công tác quản lý chính quyền, cán bộ công chức, bầu cử nên các chức năng cảnh sát như công tác phản gián, điều tra tội phạm, quản lý trại giam, quản lý xuất nhập cảnh, quản lý và bảo vệ biên giới đều giao cho Bộ Tư pháp đảm nhận. Bộ Tư pháp tại các nước này ngoài chức năng xây dựng pháp luật còn đảm nhận chức năng công tố, điều tra tội phạm nên Chính phủ giao luôn cho quản lý các nhà tù, trại giam. Điển hình là Bộ Tư pháp Hoa Kỳ. Trong tổ chức của Bộ này có rất nhiều cơ quan nổi tiếng như cơ quan điều tra liên bang FBI làm nhiệm vụ điều tra tội phạm và phản gián; Cơ quan chống ma túy DEA làm nhiệm vụ chống ma túy; Cơ quan trại giam liên bang FBP quản lý các trại giam cấp liên bang. Tại Ostraylia, Chính phủ cũng thành lập Bộ Tư pháp, trong Bộ này cũng có Cơ quan trại giam quản lý các nhà tù liên bang [35, tr. 17].

Trên thế giới chưa từng tồn tại và không thể thành lập một cơ quan thi hành án làm nhiệm vụ của tất cả các công tác thi hành án. Nếu đặt cơ quan điều tra, chống tội phạm ở đâu tất yếu phải đặt cơ quan trại giam, quản lý nhà tù ở đó. Không thể tách rời hai cơ quan này ra thành hai Bộ khác nhau trong một cơ cấu chính phủ. Do đó, việc tiếp thu kinh nghiệm của các nước trên thế giới về mô hình tổ chức cơ quan quản lý nhà nước về THAPT đòi hỏi chúng ta phải xem xét, tính toán cân nhắc kỹ để một mặt chúng ta tiếp thu được những kinh nghiệm hay đồng thời cũng tránh được những hậu quả đáng tiếc xảy ra do nóng vội khi vận dụng kinh nghiệm của nước ngoài [35, tr. 26].

#### *Thứ ba, về chế độ giam giữ.*

Việc nghiên cứu và áp dụng chế độ giam giữ đối với người phải chịu hình phạt tù đòi hỏi phải được xem xét trong mối quan hệ tương đồng giữa trừng trị và giáo dục. Nếu chúng ta chú trọng việc trừng trị sẽ làm tăng ý thức phản kháng và sự bất mãn đối với xã hội của người phải chịu án phạt tù, ngược lại nếu chúng ta coi nhẹ yếu tố trừng trị sẽ dẫn đến tình trạng pháp luật không được tôn trọng.

Cùng với hình thức giam giữ nhiều nước trên thế giới áp dụng khoa học công nghệ trong THAPT, như: Ấn Độ, Anh, Mỹ, Thụy Điển, Hà Lan, Bỉ, Pháp... đã

cho phép áp dụng hình thức giám sát điện tử đối với người phạm tội bị phạt tù giam [35, tr. 28]. Hệ thống giám sát điện tử truyền tín hiệu được thiết kế bảo đảm sự tương thích với các yêu cầu của hệ thống giám sát điện tử. Cụ thể như ở Pháp người phạm tội sau khi thụ án một thời gian thay vì tiếp tục phải ngồi tù, người phạm tội được mang vòng điện tử để tại ngoại. Việc áp dụng các hình thức trên ở một số nước đã giải quyết tình trạng quá tải ở các trại giam, giảm được gánh nặng cho nhà nước đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc tái hòa nhập cộng đồng.

#### *Thứ tư, về tái hòa nhập cộng đồng*

Tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù là một trong những cơ sở quan trọng để nâng cao hiệu quả phòng ngừa tội phạm.

Ở Malaixia đã thành lập "*Ủy ban trợ cấp xã hội những phạm nhân mãn hạn tù*". Các ủy ban này hoạt động giúp đỡ những người mãn hạn tù dưới hình thức thiết thực, hiệu quả như: giúp tìm việc làm, giúp vốn để hoạt động sản xuất kinh doanh, giúp đỡ ổn định sinh hoạt... Ở Pháp, mỗi trại giam đều thành lập Phòng xã hội - giáo dục; cơ quan Tòa án có "*Ủy ban án treo và trợ giúp người mãn hạn tù*". Các Ủy ban này hoạt động với sự tham gia của các cơ quan nhà nước hoặc các nhà hảo tâm nhằm giúp đỡ những người mãn hạn tù tìm kiếm việc làm, trợ giúp vật chất...tất cả đều nhằm giúp người mãn hạn tù nhanh chóng tái hòa nhập cộng đồng. Ở Anh, Mỹ, Nhật đều có những tổ chức tương tự. Đây chính là kinh nghiệm bổ ích cho chúng ta trong quá trình giáo dục cải tạo phạm nhân [35, tr. 32].

Trên đây là một số kinh nghiệm của các nước trong quá trình tổ chức THAPT, việc vận dụng những kinh nghiệm của các nước vào nước ta đòi hỏi phải được nghiên cứu kỹ lưỡng dựa trên điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội cho phù hợp, từ đó nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác THAPT trước yêu cầu cải cách tư pháp hiện nay.

#### **4.3.5. Nâng cao hiệu quả tái hòa nhập cộng đồng**

Công tác, quản lý giáo dục, giúp đỡ người chấp hành xong hình phạt tù tái hòa nhập cộng đồng là chính sách lớn được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm, thể hiện bản chất nhân đạo, tốt đẹp của xã hội ta [32, tr. 32]. Quá trình tái hòa nhập cộng đồng của những người chấp hành xong hình phạt tù là một quá trình tái nhận

thức, học hỏi, giao tiếp, qua đó những người đã thi hành xong bản án phạt tù qua tiếp xúc với người khác trở thành một con người biết tự nhận thức về mình, từ đó mà phát triển bản chất xã hội của bản thân [18, tr. 55]. Quá trình này là một quá trình có tính hai chiều [95, tr. 380], tác động có định hướng của xã hội và sự nỗ lực phấn đấu của mỗi cá nhân hòa quyện vào xã hội. Nói một cách đơn giản, tái hòa nhập cộng đồng là quá trình người phạm tội sau thời gian chấp hành hình phạt tù trở lại với cộng đồng và cuộc sống xã hội bình thường. Để nâng cao hiệu quả công tác tái hòa nhập cộng đồng cho người chấp hành xong hình phạt tù, cần phải:

- Xây dựng một cơ chế hợp lý với sự tham gia của chính quyền địa phương và thu hút sự tham gia đông đảo của các tầng lớp nhân dân, các đoàn thể, các tổ chức xã hội vào hoạt động THAPT.

- Các trại giam cần chuẩn bị các điều kiện về tâm lý cũng như dành một thời gian thích đáng để tư vấn cho những người sắp hết thời hạn THAPT những kiến thức, hiểu biết cần thiết về cuộc sống gia đình, xã hội, đặc biệt là cho những người có mức án lâu.

- Để công tác tái hòa nhập cộng đồng được bảo đảm thuận lợi, cơ quan thi hành bản án phạt tù cần phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, giải thích rộng rãi đến mọi tầng lớp dân cư, lứa tuổi để mọi người biết các quy định của pháp luật về THAPT nói chung và pháp luật về tái hòa nhập cộng đồng nói riêng, vận động họ tham gia hoạt động thi hành án.

- Để có thể tái hòa nhập cộng đồng, người đã chấp hành xong hình phạt tù, trước hết cần tái hòa nhập được với gia đình mình. Chính tình cảm, lòng bao dung, độ lượng của gia đình sẽ làm mất đi những mặc cảm của họ. Sự động viên, giúp đỡ của những thành viên trong gia đình sẽ tiếp tục giáo dục người đã chấp hành xong hình phạt tù phát huy được tính tích cực của bản thân, khắc phục được các thói hư tật xấu, trở thành con người bình thường trong xã hội. Vai trò của gia đình vô cùng quan trọng trong việc củng cố những kết quả giáo dục, cải tạo đạt được trong thời gian chấp hành bản án phạt tù tại trại giam [95, tr. 385].



Ngoài ra, để có thể tái hòa nhập cộng đồng người đã chấp hành xong hình phạt tù, các tổ chức xã hội, tổ chức quần chúng như Mặt trận Tổ quốc, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ... phải thường xuyên phối hợp với gia đình tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của họ, tổ chức hướng nghiệp, giúp đỡ tạo việc làm, lôi cuốn họ tiếp tục tự cải tạo, tái hòa nhập cộng đồng.

Biện pháp có ý nghĩa quyết định trong việc tái hòa nhập cộng đồng người đã chấp hành xong hình phạt tù là sắp xếp việc làm cho họ. Chính nơi làm việc ổn định là môi trường tốt nhất, đồng thời bảo đảm đời sống cho những đối tượng này. Nếu như trong một thời gian nhất định, những người này không có việc làm thì bản năng tồn tại của con người buộc họ phải kiếm sống bằng mọi cách, kể cả bằng con đường phạm pháp. Vì vậy, chính sách việc làm cho các đối tượng này là nhằm loại trừ một nguyên nhân của tình hình tội phạm đang gia tăng ở nước ta, đồng thời cũng thể hiện bản chất tốt đẹp và tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội.

#### **KẾT LUẬN CHƯƠNG 4**

Xuất phát từ thực trạng pháp luật và tình hình THAHS ở nước ta hiện nay và để thực hiện chủ trương cải cách các hoạt động tư pháp theo nội dung Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị cần thiết phải có sự hoàn thiện về pháp luật THAHS nói chung và THAPT nói riêng dựa trên những cơ sở bảo đảm quyền con người, giải quyết được những yếu kém, bất cập hiện nay trong THAPT, đặt chính sách THAPT trong chính sách hình sự nói chung của Đảng và Nhà nước ta.

Đổi mới và không ngừng hoàn thiện chính sách hình sự là yêu cầu khách quan do sự biến đổi của tình hình tội phạm và những nghiệp vụ đấu tranh phòng chống tội phạm để bảo đảm điều kiện an toàn cho sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước được tiến triển tốt đẹp. Tất nhiên, để đổi mới và hoàn thiện chính sách hình sự mà không chệch hướng mục tiêu, bảo đảm không chệch định hướng chính trị mà Đảng đã đề ra đòi hỏi phải xác định những tư tưởng và quan điểm cơ bản để đổi mới, hoàn thiện.

Việc hoàn thiện pháp luật THAPT cần phải được thực hiện một cách toàn diện và triệt để cả về pháp luật hình sự, tố tụng hình sự và THAHS [29, tr. 224].

Tăng cường đổi mới cơ chế, tổ chức bộ máy làm công tác THAPT, trong đó Bộ Công an, Bộ Quốc phòng cần tăng cường hơn nữa công tác quản lý nhà nước về THAPT; thường xuyên giám sát, kiểm tra việc thực hiện THAPT ở các trại giam, trại tạm giam do mình quản lý, hướng dẫn Giám thị trại giam thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, giam giữ, giáo dục, lao động và học tập đối với người bị kết án tù; rà soát, đánh giá thực trạng cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật, công cụ hỗ trợ của lực lượng bảo vệ và quản lý giam giữ, điều kiện giam giữ, ăn, ở, sinh hoạt của phạm nhân. Bộ Công an cần phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan hữu quan khác xây dựng đề án, trạng bị phương tiện, cải tạo, nâng cấp các nhà giam giữ, trại tạm giam và trại giam.

Nâng cao trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức khi có người tái hòa nhập cộng đồng tại địa phương. Tái hòa nhập cộng đồng người đã chấp hành xong hình phạt tù là một vấn đề phức tạp trong khoa học pháp lý, có mối quan hệ chặt chẽ với toàn bộ hoạt động thi hành hình phạt tù và chức năng của các cơ quan hỗ trợ sau khi đã chấp hành xong hình phạt tù. Làm tốt việc tái hòa nhập cộng đồng người đã chấp hành xong hình phạt tù, sẽ củng cố được kết quả giáo dục, cải tạo người bị kết án tù trong các trại giam và ngược lại, mọi kết quả đạt được trong hoạt động thi hành hình phạt tù sẽ trở thành vô nghĩa, nếu người đã chấp hành xong hình phạt tù không tái hòa nhập được cộng đồng, không trở thành công dân có ích cho xã hội.

## KẾT LUẬN

Qua thời gian nghiên cứu, chúng tôi đã làm được hai việc là xem xét được các quy định của pháp luật về thi hành bản án phạt tù và tìm những hạn chế, đưa ra giải pháp cho từng vấn đề cụ thể.

Hình phạt tù là một hình phạt phổ biến, xuất hiện trong hầu hết tất cả các chế tài của luật hình sự, số lượng người bị áp dụng hình phạt tù ngày càng tăng. Do vậy, việc THAPT cần được quan tâm và có những giải pháp phù hợp. So với việc thi hành một hình phạt khác thì thi hành hình phạt tù cần phải có thời gian và phức tạp hơn các hình phạt khác, cần một bộ máy quản lý, cơ quan thi hành bản án phạt tù, điều kiện cơ sở vật chất phù hợp với tính chất của hình phạt. Để đạt được những yêu cầu trong công tác THAPT cần được sự quan tâm của những nhà chuyên môn, nhà làm luật trong việc nghiên cứu, ban hành các quy định của pháp luật về THAPT, đồng thời cần sự nỗ lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong công tác quản lý và THAPT. Trong quá trình cải cách Tư pháp, THAHS vẫn chưa được quan tâm đúng mức, mà các yếu tố tạo nên sự thành công của công cuộc cải cách tư pháp trong đó có giai đoạn THAHS. Do vậy, cần có sự quan tâm của giai đoạn THAHS nói chung và THAPT nói riêng.

Luận án đã phân tích và làm sáng tỏ về mặt lý luận những vấn đề cơ bản của THAPT như: khái niệm, mục đích, ý nghĩa và các quy định của pháp luật có liên quan đến THAPT, quản lý nhà nước về THAPT và cơ quan THAPT.

Trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành về THAPT và thực tiễn THAPT, chúng tôi đã đề cập tình hình thực tiễn thi hành bản án phạt tù từ năm 2005 đến 2014, trong đó chúng tôi đưa ra được thực trạng pháp luật THAPT, thực trạng trong quản lý nhà nước về THAPT, thực trạng trại giam, trại tạm giam, đặc điểm đội ngũ cán bộ làm công tác giáo dục phạm nhân và các đặc điểm khác của phạm nhân, từ đó tìm ra những nguyên nhân gây nên những tồn tại trong thi hành bản án phạt tù. Luận án đưa ra được các giải pháp để nâng cao hiệu quả của thi hành bản án

phạt tù trước yêu cầu cải cách tư pháp, bao gồm: Giải pháp về pháp luật; giải pháp về mặt quản lý nhà nước; giải pháp về tổ chức cơ quan thi hành bản án phạt tù; xây dựng hệ thống trại giam có đủ các điều kiện để người phải chấp hành án phạt tù tự giáo dục, cải tạo; giải pháp mối quan hệ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng với cơ quan thi hành bản án phạt tù; một số giải pháp khác.

Thi hành án hình sự ít được nhắc đến trong quá trình cải cách tư pháp. Cho đến nay, THAHS nói chung và THAPT nói riêng vẫn cần được quan tâm hơn nữa trong quá trình cải cách tư pháp ở nước ta. Do đó, công trình nghiên cứu này khép lại nhưng những tìm tòi xung quanh về công cuộc cải cách thi hành án hình sự vẫn đang cần được tiếp tục.

Với đề tài này, luận án góp phần bé nhỏ khỏa lấp phần nào còn trống trong nghiên cứu về THAHS nói chung và THAPT nói riêng. Chúng tôi hi vọng các quy định của pháp luật về THAPT sẽ tiếp tục được quan tâm và dần dần càng hoàn thiện hơn nữa góp phần vào công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm có hiệu quả. Chúng tôi cũng hi vọng sau công trình này, hàng loạt các đề tài liên quan đến THAPT như: Vấn đề tái hòa nhập cộng đồng của người bị kết án sau khi chấp hành xong hình phạt tù; Vấn đề về dạy nghề, lao động, y tế của phạm nhân...trong THAPT cũng được thực hiện. Chúng sẽ là tiền đề để chúng ta nghiên cứu những vấn đề phức tạp hơn như dân sự hóa một số lĩnh vực trong THAHS, trong THAPT, tiến tới cải cách toàn bộ hệ thống cơ quan thi hành án hình sự theo tinh thần của Nghị quyết số 49-NQ/TW.

## **DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Văn Nam (2011), "Thi hành bản án phạt tù có thời hạn và những giải pháp nâng cao hiệu quả", *Dân chủ và pháp luật*, 12(237), tr. 26-31.
2. Nguyễn Văn Nam (2013), "Mô hình cơ quan thi hành án phạt tù trước yêu cầu cải cách tư pháp", *Dân chủ và pháp luật*, (11), tr. 20-25.
3. Nguyễn Văn Nam (2014), "Vai trò của Tòa án nhân dân trong công tác tái hòa nhập cộng đồng - một khâu công việc của Tòa án khi thực hiện quyền tư pháp", *Tòa án nhân dân*, (9), tr. 13-16.
4. Nguyễn Văn Nam (2014), "Vấn đề tái hòa nhập cộng đồng và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tái hòa nhập cộng đồng", *Dân chủ và pháp luật*, 10(271), tr. 24-28.
5. Nguyễn Văn Nam (2014), "Nâng cao vai trò của Tòa án trong thi hành án phạt tù trước yêu cầu cải cách tư pháp", *Tòa án nhân dân*, (19), tr. 16-20.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### TIẾNG VIỆT

1. Lê Thị Vân Anh (2014), "Tha tù trước thời hạn có điều kiện", *Dân chủ và pháp luật*, (8), tr. 24-28.
2. Ban Chỉ đạo cải cách Tư pháp Trung ương (2004), *Tài liệu tập huấn về Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*, Hà Nội.
3. Nguyễn Thanh Bình (2012), "Thi hành án phạt tù với công tác bảo đảm an ninh quốc gia", *Khoa học quản lý và giáo dục tội phạm*, (8+9), tr. 73-76.
4. Bộ Công an - Cục quản lý trại giam, Cơ sở giáo dục và trường giáo dưỡng (2005), *Lực lượng Cảnh sát trại giam 60 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Bộ Tư pháp (2005), *Ngành Tư pháp 60 năm phấn đấu xây dựng và trưởng thành*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
6. Tô Xuân Bốn (2010), "Công tác tổ chức, cán bộ đóng góp quan trọng vào quá trình xây dựng, trưởng thành của lực lượng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp", *Khoa học quản lý và giáo dục tội phạm*, (1), tr. 20-24.
7. Tô Xuân Bốn (2010), "Một số vấn đề về tăng cường năng lực cán bộ Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới", *Tạp chí Khoa học quản lý và giáo dục tội phạm*, (7), tr. 28-29.
8. Lê Văn Cẩm (2009), *Hệ thống tư pháp hình sự trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
9. Lê Văn Cẩm (2005), *Sách chuyên khảo Sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
10. Trần Đức Châm (2012), *Xã hội học tội phạm*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Phạm Đức Chấn (2009), *Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh trong công tác quản lý, giáo dục và cải tạo phạm nhân*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
12. Phạm Đức Chấn (2010), "Một số vấn đề cần quan tâm khi áp dụng các quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 33/2009/QH12 của Quốc hội trong công tác thi hành án phạt tù", *Khoa học quản lý và giáo dục tội phạm*, (7), tr. 6-8.

13. Nguyễn Ngọc Chí (2013), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
14. Chính phủ (1945), *Sắc lệnh số 33B/SL ngày 03/9/1945 của Chủ tịch nước về việc định thể lệ cho ty Liêm phóng và Sở cảnh sát theo mỗi khi bắt người nào*.
15. Chính phủ (1950), *Sắc lệnh số 150/SL ngày 7/11/1950 của Chủ tịch nước về tổ chức các trại giam*.
16. Chính phủ (2010 - 2014), *Báo cáo về công tác thi hành án các năm 2010, 2011, 2012, 2013, 2014*, Hà Nội.
17. Ngô Huy Cương (2006), *Góp phần bàn về cải cách pháp luật ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
18. Nguyễn Hữu Duyệt (2010), *Thi hành án phạt tù từ thực tiễn đến khoa học giáo dục*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
19. Nguyễn Hữu Duyệt (2010), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác giáo dục phạm nhân trong giai đoạn hiện nay*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
20. Nguyễn Hữu Duyệt (2010), "Nâng cao chất lượng đào tạo học viên đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ trong tình hình hiện nay", *Khoa học quản lý và giáo dục tội phạm*, (1), tr. 46-49.
21. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
22. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác Tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
23. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
24. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách Tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
25. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
26. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

27. Phan Thanh Hà (2010), "Một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý, giam giữ phạm nhân trại viên, đảm bảo an ninh trại giam trong thời gian tới", *Khoa học quản lý và giáo dục tội phạm*, (1), tr. 35-38.
28. Phan Thanh Hà (2011), "Công tác phân hóa, điều chuyển phạm nhân- những vấn đề cần thiết để đảm bảo trật tự, an toàn trại giam", *Khoa học quản lý và giáo dục tội phạm*, (5), tr. 28-31.
29. Vũ Trọng Hách (2006), *Hoàn thiện quản lý nhà nước trong lĩnh vực thi hành án hình sự ở Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
30. Nguyễn Khắc Hải (Chủ trì đề tài) (2014), *Bảo vệ quyền con người của phạm nhân tại Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu khoa học, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
31. Vũ Công Hân (2010), "Nâng cao chất lượng công tác quản lý trại tạm giam, tạm giữ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới", *Khoa học quản lý và giáo dục tội phạm*, (1), tr. 42-45.
32. Đỗ Tá Hảo (2010), "Hoàn thiện hệ thống pháp luật về công tác hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong hình phạt tù, góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình hiện nay", *Khoa học quản lý và giáo dục tội phạm*, (1), tr. 32-34.
33. Đỗ Tá Hảo (2012), "Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác giáo dục cải tạo phạm nhân góp phần giữ vững an ninh trật tự trại giam trong tình hình hiện nay", *Khoa học quản lý và giáo dục tội phạm*, (8+9), tr. 63-68.
34. Nguyễn Phong Hòa (2006), "Thực trạng công tác thi hành án hình sự và những kiến nghị", *Tòa án nhân dân*, (21), tr. 16-19.
35. Học viện Cảnh sát nhân dân (2005), *Công tác thi hành án phạt tù - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Hà Nội.
36. Khoa luật - Đại học Quốc gia Hà Nội (1999), *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
37. Khoa luật - Đại học Quốc gia Hà Nội (2003), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.



38. Khoa luật - Đại học Quốc gia Hà Nội (2003), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
39. Khoa luật - Đại học Quốc gia Hà Nội (2006), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
40. Khoa luật - Đại học Quốc gia Hà Nội (2011), *Giới thiệu các văn kiện quốc tế về quyền con người*, Nxb Lao động - Xã hội, Hà Nội.
41. Khoa Nghiệp vụ giáo dục và cải tạo phạm nhân - Học viện Cảnh sát nhân dân (2007), *Những vấn đề lý luận cơ bản về thi hành án phạt tù ở Việt Nam*, Tài liệu chuyên khảo, Hà Nội.
42. Phan Hồng Lam (2010), "Đẩy mạnh công tác khai thác phạm nhân góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm", *Khoa học quản lý và giáo dục tội phạm*, (7), tr. 30-31.
43. Phan Hồng Lam - Đoàn Đức Võ (2011), "Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động phòng ngừa phạm nhân trốn khỏi nơi giam tại các trại giam thuộc Bộ Công an", *Khoa học quản lý và giáo dục tội phạm*, (5), tr. 64-65.
44. Phạm Văn Lợi (2006) "Thực trạng pháp luật thi hành án phạt tù và phương hướng hoàn thiện", *Nhà nước và pháp luật*, (2), tr. 8-11.
45. Dương Thị Thanh Mai (2010), *Dự án điều tra cơ bản thực trạng tổ chức và hoạt động thi hành án dân sự, thi hành án hình sự*, Viện khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp.
46. Nguyễn Ngọc Mùi (2010), "Một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác thi hành án hình sự trong thời gian tới", *Khoa học quản lý và giáo dục tội phạm*, (1), tr. 28-31.
47. Tô Thế Nhân - Nguyễn Hữu Điều (2012), "Công tác phòng ngừa tái phạm tội đối với người bị kết án tù sau khi mãn hạn tù và một số kiến nghị", *Khoa học quản lý và giáo dục tội phạm*, (8+9), tr. 77-79.
48. Nguyễn Quốc Nhật, Phạm Trung Hòa (2001), *Giáo dục, giúp đỡ người tù tha tái hòa nhập cộng đồng ở Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
49. Nguyễn Văn Ninh (2010), "Một số kinh nghiệm về bảo đảm quyền con người trong thi hành án phạt tù ở các trại giam Việt Nam và Quán triệt thực hiện chỉ

- thị của Ban bí thư về công tác nhân quyền trong tình hình mới", *Khoa học quản lý và giáo dục tội phạm*, (1), tr. 59-62.
50. Nguyễn Văn Ninh (2011), "Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với công tác thi hành án hình sự", *Khoa học quản lý và giáo dục tội phạm*, (5), tr. 16-20.
51. Nguyễn Văn Ninh (2012), "Kết quả bước đầu việc thực hiện kế hoạch 16/KH-BCA-C81 ngày 02/02/2012 của Bộ Công an điều tra, khảo sát tình hình người chấp hành xong án phạt tù về cư trú tại các địa phương (2002-2012)", *Khoa học quản lý và giáo dục tội phạm*, (8+9), tr. 11-14.
52. Võ Thị Kim Oanh (2010), *Bảo đảm quyền con người trong tư pháp hình sự Việt Nam*, Nxb Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
53. Cao Ngọc Oánh (2010), "65 năm - một chặng đường phát triển của công tác giáo dục cải tạo phạm nhân trong các trại giam, trại tạm giam", *Khoa học quản lý và giáo dục tội phạm*, (1), tr. 13-17.
54. Cao Ngọc Oánh (2011), "Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ của Tổng cục Cảnh sát thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp trong tình hình hiện nay", *Khoa học quản lý và giáo dục tội phạm số*, (5), tr. 11-15.
55. Nguyễn Đức Phô (Chủ nhiệm đề tài) (2005), *Trình tự đưa bản án hình sự ra thi hành - Những vướng mắc và giải pháp hoàn thiện trình tự đưa bản án hình sự ra thi hành*, Tòa án nhân dân tối cao, Hà Nội.
56. Nguyễn Xuân Phòng (2012), "Hướng nghiệp dạy nghề ở trại giam góp phần quan trọng trong công tác giáo dục người phạm tội", *Khoa học quản lý và giáo dục tội phạm*, (8+9), tr. 43-44.
57. Nguyễn Đức Phúc (2012), *Thực hiện pháp luật về quyền con người của phạm nhân trong thi hành án phạt tù ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
58. Đỗ Ngọc Quang (2007), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam* (Giáo trình dùng cho hệ cao học luật Chuyên ngành Tội phạm học và điều tra tội phạm), In tại Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.
59. Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
60. Quốc hội (1988), *Bộ luật tố tụng hình sự*, Hà Nội.

61. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
62. Quốc hội (2003), *Bộ luật tố tụng hình sự*, Hà Nội.
63. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
64. Quốc hội (2010), *Luật thi hành án hình sự*, Hà Nội.
65. Quốc hội (2013), *Hiến pháp*, Hà Nội.
66. Quốc hội (2014), *Luật tổ chức Tòa án nhân dân*, Hà Nội.
67. Quốc hội (2014), *Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân*, Hà Nội.
68. Phan Xuân Sơn (2012), "Biện chứng của tổ chức lao động, hướng nghiệp, dạy nghề trong quá trình giáo dục cải tạo phạm nhân, trại viên, học sinh", *Khoa học quản lý và giáo dục tội phạm*, (8+9), tr. 40-42.
69. Hoàng Huy Thanh (2011), "Tăng cường việc tổ chức giáo dục phục hồi nhân phẩm cho phạm nhân trong các trại giam, trại tạm giam", *Khoa học quản lý và giáo dục tội phạm*, (5), tr. 61-63.
70. Nguyễn Sĩ Thanh (2012), "Một số vấn đề về chăm sóc sức khỏe phạm nhân, trại viên, học sinh và môi trường trong các trại giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng", *Khoa học quản lý và giáo dục tội phạm*, (8+9), tr. 56-58.
71. Nguyễn Xuân Thao (2010), "Lực lượng Cảnh sát quản lý trại giam - những năm tháng đầu trong công tác quản lý, giáo dục cải tạo phạm nhân", *Khoa học quản lý và giáo dục tội phạm*, (1), tr. 18-19.
72. Nguyễn Xuân Thao (2011), "Nhìn lại công tác giáo dục cải tạo phạm nhân của Việt Nam từ khi có sắc lệnh 150/SL tổ chức các trại giam đến năm 1993 khi có Pháp lệnh thi hành án phạt tù", *Khoa học quản lý và giáo dục tội phạm*, (5), tr. 50-54.
73. Nguyễn Ngọc Thuận (2011), "Mối quan hệ phối hợp giữa trại tạm giam thuộc Cục An ninh điều tra với cơ quan điều tra trong công tác quản lý đối tượng tạm giam, tạm giữ", *Khoa học quản lý và giáo dục tội phạm*, (5), tr. 24-27.
74. Vũ Huy Thuận (2012), "Nâng cao hiệu quả công tác kiểm sát thi hành án hình sự của Viện kiểm sát nhằm đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật", *Khoa học quản lý và giáo dục tội phạm*, (8+9), tr. 59-62.
75. Trần Quang Tiệp (2002), *Một số vấn đề về thi hành án hình sự*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

76. Trần Quang Tiệp (2004), *Bảo vệ quyền con người trong Luật hình sự, Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
77. Lê Đức Tiết (2005), *Văn hóa pháp lý Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
78. Tòa án nhân dân tối cao (2009 - 2013), *Báo cáo tổng kết công tác ngành Tòa án nhân dân các năm 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014*, Hà Nội.
79. Trịnh Quốc Toàn (1998), *Giáo trình Luật tổ chức Tòa án, Viện kiểm sát, Công chứng, Luật sư*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
80. Trịnh Quốc Toàn (2007), *Đấu tranh phòng, chống tội phạm do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn thành phố Hà Nội*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
81. Phạm Minh Trí (2012), "Nâng cao hiệu quả công tác quản lý đối tượng tại trại tạm giam, nhà tạm giữ", *Khoa học quản lý và giáo dục tội phạm*, (8+9), tr. 86-87.
82. Nguyễn Ngọc Trinh (2011), "Áp dụng biện pháp nghiệp vụ cơ bản trong hoạt động quản lý, giam giữ phạm nhân góp phần bảo vệ trại giam an toàn trong mọi tình huống", *Khoa học quản lý và giáo dục tội phạm*, (5), tr. 41-44.
83. Trương Vĩnh Trọng (2010), "Đặc xá là tiếp tục khẳng định truyền thống nhân đạo và chính sách khoan hồng của Đảng, Nhà nước đối với người phạm tội thực sự cải tạo tiên bộ", *Khoa học quản lý và giáo dục tội phạm*, (1), tr. 5-7.
84. Trung tâm Nghiên cứu quyền con người và quyền công dân - Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (2011), *Giới thiệu các văn kiện quốc tế về quyền con người*, Nxb Lao động xã hội, Hà Nội.
85. Trường Đại học luật Hà Nội (2006), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
86. Chu Thị Tú (Chủ nhiệm đề tài) (2013), *Vấn đề giáo dục cải tạo phạm nhân là người nước ngoài trong điều kiện hội nhập quốc tế*, Đề tài nghiên cứu khoa học, Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.
87. Đào Trí Úc (chủ biên) (1994), *Tội phạm học, luật hình sự và tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
88. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2007), *Pháp lệnh thi hành án phạt tù (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.

89. Nguyễn Ngọc Văn (2012), "Nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài chính phục vụ công tác thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp trong tình hình hiện nay", *Khoa học quản lý và giáo dục tội phạm*, (8+9), tr. 45-47.
90. Viện Khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp (2005), *Chủ tịch Hồ Chí Minh với sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Tư pháp*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
91. Trịnh Tiến Việt (2003), *Pháp luật hình sự và thực tiễn áp dụng*, Nxb Giao thông vận tải, Hà Nội.
92. Trịnh Tiến Việt (2014), "Biện pháp miễn, giảm hình phạt của một số quốc gia trên thế giới - kinh nghiệm đối với Việt Nam", *Nội chính*, (15), tr. 52-54.
93. Võ Khánh Vinh (Chủ biên) (2004), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
94. Võ Khánh Vinh (Chủ biên) (2006), *Giáo trình luật thi hành án hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
95. Võ Khánh Vinh, Nguyễn Mạnh Kháng (2006), *Pháp luật thi hành án hình sự Việt Nam- Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
96. Đào Thị Vinh (2008), "Hệ thống trại giam của Úc", *Khoa học quản lý và giáo dục tội phạm*, (11), tr. 77-80.
97. Đào Thị Vinh (2010), "Hệ thống pháp luật và thực hiện luật pháp trong công tác quản lý trại giam hiện nay hiện nay ở Ấn Độ", *Khoa học quản lý và giáo dục tội phạm*, (1), tr. 84-88.
98. Đào Thị Vinh (2012), "Hệ thống nhà tù ở Mêhicô", *Khoa học quản lý và giáo dục tội phạm*, (8+9), tr. 119-120.
99. Nguyễn Như Ý (chủ biên) (1998), *Đại Từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.

#### **TIẾNG ANH**

100. Alyson Brown, *English Society and the Prison: Time, Culture and Politics in the Development of the Modern Prison, 1850-1920*.
101. Bailey, *Delinquency and Citizenship*, Garland, *Punishment and Welfare*, WJ Forsythe, *Prison Discipline, Reformatory Projects and the English Prison Commission 1895-1939* (Exeter, 1990).

102. Barry M. Hager, *The Rule of Law, A Lexicon for Policy Makers*, The Mansfield Center for Pacific Affairs, 1999.
103. Carlson, Peter M.; Garrett, Judith Simon, *Prison and Jail Administration: Practice and Theory*, Jones and Bartlett Publishers, 1999.
104. David Brown, David Farrier, Neal and David Weisbrot, *Criminal Laws*, Published in Sydney by the Federation Press, 1996.
105. DiIulio, John J., *Governing Prisons: A Comparative Study of Correctional Management*, Simon and Schuster, 1990. ISBN 0-02-907883-0.
106. Harnsberger, R. Scott. *A Guide to Sources of Texas Criminal Justice Statistics* (North Texas Crime and Criminal Justice Series, no.6). Denton: University of North Texas Press, 2011. ISBN 978-1-57441-308-3
107. James (Jim) Bruton, *Big House: Life Inside a Supermax Security Prison*, Voyageur Press (July 2004), hardcover, 192 pages, ISBN 0-89658-039-3.
108. Joycelyn M. Pollock *Prisons Today and Tomorrow*, Third Edition.
109. M. De Lacy, *Prison Reform in Lancashire, 1700-1850. A Study in Local Administration* (Stanford, Calif., 1986); J. Saunders, 'Institutionalised Offenders. A Study of the Victorian Institution with Special Reference to Warwickshire' (unpublished University of Warwick PhD thesis, 1983).
110. M. Ignatieff, *A Just Measure of Pain* (London, 1978); D. Garland, *Punishment and Welfare: A History of Penal Strategies* (Aldershot, 1985); M. Wiener, *Reconstructing The Criminal: Culture, Law and Policy in England 1830-1914* (Cambridge, 1990).
111. M. Foucault, *Discipline and Punish* (Harmondsworth, 1977).
112. Martin J. Wiener, ed., *Crime and Punishment in England 1850-1922* (London and New York, 1984); WJ Forsythe, ed., *The State of the Prisons in Britain 1775-1905* (London, 2000).
113. Michel Foucault, *Discipline and Punish: The Birth of the Prison*, New York: Random House 1975.
114. N. Morris and D. Rothman, eds., *The Oxford History of the Prison* (New York and Oxford, 1995).

115. Norman Bruce Johnston Collection of Prison Architectural Plans, 19th-20th century (collection description), Lloyd Sealy Library Special Collections, John Jay College of Criminal Justice (view upon appointment).
116. Report by Mr Herbert Du Parcq KC on the Circumstances Connected With The Recent Disorder at Dartmoor Convict Prison (Parl. Papers (C.4010), 1931), vii, p. 34.
117. S. and B. Webb, *English Prisons Under Local Government* (repr. 1963).
118. Ted Conover. *Newjack: Guarding Sing Sing*. Knopf, 2001. Trade paperback, 352 pages, ISBN 0-375-72662-4.

## PHỤ LỤC

### Phụ lục 1

#### SỐ LƯỢNG BỊ CÁO BỊ TÒA ÁN XỬ PHẠT TÙ

| Năm  | Tù từ 3 năm trở xuống | Tù từ trên 3 năm đến 7 năm | Tù từ trên 7 năm đến 15 năm | Tù từ trên 15 năm đến 20 năm | Tù chung thân và tử hình | Tổng hợp hình phạt tù từ trên 20 năm đến 30 năm |
|------|-----------------------|----------------------------|-----------------------------|------------------------------|--------------------------|-------------------------------------------------|
| 2005 | 37.623                | 12.620                     | 6.028                       | 1.020                        | 521                      | 44                                              |
| 2006 | 43.204                | 13.543                     | 6.324                       | 1.361                        | 498                      | 70                                              |
| 2007 | 43.099                | 14.368                     | 5.737                       | 1.195                        | 436                      | 107                                             |
| 2008 | 46.063                | 14.171                     | 6.273                       | 1.237                        | 564                      | 109                                             |
| 2009 | 49.193                | 14.311                     | 6.153                       | 1.152                        | 440                      | 64                                              |
| 2010 | 41.488                | 13.006                     | 6.034                       | 1.215                        | 516                      | 71                                              |
| 2011 | 47.334                | 14.607                     | 6.298                       | 1.340                        | 593                      | 95                                              |
| 2012 | 56.193                | 17.095                     | 7.723                       | 1.601                        | 553                      | 101                                             |
| 2013 | 57.983                | 17.052                     | 8.273                       | 1.682                        | 582                      | 95                                              |
| 2014 | 59.138                | 16.460                     | 8.457                       | 1.867                        | 741                      | 83                                              |
| 2015 | 53.192                | 12.930                     | 6.641                       | 1.375                        | 569                      | 79                                              |

*Nguồn: Vụ thống kê - Tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao (số bị cáo bị xử Chung thân và tử hình thuộc danh mục bí mật nhà nước nên không tách riêng).*

### Phụ lục 2

#### SỐ LIỆU PHẠM NHÂN THI HÀNH ÁN TRONG CÁC TRẠI GIAM, TRẠI TẠM GIAM

| Năm  | Phạm nhân nam | Phạm nhân nữ | Tổng số |
|------|---------------|--------------|---------|
| 2005 | 77.724        | 9.984        | 87.708  |
| 2006 | 88.345        | 10.117       | 98.462  |
| 2007 | 91.316        | 12.629       | 103.945 |
| 2008 | 99.943        | 13.803       | 113.746 |
| 2009 | 95.366        | 12.597       | 107.963 |
| 2010 | 96.587        | 12.805       | 109.392 |
| 2011 | 111.284       | 13.023       | 124.307 |
| 2012 | 113.565       | 13.245       | 126.810 |
| 2013 | 115.805       | 12.907       | 128.712 |
| 2014 | 124.091       | 14.659       | 138.750 |

*Nguồn: Báo cáo của Chính phủ trước Quốc hội.*



**Phụ lục 3**  
**PHẠM NHÂN LÀ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI**  
**THI HÀNH ÁN TẠI CÁC TRẠI GIAM**

| Năm  | Nam | Nữ | Tổng số phạm nhân<br>là người nước ngoài |
|------|-----|----|------------------------------------------|
| 2009 | 229 | 47 | 276                                      |
| 2010 | 210 | 47 | 257                                      |
| 2011 | 257 | 50 | 307                                      |
| 2012 | 265 | 50 | 315                                      |
| 2013 | 317 | 58 | 375                                      |
| 2014 | 334 | 63 | 397                                      |

*Nguồn: Báo cáo của Chính phủ trước Quốc hội.*

**Phụ lục 4**  
**ĐỘ TUỔI CỦA CÁC BỊ CÁO ĐÃ BỊ XÉT XỬ**

| Năm  | Từ đủ 14 tuổi<br>đến dưới 16 tuổi | Từ đủ 16 đến<br>dưới 18 tuổi | Từ đủ 18 tuổi<br>đến dưới 30 tuổi | Từ đủ 30 tuổi<br>trở lên |
|------|-----------------------------------|------------------------------|-----------------------------------|--------------------------|
| 2005 | 706                               | 4.599                        | 30.831                            | 43.182                   |
| 2006 | 881                               | 5151                         | 33.233                            | 50.574                   |
| 2007 | 657                               | 5.666                        | 29.963                            | 56.668                   |
| 2008 | 734                               | 6.294                        | 34.406                            | 58.254                   |
| 2009 | 729                               | 5.697                        | 35.435                            | 60.716                   |
| 2010 | 372                               | 4.209                        | 34.846                            | 47.527                   |
| 2011 | 376                               | 4.196                        | 37.378                            | 56.011                   |
| 2012 | 288                               | 4.768                        | 37.409                            | 75.396                   |
| 2013 | 231                               | 3.981                        | 35.100                            | 78.969                   |
| 2014 | 180                               | 3.304                        | 31.979                            | 83.794                   |
| 2015 | 178                               | 2.687                        | 24.407                            | 79.082                   |

*Nguồn: Vụ thống kê - Tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao.*

**Phụ lục 5**  
**SỐ BỊ CÁO TÁI PHẠM, TÁI PHẠM NGUY HIỂM**

| Năm  | Số bị cáo tái phạm, tái phạm nguy hiểm |
|------|----------------------------------------|
| 2005 | 4.411                                  |
| 2006 | 5.091                                  |
| 2007 | 4.608                                  |
| 2008 | 4.303                                  |
| 2009 | 3.967                                  |
| 2010 | 3.334                                  |
| 2011 | 3.650                                  |
| 2012 | 4.214                                  |
| 2013 | 3.801                                  |
| 2014 | 3.233                                  |
| 2015 | 2.443                                  |

*Nguồn: Vụ thống kê - Tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao.*

**Phụ lục 6**  
**SỐ BỊ CÁO NGHIỆN MA TÚY**

| Năm  | Bị cáo nghiện ma túy |
|------|----------------------|
| 2005 | 5.683                |
| 2006 | 7.127                |
| 2007 | 5.588                |
| 2008 | 6.370                |
| 2009 | 5.858                |
| 2010 | 5.419                |
| 2011 | 6.602                |
| 2012 | 7.194                |
| 2013 | 6.831                |
| 2014 | 5.660                |
| 2015 | 3.430                |

*Nguồn: Vụ thống kê - Tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao.*

### **Phụ lục 7**

#### **BẢNG VỀ ĐẶC ĐIỂM NHÂN THÂN KHÁC CỦA BỊ CÁO**

| Năm  | Cán bộ,<br>công chức | Đảng viên | Dân tộc<br>thiểu số | Nữ    | Người<br>nước ngoài |
|------|----------------------|-----------|---------------------|-------|---------------------|
| 2005 | 258                  | 300       | 4.034               | 6.181 | 267                 |
| 2006 | 268                  | 347       | 4.384               | 6.208 | 320                 |
| 2007 | 354                  | 498       | 4.851               | 7.231 | 284                 |
| 2008 | 435                  | 605       | 5.392               | 7.045 | 552                 |
| 2009 | 352                  | 543       | 5.352               | 7.142 | 323                 |
| 2010 | 256                  | 496       | 4.969               | 6.101 | 143                 |
| 2011 | 345                  | 428       | 5.357               | 5.404 | 397                 |
| 2012 | 336                  | 535       | 7.171               | 6.918 | 85                  |
| 2013 | 449                  | 654       | 7.436               | 7.246 | 120                 |
| 2014 | 395                  | 759       | 7.260               | 6.779 | 128                 |
| 2015 | 261                  | 562       | 6.051               | 5.587 | 115                 |

*Nguồn: Vụ thống kê - Tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao.*

### **Phụ lục 8**

#### **HOÃN CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT TÙ, TẠM ĐÌNH CHỈ CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT TÙ**

| Năm  | Hoãn chấp hành hình phạt tù | Tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù |
|------|-----------------------------|-------------------------------------|
| 2009 | 7.547                       | 4.762                               |
| 2010 | 7.772                       | 4.449                               |
| 2011 | 6.951                       | 4.044                               |
| 2012 | 2.094                       | 1.068                               |
| 2013 | 2.216                       | 1.054                               |
| 2014 | 2.333                       | 932                                 |
| 2015 | 2.181                       | 781                                 |

*Nguồn: Vụ thống kê - Tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao.*